

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (SỬA ĐỔI)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Tư pháp có Công văn số 6082/BTP-TCTHADS ngày 22/10/2024 lấy ý kiến của 153 Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan (Chi tiết tại Danh sách kèm theo). Đến nay đã nhận được được 123 văn bản tham gia ý kiến đóng góp và đang tiếp tục thực hiện đôn đốc, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp, trong đó: 04/5 cơ quan TW (Ban Nội chính TW, Tòa án nhân dân tối cao, VKSNDTC, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam), 20/22 Bộ, ngành¹; 26/63 UBND (qua liên hệ, các UBND còn lại giao Cục THADS), đủ 63 Cục THADS.

Tuy nhiên, từ yêu cầu, chỉ đạo mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà Nước Thực hiện yêu cầu đổi mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với công tác xây dựng pháp luật² và việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy³, căn cứ quy định về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội⁴, Chính phủ, các Bộ⁵, đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng: ngắn gọn, đúng thẩm quyền của Quốc hội, chỉ quy định những vấn đề mang tính ổn định, nguyên tắc, có giá trị lâu dài; những vấn đề về trình tự, thủ tục chi tiết thì giao Chính phủ, Bộ quy định tại các văn bản dưới Luật. Đồng thời, xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành kèm theo để bao quát toàn bộ phạm vi tổ chức và hoạt động THADS.

Qua tổng hợp các ý kiến góp ý nhận thấy: Đa số các ý kiến nhất trí với định hướng đổi mới hoạt động THADS thể hiện tại 05 Chính sách xây dựng Luật đã được thông qua. Tuy nhiên, do thời điểm gửi lấy ý kiến chưa có chỉ đạo, yêu cầu mới về công tác xây dựng pháp luật nên dự thảo Luật được xây dựng theo hướng cụ thể, nhiều nội dung thu hút từ Nghị định, Thông tư, với số lượng chương, điều lớn (09 chương, 231 điều, tăng 51 điều so với Luật hiện hành). Do đó, phần lớn nội dung các quy định được góp ý thuộc thẩm quyền của Chính phủ nên Bộ Tư pháp đã thực hiện nghiên cứu, tiếp thu một phần trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật và xây dựng Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

¹ Ủy ban dân tộc và Bộ Giáo dục Đào tạo chưa có ý kiến

² Bài phát biểu tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã có, phát biểu tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ (Thông báo kết luận số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024); Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 của Chủ tịch Quốc hội.

³ Kế hoạch, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Báo cáo số 3793-BC/BCSDCP ngày 31/12/2024 của Ban cán sự đảng Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

⁴ Điều 15 Luật BHVBQPPL, Quốc hội ban hành luật để quy định: “a) Tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cơ quan khác do Quốc hội thành lập; b) Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân mà theo Hiến pháp phải do luật định; việc hạn chế quyền con người, quyền công dân; tội phạm và hình phạt; c) Chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; d) Chính sách cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường; đ) Quốc phòng, an ninh quốc gia; e) Chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; g) Hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân; hàm, cấp ngoại giao; hàm, cấp nhà nước khác; huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước; h) Chính sách cơ bản về đối ngoại; i) Trưng cầu ý dân; k) Cơ chế bảo vệ Hiến pháp; l) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội”.

⁵ Điều 19, Điều 24 Luật Ban hành VBQPPL.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tư pháp đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
			TIẾP THU	GIẢI TRÌNH
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG				
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1) Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định dân sự; hình phạt tiền, tịch thu tài sản; <i>các biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc pháp nhân thương mại công khai xin lỗi, án phí; phần dân sự khác</i> trong bản án, quyết định hình sự; phần tài sản trong bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính; quyết định của Tòa án giải quyết phá sản; <i>quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có liên quan đến tài sản của bên phải thi hành; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và Chấp hành viên; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt</i>	Bộ Xây dựng	Đề nghị sửa phạm vi điều chỉnh thi hành “phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại” thành “ <i>phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài, quyết định công nhận hòa giải thành, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài</i> ” để phù hợp quy định tại các Điều 8, 50, 58, 66, 67 Luật Trọng tài thương mại”.	Tiếp thu, tuy nhiên dự thảo quy định theo hướng xác định đúng phạm vi điều chỉnh của Luật là các nội dung, mối quan hệ trọng lĩnh vực THADS, không liệt kê bản án, quyết định cụ thể. Do đó, Điều 1 Luật chỉ quy định “nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định, phán quyết (sau đây gọi chung là bản án, quyết định) theo quy định tại Điều 2 của Luật	

động thi hành án dân sự.			này; hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và Chấp hành viên; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nhiệm vụ, quyền hạn, <i>trách nhiệm</i> của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án dân sự”. Nội dung liên quan đến quyết định của Hội đồng trọng tài sẽ được quy định tại Điều 2 dự thảo Luật.	
	Cục Nghệ An	Về phạm vi điều chỉnh liên quan đến bản án, quyết định dân sự đề nghị xem xét quy định ngoại trừ nội dung hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền vào thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự hoặc có nêu xác định đây		Giải trình hủy quyết định cá biệt trong bản án hành chính

		cũng thuộc phạm vi điều chỉnh thì cần quy định một mục riêng tại Chương V Lý do: Luật hiện hành và Luật sửa đổi quy định: “<i>Luật này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định dân sự; ...</i>”. Có nghĩa là toàn bộ nội dung quyết định trong bản án, quyết định dân sự đều thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự. Tuy nhiên, có một số vụ việc dân sự, Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự nhưng kèm theo nội dung tuyên hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền. Thường xảy ra đối với các vụ việc tranh chấp đất đai có tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với quyết định tuyên hủy quyết định cá biệt trong bản án, quyết định hành chính thì cơ quan THADS thi hành theo thủ tục tổ tụng hành chính, theo cơ chế «<i>tự thi hành</i>», trách nhiệm thuộc về cơ quan đã ban hành quyết định hành chính đó và cơ quan quản lý cấp trên. Tuy nhiên, trong bản án, quyết định dân sự lại thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự, với cơ chế «<i>buộc thực hiện công việc</i>», trách nhiệm thuộc về Chấp hành viên		là thủ tục hành chính nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật THADS. Nội dung này cũng đã được Luật Tổ tụng hành chính quy định.
	Hội Luật gia Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm trường hợp được thi hành án là các Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.	Tiếp thu theo hướng quy định chung các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không liệt kê bản án,	

			quyết định cụ thể. <i>Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án sẽ được quy định tại Điều 2 Dự thảo.</i>	
Điều 2. Bản án, quyết định được thi hành (Điều 2) Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm: 1. Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật: a) Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; b) Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án; d) Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; đ) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đủ điều kiện thi hành theo quy định của Luật Cạnh tranh;	Cục Bình Hòa	- Điểm a, khoản 1, điều 2: Đề nghị bỏ quy định <u>“hoặc phần bản án, quyết định”</u> . Sửa lại thành “ <i>Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm</i> ”.		Phần bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật nên phải được thi hành theo thủ tục chung.
	Bộ Xây dựng; Cục Bến Tre; Vụ Pháp luật Quốc tế	Đề nghị sửa tên Điều là “Bản án, phán quyết , quyết định được thi hành” vì Luật Trọng tài thương mại quy định Hội đồng trọng tài ra phán quyết trọng tài, đồng thời thống nhất với quy định của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 (khoản 2 Điều 194)		Tại khoản 1 đã có quy định sau gọi chung là bản án, quyết định
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Điểm e khoản 1: quy định bản án, quyết định được thi hành có “ Phán quyết của Trọng tài thương mại đủ điều kiện thi hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại”. Trong		Điều kiện thi hành phán quyết đã được

e) Phán quyết của Trọng tài thương mại <i>đủ điều kiện thi hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại</i>; g) Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản; h) <i>Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án</i>; 2. Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, <i>khiếu nại</i>, kháng nghị, <i>kiến nghị</i>: a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả công lao động, nhận người lao động trở lại làm việc, trả lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp mất việc làm, <i>bảo hiểm xã hội</i>, <i>bảo hiểm thất nghiệp</i>, <i>bảo hiểm y tế</i> hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất tinh thần <i>của công dân</i>; <i>quyết định về tính hợp pháp của cuộc đình công</i>; b) <i>Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</i>.	Việt Nam	khi đó, Điều 67 Luật Trọng tài thương mại quy định “Phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về <i>thi hành án dân sự</i> ”. Vì vậy, để tránh việc quy định lòng vòng dẫn chiếu giữa hai luật, đề nghị rà soát Điều 66 Luật TTTM để xác định rõ những phán quyết nào thi hành theo pháp luật về THADS		quy định tài đã được quy định tại Luật TTTM, do đó khi áp dụng sẽ căn cứ Luật TT để thực hiện mà không quy định tại Dự thảo Luật.
	Tòa án nhân dân tối cao	Để phù hợp với Điều 43 dự thảo Luật, Điều 34 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Điều 62 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024, đề nghị bổ sung bản án, quyết định được thi hành gồm có “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt về sở hữu trí tuệ, phá sản” và chỉnh lý điểm h khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật thành “Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án”	Tiếp thu theo hướng không liệt kê từng bản án, quyết định (có thể dẫn đến liệt kê thiếu hoặc không kịp thời cập nhật các bản án, quyết định khác khi các Luật khác được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Do đó, thiết kế theo hướng xác định hiệu lực của bản án, quyết định	
	Hội Luật gia Việt Nam	Khoản 1 Điều 2 của Dự thảo liệt kê “ <i>Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật</i> ” và với quy định	Tiếp thu: Điều kiện thi hành phán quyết đã được quy	

		hiện nay của điểm e, thì được hiểu là “Phán quyết của Trọng tài thương mại <i>đủ điều kiện thi hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại</i>” mới được coi là đã có hiệu lực pháp luật. Quy định theo hướng này sẽ có sự mâu thuẫn với các quy định rất rõ ràng của Luật Trọng tài thương mại 2010. Cụ thể: Khoản 5 Điều 61 Luật TTTM 2010: “5. <i>Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.</i>” Điều 62 Luật TTTM 2010 quy định cụ thể về phán quyết trọng tài vụ việc (để phân biệt với các phán quyết trọng tài quy chế - VD: các phán quyết trọng tài ban hành tại VIAC) phải thực hiện việc đăng ký tại Tòa án thì cũng khẳng định: “<i>Việc đăng ký hoặc không đăng ký phán quyết trọng tài không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài.</i>” Do đó, đề xuất sửa: Điều 2. Bản án, quyết định được thi hành (Điều 2) Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm: 1. Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật: e) Phán quyết của Trọng tài thương mại <i>Việt Nam</i>	định tài đã được quy định tại Luật TTTM, do đó khi áp dụng sẽ căn cứ Luật TT để thực hiện mà không quy định tại Dự thảo Luật.	
	Bộ Công thương	Đề nghị bổ sung thêm giải thích từ ngữ tại Điều 3 đối với thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong Dự thảo nhưng chưa được giải thích, ví dụ cưỡng chế thi hành án, thỏa		Một số khái niệm đã được quy định ở

		thuận thi hành án, ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản...; đồng thời sắp xếp các khoản tại Điều này theo thứ tự bảng chữ cái.		nội hàm các điều về thủ tục Dự thảo đang sắp xếp theo thứ tự những thuật ngữ thường được sử dụng đến các thuật ngữ ít được sử dụng hơn, đảm bảo để người dân, cơ quan, tổ chức dễ theo dõi, áp dụng.
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Điểm a khoản 2 Điều 2 về những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này, đề nghị bổ sung như sau: “a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả công lao động, nhận người lao động trở lại làm việc, trả lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động, bồi thường bệnh nghề nghiệp hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất tinh thần của công		Giải trình về việc thi hành “quyết định về tính hợp pháp của cuộc đình công” Nếu thực hiện theo

		dân; quyết định về tính hợp pháp của cuộc đình công;” để phù hợp với quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về đảm bảo chế độ, chính sách đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.		pháp luật về thi hành án dân sự sẽ không khả thi trên thực tế, vì đây chỉ là quyết định khẳng định giá trị pháp lý của cuộc đình công, không có nội hàm thi hành cụ thể; việc tổ chức thi hành án gây vướng mắc
Điều 3. Giải thích từ ngữ (Điều 3) Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Đương sự</i> là người được thi hành án, người phải thi hành án. 2. <i>Người được thi hành án</i> là cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành. 3. <i>Người phải thi hành án</i> là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành. <i>Người có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</i>	Cục Bình	Hòa	- Đề nghị bổ sung khái niệm việc chưa có điều kiện thi hành án. - Cần thiết phải quy định thế nào là tài sản có giá trị lớn để lượng hoá cụ thể. - Cần quy định rõ thế nào là trường hợp thấy cần thiết (đảm bảo thi hành theo quy định với điều 55, Điều 45 Luật THADS)	Giải trình: Dự thảo đã quy định cụ thể các điều kiện tại Điều 28 để xác định việc chưa có điều kiện, theo đó “1. Thủ

trong bản án, quyết định là người phải thi hành án trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm. 4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự. 5. Thời hiệu yêu cầu thi hành án là thời hạn mà người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án; hết thời hạn đó thì mất quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này. 6. Có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án. 7. Phí thi hành án là khoản tiền mà người được thi hành án phải nộp khi nhận được tiền, tài sản theo bản án, quyết định. 8. Chi phí tổ chức thi hành án là các chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành án, bao gồm chi phí cưỡng chế và chi phí khác. 9. Mỗi quyết định thi hành án là một việc thi hành án. 10. Người thân thích là vợ, chồng, con, ông, bà, cha, mẹ, bác, chú, cô, cậu, dì, anh, chị, em của đương sự, của vợ hoặc chồng của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.			trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định người phải thi hành không có tài sản, không có thu nhập để thi hành án theo quy định của Chính phủ hoặc tại thời điểm thi hành án không xác định được nơi có động sản được tuyên trong bản án, quyết định” - Một số định nghĩa sẽ được quy định

				tại các văn bản dưới luật nhằm đáp ứng linh hoạt các tình huống phát sinh trên thực tế.
	Thanh tra Bộ Tư pháp Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo quy định “Đương sự là người được thi hành án, người phải thi hành án”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; khoản 7 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính 2015 thì “Đương sự” ngoài nguyên đơn, bị đơn trong việc dân sự; nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự trong vụ án hình sự; người khởi kiện, người bị kiện trong vụ việc hành chính thì đều có thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, để thống nhất với các Bộ luật Tố tụng, đề nghị nghị bổ sung “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” vào khái niệm “Đương sự”.		Giải trình Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia vào thi hành án tùy từng giai đoạn. không giống tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan luôn được xác định cụ thể trong bản án, quyết định; nếu quy định đương

				sự bao gồm cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có thể kéo dài thời gian tổ chức thi hành án vì thủ tục yêu cầu có đương sự
	Cục Phú Thọ	Tại khoản 6: Đề nghị bổ sung thêm từ tiền trước từ về tài sản thành cụm từ: “Có điều kiện thi hành án là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền , tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án.” Lý do: người phải thi hành án ngoài thi hành nghĩa vụ về tài sản, còn phải thi hành nghĩa vụ về tiền.		Giải trình Theo quy định của Bộ Luật dân sự thì tiền cũng là tài sản
	Cục Bến Tre	đề xuất bổ sung nội dung như sau: “ <i>Người phải thi hành án là cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ hoặc người có tài sản bảo đảm trong bản án, quyết định được thi hành</i> ”	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh lý	
	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	Đề nghị xem lại việc giải thích nghĩa của “Người có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định” tại khoản 3: và “Mỗi quyết định thi hành án” tại khoản 9 do	Nghiên cứu tiếp thu vào các văn bản dưới luật	

		các từ ngữ trên không được sử dụng trong dự thảo Luật Khoản 8: cân nhắc bỏ do nội hàm từ ngữ “Chi phí tổ chức thi hành án” đã được quy định rõ tại Điều 74 Dự thảo		
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải	Khoản 7: giải thích khái niệm “Phí thi hành án”, tuy nhiên tại Điều 73 thì tên điều và thuật ngữ được sử dụng là “Phí thi hành án dân sự”, mặc dù nội hàm giống nhau, tuy nhiên, để đảm bảo tính logic, chặt chẽ của luật, đề nghị thống nhất quy định Khoản 8: Đề nghị nghiên cứu, rà soát lại giải thích từ ngữ về “chi phí tổ chức thi hành án” để phù hợp với Điều 74 dự thảo, Theo đó, đề nghị làm rõ chi phí cưỡng chế và chi phí khác là những chi phí nào để đảm bảo tính thống nhất, tính rõ ràng, minh bạch Rà soát thêm tính thống nhất về khái niệm này với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 61, điểm c khoản 2 Điều 70 và chi phí tổ chức thi hành án tại khoản 8 Điều 3, Điều 74, Điều 75	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 8: Đề nghị nghiên cứu, rà soát lại giải thích từ ngữ về “chi phí tổ chức thi hành án” để phù hợp với Điều 74 dự thảo, Theo đó, đề nghị làm rõ chi phí cưỡng chế và chi phí khác là những chi phí nào để đảm bảo tính thống nhất, tính rõ ràng, minh bạch	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính	

			phủ.	
Kiểm toán Nhà nước Vụ Pháp luật Quốc tế	Khoản 10: Đề nghị nghiên cứu, biên tập khái niệm thuật ngữ “Người thân thích” cho thống nhất, phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 2 Quy định 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án “Người thân thích bao gồm người có quan hệ gia đình; ông, bà nội, ông, bà ngoại; cụ nội, cụ ngoại; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột.”	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.		
Vụ pháp luật hình sự - hành chính	Đề nghị cân nhắc việc mở rộng phạm vi người thân thích bao gồm cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời, nghiên cứu chỉnh lý nội dung giải thích về người thân thích bảo đảm phù hợp, thống nhất với các quy định khác có liên quan như quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.		
Văn phòng Bộ Tư pháp	Khoản 10: Đề nghị Quý đơn vị cân nhắc chỉnh lý về giải thích từ ngữ như sau: "Người	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ		

	Cục QLXLVPHC &TDTHPL Cục Kiên Giang	<i>thân thích là vợ, chồng, con, ông, bà, cha, mẹ, bác, chú, cô, cậu, dì, anh, chị, em của đương sự, vợ hoặc chồng của đương sự; ~~người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan~~</i> hoặc mở rộng như điểm e, khoản 1, Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.	quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Bến Tre	theo Khoản 19 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình quy định: <i>Người thân thích là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời.</i>	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Liên đoàn luật sư Việt Nam	Đề nghị bỏ Khoản 10 Điều 3 Dự thảo có nội dung giải thích cụm từ “người thân thích” chồng chéo, không phù hợp với giải thích cụm từ này tại khoản 19 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ	

			biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Học viện Tư pháp	Khoản 10 Điều 3: Đề nghị nghiên cứu phạm vi người thân thích: bao gồm cả cháu. Lý do: cháu của đương sự là ông, bà, cô, chú, cậu, gì thì cũng có mối quan hệ thân thích tương tự như ông, bà, cô, chú, cậu, gì của đương sự, của vợ hoặc chồng đương sự.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị quy định rõ con có bao gồm con nuôi không; cha, mẹ có bao gồm cha mẹ nuôi không; anh, chị, em có bao gồm anh, chị, em họ hay không.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm	

			quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Bộ Quốc phòng		Tại Điều 3, đề nghị sửa đổi, bổ sung giải thích từ ngữ về “<i>người có quan hệ gia đình</i>”, “<i>người thân thích</i>” và viết lại như sau: <i>"10. Người có quan hệ gia đình là vợ (chồng); bố, mẹ đẻ, bố, mẹ nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng; bố, mẹ đẻ, bố, mẹ nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng của vợ (chồng); con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ (chồng).</i> <i>11. Người thân thích là người có quan hệ gia đình; ông, bà nội, ông, bà ngoại; cụ nội, cụ ngoại; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột của đương sự, của vợ hoặc chồng của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</i>". <i>Lý do: Thống nhất với quy định tại Điều 2 Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và khoản 6, khoản 7 Điều 29 của dự thảo.</i>	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng chỉ quy định giải thích những nội dung quan trọng, phổ biến, không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Do đó nội dung này sẽ được cụ thể tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Ban Nội chính Trung ương; Viện kiểm sát nhân dân tối cao		- Đề nghị chỉnh sửa khoản 3 Điều 3 lại như sau: “ <i>Người có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định là người phải thi hành án trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm</i> ” bởi vì nếu xác định người có	Tiếp thu một phần theo hướng quy định người có tài sản bảo đảm là người phải thi	

		tài sản bảo đảm là người phải thi hành án thì mâu thuẫn với khái niệm người phải thi hành án; họ không có nghĩa vụ được tuyên trong bản án nhưng phải chịu nghĩa vụ bất lợi của người phải thi hành án; đồng thời chuyển nội dung này sang nội dung về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để bảo đảm phù hợp.	hành án trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm (khoản 3, Điều 3 Dự thảo)	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	- Đề nghị chỉnh sửa khoản 4 Điều 3 như sau: <i>“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự, người có tài sản bảo đảm”</i> để bảo đảm đầy đủ.	Tiếp thu, dự thảo quy định theo hướng <i>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</i> là cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trong quá trình tổ chức thi hành án phát sinh các quyền, nghĩa vụ của họ	
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	đề nghị bổ sung giải thích đối với khái niệm “người giám định thương mại” và “người đại diện” quy định tại Điều 10 và Điều 11 dự thảo Luật. Đồng thời, tại Điều 10 về người giám định thương mại, đề nghị chuyển nội dung quy định khái niệm lên Điều 3 về giải thích từ ngữ và bổ sung vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giám định thương mại trong công tác thi hành án dân sự.	Tiếp thu, nghiên cứu hoàn thiện dự thảo	
	Hội luật gia Việt Nam	Điều 11 của Dự thảo cần ghi nhận chế định người đại diện trong thi hành án trong Luật thi hành án dân sự. Do đó, Dự thảo nên bổ sung khoản 11 Điều 3 để giải thích rõ về khái niệm như thế nào là “người đại diện trong thi hành án dân sự”, “người đại diện theo pháp luật trong thi hành án”, “người đại diện theo	Tiếp thu, nghiên cứu hoàn thiện dự thảo	

		ủy quyền trong thi hành án”. Cụ thể: Điều 3. Giải thích từ ngữ (Điều 3) 11. <i>Người đại diện trong thi hành án là người tham gia vào quá trình thi hành án thay mặt chủ thể được đại diện để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ thể đó nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của họ.</i> <i>Người đại diện theo pháp luật là người tham gia vào quá trình thi hành án theo quy định của pháp luật được thay mặt người được đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho họ trong thi hành án.</i> <i>Người đại diện theo ủy quyền là người tham gia vào quá trình thi hành án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể theo sự ủy quyền của chính họ hoặc người đại diện theo pháp luật của họ.</i>		
	Cục Nghệ An	Đề nghị không đưa vào Điều 3 nội dung giải thích từ ngữ tại khoản 6 về: “ <i>có điều kiện thi hành án</i> ”	Tiếp thu, chỉnh lý	
Điều 4. Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định (Điều 4) (Giữ nguyên) Bản án, quyết định quy định tại Điều 2 của Luật này phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án.	Văn phòng Bộ Tư pháp; Cục Bến Tre	Đề nghị Quý đơn vị tiếp tục nghiên cứu các chế tài, đưa ra các quy định cụ thể để đảm bảo việc thực hiện nghiêm các bản án, quyết định trong trường hợp các bên đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan không thực thi bản án, quyết định thay vì chỉ đề cập đến việc “ <i>phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng</i> ”; “ <i>được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ</i> ”.	Nghiên cứu. hoàn thiện tại các quy định của Dự thảo Luật	
Điều 5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Điều 5) (Giữ nguyên)	Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị Quý đơn vị tiếp tục nghiên cứu các chế tài, đưa ra các quy định cụ thể để đảm bảo việc thực hiện nghiêm các bản án, quyết	Nghiên cứu. hoàn thiện tại các quy định của Dự thảo	

Trong quá trình thi hành án, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.		định trong trường hợp các bên đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan không thực thi bản án, quyết định thay vì chỉ đề cập đến việc "phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng"; "được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ" .	Luật	
Điều 6. Thỏa thuận thi hành án (Điều 6) 1. Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, chịu trách nhiệm về nội dung thỏa thuận và có nghĩa vụ tự thực hiện đúng nội dung thỏa thuận đó. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận. 2. <i>Thỏa thuận thi hành án tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp nhận nếu không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội; không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, người thứ ba hoặc nhằm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ, phí thi hành án.</i> <i>Khi thỏa thuận thi hành án, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thỏa thuận về việc thanh toán các khoản phí, chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành án (nếu có), trừ các khoản chi phí do ngân sách nhà nước chịu.</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bến Tre	Khoản 2: - Đề nghị bỏ quy định về việc “nhằm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án” tại khoản 2 điều 6 dự thảo luật THADS vì sẽ mâu thuẫn với điều 62 của dự thảo và vi phạm nguyên tắc thỏa thuận của đương sự.	Tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 2, Điều 26 Dự thảo	
	Học viện Tư pháp	Khoản 1 cần sửa cụm từ “không vi phạm điều cấm của pháp luật” thành “không vi phạm điều cấm của luật”. Lý do: Để phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015.		Giải trình: quy định “không vi phạm điều cấm của pháp luật” đảm bảo đầy đủ, toàn diện hơn trong việc áp dụng pháp luật.
	Văn phòng Bộ Tư pháp	Để đảm bảo việc thi hành án dân sự đối với đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 6 dự thảo Luật, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc chỉnh lý khoản 1 Điều 6 như sau: “Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, chịu trách nhiệm về nội dung thỏa thuận và có nghĩa vụ tự thực hiện đúng nội dung thỏa thuận đó. Quá trình thỏa thuận		Giải trình. Thỏa thuận là quyền của đương sự và phải tự chịu trách nhiệm với thỏa thuận

		<i>phải có sự chứng kiến và xác nhận của đại diện cơ quan thi hành án dân sự”.</i>		của mình. Việc yêu cầu Cơ quan THADS phải chứng kiến và xác nhận thỏa thuận là chưa phù hợp, phát sinh thêm thủ tục, tốn kém chi phí và nhân lực.
	Cục Bắc Giang	Khoản 2: VKSND tỉnh đề xuất bổ sung thêm nội dung “quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba” để phù hợp với khái niệm chung.		Dự thảo đã thể hiện
	Ban Nội chính Trung ương	Đề nghị xem xét bổ sung nội dung: Việc thỏa thuận thi hành án liên quan đến lợi ích của Nhà nước cần được sự đồng ý của Chấp hành viên.		Dự thảo đã quy định nguyên tắc thỏa thuận không ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước. Chấp hành viên không phải là người đại diện cho

				nhà nước nên không thể quy định việc thỏa thuận liên quan đến lợi ích của nhà nước thì phải có sự đồng ý của Chấp hành viên, đảm bảo tính khách quan, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban soạn thảo nên cần nhắc nêu cụ thể cách thức thỏa thuận thi hành án (thỏa thuận hình thức nào: thỏa thuận bằng văn bản hay thỏa thuận miệng,...? việc thỏa thuận có cần người làm chứng hay không?; có cần sự có mặt của bên có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan hay không?). Ngoài ra, tại khoản 2 của Điều này có quy định về “Thỏa thuận thi hành án tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp nhận nếu không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội; không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, người thứ	Tiếp thu nghiên cứu quy định trình tự thủ tục tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.	

		ba hoặc nhằm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ, phí thi hành án”. Tuy nhiên, đối với nội dung “không trái đạo đức xã hội” mang tính chung chung, khó xác định một cách cụ thể, nên có hướng dẫn.		
	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung quy định liên quan áp dụng thỏa thuận giữa người phải thi hành án, người được thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án hoặc người được thi hành án chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết theo hướng, các thỏa thuận này tiếp tục được áp dụng trong thi hành án.	Tiếp thu nghiên cứu quy định trình tự thủ tục tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật	
Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án (Điều 7) 1. Người được thi hành án có các quyền sau đây: a) Yêu cầu thi hành án, đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định, áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án được quy định trong Luật này; b) Được thông báo về thi hành án; c) Thỏa thuận với người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thi hành án; d) Yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản; yêu cầu Tòa án giải thích những điểm chưa rõ, đính chính lỗi chính tả hoặc số liệu sai sót; khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến thi hành án; <i>yêu cầu người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định theo quy định của pháp luật;</i>	Cục Bình, Trảng, Phước Hòa Sóc Bình	Đề nghị bổ sung nghĩa vụ của người được thi hành án như sau: <i>Nghiêm cấm người được thi hành án thực hiện các hành vi sau:</i> a) <i>Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an ninh, an toàn, trật tự, uy tín, sự tôn nghiêm đối với trụ sở làm việc của cơ quan thi hành án dân sự và địa điểm diễn ra các hoạt động thi hành án;</i> b) <i>Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an toàn tài sản, hồ sơ, tài liệu, phương tiện, trang thiết bị làm việc của cơ quan thi hành án và các kho bảo vệ vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản có liên quan đến việc thi hành án;</i> c) <i>Khiếu nại, tố cáo, phản ánh, lan truyền các thông tin có nội dung bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm uy tín, sự tôn nghiêm, danh dự, nhân phẩm của cơ quan thi hành án, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i>	Nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

đ) Tự mình hoặc ủy quyền cho <i>Thừa phát lại</i> hoặc người khác xác minh, cung cấp thông tin và yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; e) Không phải chịu chi phí xác minh điều kiện thi hành án do Chấp hành viên thực hiện; g) Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên trong trường hợp có căn cứ cho rằng Chấp hành viên không vô tư khi làm nhiệm vụ; h) Ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; i) Chuyển giao quyền được thi hành án cho người khác; k) Được miễn, giảm phí thi hành án trong trường hợp cung cấp thông tin chính xác về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án và trường hợp khác theo quy định của Chính phủ;		hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí công tác, việc làm của người thi hành công vụ; d) Thu thập, lưu giữ, khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ, công khai thông tin, xâm phạm dữ liệu của cơ quan, tổ chức hoặc dữ liệu cá nhân của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án trái quy định pháp luật; đăng tải, lan truyền các thông tin, hình ảnh, tài liệu bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm, xâm hại đến sự tôn nghiêm, uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án; đ) Xâm phạm, đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người thi hành công vụ và người thân của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án;		
l) Khiếu nại, tố cáo về thi hành án; m) Đề nghị cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu giám định thương mại, xem xét, thẩm định tại chỗ; n) Nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án theo quy định của Luật này trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; o) Được quyền tạm ứng chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành án; p) Quyền khác theo quy định của Luật này. 2. Người được thi hành án có các nghĩa vụ sau đây: a) Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định; b) Thực hiện các quyết định, yêu cầu của Chấp hành viên trong thi hành án; thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	(1) Điểm đ khoản 1 Điều 7 Dự thảo quy định: Người được THA có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án sẽ mâu thuẫn với quy định tại Khoản 1 Điều 13 Luật các TCTD 2024 và quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân (chỉ được cung cấp thông tin khách hàng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng). Do vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét không áp dụng quy định trên đối với TCTD. (2) Ngoài ra, quá trình tổ chức THA, Chấp hành viên (CHV) không chỉ có các quyết	(1) Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý.	(2) Quá trình tổ chức thi hành án, các văn bản, quyết định có liên quan đều được thông báo cho đương sự theo quy định tại Điều 25

trứ; c) Chịu phí, chi phí thi hành án theo quy định của Luật này. d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.		định thi hành án, quyết định cưỡng chế mà còn nhiều văn bản xác minh khác. Theo quy định hiện tại, đương sự có thể không được tiếp cận đầy đủ hồ sơ thi hành án dẫn đến quyền và lợi ích không được đảm bảo. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch, đề nghị xem xét bổ sung thêm quyền của người được THA gồm “ <i>Quyền được yêu cầu chấp hành viên cung cấp, sao chụp hồ sơ thi hành án</i> ”.		Dự thảo nên không cần thiết quy định về việc đương sự được quyền yêu cầu sao chụp hồ sơ thi hành án
	Vụ Pháp luật hình sự - hành chính	Điểm đ khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật bổ sung quyền của người được thi hành án trong việc “ <i>yêu cầu người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định theo quy định của pháp luật</i> ”. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm như sau: “ <i>Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có quyền phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị</i> ” (Điều 372), “ <i>Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có quyền phát hiện tình tiết mới của vụ án và thông báo kèm theo các tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát hoặc Tòa án</i> ” (Điều 399); Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ <i>Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền</i> ”	Tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo	

		<i>kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm” (Điều 327), “Đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền phát hiện tình tiết mới của vụ án và <u>thông báo</u> bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị” (Điều 353). Như vậy, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc phát hiện tình tiết mới của vụ án thì có quyền <u>đề nghị</u> hoặc <u>thông báo</u> cho người có thẩm quyền kháng nghị và sau đó cơ quan có thẩm quyền sẽ nghiên cứu, xác minh để xem xét, quyết định việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định nêu trên cho phù hợp.</i> <i>Điểm o khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật bổ sung quyền của người được thi hành án <u>được tạm ứng chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành án</u>. Tuy nhiên, trường hợp chi phí cưỡng chế là do ngân sách nhà nước chi trả thì việc đề người được thi hành án dân sự tạm ứng là cần được cân nhắc kỹ lưỡng, tránh việc lạm dụng quy định. Hơn nữa, qua rà soát, thấy rằng pháp luật về ngân sách nhà nước cũng không có quy định về việc cá nhân tạm ứng kinh phí cho cơ quan nhà nước để thực hiện công vụ, mà chỉ có các quy định liên quan đến việc tạm ứng các khoản chi ngân sách nhà nước (như Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư</i>	

		số 17/2024/TT-BTC hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước,...).		
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điểm đ khoản 1: Việc quy định người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án sẽ mâu thuẫn với quy định tại Khoản 1 Điều 13 Luật các TCTD năm 2024 và quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân (chỉ được cung cấp thông tin khách hàng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng). Do vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét bỏ quy định “ <i>yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin</i> ”. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung thành “... <i>về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, theo quy định của pháp luật</i> ”.	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên không chỉ có các quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế mà còn nhiều văn bản xác minh khác. Theo quy định hiện tại, đương sự có thể không được tiếp cận đầy đủ hồ sơ thi hành án dẫn đến quyền và lợi ích không được đảm bảo. Để đảm bảo tính công		Quá trình tổ chức thi hành án, các văn bản, quyết định có liên quan đều được thông báo

		khai, minh bạch, đề nghị xem xét bổ sung thêm quyền của người được thi hành án gồm “ <i>Quyền được yêu cầu chấp hành viên cung cấp, sao chụp hồ sơ thi hành án</i> ”.		cho đương sự theo quy định tại Điều 23 Dự thảo nên không cần thiết quy định về việc đương sự được quyền yêu cầu sao chụp hồ sơ thi hành án
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Điểm đ khoản 1: cập nhật nội dung khoản 4 Điều 55 dự thảo để đảm bảo thống nhất	Tiếp thu, chỉnh lý tại Điều 27 dự thảo	
	Cục Phú Thọ	Tại điểm p khoản 1 Điều 7 và điểm k, khoản 1 Điều 8: Đề nghị sửa đổi thành: “ Thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này.” Lý do: để phù hợp như quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9.	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý.	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 3: đề nghị bổ sung thêm khoản 3 các nội dung giống như một số điểm tại khoản 3 Điều 8 dự thảo.	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Điểm đ khoản 1: Không cần liệt kê ủy quyền cho thừa phát lại chỉ cần có quyền ủy quyền cho người khác là đủ (vì nếu quy định ủy quyền cho thừa phát lại thì còn những	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý	

		người khác như Luật sư.... lại không liệt kê.		
	Cục Nghệ An	Đề nghị bỏ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 vì việc người được thi hành án không phải chịu chi phí xác minh điều kiện thi hành án do Chấp hành viên thực hiện về bản chất không phải là quyền	Nghiên cứu tiếp thu	
	Cục Nghệ An	Đề nghị bổ sung cụm từ: <i>nộp tiền</i> vào điểm o khoản 1 thành: “o) Được quyền <i>nộp tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành án</i> ” vì Việc bổ sung cụm từ nộp tiền sẽ phản ánh đầy đủ và đúng bản chất nội dung cần điều chỉnh		Giải trình thêm cụm từ nộp tiền thì là thủ tục không phải quyền
	Cục Kiên Giang	Tại khoản 2, Điều 7: Đề nghị thêm vào nội dung “ <i>ng nghiêm cấm người được thi hành án thực hiện các hành vi phản ánh, lan truyền các thông tin có nội dung bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm uy tín, sự tôn nghiêm, danh dự, nhân phẩm của cơ quan thi hành án, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí công tác, việc làm của người thi hành công vụ:</i> Điểm m, khoản 1: “Đề nghị cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu giám định thương mại, xem xét, thẩm định tại chỗ;” đề nghị bổ sung thành cụm từ “ <i>phải chịu chi phí theo quy định</i> ” lý do bổ sung: nếu không quy định rõ khó thực hiện.	Nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án (Điều 7a) 1. Người phải thi hành án có các quyền sau đây: a) Tự nguyện thi hành án; thỏa thuận với người được thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên	Thanh tra Chính phủ	Điểm c Khoản 3: Đề nghị bổ sung cụm từ “Cố tình” trước cụm từ “ <i>khiếu nại, tố cáo</i> ” cho phù hợp với Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo, bởi khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân, người khiếu nại, người tố cáo	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý	

quan về việc thi hành án; tự nguyện giao tài sản để thi hành án;		chỉ bị xem xét, xử lý trách nhiệm trong trường hợp biết nội dung khiếu nại, nội dung tố cáo là sai sự thật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc khiếu nại, tố cáo		
b) Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật này; c) Được thông báo về thi hành án; d) Yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản; yêu cầu Tòa án giải thích những điểm chưa rõ, đính chính lỗi chính tả hoặc số liệu sai sót; khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến thi hành án; <i>yêu cầu người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định theo quy định của pháp luật;</i>	Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Bộ Tư pháp	- Khoản 3: quy định hành vi bị cấm của người phải thi hành án không phù hợp với tên điều luật. Cần nhắc bổ sung 01 Điều riêng quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với người phải thi hành án (nghiên cứu, bổ sung các hành vi theo Quy định 132 và Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15) - Để đảm bảo việc thực hiện nghiêm các bản án, quyết định cũng như đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Quý đơn vị cần nhắc bổ sung các chế tài, quy định pháp lý cụ thể hoặc dẫn chiếu tới các quy định trong các luật khác trong trường hợp một trong các bên cố tình không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi bản án, quyết định có hiệu lực thi hành.	Nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý theo không quy định cụ thể thành Điều riêng tại dự thảo luật nhưng được thể hiện ại nhiều Điều luật khác nhau và cần nhắc quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
đ) Chuyển giao nghĩa vụ thi hành án cho người khác theo quy định của Luật này; e) Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên trong trường hợp có căn cứ cho rằng Chấp hành viên không vô tư khi làm nhiệm vụ; g) Được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án; được xét miễn, giảm một phần hoặc toàn bộ chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này; h) Khiếu nại, tố cáo về thi hành án. <i>i) Cung cấp thông tin, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;</i> <i>k) Quyền khác theo quy định của Luật này.</i>	Bộ Giao thông vận tải	Điểm g khoản 1: dự thảo Luật đang quy định người phải thi hành án có quyền được xét miễn, giảm một phần hoặc toàn bộ chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này”. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa có quy định về miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án, vì vậy, đề nghị rà soát, bổ sung thêm quy định này	Nghiên cứu tiếp thu	
2. Người phải thi hành án có các nghĩa vụ sau đây: a) Thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; b) kê khai trung thực tài sản, điều kiện thi hành án; cung cấp đầy đủ tài liệu, giấy tờ có liên quan đến tài sản của mình khi có yêu cầu của người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai đó;	Bộ Thông tin và Truyền thông Học viện Tư	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc bổ sung quy định người phải thi hành án có quyền “ <i>ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ</i> ” để bảo đảm đương sự có	Tiếp thu, nghiên cứu quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 6 dự thảo	

c) Thực hiện các quyết định, yêu cầu của Chấp hành viên trong thi hành án; thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư trú;	pháp	đầy đủ các quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự và thống nhất với các quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 và khoản 3 Điều 11 dự thảo.	Luật	
d) Chịu chi phí thi hành án theo quy định của Luật này; <i>đ) Bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật nếu có hành vi theo quy định tại khoản 3 Điều này;</i> <i>e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.</i> 3. Nghiêm cấm người phải thi hành án thực hiện các hành vi sau: <i>a) Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an ninh, an toàn, trật tự, uy tín, sự tôn nghiêm đối với trụ sở làm việc của cơ quan thi hành án dân sự và địa điểm diễn ra các hoạt động thi hành án;</i> <i>b) Xâm phạm, đe dọa xâm phạm an toàn tài sản, hồ sơ, tài liệu, phương tiện, trang thiết bị làm việc của cơ quan thi hành án và các kho bảo vệ vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản có liên quan đến việc thi hành án;</i>	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Điều 8 có tên gọi “ <i>Quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án</i> ”, tuy nhiên, tại khoản 3 Điều này lại đưa ra một loạt quy định “cấm” đối với người phải thi hành án. Theo chúng tôi, quy định cấm trong nội dung của Điều 8 không phù hợp với phạm vi dự kiến điều chỉnh theo tên gọi của Điều này. Trong trường hợp cần quy định cấm thì nên thể hiện trong một điều riêng (thực tế cho thấy, có hành vi quy định tại khoản 3 Điều 8 không chỉ do người phải thi hành án thực hiện mà người được thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có thể có hành vi đó). Vì vậy, đề nghị tách khoản 3 Điều 8 thành một điều riêng và nghiên cứu bổ sung thêm cho phù hợp.	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý bỏ quy định nội dung cấm tại dự thảo.	
<i>c) Khiếu nại, tố cáo, phản ánh, lan truyền các thông tin có nội dung bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm uy tín, sự tôn nghiêm, danh dự, nhân phẩm của cơ quan thi hành án, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí công tác, việc làm của người thi hành công vụ;</i> <i>d) Thu thập, lưu giữ, khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ, công khai thông tin, xâm phạm dữ liệu của cơ quan, tổ chức hoặc dữ liệu cá nhân của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án trái quy định pháp luật; đăng tải, lan truyền các thông</i>	Vụ Pháp luật hình sự - hành chính	Điểm đ khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định nghiêm cấm người phải thi hành án “ <i>xâm phạm, đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người thi hành công vụ và người thân của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i> ”. Tuy nhiên, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xác định rõ phạm vi người thân của người thi hành công vụ là bao gồm những chủ thể nào, đồng thời, cân nhắc bổ sung việc nghiêm cấm xâm phạm, đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản,... không chỉ là đối với người thi hành công vụ	Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng không quy định những nội dung cấm đối với người phải thi hành án tại dự thảo.	

<i>tin, hình ảnh, tài liệu bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm, xâm hại đến sự tôn nghiêm, uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án;</i> <i>đ) Xâm phạm, đe dọa xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người thi hành công vụ và người thân thích của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án;</i> <i>e) Tẩu tán, hủy hoại tài sản; cản trở, chống đối việc tổ chức thi hành án và các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.</i>	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	mà còn bao gồm cả người được thi hành án. Khoản 3 Điều 8 quy định về các hành vi nghiêm cấm đối với người phải thi hành án. Tuy nhiên, quy định tại điểm d khoản 3 về cấm các hành vi “<i>lan truyền các thông tin, hình ảnh tài liệu bịa đặt, sai sự thật nhằm kích động, bôi nhọ, vu cáo, vu khống, xúc phạm, xâm hại đến sự tôn nghiêm, uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i>” có nội dung chồng chéo với quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Chúng tôi đề nghị rà soát, chỉnh sửa quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 8 để tránh chồng chéo ngay trong quy định của một điều luật.	Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng không quy định những nội dung cấm đối với người phải thi hành án tại dự thảo.	
	Cục Phú Thọ	Tại điểm g khoản 1 Điều 8: Đề nghị sửa đổi thành: “Được xét miễn, giảm một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thi hành án, chi phí cưỡng chế thi hành án và chi phí tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này Lý do: người phải thi hành án ngoài thi hành nghĩa vụ thi hành án, chi phí cưỡng chế thi hành án còn phải thi hành chi phí tổ chức thi hành án phát sinh.	Nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý dự thảo	
Điều 9. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Điều 7b) 1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các quyền sau đây: a) Được thông báo, tham gia vào việc thực hiện biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà mình có liên quan; b) Yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở	Cục Sóc Trăng, Cục Bình Phước	Cần bổ sung khoản 3 Điều 9 về các hành vi nghiêm cấm đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tương tự như người được và người phải thi hành án.		Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng không quy định những nội dung cấm đối với người

hữu, sử dụng tài sản; yêu cầu Tòa án giải thích những điểm chưa rõ, đính chính lỗi chính tả hoặc số liệu sai sót; khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến thi hành án; <i>c) Thỏa thuận với người được thi hành án, người phải thi hành án về việc thi hành án;</i> <i>d) Khiếu nại, tố cáo về thi hành án.</i> <i>đ) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật</i> 2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, yêu cầu của Chấp hành viên trong thi hành án; thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư trú; <i>chịu phí, chi phí theo quy định; nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.</i>				phải thi hành án tại dự thảo.
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị đổi tên điều thành: Quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan	Tiếp thu, chỉnh lý tại Điều 7 dự thảo	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị bổ sung thêm khoản 3 các nội dung giống như một số điểm tại khoản 3 Điều 8 Dự thảo		Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng không quy định những nội dung cấm đối với người phải thi hành án tại dự thảo.
	Cục Phú Thọ	Tại điểm a khoản 1: Đề nghị sửa đổi thành: “Được thông báo, tham gia vào việc thi hành án , thực hiện biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà mình có liên quan;” Lý do: ngoài thực hiện biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tham gia vào các quá trình khác của việc thi hành án.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo	
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Tại điểm d, khoản 1 Điều 7, điểm d khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 1 Điều 9 Dự thảo Luật đều quy định người được thi hành án (điểm d khoản 1 Điều 7), người phải thi hành án (điểm d khoản 1 Điều 8), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (điểm b khoản 1 Điều 9) có quyền “ <i>yêu cầu Tòa án xác định, phân</i>	Tiếp thu nghiên cứu hoàn thiện dự thảo	

		chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản; yêu cầu Tòa án giải thích những điểm chưa rõ, đính chính lỗi chính tả hoặc số liệu sai sót” trong bản án, quyết định mà Tòa án đã tuyên. Tuy nhiên, trên thực tế, do quy định này chưa được quy định chi tiết hoặc hướng dẫn cụ thể nên có trường hợp đương sự gửi đơn yêu cầu Tòa án giải thích, đính chính nội dung bản án phúc thẩm nhưng Tòa án không thực hiện và cũng không có bất kỳ phản hồi gì đối với đơn yêu cầu Tòa án sửa đổi nội dung bản án[1]. Điều này dẫn đến khó khăn khi thi hành án (vì nếu Tòa án không sửa đổi những sai sót, không giải thích những điểm chưa rõ trong bản án thì cơ quan thi hành án không thể thi hành án được và dẫn đến việc chậm trễ trong quá trình thi hành án). Do đó, đề nghị có quy định cụ thể hơn ngay trong Luật này về thời hạn Tòa án có trách nhiệm trả lời yêu cầu của người có yêu cầu và phải trả lời yêu cầu bằng văn bản hoặc giao cho cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể các quy định nêu trên để đảm bảo tính khả thi của quy định này, bảo đảm quyền của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực thi trên thực tế (khi đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu thì Tòa án cần đáp ứng, có văn bản trả lời yêu cầu của họ).		
		[1]. Trên thực tế, có vụ án liên quan phân chia di sản thừa kế có yếu tố nước ngoài do những sai sót từ bản án sơ thẩm nhưng được		

		cấp phúc thẩm giữ nguyên cách thức và tỷ lệ chia thừa kế mà chỉ thay đổi giá trị di sản. Tuy nhiên, khi đương sự gửi đơn yêu cầu Toà án giải thích, đính chính sai sót về số liệu trong bản án phúc thẩm thì Toà án không thực hiện và cũng không có phản hồi gì cho đương sự.		
Điều 10. Người giám định thương mại (điều mới) <i>Người giám định thương mại trong thi hành án dân sự là thương nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.</i>	Bộ Tài chính Vụ pháp luật hính sự - hành chính Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	- Tại dự thảo Luật quy định một số nội dung liên quan đến giám định người giám định thương mại (như Điều 10, Điều 56, Điều 74, Điều 191...). Tuy nhiên, tại Luật Giám định số 13/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp số 56/2020/QH14 cũng quy định về vấn đề này. Do vậy, đề nghị nội dung quy định tại Luật đảm bảo phù hợp và tránh chồng chéo với các quy định đã có. - Điều 10 dự thảo Luật quy định “<u>Người giám định thương mại trong thi hành án dân sự là thương nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ giám định thương mại</u>”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 257 Luật Thương mại thì thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, chứ không phải là một người/một cá nhân và trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định đó sẽ có các giám định viên đủ tiêu chuẩn để thực hiện việc giám định. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý, sử dụng thuật ngữ bảo đảm phù hợp với Luật Thương mại	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

		- Đề nghị rà soát, đánh giá kỹ lưỡng đối với việc bổ sung một điều mới về người giám định thương mại, nhất là rà soát về tính phù hợp của nội dung quy định bổ sung này với phạm vi điều chỉnh của luật. Đề xuất: Không tiếp tục quy định nội dung này tại dự thảo Luật mà quy định dẫn chiếu về người giám định thương mại đến Luật Thương mại và pháp luật liên quan trong quy định về quyền của Chấp hành viên và thủ tục yêu cầu giám định thương mại quy định tại Điều 57 của dự thảo Luật.		
Điều 11. Người đại diện (điều mới) <i>1. Người đại diện trong thi hành án dân sự bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền.</i> <i>Việc xác định người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự.</i> <i>Trường hợp chấm dứt đại diện thì đương sự tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.</i> <i>2. Việc ủy quyền tham gia thi hành án dân sự phải được thực hiện bằng văn bản, có công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật.</i> <i>3. Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong phạm vi đại diện.</i>	Hội luật gia Việt Nam	Bổ sung thêm cụm từ “chấm dứt” tại dòng thứ hai khoản 1 Điều 11 của Dự thảo cho tương xứng với nội dung tại dòng thứ ba khoản 1 Điều 11 của Dự thảo, bởi dòng thứ ba của khoản 1 Điều 11 Dự thảo có đề cập đến hậu quả của việc chấm dứt người đại diện trong thi hành án. Cụ thể: Điều 11. Người đại diện (điều mới) 1. Người đại diện trong thi hành án dân sự bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền. Việc xác định, <i>chấm dứt</i> người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp chấm dứt đại diện thì đương sự tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Hội luật gia Việt Nam	Bổ sung thêm dòng thứ hai tại khoản 2 Điều 11 Dự thảo về trường hợp không được phép ủy quyền trong thi hành án bởi về nguyên tắc, đối với quyền về nhân thân thì không thể	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật,	

		chuyển giao cho người khác. Vì vậy đối với việc thi hành án những quyền và nghĩa vụ về nhân thân thì đương sự không được ủy quyền cho người khác tham gia thi hành án mà phải tự mình thực hiện. Cụ thể: Điều 11. Người đại diện (điều mới) “ 1. 1. Việc ủy quyền tham gia thi hành án dân sự phải được thực hiện bằng văn bản, có công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật. <i>Đối với việc thi hành những quyền và nghĩa vụ về nhân thân thì đương sự không được ủy quyền cho người khác tham gia thi hành án mà phải tự mình thực hiện”</i>	quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2: Đối với pháp nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô lớn như các TCTD, việc ủy quyền tham gia thi hành án là hoạt động thường xuyên. Nếu việc ủy quyền bắt buộc phải công chứng, chứng thực thì làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính, tốn kém nguồn lực cho các tổ chức. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 thì chỉ công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc kháng cáo. Tại Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp thì việc chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chỉ thực hiện trong trường	Tiếp thu, nghiên cứu quy định chi tiết trong Nghị định.	

		hợp cụ thể, không có ủy quyền tham gia thi hành án. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét trường hợp quy định văn bản ủy quyền phải được công chứng chứng thực thì chỉ áp dụng với đương sự là cá nhân, không áp dụng với đương sự là tổ chức.		
	Hội luật gia Việt Nam	Bổ sung thêm nội dung quy định về quyền, nghĩa vụ cụ thể của “Người đại diện trong thi hành án” tại khoản 3 Điều 11 của Dự thảo. Điều 11. Người đại diện (điều mới) “1. <i>1. Người đại diện theo pháp luật được thực hiện các quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự mà họ đại diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự.</i> <i>Người đại diện theo ủy quyền của đương sự chỉ thực hiện các quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự trong phạm vi ủy quyền”.</i>	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Hội luật gia Việt Nam	Bổ sung thêm khoản 4 Điều 11 về những trường hợp không được làm người đại diện trong thi hành án. Dự thảo cũng nên bổ sung quy định các trường hợp không được làm người đại diện trong thi hành án tại khoản 4. Cụ thể: Điều 11. Người đại diện (điều mới) “1. <i>Các trường hợp không được làm người đại diện trong thi hành án</i> <i>a) Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một</i>	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

		vụ việc đang được tổ chức thi hành với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện; b) Nếu họ đang là người đại diện theo pháp luật trong thi hành án dân sự cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện trong cùng một vụ việc đang được tổ chức thi hành. c. Quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này cũng được áp dụng đối với trường hợp đại diện theo ủy quyền trong thi hành án.”		
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Khoản 2 Điều 11 Dự thảo quy định: “2. Việc ủy quyền tham gia thi hành án dân sự phải được thực hiện bằng văn bản, có <u>công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật.</u>” Đối với pháp nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô lớn như các TCTD, việc ủy quyền tham gia thi hành án là hoạt động thường xuyên. Nếu việc ủy quyền bắt buộc phải công chứng, chứng thực thì làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính, tốn kém nguồn lực cho các tổ chức. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 6 Điều 272 BLTTDS năm 2015 thì chỉ công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc kháng cáo. Tại Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP của BTP thì việc chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chỉ thực hiện trong trường hợp cụ thể, không có ủy quyền tham gia	Tiếp thu nghiên cứu quy định tại Nghị định	

		THA. Do vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét trường hợp quy định văn bản ủy quyền phải được công chứng chứng thực thì chỉ áp dụng với đương sự là cá nhân, không áp dụng với được sự là tổ chức.		
	Vụ Pháp luật Hính sự - Hành chính	Điều 10 dự thảo Luật quy định “<u>Người giám định thương mại trong thi hành án dân sự là thương nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ giám định thương mại</u>”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 257 Luật Thương mại thì thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, chứ không phải là một người/một cá nhân và trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giám định đó sẽ có các giám định viên đủ tiêu chuẩn để thực hiện việc giám định. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý, sử dụng thuật ngữ bảo đảm phù hợp với Luật Thương mại. Trường hợp vẫn giữ quy định về người đại diện thì đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Luật “<u>việc ủy quyền tham gia thi hành án dân sự phải được thực hiện bằng văn bản, có công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật</u>”. Qua rà soát pháp luật hiện hành thấy rằng, Luật Công chứng chỉ quy định về việc công chứng đối với <u>hợp đồng ủy quyền</u> (Điều 55) và Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

		chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì quy định chỉ <u>chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền</u> đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản (Điều 24). Do đó, để bảo đảm rõ ràng, minh bạch, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ các hình thức của văn bản ủy quyền và các trường hợp sử dụng tương ứng với mỗi hình thức.		
	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Tại khoản 3 quy định “ <i>Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong phạm vi đại diện</i> ” chưa rõ phạm vi theo quy định pháp luật nào.	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Quảng Trị	Tại khoản 3 Điều 11: Đề nghị sửa đổi thành: Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong phạm vi đại diện. Lý do: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có thể ủy quyền cho người đại diện.	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

	Cục Nghệ An	Theo khoản 2 Điều 11: Việc quy định văn bản ủy quyền trong THADS phải thực hiện bằng văn bản, có công chứng hoặc chứng thực theo quy định pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự là chưa toàn diện và đầy đủ. Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung . Đề nghị xem xét bổ sung đảm bảo tính toàn diện.	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Nghệ An	Đề nghị bổ sung thêm đối tượng người có quyền nghĩa vụ liên quan vào khoản 3 Điều 11: " 3. <i>Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong phạm vi đại diện</i> " Lý do: Trong THADS thì ngoài đương sự thì người có quyền, nghĩa vụ liên quan cũng có quyền được ủy quyền cho người khác đại diện. Do vậy, cần phải bổ sung chủ thể này vào khoản 3 Điều 11	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này tại Dự thảo Luật, quy định tại các Điều luật cụ thể và tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 12. Tiếng nói và chữ viết dùng trong thi hành án dân sự (Điều 8) 1. Tiếng nói và chữ viết dùng trong thi hành án dân sự là tiếng Việt. Đương sự; <i>người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</i> có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình nhưng phải có người phiên dịch. Đương sự; <i>người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</i> là người dân tộc thiểu số mà không biết tiếng Việt thì cơ quan thi hành án dân sự phải bố trí phiên dịch hoặc <i>đề nghị ủy</i>	Cục Bắc Giang Cục Hải Dương	VKSND tỉnh góp ý: Không cần thiết phải luật hoá nội dung “đề nghị ủy ban nhân dân cấp xã cử người biết tiếng dân tộc để thực hiện việc phiên dịch”. Vì đây chỉ là sự phối hợp giữa chấp hành viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này thành Điều luật riêng và được quy định chung tại dự thảo Luật.	
	Cục Nghệ An	Đề nghị bỏ cụm từ <i>Giấy triệu tập</i> tại điểm a khoản 2 Điều 12	Tiếp thu theo hướng không quy	

<i>ban nhân dân cấp xã cử người biết tiếng dân tộc để thực hiện việc phiên dịch.</i> <i>2. Người phiên dịch có quyền, nghĩa vụ sau đây:</i> <i>a) Có mặt theo giấy triệu tập hoặc giấy mời của cơ quan thi hành án dân sự;</i> <i>b) Người phiên dịch phải dịch đúng nghĩa, trung thực, khách quan, nếu cố ý dịch sai thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</i> <i>c) Đề nghị Chấp hành viên, các bên đương sự giải thích thêm nội dung cần phiên dịch.</i>	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Vì người phiên dịch trong hoạt động thi hành án dân sự không phải là đương sự mà họ là lực lượng hỗ trợ cho việc tổ chức hi hành án của cơ quan THADS nên quy định có mặt theo "Giấy mời" là phù hợp Đề nghị quy định rõ, cụ thể tiêu chí, điều kiện tối thiểu về trình độ của người phiên dịch đạt ở thang bậc nào theo quy định của Bộ Giáo dục (nếu có), không nêu chung chung, hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo yêu cầu về chất lượng của nội dung được phiên dịch; cân nhắc việc sử dụng thuật ngữ “giấy triệu tập” đối với người phiên dịch, do người phiên dịch không phải là đối tượng phải thi hành án (điểm a khoản 2). Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các nội dung nêu trên tại Luật này hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết.	định nội dung này thành Điều luật riêng và được quy định chung tại dự thảo Luật. Tiếp thu theo hướng không quy định nội dung này thành Điều luật riêng và được quy định chung tại dự thảo Luật.	
Điều 13. Tự nguyện và cưỡng chế thi hành án (Điều 9) (Giữ nguyên) 1. Nhà nước khuyến khích đương sự tự nguyện thi hành án. 2. Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này				
Điều 14. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Điều 10) (Giữ nguyên) Cơ quan, tổ chức và cá nhân vi phạm quy định của Luật này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.				
Điều 15. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan thi hành án dân sự,	Kiểm toán Nhà nước	Khoản 2: đề nghị xem lại quy định: “....<i>thiếu trách nhiệm, cố ý chậm trễ trong lãnh đạo,</i>	Tiếp thu Nghiên cứu chỉnh	

Chấp hành viên (Điều 11) 1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mình, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc thi hành án. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên theo quy định của Luật này. Mọi hành vi cản trở, can thiệp trái pháp luật đối với hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên; <i>thiếu trách nhiệm, cố ý chậm trễ trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i> đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. 3. <i>Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật này. Trường hợp cố tình không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên mà gây hậu quả thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.</i>		<i>chỉ đạo, thực hiện công tác bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i> đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.” để đảm bảo tính khả thi trong việc áp dụng	lý phù hợp	
	Cục Nghệ An	Ngoài việc khoản 2 Điều 15 Dự thảo bổ sung các hành vi liên quan đến cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ trong hoạt động THADS (cơ quan Công An): <i>thiếu trách nhiệm, cố ý chậm trễ trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án</i> đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị xem xét quy định mở rộng thêm đối với các hành vi thiếu trách nhiệm của các cơ quan khác liên quan đến các nội dung phối hợp		Giải trình Nghiên cứu quy định văn bản dưới Luật
	Bộ Công an	Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành vì đã bao quát đầy đủ cả nội dung bổ sung và phù hợp với tên điều.	Tiếp thu	
	Cục Bắc Giang Cục Hải Dương	VKSND tỉnh đề nghị giữ nguyên như Điều 11 Luật THADS hiện hành. Vì khoản 3 Điều 15 Dự Thảo đã được quy định tại Điều 14 Dự thảo.	Tiếp thu	
Điều 16. Giám sát và kiểm sát việc thi hành án (Điều 12) 1. Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan nhà nước khác trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. 2. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang;Cục Hải Dương	Đề nghị bỏ quy định tại điểm h, khoản 2, điều 16 dự thảo.	Tiếp thu Nghiên cứu chỉnh lý phù hợp	
	Cục Hà Tĩnh	Tại điểm h, khoản 2, điều 16: Đề nghị xem xét lại vì việc quy định tài sản có giá trị lớn còn mang tính chất định tính, khó xác định	Tiếp thu Nghiên cứu chỉnh lý phù hợp	
	Cục Bến Tre	Điểm b Khoản 2 Điều 16 đề xuất bỏ nội	Tiếp thu, chỉnh lý	

quan trọng việc thi hành án dân sự. Khi kiểm sát thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Kiểm sát việc cấp, chuyển giao, giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định của Tòa án; b) Yêu cầu Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, cấp dưới ra quyết định về thi hành án, gửi các quyết định về thi hành án; thi hành đúng bản án, quyết định; tự kiểm tra việc thi hành án và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát nhân dân; yêu cầu cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án theo quy định của Luật này; c) Trực tiếp kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan; ban hành kết luận kiểm sát khi kết thúc việc kiểm sát; d) Tham gia phiên họp của Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân; đ) Kiến nghị xem xét hành vi, quyết định liên quan đến thi hành án có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp hoặc cấp dưới, yêu cầu khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý người vi phạm; kiến nghị cơ quan, tổ chức liên quan có sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý khắc phục nguyên nhân, điều kiện dẫn tới vi phạm pháp luật và áp dụng các biện pháp phòng ngừa; e) Kháng nghị hành vi, quyết định của Thủ trưởng, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự		dung: “ <i>tự kiểm tra việc thi hành án và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát nhân dân</i> ”	phù hợp	
	VKSND Bắc Giang	Đề nghị giữ nguyên như Điều 12 hiện hành	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp	
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung khoản 3 như sau: “3. Viện kiểm sát quân sự trung ương kiểm sát hoạt động thi hành án của cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu kiểm sát hoạt động thi hành án của cơ quan thi hành án cấp quân khu theo quy định tại khoản 2 Điều này”.	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp	
	Cục Biên Điện	Tại điểm h khoản 2 Điều 16. Giám sát và kiểm sát việc thi hành án quy định: “ <i>Thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn; Nhưng không quy định tài sản có giá trị lớn là tài sản như thế nào, có giá trị là bao nhiêu?. Do đó, cần quy định cụ thể giá trị tài sản từ 500 triệu đồng trở lên. Đề nghị sửa thành: Thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên;</i>	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý phù hợp	
	UBND Thừa Thiên Huế Tỉnh Thiên	1. Tại điểm h khoản 2 Điều 16 “Dự thảo 2” Luật THADS có nội dung quy định chưa đồng nhất với Điều 124 “Dự thảo 2” Luật THADS (điểm h khoản 2 Điều 16 quy định là “ <i>bán đấu giá tài sản</i> ”; Điều 124 quy định là “ <i>bán tài sản</i> ”); đồng thời việc quy định	Giải trình Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản hướng dẫn thi	

cùng cấp, cấp dưới có vi phạm pháp luật nghiêm trọng xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, thu hồi, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật; g) <i>Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp và chỉ đạo viện kiểm sát nhân dân cấp dưới phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự để kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động kiểm sát, thi hành án dân sự; xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự;</i> h) <i>Thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn;</i> i) <i>Kiểm sát hoạt động xác minh, thông báo, trực tiếp tổ chức thi hành án dân sự của Thừa phát lại;</i> k) <i>Nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</i>		Viện kiểm sát thực hiện và “<i>có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá</i>” là chưa phù hợp với thực tiễn, kéo dài quá trình tổ chức thi hành, đi ngược lại mục đích rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả thi hành án trong xây dựng Luật THADS. Đồng thời, việc quy định “<i>tài sản có giá trị lớn</i>” là chưa cụ thể, khó xác định trong khi tại khoản 1 Điều 125 của “Dự thảo 2” Luật THADS có quy định về giá trị tài sản được bán đấu giá là trên 10.000.000 đồng. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 16 “Dự thảo 2” Luật THADS như sau: “<i>h) Thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá lần đầu đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị trên 10.000.000 đồng</i>”.	hành Luật	
	Ban chính ương Nội Trung	Đề nghị rà soát các nội dung quy định tại Điều 16 của dự thảo Luật để bảo đảm sự thống nhất với Điều 28 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính) của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014[1]. Đồng thời, điểm h khoản 2 Điều 16 của dự thảo Luật bổ sung quy định mới “Thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn”. Chúng tôi cho rằng, không nên quy định riêng về kiểm sát điều kiện đưa tài sản	Tiếp thu nghiên cứu, hoàn thiện quy định dự thảo	

		ra bán đấu giá, mà cần xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát đối với loại việc này như các hoạt động kiểm sát tư pháp khác. Ngoài ra, quy định này sử dụng cụm từ “kết luận kiểm sát” là chưa phù hợp với chức năng giám sát của Viện kiểm sát, mà chỉ nên sử dụng cụm từ “có ý kiến bằng văn bản” của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá đối với tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn.		
		[1] Điều 28 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định: 1. Kiểm sát việc cấp, chuyển giao, giải thích, đính chính bản án, quyết định của Tòa án. 2. Trực tiếp kiểm sát việc thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. 3. Kiểm sát hồ sơ về thi hành án. 4. Tham gia phiên họp, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước. 5. Kiểm sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án. 6. Yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc thi hành án thực hiện các việc sau đây: a) Ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật; b) Thi hành bản án, quyết định theo quy định của pháp luật; c) Tự kiểm tra		

		việc thi hành án và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân; d) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án. Yêu cầu quy định tại các điểm a, b và d khoản này phải được thực hiện ngay; yêu cầu quy định tại điểm c khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. 7. Kiến nghị Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc thi hành án. 8. Kháng nghị quyết định của Tòa án, quyết định, hành vi của Thủ trưởng, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới theo quy định của pháp luật; yêu cầu đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật. 9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật.		
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề bảo đảm rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong kiểm sát thi hành án dân sự, VKSND tối cao đề nghị tách thành Điều luật mới về nội dung này; đồng thời, để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 72 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, VKSND tối cao đề nghị chỉnh	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo, có chỉnh lý cho phù hợp	

		sửa lại nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong kiểm sát thi hành án dân sự như sau: <i>“Điều 16a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung)</i> Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án dân sự. Khi kiểm sát thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Kiểm sát việc cấp, chuyển giao, giải thích, đính chính bản án, quyết định của Tòa án. 2. Trực tiếp kiểm sát việc thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. <i>3. Kiểm sát hồ sơ và ban hành kết luận về thi hành án.</i> 4. Tham gia phiên họp của Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân; <i>5. Kiểm sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án.</i> <i>6. Yêu cầu Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc thi hành án thực hiện các việc sau đây:</i>		

		<i>a) Ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật;</i> <i>b) Thi hành bản án, quyết định theo quy định của pháp luật;</i> <i>c) Tự kiểm tra việc thi hành án và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân;</i> <i>d) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án.</i> <i>Yêu cầu quy định tại các điểm a, b và d khoản này phải được thực hiện ngay; yêu cầu quy định tại điểm c khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</i> 7. Kiến nghị Toà án, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc thi hành án. 8. Kháng nghị hành vi, quyết định của Thủ trưởng, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, cấp dưới có vi phạm pháp luật nghiêm trọng xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, thu hồi, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật. <i>9. Kiểm sát hoạt động tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự, hoạt động xác minh điều kiện thi hành án và tổ chức thi hành án dân sự của Thừa phát lại.</i> <i>10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác</i>		

		<i>trong kiểm sát thi hành án dân sự, theo quy định của pháp luật”.</i>		
Điều 17. Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự (điều mới) <i>1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành, cập nhật, sửa chữa; thực hiện các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự với các cơ sở dữ liệu khác.</i> <i>2. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm tạo lập dữ liệu điện tử và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.</i>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hiện dự thảo mới quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp đối với cơ sở dữ liệu thi hành án, chưa quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án. Đề nghị chuyển nội dung này vào Điều 212 Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong THADS	Giải trình, Dự thảo đã bỏ quy định này, tuy nhiên sẽ được nghiên cứu tiếp thu chỉnh lý và xây dựng thêm các văn bản dưới luật	
	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung các quy định để đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực thi hành án (trong đó, đẩy mạnh việc liên thông giữa các cơ sở dữ liệu, đặc biệt là sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các dữ liệu quốc gia chuyên ngành trong đó có Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự) cũng như giảm chi phí, thủ tục hành chính (nếu có).	Tiếp thu, nghiên cứu hoàn thiện, quy định phù hợp.	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Dự thảo mới chỉ quy định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc (1) xây dựng cơ sở dữ liệu về THADS, (2) đảm bảo cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ quản lý vận hành và (3) thực hiện các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về THADS với cơ sở dữ liệu khác. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn	Tiếp thu, đối với các nội dung cụ thể sẽ nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	

		thảo tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các quy định về trách nhiệm thiết lập, vận hành hệ thống tiếp nhận, tổng hợp thông tin dữ liệu về THADS; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu về THADS với các hệ thống cơ sở dữ liệu khác.		
	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo Luật đã bổ sung 02 điều luật mới (Điều 17, Điều 18) về cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự và sử dụng dữ liệu điện tử trong thi hành án. Tuy nhiên, các quy định này của dự thảo Luật cũng mới chỉ quy định chung về việc thực hiện các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự với các cơ sở dữ liệu khác, chưa thực sự đảm bảo được tính cụ thể để tổ chức triển khai khi luật có hiệu lực thi hành. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc để quy định cụ thể về việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự với các cơ sở dữ liệu có tính liên quan mật thiết trong hoạt động thi hành án dân sự để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong triển khai thực hiện, ví dụ: Cơ sở dữ liệu của Tòa án, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý phương tiện giao thông, cơ sở dữ liệu của cơ quan liên quan thuộc Bộ Tư pháp (Ví dụ: Cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp)... Điều 17 và Điều 18 quy định về cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự tuy nhiên chưa đưa ra	Tiếp thu nghiên cứu quy định khung, Chính phủ quy định chi tiết	

		khái niệm, nội dung, trình tự thủ tục để xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án, mà mới chỉ nêu trách nhiệm của Bộ Tư pháp đối với cơ sở dữ liệu thi hành án. Nội dung này đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp. Đồng thời, nghiên cứu quy định trách nhiệm các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp thông tin, kết nối dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu thi hành án.		
Điều 18. Sử dụng dữ liệu điện tử trong thi hành án (điều mới) <i>1. Dữ liệu điện tử trong hoạt động của các cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được công bố theo quy định của pháp luật được thừa nhận và sử dụng trong hoạt động thi hành án dân sự.</i> <i>2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền sử dụng dữ liệu điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự đã được công bố để giải quyết việc thi hành án dân sự và những công việc khác có liên quan đến việc thi hành án dân sự.</i> <i>3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu điện tử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu. Trường hợp có căn cứ nghi ngờ tính chính xác của dữ liệu điện tử, cơ quan thi hành án dân sự được quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xác minh, làm rõ.</i> <i>4. Cá nhân, cơ quan, tổ chức cố tình cung cấp dữ liệu điện tử không chính xác, can thiệp chỉnh sửa làm sai lệch thông tin dữ liệu điện tử gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</i>	Bộ Công an	Đề nghị lược bỏ khoản 4 để tránh trùng lặp với khoản 3.	Tiếp thu	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Về sử dụng dữ liệu điện tử trong thi hành án (khoản 1 Điều 18) dự thảo Luật đang quy định như sau: “ <i>Dữ liệu điện tử trong hoạt động của các cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được công bố theo quy định của pháp luật được thừa nhận và sử dụng trong hoạt động thi hành án dân sự</i> ”. Quy định này có thể dẫn đến trường hợp mặc dù dữ liệu điện tử trong hoạt động của các cá nhân, cơ quan, tổ chức đã được công bố theo quy định của pháp luật nhưng vẫn chưa đảm bảo về tính chính xác, độ tin cậy mà lại được thừa nhận và sử dụng trong hoạt động thi hành án dân sự. Điều này có thể tạo ra các rủi ro về mặt pháp lý khi triển khai thực tế, do đó đề nghị cân nhắc thêm đối với nội dung này.	Tiếp thu và sẽ tiếp tục nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp trong dự thảo Luật và Nghị định của Chính phủ.	
Chương II HỆ THỐNG TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN				

DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN			
Điều 19. Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự (Điều 13) Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự bao gồm: 1. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự: a) Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; b) Cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. 2. Cơ quan thi hành án dân sự: a) Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh); b) Cơ quan thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện); c) <i>Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng;</i> d) <i>Cơ quan thi hành án quân khu và tương đương (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án cấp quân khu).</i> 3. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án dân sự <i>thuộc Bộ Tư pháp; tên gọi, cơ cấu, tổ chức cụ thể của cơ quan thi hành án dân sự và các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự.</i>	Bộ Công an	Đề nghị rà soát, đánh giá kỹ các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 dự thảo Luật về hệ thống tổ chức thi hành án dân sự để bảo đảm phù hợp với quy định, chủ trương của Đảng, Nhà nước tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều này thì hệ thống tổ chức thi hành án dân sự gồm (1) Cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và (2) cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Quốc phòng nhưng chỉ giao Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp (khoản 3). Vì vậy, đề nghị bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ Quốc phòng cho tương đồng, bảo đảm tính thống nhất.	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, quy định rõ hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, bỏ quy định cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.
	Cục Băng	Cao Về việc không thành lập cơ quan THADS có ít án Đề xuất thành lập đơn vị THADS khu vực, đơn vị có lượng án ít sáp nhập với đơn vị THADS cấp huyện liền kề; bỏ thẩm quyền thi hành của Cục đối với các vụ việc thuộc địa bàn không thành lập cơ quan THADS cấp huyện vì các đơn vị có lượng việc ít chủ yếu nằm ở các tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo mà đây lại là các địa bàn có đường giao thông khó khăn, nằm cách xa trung tâm nên	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy

		việc giao cho Cục THADS thi hành sẽ làm tốn kém kinh phí, thời gian và nguồn lực dành cho các công việc khác. Đồng thời, việc thực hiện cơ chế báo cáo UBND, HĐND, cơ chế kiểm sát của VKSND theo quy định của pháp luật sẽ bất cập, khó thực hiện, giảm vị thế của Cục THADS. * Tiêu chí để xác định đơn vị THADS có lượng án ít là đơn vị có tổng số việc thụ lý dưới 200 việc/năm, được tính trong vòng 03 năm liên tiếp.		
	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Để đảm bảo thực hiện đúng chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “<i>Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả</i>” và Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung những quy định mở liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện trong bối cảnh đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp Trung ương và địa phương như hiện nay để tránh việc phải sửa đổi Luật Thi hành án dân sự nhiều lần.	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy	
	Bộ Quốc phòng	Tại điểm c khoản 2 Điều 19, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“c) Cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng”.</i>	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, quy định rõ	

		Lý do: Phù hợp với quan điểm, mục tiêu đã được xác định tại Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; việc tổ chức cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng không làm phát sinh đầu mối cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng mà vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp công tác thi hành án dân sự trong Quân đội.	hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, bỏ quy định cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.	
	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Khoản 2 Điều 19 dự thảo Luật quy định hệ thống các cơ quan thi hành án dân sự, trong đó có cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên, qua rà soát, các điều 20, 21 và 22 dự thảo Luật chỉ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quân khu và tương đương, chưa quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. Do đó, để bảo đảm đầy đủ, cụ thể, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng này tại dự thảo Luật hoặc có điều khoản dẫn chiếu (nếu nội dung này đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác).	Nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, quy định rõ hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, bỏ quy định cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.	
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã	Khoản 2 Điều 19 về hệ thống cơ quan thi hành án dân sự, dự thảo Luật bổ sung điểm “c) Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc	Nghiên cứu, tiếp thu quy định theo hướng không quy	

	hội	phòng”, do đó, đề nghị bổ sung trong dự thảo Luật nội dung cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan này.	định cơ quan THA thuộc Bộ Quốc Phòng	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại Khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật THADS quy định “Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp...và các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự”. Ban soạn thảo nên quy định tiêu chí, điều kiện cơ bản đối với trường hợp “các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự”.	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
	Cục Nghệ An	Đề nghị chưa nên quy định nội dung: " Chính phủ quy định và các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự" vào dự thảo Luật THADS sửa đổi lần này Lý do: Tại Dự thảo có bổ sung quy định sẽ không thành lập Chi cục THADS ở một số địa phương cấp huyện. Về vấn đề này do Đảng và Nhà nước đang thực hiện chủ trương tinh giản bộ máy nhà nước, trong đó dự kiến sẽ sáp nhập các đơn vị hành chính các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương. Vì vậy, nên chờ kết quả tinh gọn và sáp nhập để thực hiện đảm bảo tính thống nhất	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Khoản 3 dự thảo Luật giao Chính phủ quy định “... <i>tên gọi, cơ cấu, tổ chức cụ thể của cơ quan THADS và các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan THADS</i> ”. So với	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án	

		các quy định của pháp luật về THADS hiện hành, dự thảo có phát sinh tổ chức mới tại các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan THADS. Tuy nhiên, dự thảo chưa có nội dung quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan này, cũng như chưa giao cho cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết nội dung này. Do đó, đề nghị cân nhắc và bổ sung tại dự thảo để bảo đảm tính khả thi.	phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh (Điều 14) 1. Quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo về thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: a) Bảo đảm việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự; b) <i>Hướng dẫn</i>, chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự cho Chấp hành viên, công chức khác của cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn; c) Kiểm tra công tác thi hành án dân sự đối với cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; d) Tổng kết thực tiễn thi hành án dân sự; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. 2. Trực tiếp tổ chức thi hành bản án, quyết định theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 43 (Điều thẩm quyền thi hành án)</u> của Luật này. 3. Lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự; phối hợp với cơ quan Công an trong	Bộ Thông tin và Truyền thông	Việc dự thảo sử dụng thuật ngữ “<i>Cơ sở dữ liệu điện tử</i>” tại các Điều 17, khoản 8 Điều 20, khoản 7 Điều 21, khoản 9 Điều 22 là chưa bảo đảm tính thống nhất với khái niệm của thuật ngữ này tại khoản 10 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử hiện hành. Do đó, đề nghị cân nhắc thêm “<i>Cơ sở dữ liệu điện tử</i>” để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật. Khoản 1 Điều 49 quy định “... <i>trên</i> <i>phương tiện điện tử</i>...”, điểm d khoản 3 quy định “<i>Thông báo qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật</i>”; Điều 54 quy định “<i>Thông báo bằng phương tiện điện tử</i>”. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, chỉnh lý sử dụng thống nhất cụm từ “...<i>bằng</i> <i>phương tiện điện tử</i>” tại các Điều trên để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo và phù hợp với Luật Giao dịch điện tử.	Tiếp thu, nghiên cứu quy định khung	

việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù. 4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này. 5. <i>Thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thi hành án dân sự; thực hiện cơ chế bảo vệ cơ quan thi hành án dân sự và người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án dân sự; quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương theo quy định của pháp luật.</i> 6. Giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 và <u>khoản 2 Điều 218 của Luật này. (Điều về nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</u> 7. Báo cáo công tác thi hành án dân sự trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật; thông tin đến Tòa án về kết quả thi hành bản án, quyết định khi có yêu cầu. 8. <i>Tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự của địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.</i> 9. <i>Mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại để phục vụ công tác tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này.</i> 10. <i>Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.</i>				
Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án cấp quân khu (Điều 15)	Bộ Giao thông vận tải	Dự thảo khoản 3 bị lặp 2 lần	Tiếp thu. Chính lý	
1. Trực tiếp tổ chức thi hành bản án, quyết định	Bộ Quốc	Đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau:	Nghiên cứu, tiếp	

theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật này (về thẩm quyền thi hành án). 2. Tổng kết thực tiễn công tác thi hành án theo thẩm quyền; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng; báo cáo Tòa án về kết quả thi hành bản án, quyết định khi có yêu cầu. 3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này. 3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này. 4. Lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự; phối hợp với cơ quan thi hành án phạt tù trong quân đội trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù. 5. Giúp Tư lệnh quân khu và tương đương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 217 của Luật này (về nhiệm vụ, quyền hạn của Tư lệnh quân khu). 6. Phối hợp với các cơ quan chức năng của quân khu trong việc thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thi hành án; thực hiện cơ chế bảo vệ cơ quan Thi hành án và người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án; quản lý cán bộ, cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án cấp quân khu <i>theo quy định</i>. 7. <i>Tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự của địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.</i>	phòng	“Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu 1. <i>Trực tiếp tổ chức thi hành bản án, quyết định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 43 của Luật này.</i> 2. <i>Tổng kết thực tiễn công tác thi hành án theo thẩm quyền; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng; thông báo đến Tòa án về kết quả thi hành bản án, quyết định khi có yêu cầu.</i> 3. <i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này.</i> 4. <i>Lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự; phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự trong quân đội trong việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm chấp hành hình phạt tù và đặc xá cho người có nghĩa vụ thi hành án dân sự đang chấp hành hình phạt tù.</i> 5. <i>Phối hợp với các cơ quan chức năng của quân khu trong việc thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động thi hành án; thực hiện cơ chế bảo vệ cơ quan thi hành án và người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án; quản lý cán bộ, nhân viên, cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện hoạt động của cơ quan; thực hiện bồi</i>	thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

8. Mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại để phục vụ công tác tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này. 9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.		thường nhà nước trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. 6. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự của đơn vị theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền. 7. Mở và sử dụng tài khoản tại các ngân hàng thương mại để phục vụ công tác tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này. 8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”. Lý do: Phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 19 của dự thảo và Thông tư số 17/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.		
Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện (Điều 16) 1. Trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này. 2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật này. 3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo công tác tổ chức, hoạt động thi hành án theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. 4. Lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự. 5. Giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện	Cục Bình; Bến Tre Hòa Cục	Đề nghị thống nhất việc cơ quan THADS các cấp chỉ: Thông tin đến Tòa án về kết quả thi hành bản án, quyết định khi có yêu cầu để thống nhất với khoản 7, điều 20 dự thảo. Khoản 5: <i>Đề nghị theo hướng:</i> Giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 và	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý quy định mô hình tổ	

nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại <i>khoản 1 và khoản 2 Điều 280 của Luật này (điều về nhiệm vụ quyền hạn của UBND)</i> 6. Báo cáo công tác thi hành án dân sự trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật; báo cáo Tòa án về kết quả thi hành bản án, quyết định khi có yêu cầu. 7. <i>Thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thi hành án dân sự; thực hiện cơ chế bảo vệ cơ quan thi hành án dân sự và người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án dân sự; quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí và phương tiện hoạt động được giao theo quy định của pháp luật.</i> 8. <i>Hướng dẫn nghiệp vụ đối với Chấp hành viên trên địa bàn.</i> 9. <i>Tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử về thi hành án dân sự của địa phương theo quy định pháp luật và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.</i> 10. <i>Mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại để phục vụ công tác tổ chức thi hành án theo quy định của Luật này.</i> 11. <i>Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.</i>		khoản 2 Điều 219 của Luật này (điều về nhiệm vụ quyền hạn của UBND). Lý do: Dẫn chiếu sai điều khoản, không có Điều 280 trong Dự Thảo.	chức thi hành án phù hợp với chủ trương của Đảng tại dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
Điều 23. Chấp hành viên (Điều 17) 1. Chấp hành viên là người được Nhà nước giao nhiệm vụ thi hành các bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật này. Chấp hành viên có ba ngạch là Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp và Chấp hành viên cao cấp. 2. Chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. 3. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thi tuyển,	Đồng Tháp	Đề nghị bổ sung quy định “Chuyển đổi chức danh Thẩm tra viên sang Chấp hành viên sau khi đáp ứng đủ điều kiện. Lý do: tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho Thẩm tra viên, thúc đẩy họ đóng góp tích cực hơn”.		Giải trình Nội dung này sẽ nghiên cứu quy định ở văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn

bỏ nhiệm, <i>miễn nhiệm</i> Chấp hành viên.				thi hành Luật
Điều 24. Tiêu chuẩn bổ nhiệm Chấp hành viên (Điều 18) 1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, trung thực, liêm khiết, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cử nhân luật trở lên, có sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có thể được bổ nhiệm làm Chấp hành viên. 2. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau thì được bổ nhiệm làm Chấp hành viên sơ cấp: a) Có thời gian làm công tác pháp luật từ 03 năm trở lên; b) Đã được đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự; c) Trúng tuyển kỳ thi tuyển Chấp hành viên sơ cấp. 3. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau thì được bổ nhiệm làm Chấp hành viên trung cấp: a) Có thời gian làm Chấp hành viên sơ cấp từ 05 năm trở lên; trường hợp được bổ nhiệm chấp hành viên sơ cấp theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 điều này, có từ 05 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp và <i>tương đương trở lên, trong đó có 01 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp.</i> b) Trúng tuyển kỳ thi tuyển Chấp hành viên trung cấp. 4. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau thì được bổ nhiệm làm Chấp hành viên cao cấp: a) Có thời gian làm Chấp hành viên trung cấp từ	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị biên tập lại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 cho thống nhất với khoản 7 Điều này vì tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 ngoài yêu cầu có từ 05 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp và tương đương trở lên (có từ 05 năm giữ ngạch chấp hành viên trung cấp và tương đương trở lên) phải có 01 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp hoặc chấp hành viên trung cấp. Tuy nhiên, khoản 7 không có quy định này	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	
a) Có thời gian làm Chấp hành viên sơ cấp từ 05 năm trở lên; trường hợp được bổ nhiệm chấp hành viên sơ cấp theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 điều này, có từ 05 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp và <i>tương đương trở lên, trong đó có 01 năm giữ ngạch chấp hành viên sơ cấp.</i> b) Trúng tuyển kỳ thi tuyển Chấp hành viên trung cấp. 4. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có đủ các điều kiện sau thì được bổ nhiệm làm Chấp hành viên cao cấp: a) Có thời gian làm Chấp hành viên trung cấp từ	Cục Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu, quy định khoản 7 cho phù hợp, bảo đảm công bằng, hài hòa giữa công chức trong và ngoài ngành THADS Lý do: Để bảo đảm công bằng, hài hòa giữa công chức trong và ngoài ngành THADS có thể xem xét quy định bổ sung điều kiện trường hợp đặc biệt thì thời gian công tác pháp luật phải dài hơn, trước khi bổ nhiệm phải hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc trải qua sát hạch	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm,	

05 năm trở lên; trường hợp được bổ nhiệm chấp hành viên trung cấp theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 điều này, có từ 05 năm giữ ngạch chấp hành viên trung cấp và <i>tương đương trở lên, trong đó có 01 năm giữ ngạch chấp hành viên trung cấp.</i> b) Trúng tuyển kỳ thi tuyển Chấp hành viên cao cấp. 5. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, là sỹ quan quân đội tại ngũ thì được <i>xem xét</i> bổ nhiệm Chấp hành viên trong quân đội. Tiêu chuẩn để được bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp và Chấp hành viên cao cấp trong quân đội được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này. 6. Người đang là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên được điều động đến công tác tại cơ quan thi hành án dân sự, người đã từng là Chấp hành viên nhưng được bố trí làm nhiệm vụ khác và có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì có thể được bổ nhiệm Chấp hành viên ở ngạch tương đương không qua thi tuyển. 7. Trường hợp đặc biệt do nhu cầu bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án trong quân đội người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này đã có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên có thể được bổ nhiệm Chấp hành viên sơ cấp; có 10 năm làm công tác pháp luật trở lên có thể được bổ nhiệm Chấp hành viên trung cấp; có 15 năm làm công tác pháp luật trở lên có thể được bổ nhiệm Chấp hành viên cao cấp không qua thi tuyển.			miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	
Điều 25. Miễn nhiệm Chấp hành viên (Điều 19)	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị bổ sung các trường hợp miễn nhiệm Chấp hành viên sau: Có 02 năm liên tiếp	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và	

1. Chấp hành viên đương nhiên được miễn nhiệm trong trường hợp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến cơ quan khác <i>hoặc được bố trí vị trí việc làm khác.</i> 2. Chấp hành viên bị xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Do hoàn cảnh gia đình hoặc sức khỏe mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ Chấp hành viên; b) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ Chấp hành viên hoặc vì lý do khác mà không còn đủ tiêu chuẩn để làm Chấp hành viên. c) <i>Chấp hành viên có thể được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân.</i>		được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ; bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao; bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm...cho phù hợp với khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và Điều 5 Quy định 41-QĐ/TW của Bộ Chính trị về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ	quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	
Điều 26. Nhiệm kỳ của Chấp hành viên (Điều mới) 1. <i>Chấp hành viên được bổ nhiệm lần đầu vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp có nhiệm kỳ là 05 năm. Chấp hành viên sơ cấp được bổ nhiệm lại có nhiệm kỳ đến khi nghỉ hưu hoặc được bố trí, chuyển công tác khác hoặc được nâng ngạch cao hơn.</i> <i>Chính phủ quy định việc bổ nhiệm lại Chấp hành viên.</i> 2. <i>Chấp hành viên được điều động để làm nhiệm vụ khác trong hệ thống tổ chức thi hành án dân sự, khi được phân công lại làm Chấp hành viên thì không phải trải qua kỳ thi tuyển chọn Chấp hành viên và được xếp vào ngạch, bậc tương ứng, trường hợp này nhiệm kỳ của Chấp hành viên đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác.</i> 3. <i>Người không được bổ nhiệm lại Chấp hành</i>	Cục Bình Hòa	Đề xuất: Đề nghị xem xét lại trong việc dùng từ “Nhiệm kỳ” đến khi nghỉ hưu hoặc được bố trí, chuyển công tác khác hoặc được nâng ngạch cao hơn Lý do: Theo nghĩa chung thì khái niệm từ "nhiệm kỳ" được hiểu để chỉ về một công việc mang tính chất chu kỳ, thường sẽ có chu kỳ 5 năm, chu kỳ 10 năm...	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	

<i>viên được bố trí công tác khác hoặc tinh giản biên chế theo quy định; khi có nguyện vọng được bổ nhiệm Chấp hành viên thì phải được đào tạo lại nghiệp vụ thi hành án dân sự, trải qua kỳ thi tuyển Chọn chấp hành viên.</i>	Cục Bắc Giang Cục Hải Dương	Đề nghị bổ sung quy định nhiệm kỳ của Chấp hành viên trung cấp trong trường hợp bổ nhiệm lần đầu là Chấp hành viên trung cấp có thời hạn hay không hay đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Khoản 2 quy định “<u>Chấp hành viên được điều động để làm nhiệm vụ khác trong hệ thống tổ chức THADS, khi được phân công lại làm Chấp hành viên thì không phải trải qua kỳ thi tuyển chọn Chấp hành viên và được xếp vào ngạch, bậc tương ứng, trường hợp này nhiệm kỳ của Chấp hành viên đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác</u>”. Đề nghị cân nhắc, làm rõ thêm nội dung tại khoản này để bảo đảm tính thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều này, theo đó, chỉ có chấp hành viên đã được bổ nhiệm lại mới được hưởng chế độ <i>nhiệm kỳ đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác</i>.	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm	

		Khoản 3 quy định người không được bổ nhiệm lại khi có nguyện vọng được bổ nhiệm Chấp hành viên thì <i>phải được đào tạo lại nghiệp vụ THADS</i> và trải qua kỳ thi tuyển chọn Chấp hành viên. Các quy định hiện hành và dự thảo Luật không có nội dung quy định về giá trị của chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ THADS. Khoản 2 Điều 18 Luật THADS hiện hành và tại điểm b khoản 2 điều 24 dự thảo chỉ quy định người được bổ nhiệm làm chấp hành viên sơ cấp khi có đủ các điều kiện (1) Có thời gian công tác pháp luật từ 3 năm trở lên; (2) Đã được đào tạo nghiệp vụ THADS và (3) Trúng tuyển kỳ thi tuyển Chấp hành viên. Do đó, đề nghị cân nhắc đối với quy định buộc Chấp hành viên phải được đào tạo lại nghiệp vụ trước khi tham gia thi Chấp hành viên.	tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.	
	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Nội dung liên quan đến bổ nhiệm, nâng ngạch, tại Luật Cán bộ công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và văn bản hướng dẫn Luật này đã bổ sung quy định mới, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cập nhật đảm bảo thống nhất giữa các luật.	Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và quy định theo hướng Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục thi tuyển, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành	

			án, Thư ký thi hành án.	
Điều 27. Trách nhiệm của Chấp hành viên (điều mới) 1. <i>Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ công lý.</i> 2. <i>Độc lập và tuân theo pháp luật, vô tư, khách quan trong tổ chức thi hành án; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Chấp hành viên, giữ gìn uy tín của cơ quan.</i> 3. <i>Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Luật này.</i> 4. <i>Bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.</i> 5. <i>Bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác; quản lý hồ sơ, tài liệu thi hành án theo quy định.</i> 6. <i>Học tập, rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức thi hành án, đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp và tính chuyên nghiệp của Chấp hành viên.</i> 7. <i>Tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức thi hành án; về đạo đức, trách nhiệm và ứng xử của Chấp hành viên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i> 8. <i>Tôn trọng Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân theo quy định của pháp luật.</i> 9. <i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i>	Cục Bắc Giang Kiên Cục Giang	Khoản 2 quy định trách nhiệm của Chấp hành viên “Độc lập và tuân theo pháp luật...” Hiến pháp năm 2013 chỉ có quy định “<i>Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật...</i>” (khoản 2 Điều 103), “<i>Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật...</i>” (khoản 1 Điều 118). Đối với Chính phủ quy định từ Điều 94 đến Điều 101 không có quy định về nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Do đó, quy định Chấp hành viên độc lập và tuân theo pháp luật chưa phù hợp với Hiến pháp, quy định về tổ chức bộ máy nhà nước, nhiệm vụ của Chấp hành viên là người được giao nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định. Việc quy định này dễ dẫn đến việc lạm quyền của Chấp hành viên trong thi hành án, do đó đề nghị bỏ quy định này Tại khoản 2, Điều 27 dự thảo Luật THADS về Trách nhiệm của Chấp hành viên “độc lập và tuân theo pháp luật, vô tư, khách quan trong tổ chức thi hành án...” đề nghị bỏ từ “độc lập” vì Chấp hành viên được giao nhiệm vụ ký Văn Bản, quyết định trong một số thủ tục THA nhưng trong suốt quá trình tổ chức thi hành án cần có sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan thi hành án như việc chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá, việc cưỡng chế ...	Nghiên cứu tiếp thu	

	Thanh tra Bộ Tư pháp	Dự thảo quy định về Trách nhiệm của Chấp hành viên đề nghị xem xét sửa khoản 9 như sau: “<i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình</i>” thành: “<i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật và thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i>” Vì ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật thì Chấp hành viên là công chức nhà nước phải chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan quản lý.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định phù hợp	
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét chuyển quy định về bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng (khoản 4) lên trước quy định về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (khoản 3) Lý do: Đảm bảo phù hợp với vai trò, tầm quan trọng giữa lợi ích Nhà nước, công cộng đến quyền lợi của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan		Giải trình Sau khi tiếp thu ý kiến Ban soạn thảo sẽ quy định nội dung này ở văn bản dưới luật
Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên (Điều 20) 1. Kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền. 2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. 3. Triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa	Cục Sóc Trăng, Cục Bình Phước	Bổ sung: Chấp hành viên có quyền ký các hợp đồng dịch vụ để phục vụ cho quá trình tổ chức thi hành án (như: định giá, đấu giá, thuê kho, công nhân, vận tải khách, hàng hóa...). Có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp, hành chính sự nghiệp.... cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan để phục vụ cho công tác thi hành án.	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo.	

vụ liên quan để giải quyết việc thi hành án. 4. <i>Xác minh điều kiện thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.</i> 5. <i>Thông báo về thi hành án, gửi văn bản về thi hành án theo quy định của Luật này.</i> 6. Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án; lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án; thu giữ tài sản thi hành án.	Cục Bắc Giang Cục Hải Dương	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 28 theo hướng: “2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định <i>trừ trường hợp đương sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có thỏa thuận khác</i>; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người có quyền lợi, nghĩa vụ khác liên quan		Giải trình đây là nhiệm vụ quyền hạn của Chấp hành viên, việc thỏa thuận thi hành án được quy định ở trình tự thủ tục
7. Yêu cầu cơ quan Công an tạm giữ người chống đối việc thi hành án theo quy định của pháp luật. 8. Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật, thu phí thi hành án và các khoản phải nộp khác.	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung quy định về quyền hạn của chấp hành viên trong việc thu hồi, xử lý tiền của người phải thi hành án như quyền khám người, khám địa điểm, quyền thu các loại tiền, tài sản có thể quy đổi ra tiền trong trường hợp có đủ căn cứ xác định người phải thi hành án có tiền, tài sản nhưng không chịu giao nộp để thi hành án		<i>Giải trình nghiên cứu thêm. tuy nhiên quy định này không khả thi trên thực tế</i>
9. Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm <i>theo quy định của Luật này.</i> 10. Được sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi thi hành công vụ theo quy định của Chính phủ. 11. Thực hiện nhiệm vụ khác <i>theo quy định của Luật này hoặc</i> theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.	Cục Quảng Trị	Tại khoản 4 Điều 28: Đề nghị sửa đổi thành: “Xác minh điều kiện thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, thu nhập, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, các khoản thu nhập, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.” Lý do: khoản thu nhập của người phải thi hành án cũng có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án nên cần xác minh, làm rõ.		<i>Giải trình Nghiên cứu quy định văn bản dưới Luật</i>

Điều 29. Những việc Chấp hành viên không được làm (Điều 21) 1. Những việc mà pháp luật quy định công chức không được làm. 2. <i>Vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Chấp hành viên.</i> 3. <i>Lạm dụng, lợi dụng quyền lực sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự.</i> 4. <i>Ép, gợi ý cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự; cung cấp tài liệu, trình bày sự việc không khách quan, trung thực làm ảnh hưởng đến kết quả thi hành án.</i> Tư vấn cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dẫn đến việc thi hành án trái pháp luật. 5. Sử dụng trái phép tài liệu, hồ sơ, vật chứng, tiền, tài sản thi hành án. 6. <i>Cố ý để người có quan hệ gia đình và người thân thích khác lợi dụng vị trí công tác, chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.</i> 7. Thực hiện việc thi hành án liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân và những người sau đây: a) Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; b) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Chấp hành viên, của vợ hoặc chồng của Chấp hành viên; c) Cháu ruột mà Chấp hành viên là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì. 8. Sử dụng thẻ Chấp hành viên, trang phục, phù hiệu thi hành án, công cụ hỗ trợ để làm những việc không thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Dự thảo đề cập đến khái niệm “quan hệ gia đình” và “người thân thích khác” có thể có nhiều cách hiểu khác nhau, do đó, đề nghị nghiên cứu đưa khái niệm này vào Điều 3 (giải thích từ ngữ) để giải thích rõ nội hàm của khái niệm này, tránh tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.	Nghiên cứu, tiếp thu	

9. Vi phạm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.				
Điều 30. Bảo vệ Chấp hành viên (Điều mới) 1. Chấp hành viên được tôn trọng danh dự, uy tín, được bảo vệ khi thi hành công vụ và trong trường hợp cần thiết. 2. Nghiêm cấm các hành vi sau đây: a) Đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Chấp hành viên, thân nhân của Chấp hành viên khi Chấp hành viên thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ; b) Cản trở Chấp hành viên thi hành công vụ; c) Gây ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật;	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Điểm c khoản 2: quy định cấm đối với hành vi “Gây ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật”, nội dung của quy định này chưa rõ ràng, khó xác định trên thực tế hành vi gây ảnh hưởng là như thế nào. Bên cạnh đó, cách viết nội dung “việc thực thi nhiệm vụ của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật” dễ gây nhầm lẫn giữa cách hiểu là gây ảnh hưởng đến việc thực hiện theo quy định của pháp luật của Chấp hành viên hay là các hành vi gây ảnh hưởng này được pháp luật quy định cụ thể	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
3. Trường hợp danh dự, nhân phẩm của Chấp hành viên bị xúc phạm khi thực hiện nhiệm vụ thì chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi xúc phạm và xin lỗi công khai. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấm dứt ngay hành vi vi phạm. 4. Trường hợp an toàn cá nhân hoặc thân nhân của Chấp hành viên bị đe dọa do việc thực hiện nhiệm vụ của Chấp hành viên thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ an toàn cá nhân hoặc thân nhân của Chấp hành viên. Cơ quan công an nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét tính chất, mức độ của hành vi đe dọa để có biện pháp bảo vệ phù hợp.	Bộ Giao thông vận tải	Điểm c khoản 6: Đề nghị xem xét lại quy định miễn, giảm trách nhiệm của Chấp hành viên đối với trường hợp “thực hiện theo mệnh lệnh, quyết định của cấp trên, người có thẩm quyền mà Chấp hành viên không biết các mệnh lệnh, quyết định đó trái pháp luật”. Vì theo Điều 23 dự thảo Luật, Chấp hành viên là người được Nhà nước giao nhiệm vụ thi hành các bản án, quyết định và được thi tuyển, bổ nhiệm theo quy định của Chính phủ, nên việc Chấp hành viên không biết các mệnh lệnh, quyết định của cấp trên, người có thẩm quyền trái quy định của pháp luật là không hợp lý	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
	Bộ Công an	Đề nghị lược bỏ quy định tại khoản 6 về bảo vệ chấp hành viên vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	

5. Chấp hành viên đã ra quyết định về thi hành án dân sự mà quyết định đó bị hủy, sửa chỉ phải chịu trách nhiệm khi có lỗi chủ quan theo quy định của pháp luật. 6. Chấp hành viên được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm đối với các hành vi, quyết định của mình trong hoạt động thi hành án dân sự trong các trường hợp sau: a) Có lý do, căn cứ cho rằng nghị quyết, quyết định, kết luận, mệnh lệnh của tập thể, người có thẩm quyền trái quy định của pháp luật hoặc không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định thì Chấp hành viên được quyền từ chối thực hiện và được đề xuất, kiến nghị bảo lưu ý kiến bằng văn bản; b) Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết, phòng vệ chính đáng hoặc thực hiện nhiệm vụ trong tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ; Trường hợp vẫn phải thực hiện thì không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, trừ trường hợp cố tình che giấu, báo cáo sai sự thật, báo cáo không đầy đủ dẫn đến cấp có thẩm quyền ra kết luận, quyết định trái pháp luật; c) Được xem xét miễn, giảm trách nhiệm trong các trường hợp: Đã tuân thủ đầy đủ quy trình, thủ tục thi hành án và vi phạm không phải do lỗi cố ý, không vì động cơ vụ lợi; chủ động phát hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý, khắc phục hậu quả hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý, khắc phục hậu quả hành vi vi phạm; thực hiện theo mệnh lệnh, quyết định của cấp trên, người có thẩm quyền mà Chấp hành viên không biết các mệnh lệnh, quyết định đó trái pháp	Bộ Công thương	Đề nghị bổ sung quy định tại điểm d khoản 6 Điều 30 dự thảo Luật về “Bảo vệ chấp hành viên” theo hướng chấp hành viên được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật trong trường hợp đã chủ động khai báo và xin thôi chức vụ, chức danh, xin từ chức, nghỉ công tác trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Nội dung này được đề xuất trên cơ sở tương thích với các quy định về tình tiết giảm nhẹ mức kỷ luật đối với đảng viên và quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự. Cụ thể: Khoản 2 Điều 5 Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên Khoản 7 Điều 364 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định “Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”.	Giải trình Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH	
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Khoản 2 Điều 30 về bảo vệ Chấp hành viên, đề nghị làm rõ sự khác nhau giữa hành vi quy định tại điểm b “Cản trở Chấp hành viên thi hành công vụ” và điểm c “Gây ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật”.	Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH	
	Cục Quản Trị	Xem xét bổ sung quy định “Cơ chế bảo vệ” chung không chỉ riêng Chấp hành viên mà cần bao gồm công chức thi hành án nhằm bảo đảm an toàn cho họ trong quá trình thực	Nghiên cứu, xây dựng theo hướng Luật quy định thẩm quyền của	

luật; d) Được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật trong trường hợp đã chủ động xin thôi chức vụ, chức danh, xin từ chức, nghỉ công tác trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đ) Chấp hành viên thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung, được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng xảy ra thiệt hại có thể được miễn, lại trừ, giảm trách nhiệm theo chính sách của Nhà nước. 7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi quy định tại khoản 2 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. 8. Chính phủ quy định cụ thể về chế độ bảo vệ Chấp hành viên.		hiện nhiệm vụ, bởi trên thực tế quá trình thực thi nhiệm vụ không chỉ Chấp hành viên mà còn có các công chức thi hành án cùng tham gia, hỗ trợ làm việc.	Quốc hội	
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Điều 30 Dự thảo Luật quy định về bảo vệ chấp hành viên có một số nội dung (khoản 5, khoản 6) đề nghị loại trừ trách nhiệm đối với chấp hành viên mà theo chúng tôi là chưa phù hợp (ví dụ: “chỉ phải chịu trách nhiệm khi có lỗi chủ quan”; “được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết”; “vi phạm không phải do lỗi cố ý”; v.v...), cần được nghiên cứu thể hiện rõ hơn.	Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH	
Điều 31. Thông tin về Chấp hành viên vi phạm pháp luật (điều mới) Trường hợp Chấp hành viên bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan ra quyết định tạm giữ phải thông báo ngay cho Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh biết. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp biết. Trường hợp bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của Chấp hành viên thì cơ quan điều tra phải thông báo ngay cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp biết.	Ban Nội chính Trung ương Bộ Công an; Cục Bến Tre Cục Bắc Giang ; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Đề nghị lược bỏ quy định tại Điều 31 dự thảo Luật về thông tin về chấp hành viên vi phạm pháp luật vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. - Nếu quy định thì đề nghị làm rõ “thông báo ngay” là trong vòng bao nhiêu giờ và thời hạn cụ thể Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp biết.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này trong Dự thảo	
Điều 32. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự (Điều 22) Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án	Cục Sóc Trăng	Đề nghị theo hướng: Cần bổ sung thêm trường hợp đặc biệt theo yêu cầu vị trí việc làm, thì có thể bổ sung Phó thủ trưởng cơ		Giải trình. Nghiên cứu. tuy

dân sự phải là Chấp hành viên. Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc phân cấp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án trong quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm.		quan thi hành án dân sự là Thẩm tra viên để tham mưu lĩnh vực Văn phòng, kế toán, tổ chức cán bộ, giải quyết khiếu nại tố cáo.		nhiên, Lãnh đạo đơn vị không chỉ quản lý các lĩnh vực Văn phòng, kế toán, tổ chức cán bộ, giải quyết khiếu nại tố cáo.
Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự (Điều 23) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ra quyết định về thi hành án theo thẩm quyền; b) Quản lý, chỉ đạo, <i>hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác thi hành án đối với Chấp hành viên, công chức</i> của cơ quan thi hành án dân sự theo thẩm quyền c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp tổ chức thi hành án; d) Yêu cầu cơ quan đã ra bản án, quyết định <i>sửa chữa, bổ sung</i> giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ hoặc không phù hợp với thực tế trong bản án, quyết định đó để thi hành; đ) Kiên nghị người có thẩm quyền kháng nghị	Cục Sóc Trăng	Tại điểm h, Điều 33 Đề nghị sửa theo hướng: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên, Thẩm tra viên. Lý do: Điều 32, có đề nghị bổ nhiệm Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự là Thẩm tra viên.		Giải trình. Thủ trưởng phó thủ trưởng cơ quan THADS có nhiệm vụ tổ chức thi hành án
	Cục Bắc GiangCục Hải Dương	Đề nghị bổ sung Khoản 1: "a) Ra quyết định về thi hành án theo thẩm quyền; phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành việc thi hành án."	Nghiên cứu quy định theo hướng Thủ trưởng cơ quan THADS Ra quyết định thi hành án và các quyết định, văn bản khác về thi	

theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định theo quy định của pháp luật; e) Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án;			hành án theo thẩm quyền;	
g) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật <i>theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước</i>; xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm; h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên;	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị chỉnh sửa điểm e khoản 1 Điều 33 dự thảo như sau: “ <i>Tổ chức thực hiện, trả lời yêu cầu, kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án</i> ” để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của quyền yêu cầu, quyền kháng nghị, quyền kiến nghị của VKSND trong kiểm sát thi hành án dân sự.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
i) Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo, thống kê thi hành án; k) Chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự; l) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có quyền hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với Chấp hành viên, công chức cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn và những việc khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. m) <i>Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác thi hành án dân sự ở địa phương với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự cấp trên;</i> n) <i>Chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thi hành án; biện pháp, cơ chế bảo vệ cơ quan, người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án dân sự;</i>	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Điểm b khoản 1 Điều 33 Dự thảo Luật quy định Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có nhiệm vụ, quyền hạn “ <i>Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra công tác thi hành án đối với chấp hành viên, công chức của cơ quan thi hành án dân sự theo thẩm quyền.</i> ” không phân biệt ở cấp nào. Như vậy, có thể hiểu rằng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ở tất cả các cấp đều có quyền hạn này. Chúng tôi cho rằng, cần cần nhắc thêm về quyền “ <i>hướng dẫn nghiệp vụ</i> ” của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện vì tại điểm l khoản 1 Điều này đã quy định “ <i>Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp tỉnh có quyền hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với chấp hành viên, công chức cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn...</i> ”. Hơn nữa, việc quy định Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự các cấp (cả Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh	Tiếp thu Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH	

q) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. 2. Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công hoặc ủy quyền của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao. Khi Thủ trưởng vắng mặt hoặc chưa có Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, một Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng ủy nhiệm hoặc cấp trên giao quyền Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.		và cấp huyện) đều có quyền hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo công tác thi hành án của chấp hành viên, công chức cơ quan thi hành án dân sự có thể dẫn đến chồng chéo, nhiều tầng nấc tham gia vào việc hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của chấp hành viên cấp huyện.		
	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Điểm d khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật quy định thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có các nhiệm vụ, quyền hạn: “<u>Yêu cầu cơ quan đã ra bản án, quyết định sửa chữa, bổ sung giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ hoặc không phù hợp với thực tế trong bản án, quyết định đó để thi hành</u>”. Để bảo đảm rõ ràng về mặt nội dung, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh sửa điểm d khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật thành “<u>Yêu cầu cơ quan đã ra bản án, quyết định giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ hoặc sửa đổi, bổ sung những điểm không phù hợp với thực tế trong bản án, quyết định đó để thi hành</u>”.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
Điều 34. Xây dựng đội ngũ công chức làm công tác thi hành án dân sự (điều mới) 1. Xây dựng đội ngũ công chức làm công tác thi hành án dân sự trong sạch, vững mạnh; được trang bị và làm chủ kỹ thuật hiện đại, hoạt động hiệu lực và hiệu quả. 2. Công chức thi hành án dân sự là người có đủ điều kiện được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án dân sự; được đào tạo, bồi dưỡng và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.	Cục Bắc Giang	Ý kiến của UBND huyện Hiệp Hoà: Đây là điều mới, tuy nhiên những nội dung này đã được quy định trong Luật công chức nên không cần thiết phải quy định trong Luật THADS. Và lại, một số nội dung tại điều luật này đã được quy định tại Điều 36. Do đó đề xuất bỏ Điều 34 Dự thảo.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ làm công tác THADS.	

3. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự có trách nhiệm đào tạo, xây dựng đội ngũ công chức thi hành án dân sự để thực hiện chức năng thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.				
	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Qua nghiên cứu thấy rằng, nội dung quy định tại Điều 34 dự thảo Luật chỉ mang tính chất là chủ trương, đường lối xây dựng, phát triển đội ngũ công chức làm công tác thi hành án dân sự. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo xác định, quy định cụ thể hóa hơn về các chính sách phát triển đội ngũ công chức làm công tác thi hành án dân sự cũng như nghiên cứu quy định thêm những định hướng mang tính đặc thù riêng đối với đội ngũ công chức này.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ làm công tác THADS	
Điều 35. Biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ và hiện đại hóa công tác thi hành án dân sự (Điều 24) 1. Nhà nước bảo đảm biên chế, kinh phí, trụ sở làm việc, công cụ hỗ trợ thi hành án, ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện, trang thiết bị cần thiết khác cho hệ thống tổ chức thi hành án dân sự. 2. Công tác thi hành án dân sự được hiện đại hóa về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ công chức, viên chức, áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin, kỹ thuật hiện đại trên cơ sở dữ liệu thông tin chính xác về quyền, nghĩa vụ thi hành án; kết quả thi hành án từ đó kiểm soát toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án; phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc, vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Đề nghị điều chỉnh khoản 4 Điều này như sau: “4. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thi hành án dân sự; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng; định dạng dữ liệu về văn bản, chứng từ điện tử, hồ sơ thi hành án để thực hiện giao dịch điện tử.”. Vụ thấy rằng, nội dung quy định tại Điều 35 về hiện đại hóa công tác thi hành án dân sự được quy định tương đối chung chung, thiếu minh bạch, rõ ràng. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu thể hiện lại nội	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các	

<i>bảo đảm các nguồn lực tài chính để thực hiện nội dung quy định tại khoản này.</i> <i>3. Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để áp dụng phương pháp quản lý thi hành án dân sự hiện đại, thực hiện giao dịch điện tử và quản lý thi hành án dân sự điện tử; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác để từng bước hạn chế các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt, tránh sự tiếp xúc trực tiếp của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan với công chức cơ quan thi hành án dân sự.</i> <i>4. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thi hành án dân sự, tiêu chuẩn kỹ thuật, định dạng dữ liệu về văn bản, chứng từ điện tử, hồ sơ thi hành án để thực hiện giao dịch điện tử.</i>		dung tại khoản 2, khoản 3 Điều luật theo hướng quy định cụ thể việc hiện đại hóa công tác thi hành án dân sự được thực hiện bằng các biện pháp như thế nào; các chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật trong quản lý thi hành án dân sự; các biện pháp để thúc đẩy thanh toán điện tử, hạn chế sự tiếp xúc của các đương sự với công chức cơ quan thi hành án dân sự,...	Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Bộ Tài chính	Tại Điều 24 dự thảo Luật THADS (Quy định về hiện đại hóa, cơ sở dữ liệu thông tin, giao cơ quan quản lý THADS xây dựng hệ thống công nghệ thông tin...); Điều 73 dự thảo Luật THADS (Quy định Cơ quan THADS trích chuyển một phần số phí THADS được để lại về cơ quan quản lý THADS để thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo cơ sở vật chất, các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý THADS...), Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Việc bổ sung các quy định về hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	

		đổi số vào dự thảo Luật THADS nêu trên liên quan đến nội dung quản lý, sử dụng phí được đề lại đã được quy định tại Luật Phí, lệ phí; quy định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đã được quy định tại Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước... Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; trong đó đã có giải pháp: <i>Nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số...</i> Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để thực hiện chung theo giải pháp của Chính phủ, lấy ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì nhiệm vụ chuyển đổi số của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ thông tin) tránh		

Điều 36. Trang phục, phù hiệu, chế độ đối với công chức làm công tác thi hành án dân sự (Điều 25) Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án, <i>công chức, viên chức, người lao động của</i> làm công tác thi hành án dân sự được cấp trang phục, phù hiệu để sử dụng trong khi thi hành công vụ; được hưởng tiền lương, <i>bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp</i>, chế độ phụ cấp phù hợp với nghề nghiệp; <i>được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật khi bị tổn hại tính mạng, sức khỏe vì lý do công vụ; được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ.</i>		phát sinh quy định chồng chéo, trùng lặp.		
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị xem xét và đánh giá cụ thể về đội ngũ Chấp hành viên, Thẩm tra viên...được hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để được công nhận là liệt sĩ và chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật khi bị tổn hại tính mạng, sức khỏe vì lý do công vụ	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Bộ Công an	Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị bỏ từ “của” tại dòng chữ “ <i>công chức, viên chức người lao động của....</i> ”	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị thiết kế điều luật thành 2 khoản: Khoản 1 như dự thảo; bổ sung khoản 2 như sau:	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định	

		“2. Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án, cán bộ, nhân viên làm công tác thi hành án dân sự trong Quân đội được bảo đảm trang phục, phương tiện, vật chất để sử dụng trong khi thi hành công vụ; được hưởng bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp, chế độ phụ cấp phù hợp với nghề nghiệp; được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ”. Lý do: Đảm bảo tính thống nhất, đáp ứng nhu cầu, thực trạng công tác bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên làm công tác thi hành án dân sự trong Quân đội.	phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề nghị giải trình làm rõ các sự cần thiết phải cấp trang phục, phù hiệu cho viên chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự. Cần nhắc bỏ nội dung “<i>được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ</i>” vì căn cứ theo các điều kiện công nhận là liệt sỹ và điều kiện, tiêu chuẩn thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (quy định tại Điều 14, Điều 23 Pháp lệnh ưu đãi người có công, Điều 14 và Điều 34 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng) thì người làm công tác thi hành án dân sự không đủ điều kiện để hưởng các chế độ, chính sách này.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Bộ Lao động	đề nghị sửa như sau: “ <i>Chấp hành viên, Thẩm</i>	Tiếp thu theo	

	– Thương binh và Xã hội	<i>tra viên thi hành án, Thư lý thi hành án, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan làm công tác thi hành án dân sự được cấp trang phục, phù hiệu để sử dụng trong khi thi hành công vụ; được hưởng tiền lương, bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp, chế độ phụ cấp phù hợp với nghề nghiệp”</i> . Vì việc quy định như dự thảo sẽ dẫn tới chông chéo với các điều kiện công nhận thương binh, liệt sĩ đã được quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	
	Vụ Pháp luật hình ự - hành chính	Điều 36 dự thảo Luật quy định “ <i>Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án, công chức, viên chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự được cấp trang phục, phù hiệu để sử dụng trong thi hành công vụ; ... được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc xem xét để công nhận là liệt sĩ...</i> ”. Theo đó, dự thảo Luật đã mở rộng phạm vi đối tượng được cấp phát trang phục, phù hiệu không chỉ là Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức mà còn bao gồm cả Thư ký, viên chức, người lao động. Đối với nội dung này, đơn vị chủ trì soạn thảo cần rà soát, cung cấp số liệu về số lượng Thư ký, viên chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự trên toàn quốc để đánh giá tác động cụ thể đối với ngân sách nhà nước. Đồng thời, cần nhắc sự cần thiết cấp trang phục, phù hiệu cho viên chức, người lao động trong trường hợp họ không thực hiện nhiệm vụ thi hành án dân sự bởi việc này có thể dẫn đến nhầm lẫn, khó phân	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và quy định phù hợp tại các Điều luật khác của Dự thảo Luật và có quy định chung về Bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự	

		biệt giữa người có thẩm quyền thi hành án trong cơ quan khi công dân tới liên hệ công việc. Bên cạnh đó, việc quy định Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án, công chức, viên chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc xem xét công nhận liệt sĩ là cần được cân nhắc về tính phù hợp, khả thi, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và có thuyết minh kỹ lưỡng về cơ sở, lí do quy định nội dung này. Hiện nay theo quy định tại Điều 14, 23 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì các đối tượng nêu trên không đáp ứng điều kiện được công nhận liệt sĩ hay được công nhận là người hưởng chính sách như thương binh.		
Chương III. THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ				
Điều 37. Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự (Điều 26) (Giữ nguyên) Khi ra bản án, quyết định, Tòa án, Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Trọng tài thương mại phải giải thích cho đương sự, đồng thời ghi rõ trong bản án, quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án.	Bộ Xây dựng	Để đảm bảo thống nhất với Luật Trọng tài thương mại, đề nghị sửa theo hướng: “Khi ra bản án, quyết định, Tòa án, Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Hội đồng trọng tài phải giải thích cho đương sự, đồng thời ghi rõ trong bản án, phán quyết, quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án.”	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và có quy định chung về Yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu. Trách nhiệm hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành	

			khác	
	Vụ Pháp luật Quốc tế	Điều 37 quy định về Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự, Điều 38 quy định về Cấp bản án, quyết định, Điều 39 quy định về Chuyển giao bản án, quyết định, Điều 40 quy định về thủ tục nhận bản án, quyết định và Điều 69 dự thảo quy định về Thẩm quyền ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản, Vụ PLQT đề nghị Quý Tổng cục cân nhắc, rà soát thêm đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực trọng tài để đảm bảo phù hợp, đầy đủ, bổ sung đối tượng là Phán quyết của Trọng tài thương mại.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và có quy định chung về Yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu. Trách nhiệm hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành khác	
Điều 38. Cấp bản án, quyết định (Điều 27) (Giữ nguyên) Tòa án, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Trọng tài thương mại đã ra bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 của Luật này phải cấp cho đương sự bản án, quyết định có ghi “Để thi hành”.	Bộ Xây dựng	Để đảm bảo thống nhất với Luật Trọng tài thương mại, đề nghị sửa theo hướng: “Tòa án, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Hội đồng trọng tài thương mại đã ra bản án, phán quyết , quyết định được quy định tại Điều 2 của Luật này phải cấp cho đương sự bản án, phán quyết , quyết định có ghi “Để thi hành”.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và có quy định chung về Yêu cầu và ra quyết định về thi hành án. Trách nhiệm cấp bản án, quyết định đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành khác	
	Cục Quảng Trị	Tòa án đã ra bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 của Luật này phải cấp cho đương sự bản án, quyết định có đóng dấu “Án có hiệu lực”. Căn cứ dấu “Án có hiệu lực”, cơ quan thi hành án xem xét, ra quyết định thi hành án.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và có quy định chung về Yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo	

			yêu cầu. Trách nhiệm cấp bản án, quyết định đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành khác	
Điều 39. Chuyển giao bản án, quyết định (Điều 28) 1. Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại các điểm <i>a, b, c, d, g và h</i> khoản 1 Điều 2 của Luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. 2. Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại điểm <i>a</i> khoản 2 Điều 2 (điều về <i>bản án thi hành ngay</i>) của Luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định. 3. Tòa án, Trọng tài thương mại đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chuyển giao quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi ra quyết định. 4. <i>Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đã ra quyết định quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 của Luật này phải chuyển giao quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định.</i> 5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kê	Bộ Xây dựng	Khoản 3: Để đảm bảo thống nhất với Luật Trọng tài thương mại, đề nghị sửa theo hướng: “3. Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết , quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chuyển giao quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi ra quyết định.	Tiếp thu theo hướng có quy định phù hợp về Giao, nhận bản án, quyết định	

biên tài sản, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc thu giữ các tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải gửi kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan.				
	Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung phương thức chuyển giao bản án trên môi trường mạng thông qua việc tích hợp, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Tòa án nhân dân tối cao; cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự.	Tiếp thu theo hướng có quy định phù hợp về Giao, nhận bản án, quyết định và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật	
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét bổ sung khoản 5 thêm trường hợp: Bản án, quyết định cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị một phần (tức có một phần có hiệu lực pháp luật) thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải gửi kèm theo bản sao đơn kháng cáo, văn bản kháng nghị để cơ quan thi hành án đối chiếu, ra quyết định đối với nghĩa vụ không bị kháng cáo, kháng nghị Lý do: Vì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 thì phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm được thi hành. Nếu không có đơn kháng cáo, văn bản kháng nghị thì cơ quan THADS khó khăn trong việc xác định khoản nào được thi hành để ra quyết định THA đảm bảo chính xác		Giải trình Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH

Điều 40. Thủ tục nhận bản án, quyết định (Điều 29) 1. Khi nhận bản án, quyết định do <i>cơ quan ra bản án, quyết định</i> chuyển giao, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra, vào sổ nhận bản án, quyết định. 2. Sổ nhận bản án, quyết định phải ghi rõ số thứ tự; ngày, tháng, năm nhận bản án, quyết định; số, ngày, tháng, năm của bản án, quyết định và tên <i>cơ quan</i> ra bản án, quyết định; tên, địa chỉ của đương sự và tài liệu khác có liên quan. 3. Việc giao, nhận trực tiếp bản án, quyết định phải có chữ ký của hai bên; trường hợp nhận được bản án, quyết định và tài liệu có liên quan bằng đường bưu điện thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho <i>cơ quan ra bản án, quyết định</i> đã chuyển giao biết. 4. <i>Cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận bản án, quyết định khi đủ hồ sơ, tài liệu kèm theo.</i>	Cục Trăng, Phước Sóc Bình	Tại Khoản 3 Điều 40 quy định: “...<i>trường hợp nhận được bản án, quyết định và tài liệu có liên quan bằng đường bưu điện thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan ra bản án, quyết định đã chuyển giao biết.</i> Nhận thấy, không cần thiết phải quy định: Cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan ra bản án, quyết định đã chuyển giao biết do đã có báo phát có ký nhận văn bản.	Tiếp thu theo hướng có quy định phù hợp về Giao, nhận bản án, quyết định và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật	
	Cục Giang; Bến Tre; Cục Quảng Trị Bắc Cục	Khoản 4 quy định “<i>Cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận bản án, quyết định khi đủ hồ sơ, tài liệu kèm theo</i>”. Nội dung quy định chưa rõ hồ sơ, tài liệu kèm theo là gì. Pháp luật tố tụng dân sự hiện nay chỉ có quy định Tòa án gửi bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Do đó cần nghiên cứu quy định Đề nghị, sửa đổi thành: “Sau khi nhận bản án, quyết định, nếu xét thấy thiếu hồ sơ, tài liệu liên quan thì cơ quan thi hành án dân sự có quyền yêu cầu cơ quan ban hành bản án, quyết định cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan trong khoảng thời gian ấn định.	Tiếp thu theo hướng có quy định phù hợp về Giao, nhận bản án, quyết định và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật	
	Vụ pháp luật	Khoản 4 Điều 40 dự thảo Luật bổ sung quy	Tiếp thu theo	

	Hình sự - Hành chính	định về thủ tục nhận bản án, quyết định như sau: “ <i>Cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận bản án, quyết định khi đủ hồ sơ, tài liệu kèm theo</i> ”. Để bảo đảm rõ ràng, minh bạch, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo quy định rõ thành phần hồ sơ, tài liệu kèm theo khi giao bản án, quyết định, đồng thời, quy định về thời hạn bổ sung trong trường hợp thiếu hồ sơ, tài liệu.	hướng có quy định phù hợp về Giao, nhận bản án, quyết định và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật	
Điều 41. Thời hiệu yêu cầu thi hành án (Điều 30) 1. Phương án 1: Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn. <i>Thời hạn này không áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành toàn bộ nghĩa vụ tại thời điểm yêu cầu.</i>	Cục: Cao Bằng, Hòa Bình, Sóc Trăng; Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre; Cục Hải Dương; Cục Bình Phước; Cục Điện Biên; Cục Kiên Giang; Cục Nghệ An Bộ Quốc phòng Liên đoàn Luật sư Việt Nam Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam Vụ pháp luật Hình sự -	Phương án 01: - Hòa Bình: sửa đổi thêm: <i>Thời hạn này không áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành <u>một phần hoặc</u> toàn bộ nghĩa vụ tại thời điểm yêu cầu.</i> - Sóc Trăng: cân nhắc bổ sung thời hạn này không áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án <i>hoặc người thân thích của của người phải thi hành án</i> có yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành toàn bộ nghĩa vụ của <i>người phải thi hành án</i> tại thời điểm yêu cầu. - LĐLSVN: thống nhất vì vì quy định như vậy quyền của người được thi hành án được bảo đảm hơn, tránh trường hợp khi người phải thi hành án tự nguyện thi hành án thì đã hết thời hiệu. - Ngân hàng NNVN: giúp người được thi hành án có thêm thời gian để đảm bảo việc thi hành án.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định theo hướng Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn, <i>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác</i> . Nội dung cụ thể sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành.	

	Hành chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
	Cục Hà Tĩnh; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Phương án 1: cần bổ sung thêm từ “toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ” trong nội dung “<i>Thời hạn này không áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành toàn bộ nghĩa vụ tại thời điểm yêu cầu thi hành án</i>”. Lý do: trong thực tiễn có nhiều trường hợp đương sự chỉ tự nguyện khắc phục, bồi thường nghĩa vụ toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ thi hành án. 1. Đối với quy định tại “Điều 41 của “Dự thảo 2” Luật THADS: Thống nhất lựa chọn phương án 1. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “<i>hoặc một phần</i>” vào sau cụm từ “<i>toàn bộ</i>”. Việc bổ sung cụm từ này nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án được bảo vệ tối đa; người phải thi hành án có thể thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoặc một phần nghĩa vụ phù hợp với điều kiện kinh tế.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định theo hướng Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nội dung cụ thể sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành.	
Phương án 2 (giữ nguyên quy định hiện hành): Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.	Đồng Tháp; Văn phòng Bộ Tư pháp Học viện tư pháp Thanh tra Bộ Tư pháp	Phương án 02: để tạo thuận lợi cho các bên đương sự. Lý do: để đảm bảo cân đối quyền lợi giữa người được thi hành án và người phải thi hành án, đồng thời khuyến khích và buộc người phải thi hành án muốn được giảm hình phạt, xóa án tích phải tự nguyện trong thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định chung.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định theo hướng Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ	

Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn. 2. Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án. 3. Các trường hợp không tính thời hiệu yêu cầu thi hành án: a) Thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng trong trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn. b) Thời gian hoãn, tạm đình chỉ trong trường hợp <i>chưa ra quyết định thi hành án nhưng bản án, quyết định bị hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền kháng nghị.</i> 4. <i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>			đến hạn, <i>trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</i> Nội dung cụ thể sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành.	
Điều 42. Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án (Điều 31) 1. Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn; hoặc trình bày bằng lời nói; hoặc gửi đơn qua bưu điện hoặc <i>gửi bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.</i> Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan. Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi. 2. Đơn yêu cầu phải có các nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ, <i>số định danh cá nhân</i> của người	Cục Bình Hòa	Đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 42: Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan. <i>Trường hợp Bản án, Quyết định có nhiều người được thi hành án thì có thể sử dụng bản án phổ thông, công chứng.</i> Lý do: -Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến làm đơn yêu cầu thi hành án. -Không làm thay đổi bản chất của vụ việc.		Giải trình. Nghiên cứu đưa quy định vào văn bản dưới luật

yêu cầu; b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nơi yêu cầu; c) Tên, địa chỉ, <i>số định danh cá nhân</i> của người được thi hành án; người phải thi hành án; d) Nội dung yêu cầu thi hành án; đ) Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án (nếu có); e) Ngày, tháng, năm làm đơn; g) <i>Hình thức nhận tiền, tài sản, thông báo về thi hành án. Trường hợp người yêu cầu là người được thi hành án thì thông tin số tài khoản (nếu có).</i> h) Trường hợp là pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của pháp nhân, nếu có. 3. Trường hợp đơn trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, có chữ ký của người lập biên bản; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu. 4. Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra nội dung yêu cầu và các tài liệu kèm theo, vào sổ nhận yêu cầu thi hành án và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu. <i>Trường hợp pháp luật có quy định điều kiện yêu cầu thi hành án thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Tòa án, cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin và xác nhận về điều kiện đó.</i> 5. Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường				

hợp sau đây: a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Luật này; <i>bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án;</i> b) Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án; c) Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. <i>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>				
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét sửa lại khoản 1 như sau theo hướng quy định cụ thể : “... Người yêu cầu phải nộp <i>bản chính hoặc bản sao bản án, quyết định do tòa án cấp</i> và tài liệu khác có liên quan Từ trước đến nay các cơ quan THADS đều yêu cầu đương sự khi làm đơn yêu cầu THA phải nộp bản gốc bản án. Tuy nhiên trên thực tế đang gây nhiều khó khăn liên quan đến các vụ án mà có đông đương sự hoặc những bản án đã xét xử nhiều năm. Do vậy cần phải quy định cụ thể cả 2 trường hợp để các cơ quan THADS có cơ sở khi áp dụng		Giải trình Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH
	Cục Sóc Trăng	- Tại khoản 1 Điều 42 cần bổ sung: “1. Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn; hoặc trình bày bằng lời nói; hoặc gửi đơn qua bưu điện hoặc gửi bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan.		Giải trình. đối với quy định người phải thi hành án được quyền yêu cầu thi

		<i>Người thân thích của người phải thi hành án được yêu cầu thi hành án đối với các khoản nghĩa vụ theo khoản 1 Điều này và phải thực hiện ngay toàn bộ nghĩa vụ ghi trong đơn.</i> Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi. “		hành án quá hạn đã tạo điều kiện để họ thực hiện quyền nghĩa vụ của mình. do đó bổ sung thêm quy định người thân thích của người phải thi hành án sẽ không khả thi
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại Điểm c khoản 1 Điều 42: Tên, địa chỉ, số định danh cá nhân của người được thi hành án; người phải thi hành án; <i>Đề nghị theo hướng:</i> Tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (nếu có) của người được thi hành án; người phải thi hành án;		Giải trình. nghiên cứu quy định văn bản dưới Luật
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 1: Đề nghị bổ sung: “Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định <i>có đóng dấu đỏ và ghi để thi hành án</i>, tài liệu khác có liên quan”		Giải trình. Nghiên cứu quy định phù hợp văn bản dưới Luật
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 2 Điều 42 cần tách điểm g thành 2 điểm g và i như sau: <i>g. Đối với đơn yêu cầu của người được thi</i>		Giải trình. nghiên cứu quy định

		<i>hành án thì cung cấp hình thức nhận tiền, tài sản là trực tiếp hay chuyển khoản, nếu chuyển khoản thì cung cấp thông tin số tài khoản.</i> <i>h....</i> <i>i. Hình thức nhận Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án. Trực tiếp hoặc thông qua phương tiện điện tử, nếu thông qua phương tiện điện tử thì cung cấp đầy đủ thông tin phương tiện điện tử quy định tại Khoản 2 Điều 54 Luật này.</i>		văn bản dưới Luật
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 2 điều 42 của dự thảo đề nghị: bổ sung “Chữ ký trực tiếp hoặc điểm chỉ trực tiếp của người làm đơn” Điểm c khoản 2 quy định đơn yêu cầu phải có nội dung tên, địa chỉ, số định danh cá nhân của người phải thi hành án. Quy định này rất khó thực hiện được, vì thông thường sẽ rất ít biết mã số định danh của người khác. Đề nghị không quy định bắt buộc phải đưa mã số định danh của người phải thi hành án trong đơn yêu cầu thi hành án.		Giải trình Nghiên cứu quy định phù hợp văn bản dưới Luật
	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 4: đề nghị xem xét bổ sung thời hạn gửi “thông báo bằng văn bản” cho người yêu cầu khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 5: Đề nghị bỏ nội dung “ <i>bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án</i> ” vì quy định trên không đảm bảo		Hiến pháp quy định mọi cá nhân, tổ chức phải

		quyền lợi của đương sự, bởi pháp luật đã có quy định quyền yêu cầu Tòa án giải thích Bản án, quyết định và Tòa án phải chịu trách nhiệm đối với phán quyết của mình. Bên cạnh đó, khi phát sinh các trường hợp này, Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự phải thực hiện trách nhiệm của mình là đảm bảo Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, hiệu lực thi hành phải bảo đảm được đưa ra thi hành.		chấp hành Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành. Trên thực tế có những trường hợp bản án, quyết định tuyên công nhận quyền sở hữu tài sản...không có nội dung, khoản thi hành nên cơ quan THADS không thể tổ chức thi hành. Việc có ra quyết định thi hành án hay không cũng không làm ảnh hưởng đến hiệu

				lực của bản án đó.
	Vụ Pháp luật quốc tế	Đề nghị Quý Tổng cục bổ sung trường hợp trong quá trình thi hành bản án, phán quyết, quyết định, cơ quan thi hành án nhận thấy không thể tiếp tục thi hành thì có quyền từ chối thi hành hoặc bổ sung vào trường hợp đình chỉ thi hành án.	Tiếp thu Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH	
	Cục Hà Tĩnh	Tại điểm c, khoản 2 Điều 42 Luật THADS sửa đổi quy định về yêu cầu thi hành án thì đơn yêu cầu phải có mã định danh cá nhân của người phải thi hành án. Lý do: Khó thực hiện nên đề nghị sửa đổi theo hướng chỉ cần mã định danh của người yêu cầu thi hành án và người được thi hành án.		Giải trình Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH
	Cục Quảng Trị	Tại điểm c khoản 2 Điều 42: Đề nghị sửa đổi thành: <i>Tên, địa chỉ, số định danh cá nhân, mã số doanh nghiệp của người được thi hành án; người phải thi hành án.</i>		Giải trình Nghiên cứu quy định văn bản dưới luật
	Ban Nội chính Trung ương	Khoản 1, Điều 42 dự thảo Luật Quy định: “Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn; hoặc trình bày bằng lời nói; hoặc gửi đơn qua bưu điện hoặc gửi bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết	Tiếp thu Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH, các nội dung chi tiết sẽ	

		định, tài liệu khác có liên quan”. Hiện nay, có nhiều trường hợp các tổ chức kinh tế của nhà nước là bên được thi hành án nhưng không yêu cầu thi hành án, dẫn đến Cơ quan thi hành án không có căn cứ để thi hành án. Do đó, cần bổ sung trách nhiệm của Viện kiểm sát có quyền yêu cầu thi hành án trong trường hợp này để đảm bảo lợi ích của Nhà nước.	được quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật.	
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân thì “số định danh cá nhân” là một trong những thông tin cá nhân và việc tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác phải được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trừ trường hợp quy định tại Điều 17 Nghị định này. Việc quy định người yêu cầu thi hành án phải ghi “số định danh cá nhân” của người phải thi hành án trong đơn yêu cầu là không phù hợp với quy định nêu trên. Đồng thời, quy định như dự thảo Luật sẽ làm hạn chế quyền yêu cầu thi hành án trong trường hợp người được thi hành án không biết “số định danh cá nhân” của người phải thi hành án. Do vậy, đề nghị rà soát không quy định nội dung về “số định danh cá nhân” tại điểm c, Khoản 2 Điều 42 dự thảo Luật.	Tiếp thu Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH, những nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn Luật	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị làm rõ nội dung được bổ sung tại khoản 4 Điều 42: “Trường hợp pháp luật có quy định điều kiện yêu cầu thi hành án thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành	Tiếp thu Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm	

		án, cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Tòa án, cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin và xác nhận về điều kiện đó”. Lý do: “Điều kiện yêu cầu thi hành án” là thuật ngữ khá mới trong thi hành án dân sự nên nếu không có chỉ dẫn thì người áp dụng không hiểu quy định này sẽ được thực hiện trong trường hợp nào (ở đây thuộc trường hợp thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại, thi hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh	quyền của QH	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Điểm a khoản 5 Điều 42 Dự thảo quy định: <i>“5. Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây: a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Luật này; bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án;”</i> Đề nghị bỏ nội dung <i>“bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án”</i> . Quy định trên không đảm bảo quyền lợi của đương sự, bởi pháp luật đã có quy định quyền yêu cầu Tòa án giải thích Bản án, quyết định và Tòa án phải chịu trách nhiệm đối với phán quyết của mình. Bên cạnh đó,		Hiến pháp quy định mọi cá nhân, tổ chức phải chấp hành Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành. Trên thực tế có những trường hợp bản án, quyết định tuyên công nhận quyền sở hữu tài sản...không có nội

		khí phát sinh các trường hợp này, Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự phải thực hiện trách nhiệm của mình là đảm bảo Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, hiệu lực thi hành phải bảo đảm được đưa ra thi hành.		dung, khoản thi hành nên cơ quan THADS không thể tổ chức thi hành. Việc có ra quyết định thi hành án hay không cũng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của bản án đó.
	Cục Kiên Giang	Tại điểm a, khoản 5, Điều 42 dự thảo Luật THADS Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án đề nghị bổ sung từ “không rõ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thi hành án”, vì thực tế quyết định hòa giải thành chỉ thỏa thuận được khoản trả nợ nhưng không thỏa thuận thời gian trả nợ, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng Viện kiểm sát tối cáo trả lời không có căn cứ, nên bản án không đưa ra thi hành được vì đương sự không thỏa thuận được thời gian thực hiện.		Giải trình Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu quy định văn bản dưới Luật.
Điều 43. Thẩm quyền thi hành án dân sự (Điều 35) 1. Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có	Cục Bình Hòa	Điểm i khoản 2: Để phù hợp cần quy định theo hướng mở hơn: <i>“Bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này và quá trình tổ</i>	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	

thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định sau đây: a) Bản án, quyết định sơ thẩm, <i>quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</i> của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; b) Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có trụ sở; c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác. đ) <i>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt về sở hữu trí tuệ, phá sản;</i> 2. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định sau đây: a) Bản án, quyết định sơ thẩm, <i>Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</i> của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cùng địa bàn; b) Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao;		<u>chức thi hành án mà đương sự, người có quyền nghĩa vụ hoặc tài sản ở nước ngoài"</u>		
	Bộ Xây dựng	Điểm đ khoản 2: Để phù hợp với Luật Trọng tài thương mại, đề nghị sửa theo hướng: “đ) Phán quyết, quyết định của <i>Hội đồng trọng tài;</i> ”	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	
	Cục Bắc Giang	Điểm i khoản 2: vì ở giai đoạn khởi kiện, nếu đương sự đang ở nước ngoài thì thẩm quyền giải quyết sẽ thuộc TAND cấp tỉnh. Khi đó thì thẩm quyền thi hành sẽ thuộc Cơ quan THADS cấp tỉnh		
	Cục Bắc Giang	Đề nghị bổ sung Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có thẩm quyền thi hành Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật phù hợp với hệ thống tổ chức THADS được xây dựng phù hợp với chủ trương của Đảng về tinh gọn bộ máy.	
	Cục Bình Hòa	Đề nghị bổ sung điểm h khoản 2 dự thảo giống Luật THADS hiện hành: h) Bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này mà thấy cần thiết lấy lên để thi hành;	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật phù hợp với hệ thống tổ chức THADS được xây dựng phù hợp với chủ trương của Đảng về tinh gọn bộ máy.	
	Bộ Giao	Điểm b khoản 4: đề nghị làm rõ số tiền, tài	Tiếp thu, chỉnh lý	

c) Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; d) Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, <i>phán quyết</i>, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;	thông vận tải; Bộ Công an	sản có giá trị “rất lớn” tại điểm này cụ thể là bao nhiêu, vì việc quy định như dự thảo là chưa rõ ràng, khó xác định để phân định thẩm quyền giữa các cấp của cơ quan thi hành án	quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	
đ) <i>Phán quyết</i>, quyết định của Trọng tài thương mại;	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung thêm điểm e: “ <i>Phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại do Cục THADS uỷ thác đến</i> ”		chưa rõ ý kiến
e) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. <i>Chính phủ quy định chi tiết điểm này;</i> g) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác; h) <i>Bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này ở những địa bàn không thành lập cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện theo quy định;</i> i) Bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà <i>theo bản án, quyết định</i> đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài; k) <i>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt về sở hữu trí tuệ, phá sản.</i> 3. Cơ quan thi hành án cấp quân khu có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định sau đây: a) Quyết định về hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các biện pháp tư pháp, án phí; quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án quân sự	Bộ Quốc phòng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: a) Điểm d khoản 1 <i>“d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác;</i> b) Điểm g khoản 2 <i>“g) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác, cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác;”</i> c) Khoản 3 <i>“3. Cơ quan thi hành án cấp quân khu có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định sau đây:</i> <i>a) Bản án, quyết định của Tòa án quân sự khu vực, Tòa án quân sự quân khu và tương đương trên địa bàn;</i> <i>b) Bản án, quyết định của Tòa án quân sự trung ương chuyển giao cho cơ quan thi hành án cấp quân khu;</i> <i>c) Quyết định dân sự của Tòa án nhân dân</i>	Tiếp thu Nghiên cứu chỉnh lý văn bản dưới Luật	

quân khu và tương đương trên địa bàn; b) Quyết định về hình phạt tiền, tịch thu tài sản, các biện pháp tư pháp, án phí; quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án quân sự khu vực trên địa bàn; c) Quyết định về hình phạt tiền, tịch thu tài sản, xử lý vật chứng, tài sản, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí và quyết định dân sự trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án quân sự trung ương chuyển giao cho cơ quan thi hành án cấp quân khu; d) Quyết định dân sự của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án cấp quân khu; đ) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, cơ quan thi hành án cấp quân khu khác ủy thác. e) Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt theo quy định 4. Cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Việc thi hành án yếu tố nước ngoài; b) Việc thi hành án có số tiền, giá trị tài sản phải thi hành rất lớn; c) Việc thi hành án liên quan đến thẩm quyền của nhiều quân khu. 5. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh rút hồ sơ lên để thi hành thì phải rút toàn bộ các hồ sơ liên quan đến người phải thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đó đang thi hành.		tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án cấp quân khu; d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu khác ủy thác; đ) Bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm chuyên biệt trong trường hợp có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Quân đội". d) Khoản 4 "4. Cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Bản án, quyết định có yếu tố nước ngoài; b) Bản án, quyết định liên quan đến đất, tài sản trên đất quốc phòng; c) Bản án, quyết định liên quan đến địa bàn nhiều quân khu và tương đương; d) Bản án, quyết định liên quan đến tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp". Lý do: Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có chức năng tương đồng trong Quân đội, kịp thời giải quyết việc thi hành án dân sự không để kéo dài, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, tập thể và công dân. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sẽ phát sinh các quan hệ pháp luật,	

		phương thức giao dịch dân sự, dẫn đến phát sinh nhiều tranh chấp, vi phạm pháp luật. Dự báo trong thời gian tới, việc hành án dân sự liên quan đến yếu tố nước ngoài tăng cả về số việc và tính chất, mức độ, thực tiễn giải quyết các vụ việc này thường gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp do cần thực hiện trình tự, thủ tục về tương trợ tư pháp và sự phối hợp của nhiều bộ, ngành liên quan. Theo Kết luận số 59-KL/TW ngày 16/9/2019 của Bộ Chính trị và quy định của pháp luật về đất đai liên quan đến quản lý, sử dụng đất quốc phòng, Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trước Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ trong quản lý đất quốc phòng, phối hợp với các bộ ngành, chính quyền địa phương trong quy hoạch, quản lý, sử dụng đất quốc phòng, quyết định phương án sử dụng đất quốc phòng kết hợp hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế. Giải quyết việc thi hành án dân sự liên quan đến đất, tài sản trên đất quốc phòng thường kéo dài do các quy phạm pháp luật điều chỉnh chưa đầy đủ, vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành và chính quyền địa phương, đòi hỏi có sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, thống nhất. Thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm		

		về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp.		
	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Khoản 1, khoản 2 Điều 43 dự thảo Luật bổ sung thẩm quyền thi hành “ <i>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt về sở hữu trí tuệ, phá sản</i> ” cho cả cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện và cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. Theo đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo phân định rõ thẩm quyền, loại bản án, quyết định nào sẽ do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện thực hiện và loại nào do cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh thực hiện. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 4 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 thì có 03 loại Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt là Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt Hành chính, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt Sở hữu trí tuệ, Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản. Như vậy, các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt Hành chính sẽ do cơ quan thi hành án dân sự cấp nào thực hiện. Khoản 4 Điều 43 dự thảo Luật quy định cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có thẩm quyền thi hành các bản án, quyết định trong trường hợp việc thi hành án có số tiền, giá trị tài sản phải thi hành rất lớn. Theo đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo định lượng cụ thể mức tiền, giá trị tài sản được coi là lớn để có cơ sở áp dụng thống nhất pháp luật.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	
	Cục Nghệ An	Đề xuất sửa đổi điểm i khoản 2 thành: “ <i>Bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà tại thời điểm tổ chức thi hành, đương sự,</i>	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	

		<i>người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc tài sản đang ở nước ngoài</i> Lý do: Nếu quy định chỉ điều chỉnh đối với đương sự là chưa đầy đủ vì còn bỏ sót đối tượng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, quy định theo bản án, quyết định đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài cũng chưa phù hợp với thực tế việc tổ chức thi hành án. Thực tiễn tổ chức thi hành án, có thể tại các cơ quan tài phán ban hành bản án, quyết định thì đương sự, tài sản ở nước ngoài nhưng đến giai đoạn thi hành án dân sự thì đương sự, tài sản không còn ở nước ngoài mà đang ở tại Việt Nam. Điều đó có nghĩa rằng, trong trường hợp này, vụ việc sẽ không coi là có đương sự, tài sản ở nước ngoài và vụ việc sẽ thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện. Điều này phù hợp với định hướng mở rộng thẩm quyền cho cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, phù hợp với quy định về ủy thác thi hành án dân sự cũng như bảo đảm nguyên tắc tổ chức thi hành án vụ việc dân sự được nhanh chóng, thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ		
Điều 44. Ra quyết định thi hành án (Điều 36) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khi có yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Thời hạn ra quyết định thi hành án theo yêu cầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án. <i>Trường hợp pháp luật có quy định điều kiện yêu cầu thi hành án thì thời hạn là 05 ngày làm</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 2 Điều 44, đề nghị theo hướng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án. Lý do: Dẫn chiếu sai.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật về ra quyết định thi hành án chủ động và theo đơn yêu cầu (quy định thành 02 Điều	

việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền thông tin về điều kiện đó.			riêng)	
2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án đối với phân bản án, quyết định sau: a) Án phí, lệ phí Tòa án; b) Hình phạt tiền; hình phạt tịch thu tài sản; biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; sửa chữa tài sản của nhà nước; bồi thường cho Nhà nước, cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được tuyên trong bản án, quyết định hình sự; c) Khoản bồi thường cho tổ chức, cá nhân được tuyên trong bản án, quyết định hình sự trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã thu được tiền để bảo đảm thi hành án; d) Trả lại tiền, tài sản cho đương sự; đ) Khoản truy thu thuế; khoản viện trợ cho Nhà nước; khoản thu nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước; e) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét bổ sung điểm c, khoản 2 nội dung chỉ ra QĐTHA trong phạm vi đối với số tiền đã thu được Lý do: Việc bổ sung quy định theo điểm c, khoản 2 là cần thiết nhằm tránh việc tồn đọng tiền đảm bảo thi hành án tại cơ quan thi hành án trong trường hợp người đương sự không có yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế, không chỉ cơ quan thi hành án thu được tiền để đảm bảo thi hành án. Trong quá trình điều tra, xét xử có nhiều khoản tiền đương sự đã nộp tại kho bạc nhà nước, nộp vào tài khoản tạm thu tạm giữ của sở tài chính... để đảm bảo thi hành án (phần bồi thường dân sự) và nếu không có đơn cũng không thể xử lý được. Đồng thời, số tiền đảm bảo thi hành án này hầu như không đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ mà chỉ đảm bảo cho một phần nghĩa vụ của người phải thi hành án		Giải trình Nghiên cứu xây dựng theo hướng chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của QH
g) Khoản thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản; phương án phân chia tài sản; lệ phí phá sản trong Quyết định của Tòa án về tuyên bố phá sản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án. Đối với quyết định quy định tại điểm e khoản này thì phải ra ngay quyết định thi hành án.	Hội Luật gia Việt Nam	Dự thảo Luật quy định: “Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh điều kiện thi hành án” vẫn chưa thật sự phù hợp, bởi vì quy định thời hạn như thế này mà không có quy định “Mở”, mang tính linh hoạt hơn cho chấp hành viên sẽ gây khó khăn trong việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật,	Tiếp thu. nghiên cứu hoàn thiện	
Đối với quyết định quy định tại điểm g khoản này thì phải ra quyết định thi hành án trong thời hạn	Học viện tư pháp	khoản 1 Điều 44 cũng có quy định về thuật ngữ “Điều kiện yêu cầu thi hành án” nên cần	Tiếp thu	

03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định. 3. Quyết định thi hành án phải ghi rõ họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; số, ngày, tháng, năm, tên cơ quan, tổ chức ban hành bản án, quyết định; tên, địa chỉ của người phải thi hành án, người được thi hành; phần nghĩa vụ phải thi hành án; thời hạn tự nguyện thi hành án. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		được làm rõ về thuật ngữ này		
	Bộ tài chính	Tại dự thảo Luật THADS (sửa đổi) có sử dụng một số tên phí, lệ phí không phù hợp với Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, ví dụ tại điểm g khoản 2 Điều 44 dự thảo Luật THADS (sửa đổi) có quy định về “ <i>lệ phí phá sản</i> ”. Tuy nhiên, lệ phí này không có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để đảm bảo tính thống nhất.	Tiếp thu, đã bỏ nội dung này ra khỏi Dự thảo	
	Cục Bến Tre	Đề xuất bỏ nội dung: “ <i>Đối với quyết định quy định tại điểm g khoản này thì phải ra quyết định thi hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định</i> ”		ko rõ lý do đề xuất
Điều 45. Thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định, văn bản về thi hành án (Điều 37) 1. Người có thẩm quyền ra quyết định về thi hành án ra quyết định thu hồi <i>một phần hoặc toàn bộ</i> quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án trong các trường hợp sau đây: a) Quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án được ban hành không đúng thẩm quyền; b) Quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án có sai sót làm thay đổi nội dung vụ việc; c) Căn cứ ra quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án không còn; d) <i>Có quyết định ủy thác thi hành án;</i> đ) <i>Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật này.</i> 2. Người có thẩm quyền ra quyết định, <i>văn bản</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị sửa điểm d, khoản 1 Điều 45 thành <u>Trường hợp ủy thác thi hành án</u> Lý do: Khi cơ quan THADS ủy thác thi hành án cần thu hồi quyết định thi hành án. Theo trình tự, thủ tục thi hành án thì phải ra quyết định thu hồi quyết định thi án trước rồi mới ban hành quyết định ủy thác thi hành án.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 1 Điều 45 , Dự thảo Luật quy định: “1. Người có thẩm quyền ra quyết định về thi hành án ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết định, văn bản về thi hành án...”. <i>Đề nghị theo hướng:</i> “1. Người có thẩm quyền ra quyết định, văn bản về thi hành án ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết định, văn bản về thi hành án...”.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	

về thi hành án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có quyền ra quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án trong trường hợp quyết định, <i>văn bản</i> đó có sai sót mà không làm thay đổi nội dung vụ việc thi hành án.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Tại điểm d khoản 1 Điều 45 của “Dự thảo 2” Luật THADS quy định: “<i>d) Có quyết định ủy thác thi hành án;</i>” cần điều chỉnh lại để bảo đảm phù hp, thống nhất giữa các Điều luật trong “Dự thảo 2” Luật THADS, cụ thể là Điều 70 “Dự thảo 2” Luật THADS Do đó tại điểm d khoản 1 Điều 45 của “Dự thảo 2” Luật THADS cần được sửa đổi lại thành: “<i>d) Khi xét thấy cần ủy thác thi hành án;</i>”	Tiếp thu, chỉnh lý quy định phù hợp tại Dự thảo Luật	
3. Người có thẩm quyền ra quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có quyền ra quyết định hủy hoặc yêu cầu hủy quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới, Chấp hành viên thuộc quyền quản lý trực tiếp trong các trường hợp sau đây: a) Phát hiện các trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này mà Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới, Chấp hành viên thuộc quyền quản lý trực tiếp không tự khắc phục sau khi có yêu cầu; b) Quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án có vi phạm pháp luật theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền. 4. Quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định, <i>văn bản</i> về thi hành án phải ghi rõ căn cứ, nội dung và hậu quả pháp lý của việc thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ.		Đề nghị xem xét sửa đổi lại quy định tại điểm d, khoản 1 : “<i>Có quyết định ủy thác thi hành án</i>” thành “<i>Trong trường hợp thực hiện ủy thác hồ sơ thi hành án</i>” Lý do: Nếu quy định như dự thảo là không phù hợp với trình tự thủ tục thi hành án. Vì đối với việc ủy thác hồ sơ THA thì phải thu hồi một phần hoặc toàn bộ QĐTHA rồi mới ra Quyết định ủy thác		
Điều 46. Hồ sơ thi hành án (điều mới) 1. <i>Quyết định thi hành án; Quyết định xử lý tài sản của cơ quan nhận ủy thác là căn cứ để lập hồ sơ thi hành án.</i> <i>Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Chấp hành viên phải tiến hành lập hồ sơ thi hành án.</i> 2. <i>Hồ sơ thi hành án phải thể hiện toàn bộ quá</i>	Cục Kiên Giang	Tại khoản 1, Điều 46 dự thảo Luật THADS “Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Chấp hành viên phải tiến hành lập hồ sơ thi hành án” đề nghị nâng lên thành “<i>Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công</i>”.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và có quy định tại các nội dung cụ thể, <i>văn bản</i> quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật	

<i>trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên đối với việc thi hành án, lưu giữ tất cả các tài liệu đã, đang thực hiện và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.</i>			
Điều 47. Ghi nhận và thực hiện thỏa thuận thi hành án (điều mới) 1. Việc thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật này phải đúng nội dung, đầy đủ thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành. Văn bản thỏa thuận phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm tiến hành thỏa thuận; thành phần tham gia; ý kiến của các bên về các nội dung thỏa thuận; phải có đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tham gia và gửi cho Chấp hành viên. 2. Trường hợp thỏa thuận đình chỉ thi hành án sau thời điểm tài sản đã được bán đấu giá thành hoặc đã bán cho đồng sở hữu hoặc người được thi hành án đã đồng ý nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án mà chưa giao được tài sản cho họ thì việc thỏa thuận phải được sự đồng ý của người trúng đấu giá, người mua tài sản hoặc người nhận tài sản. 3. Theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Chấp hành viên có quyền chứng kiến việc thỏa thuận về thi hành án và ký tên vào văn bản thỏa thuận. 4. Căn cứ vào văn bản thỏa thuận hoặc kết quả thực hiện, Chấp hành viên ra thông báo ghi nhận sự thỏa thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định tại Điều .. (nguyên tắc tiến hành thỏa thuận). Thông báo ghi nhận sự thỏa thuận là căn cứ để cơ quan thi hành án dân sự ra các quyết định về thi hành án. <i>Trường hợp phát hiện thỏa thuận vi phạm quy</i>	Cục Bình Hòa	Không cần thiết phải quy định thêm nội dung <u>CHV phải ban hành thông báo về nội dung thỏa thuận</u> sẽ phát sinh trình tự thủ tục vì đã ban hành thông báo thì phải thực hiện tổng đạt thông báo cho đương sự trong khi họ là người trực tiếp đã biết nội dung thỏa thuận. Mà chỉ cần quy định <u>CHV thông báo khi không ghi nhận thỏa thuận</u>. Việc các đương sự đã thỏa thuận bằng văn bản (có hoặc không có chứng kiến của CHV) mà không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội thì đương nhiên là căn cứ để Chấp hành viên xử lý hồ sơ.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản

định tại Điều 6 Luật này thì Chấp hành viên không ghi nhận sự thỏa thuận, thông báo ngay cho những người tham gia thỏa thuận biết, nêu rõ lý do và tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định. Trường hợp đã ra thông báo ghi nhận thỏa thuận thì Chấp hành viên thu hồi thông báo đó.			hướng dẫn thi hành Luật	
Trường hợp các bên không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành phân nghĩa vụ chưa được thi hành theo nội dung bản án, quyết định.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 1: Việc quy định thỏa thuận thi hành án phải có đầy đủ thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành là chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc thỏa thuận thi hành án, dẫn đến kéo dài thời gian thi hành án. Việc thỏa thuận thi hành án có thể chỉ là thi hành một phần bản án, khi đó việc yêu cầu tất cả các thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành là không cần thiết. Mặt khác, rất nhiều trường hợp có đương sự không hợp tác/không rõ nơi cư trú/ở nước ngoài... và thậm chí tòa án đã có thể phải xét xử vắng mặt. Những trường hợp này mà yêu cầu tất cả các thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án thì sẽ rất khó thực hiện trong thực tế. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại quy định này.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi	

			hành Luật	
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét chỉ quy định CHV ra thông báo trong trường hợp không ghi nhận việc thỏa thuận Lý do: Việc các đương sự đã thỏa thuận bằng văn bản (có hoặc không có chứng kiến của CHV) mà không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội thì đương nhiên là căn cứ để Chấp hành viên xử lý hồ sơ. Do vậy, không cần thiết phải quy định thêm nội dung CHV phải ban hành thông báo về nội dung thỏa thuận sẽ phát sinh trình tự thủ tục vì bản thân họ là người trực tiếp đã biết nội dung thỏa thuận. Mà chỉ cần quy định CHV thông báo khi không ghi nhận thỏa thuận	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

	Cục Trị	Quảng	Tại khoản 1 Điều 47: Đề nghị bổ sung thêm cụm từ: “Người tham gia thỏa thuận phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thỏa thuận vi phạm điều cấm của pháp luật; trái đạo đức xã hội; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, người thứ ba hoặc nhằm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ, phí thi hành án” vào cuối khoản này. Lý do: Tại thời điểm Chấp hành viên nhận được văn bản thỏa thuận của các đương sự có thể không xác định hết được những việc trái đạo đức xã hội, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, người thứ ba hoặc nhằm kéo dài thời gian tổ chức thi hành án hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ, phí thi hành án do đương sự cố tình giấu diếm, không trình bày, cung cấp thông tin có liên quan, Chấp hành viên không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp này.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Kiểm tra văn bản quy		Việc quy định như tại khoản 1 Điều 47 dự thảo gây khó hiểu cho người thực hiện, đề	Tiếp thu nghiên cứu quy	

	phạm pháp luật	nghị chính lý theo hướng: “1. Khi có một trong các căn cứ: Quyết định thi hành án; Quyết định xử lý tài sản của cơ quan nhận ủy thác thì trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Chấp hành viên phải tiến hành lập hồ sơ thi hành án”.	định nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đề nghị Tổ soạn thảo nên sửa cụm từ: “ gửi cho Chấp hành viên ” thành “ có sự chứng kiến của Chấp hành viên ” tại khoản 1 Dự thảo. Như vậy mới đảm bảo được tính chính xác của thỏa thuận.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các	

			nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Khoản 1 Điều 47 Dự thảo quy định: “1. Việc <i>thoả thuận thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật này phải đúng nội dung, đầy đủ thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành.</i> Việc quy định thoả thuận thi hành án phải có đầy đủ thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành là chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc thoả thuận thi hành án, dẫn đến kéo dài thời gian thi hành án. Việc thoả thuận thi hành án có thể chỉ là thi hành một phần bản án, khi đó việc yêu cầu tất cả các thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án, quyết định đang được thi hành là không cần thiết. Mặt khác, rất nhiều trường hợp có đương sự không hợp tác/không rõ nơi cư trú/ở nước ngoài... và thậm chí tòa án đã có thể phải xét xử vắng mặt. Những trường hợp này mà yêu cầu tất cả các thành phần có liên quan trực tiếp đến nội dung bản án thì sẽ rất khó thực hiện trong thực tế.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thoả thuận đó. Thoả thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi	

			tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 4 Điều 47 đề xuất quy định bổ sung thời gian cụ thể: “ <i>Căn cứ vào văn bản thỏa thuận hoặc kết quả thực hiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chấp hành viên ra thông báo ghi nhận sự thỏa thuận...</i> ”.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi	

			hành Luật	
	Cục Bắc Giang	Đề nghị bỏ quy định CHV phải ban hành thông báo về nội dung thỏa thuận, vì nội dung thỏa thuận là do ý chí của đương sự đã được thống nhất và ghi nhận tại biên bản nên Chấp hành viên không cần thiết phải thông báo lại việc này	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bến Tre	Tại khoản 4 đề xuất bổ sung như sau:	Tiếp thu theo	

		... <i>“4. Căn cứ vào văn bản thỏa thuận hoặc kết quả thực hiện, Chấp hành viên ra thông báo ghi nhận sự thỏa thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định tại Điều .. (nguyên tắc tiến hành thỏa thuận). Thông báo ghi nhận sự thỏa thuận là căn cứ để cơ quan thi hành án dân sự ra các quyết định về thi hành án”.</i> <i>Kể từ khi Chấp hành viên ra thông báo ghi nhận sự thỏa thuận thì đương sự không được thay đổi nội dung đã thỏa thuận trừ trường hợp có sự đồng ý của tất cả các bên đã tham gia thỏa thuận và nội dung thỏa thuận chưa được các bên thực hiện”</i>	hướng bỏ quy định này và chỉ quy định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Hà Tĩnh	Tại khoản 5, Điều 47 Luật THADS sửa đổi quy định <i>“khi thi hành án tại cơ sở trường hợp người được và người phải THA ở cùng</i>	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định này và chỉ quy	

		<i>một nơi, Chấp hành viên có thể chi trả ngay số tiền, tài sản thu được”. Quy định này thiếu rõ ràng, chưa tường minh.</i> Đề nghị quy định rõ như thế nào là ở cùng một nơi: là cùng đường, cùng xóm, cùng thôn, cùng làng, cùng phường, xã hay cùng huyện, cùng tỉnh...	định nguyên tắc chung Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án và phải chịu trách nhiệm về thỏa thuận đó. Thỏa thuận về việc thi hành án thi hành án không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba, không nhằm trốn tránh việc nộp phí thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
Điều 48. Gửi quyết định, văn bản về thi hành án (Điều 38) (Giữ nguyên) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, các quyết định về thi hành án phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, trừ trường	Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung phương thức tổng đạt trên môi trường mạng và xã hội hóa thi hành án dân sự thông qua thực hiện chế định thừa phát lại.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, gửi văn bản về thi hành án. Các nội	

hợp Luật này có quy định khác. Quyết định cưỡng chế thi hành án phải được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành án.			dụng cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Tiêu đề là Gửi quyết định, văn bản về thi hành án tuy nhiên tại phần nội dung chỉ quy định việc gửi các quyết định về thi hành án. Đề nghị xem xét lại.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, gửi văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
Điều 49. Thông báo thi hành án (Điều 39) 1. Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải được thông báo cho đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó. <i>Quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án phải được giao trực tiếp cho người được thông báo; các quyết định, văn bản khác về thi hành án được thông báo cho đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên phương tiện điện tử, trừ trường hợp người đó lựa chọn hoặc pháp luật có quy định khác.</i> 2. Việc thông báo phải thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án.	Cục Cao Bằng; Cục Phú Thọ	Dự thảo quy định: “Quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án phải được giao trực tiếp cho người được thông báo” sẽ gây khó khăn cho các cơ quan THADS và dễ vi phạm thời hạn, đặc biệt là đối với những cơ quan THADS có địa bàn rộng hoặc những cơ quan THADS có lượng án lớn vì thời hạn để thực hiện thông báo trực tiếp là trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Hà Tĩnh	Khoản 1 Điều 49 Luật THADS: Nên bỏ quy định này. Lý do: Đối với các vụ việc thi hành án có số lượng người được thi hành án rất lớn thì việc giao trực tiếp là không khả thi. Mặt khác đối với các vụ việc người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành xong nghĩa vụ, việc giao trực tiếp là không cần thiết và	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, gửi văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi	

3. Các hình thức thông báo thi hành án gồm: a) Thông báo trực tiếp; b) Niêm yết công khai; c) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; d) <i>Thông báo qua phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật.</i> 4. Chi phí thông báo do người phải thi hành án chịu, trừ trường hợp pháp luật quy định ngân sách nhà nước chi trả hoặc người được thi hành án chịu.		tốn nhiều thời gian, công sức.	tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Quảng Trị	Tại khoản 2 Điều 49: Quy định thời hạn 03 ngày làm việc là quá ngắn, chưa đảm bảo thời để thực hiện việc thông báo đúng pháp luật, bởi số lượng hồ sơ thi hành án mỗi Chấp hành viên thụ lý thi hành án ngày càng tăng, đương sự trong một vụ việc ngày càng nhiều, địa giới hành chính rộng ... Đề nghị sửa đổi thành: việc thông báo phải thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành văn bản.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Điều này quy định về Thông báo thi hành án, tại khoản 1 đề nghị Tổ soạn thảo bỏ cụm từ: <i>“trực tiếp”</i> trong đoạn <i>“Quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án phải được giao ~~trực tiếp~~ cho người được thông báo”</i> tại khoản 1 của Dự thảo. Vì thông báo gồm có 4 hình thức do vậy, tùy theo tình hình thực tế cơ quan thi hành án sẽ áp dụng hình thức thông báo phù hợp để đảm bảo quy định pháp luật. Nếu quy định Quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án phải được giao trực tiếp cho người được thông báo mà người thông báo cố tình vắng mặt sẽ khó khăn cho việc thi hành án. Thực tế đối với các vụ việc Hôn nhân và gia đình, án Dân sự tranh chấp tài sản có yếu tố nước ngoài (<i>đương sự đang định cư tại nước ngoài</i>) thì việc thông báo, triệu tập, gọi báo xác minh rất khó khăn vì liên quan đến Ủy thác tư pháp.	Tiếp thu Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu quy định phù hợp tại Nghị định của Chính phủ	

		Do đó, cần phải có quy định cụ thể về thời gian thực hiện thông báo theo hướng kéo dài hơn so với quy định Luật hiện hành đối với vụ việc có yếu tố nước ngoài.		
	Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre	Đề nghị khoản 1 ghi rõ “Quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án phải được thông báo trực tiếp cho người được thông báo....” cho phù hợp với Điều 50, Điều 51 của Dự thảo. Còn quy định như thế này, sẽ hiểu là Chấp hành viên phải giao trực tiếp. Nếu giao trực tiếp thì sẽ rất khó để có thể thực hiện vì mỗi đợt thụ lý, mỗi Chấp hành viên có thể được giao 30-50 hồ sơ nên không thể giao trực tiếp cho đương sự trong thời hạn 3 ngày làm việc được	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp về Thông báo, văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bến Tre	Khoản 2: đề xuất quy định lại thời hạn thực hiện thông báo 5 ngày làm việc	Tiếp thi chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội	
Điều 50. Thủ tục thông báo trực tiếp cho cá nhân (Điều 40) <i>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo trực tiếp, bao gồm:</i> <i>a)Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án;</i> <i>b)Người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự</i>	Cục Hòa Bình	Đề nghị sửa đổi thành: Trường hợp người được thông báo vắng mặt thì Chấp hành viên hoặc <u>người thực hiện việc thông báo phải lập biên bản</u> giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ <u>hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ thi hành án.</u>	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý theo hướng chỉ quy định các hình thức thông báo, Chấp hành viên được phép lựa chọn thực hiện tùy theo từng trường hợp cụ thể, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả. Các nội dung cụ thể sẽ được	

<i>Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù;</i> <i>c) Doanh nghiệp bưu chính công ích hoặc Văn phòng Thừa phát lại.</i> 2. Trường hợp người được thông báo vắng mặt thì văn bản thông báo được giao cho một trong số những người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó. Việc giao thông báo <i>trực tiếp</i> phải lập thành biên bản. Ngày lập biên bản là ngày được thông báo hợp lệ. Trường hợp người được thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng người đó từ chối nhận văn bản thông báo hoặc người được thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về thì người thực hiện thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo, có chữ ký của người chứng kiến và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 42 của Luật này. 3. Người được thông báo có thay đổi về địa chỉ liên lạc thì <i>phải kịp thời thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án biết để thực hiện việc thông báo theo địa chỉ mới. Trường hợp không thông báo địa chỉ mới thì việc thông báo theo địa chỉ được xác định trước đó được coi là hợp lệ.</i> 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		Lý do: - Phù hợp với quy định thông báo được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. - Bổ sung thêm nội dung giao cho tổ trưởng ... để thực hiện việc giao thông báo.	quy định tại các văn bản dưới Luật.	
	Cục Sóc Trảng; Cục Bình Phước	Tại khoản 2 Điều 50 đề nghị dẫn chiếu lại từ Điều 42 sang Điều 52 của Luật này. Lý do: Dẫn chiếu sai điều.	Tiếp thu, chỉnh lý	
	Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị xem xét bổ sung hình thức “thông báo” khi người được thông báo thay đổi về địa chỉ liên lạc mà không thông báo địa chỉ mới để đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng, khả thi khi thực hiện	Nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý theo hướng chỉ quy định các hình thức thông báo, Chấp hành viên được phép lựa chọn thực hiện tùy theo từng trường hợp cụ thể, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại các văn bản dưới Luật.	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Quy định về Thủ tục thông báo trực tiếp cho cá nhân, tại khoản 2 điều này có nội dung: “...<i>Việc giao thông báo trực tiếp phải lập thành biên bản. Ngày lập biên bản là ngày được thông báo hợp lệ.</i> Đề nghị Tổ soạn thảo cân nhắc quy định này, vì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo trực tiếp, bao gồm cả Doanh nghiệp bưu chính công ích. Trong khi nhân viên bưu tá	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, chỉ xác định các hình thức thông báo, các nội dung cụ thể sẽ	

		chỉ có trách nhiệm giao và ký nhận các văn bản cho đương sự việc quy định phải lập Biên bản là khó thực hiện.	được quy định cụ thể tại các văn bản hướng dẫn Luật	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 2 Điều 50 của dự thảo quy định: “Trường hợp người được thông báo vắng mặt thì văn bản thông báo được giao cho một trong số những người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó”. Đề nghị: giải thích rõ thế nào là cùng cư trú Lý do: Hiện nay chưa có một văn bản pháp luật nào quy định như thế nào là cùng cư trú dẫn tới có quan điểm cho rằng cùng cư trú là phải ở cùng nhà, sống cùng nhà nhưng có quan điểm cho rằng cùng cư trú là ở cùng thôn, tổ dân phố, xã, phường	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các nội dung chi tiết sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bến Tre	Khoản 3 đề xuất sửa đổi nội dung như sau: “ <i>Trường hợp không thông báo địa chỉ mới thì việc thông báo theo địa chỉ được xác định theo Bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của trọng tài thương mại được coi là hợp lệ</i> ”.	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các nội dung cụ thể sẽ được quy định sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Hà Tĩnh	Khoản 2 Điều 50 Luật THADS sửa đổi có quy định việc giao thông báo <i>trực tiếp</i> phải lập thành biên bản. Quy định này nên bổ sung thêm lập biên bản hoặc có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo trực tiếp cho người được thông báo vì trong một số trường hợp không lập được biên	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, thực tục cụ thể sẽ được quy định	

		bản thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo trực tiếp xác nhận và chịu trách nhiệm đối với việc thông báo.	tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật	
Điều 51. Thủ tục thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức (Điều 41) 1. Việc thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật này (về thông báo trực tiếp cho cá nhân). 2. Trường hợp người được thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản thông báo phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận. Trường hợp cơ quan, tổ chức được thông báo có người đại diện tham gia việc thi hành án hoặc cử người đại diện nhận văn bản thông báo thì những người này ký nhận văn bản thông báo. Ngày ký nhận là ngày được thông báo hợp lệ. Trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó từ chối không nhận văn bản thông báo thì lập biên bản, có chữ ký của người chứng kiến và việc thông báo được coi là hợp lệ.	Cục Bến Tre	Tại khoản 3 đề xuất sửa đổi nội dung như sau: “ <i>Trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó từ chối không nhận văn bản thông báo thì lập biên bản, có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương và việc thông báo được coi là hợp lệ</i> ”	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo, gửi văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Tại khoản 1 quy định về Thủ tục thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đề nghị Tổ soạn thảo sửa cụm từ: “ <i>Trường hợp người được thông báo là cơ quan, tổ chức</i> ” thành “ <i>Trường hợp cơ quan, tổ chức là đối tượng được thông báo</i> ” tại khoản 2 của Dự thảo.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo, gửi văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 51 khi dẫn chiếu việc thực hiện thông báo cho cơ quan tổ chức theo khoản 1,2 Điều 50 Lý do: chủ thể nhận văn bản của cơ quan tổ chức là người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức. Để đảm bảo tính hợp lệ của việc thông báo, chấp hành viên sẽ thực hiện thông báo tại trụ sở của cơ quan, tổ chức; nếu	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

		không gặp được các chủ thể này thì thực hiện việc niêm yết theo quy định. Do vậy, việc áp dụng khoản 2 Điều 50 để thông báo cho cơ quan tổ chức (thông báo qua người thân) là không phù hợp.		
Điều 52. Niêm yết công khai (Điều 42) (Giữ nguyên) 1. Việc niêm yết công khai văn bản thông báo chỉ được thực hiện khi không rõ địa chỉ của người được thông báo hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo hoặc cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện việc niêm yết. 2. Việc niêm yết được thực hiện theo thủ tục sau đây: a) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú, <i>có trụ sở</i> hoặc nơi cư trú, <i>có trụ sở</i> cuối cùng của người được thông báo; b) Lập biên bản về việc niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết; số, ngày, tháng, năm, tên của văn bản thông báo; có chữ ký của người chứng kiến. 3. Thời gian niêm yết công khai văn bản thông báo là 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. Ngày niêm yết là ngày được thông báo hợp lệ.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 2 Điều 52 cần quy định bổ sung: Điểm a quy định bổ sung: “Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú, có trụ sở hoặc nơi cư trú, có trụ sở cuối cùng của người được thông báo <i>trừ trường hợp có căn cứ xác định nơi cư trú, có trụ sở cuối cùng đã chuyển nhượng cho người khác.</i>”	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 1: giải thích rõ những trường hợp nào được coi là không rõ địa chỉ Lý do: trên thực tế Chấp hành viên xác minh với Cục xuất nhập cảnh được cung cấp thông tin người được thông báo có xuất cảnh đi Đài loan, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tuy nhiên địa chỉ cụ thể ở Đài Loan không có nên không thực hiện được việc uỷ thác tư pháp. Trong trường hợp này, có quan điểm cho rằng không rõ địa chỉ và thực hiện niêm yết nhưng cũng có quan điểm cho rằng niêm yết trong trường hợp này là không đúng vì đã có thông tin là đã xuất cảnh Đài Loan nên không thể coi là không rõ địa chỉ được nên việc niêm yết là không đảm bảo quyền lợi của người được thông báo vì họ không còn ở trong nước sẽ bị khiếu nại và bồi thường khi thực hiện thông báo không đúng	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

	Cục Bến Tre	điểm b khoản 2 đề nghị bỏ cụm từ “ <i>có chữ ký của người chứng kiến</i> ” thay thế bằng cụm từ “ <i>có xác nhận của chính quyền địa phương</i> ”.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bến Tre	khoản 3 đề nghị bỏ cụm từ: “ <i>Ngày niêm yết là ngày được thông báo hợp lệ</i> ”.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Điểm b quy định bổ sung: “Lập biên bản về việc niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết; số, ngày, tháng, năm, tên của văn bản thông báo; có chữ ký của người chứng kiến và xác nhận của UBND cấp xã nơi niêm yết ”.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
Điều 53. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Điều 43) 1. Thông báo trên phương tiện thông tin đại	Cục Bến Tre	- Đề xuất quy định rõ trường hợp nào được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng một cách cụ thể, bởi vì quy định chỉ	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông	

chúng chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc khi <i>người được thông báo</i> có yêu cầu. 2. Trường hợp xác định <i>người được thông báo</i> đang có mặt tại địa phương nơi cư trú, <i>có trụ sở</i> thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của địa phương đó hai lần trong 02 ngày liên tiếp. Trường hợp xác định <i>người được thông báo</i> không có mặt tại địa phương nơi cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của trung ương hai lần trong 02 ngày liên tiếp. 3. Ngày thực hiện việc thông báo lần hai trên phương tiện thông tin đại chúng là ngày được thông báo hợp lệ.		được thực hiện khi pháp luật có quy định mà pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Bến Tre	- Tại khoản 2 quy định: “ <i>Trường hợp xác định người được thông báo không có mặt tại địa phương nơi cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của trung ương hai lần trong 02 ngày liên tiếp</i> ” nội dung quy định này mâu thuẫn với quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật THADS (dự thảo).	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Hà Tĩnh	Điều 53 Luật THADS sửa đổi nên bổ sung thêm quy định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các vụ việc có yếu tố nước ngoài trong trường hợp đương sự không rõ địa chỉ.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét cần có quy định cụ thể văn bản nào sẽ thực hiện thông báo bằng phương tiện điện tử nào. Đồng thời người nhận thông báo phải được biết trước nội dung này tại quá trình tổ chức thi hành án để chủ động trong việc nhận thông báo- Việc không phải	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung	

		thực hiện thông báo tất cả Quyết định, văn bản về THA bằng hình thức tổng đạt trực tiếp sẽ giúp giảm tải thực sự đáng kể cho Chấp hành viên. Tuy nhiên, cần phải nghiên cứu toàn diện tính chất, đặc thù của hoạt động THADS để quy định phù hợp và có tính khả thi. Theo đó có những nội dung thông báo để các bên đương sự và người có quyền nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền nghĩa vụ trong một thời gian cụ thể nhất định. Vậy, người nhận được thông báo làm thế nào để biết được thông tin trên đang được Chấp hành viên thông báo cho mình qua các phương tiện điện tử để thực hiện kịp thời? Lý do: Ngoại trừ 02 loại quyết định phải thực hiện thông báo trực tiếp là Quyết định thi hành án và Quyết định cưỡng chế, đối với các loại quyết định và văn bản còn lại sẽ được thực hiện thông báo bằng phương tiện điện tử và dưới 05 hình thức theo khoản 2 Điều 54 Việc quy định như trên là hoàn toàn phù hợp trong thời đại chuyển đổi số và thực tiễn của hoạt động THADS. Tuy nhiên, do về phương tiện điện tử có nhiều hình thức như đã nêu ở trên, nên để có tính thống nhất, hợp lý yêu cầu phải có quy định cụ thể tương ứng giữa các loại văn bản và hình thức thực hiện nhằm tránh sự tùy tiện và lúng túng khi tổ chức thực hiện. Ngoài ra, việc thông báo bằng hình thức nào cũng cần phải được các cơ quan THADS có trách nhiệm thông báo, giải thích trước cho người nhận thông báo biết để	cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

		họ chủ động tiếp nhận thông tin. Vấn đề này, qua nghiên cứu tại dự thảo chưa được điều chỉnh nên cần phải xem xét bổ sung.		
Điều 54. Thông báo bằng phương tiện điện tử (điều mới) 1. Thông báo bằng phương tiện điện tử được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Người được thông báo có yêu cầu; b) Thông báo các quyết định, văn bản về thi hành án, trừ quyết định thi hành án và quyết định cưỡng chế thi hành án; c) Trường hợp khác theo quy định pháp luật. 2. Thông báo bằng phương tiện điện tử được thực hiện thông qua một trong các phương tiện sau: a) Cổng Dịch vụ công quốc gia; Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; b) Ứng dụng VneID; c) Trang thông tin điện tử của các Cục thi hành án dân sự hoặc Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự; d) Điện tín, fax, email; đ) Phương tiện điện tử khác theo quy định của Chính phủ. 3. Ngày Chấp hành viên gửi văn bản thông báo trên phương tiện điện tử là ngày thông báo hợp lệ. Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm truy cập vào phương tiện điện tử quy định tại khoản 2 Điều này để nhận các thông báo về thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. 4. Kết quả thông báo được thể hiện thông qua: a) Bản in hình ảnh chụp màn hình đăng tải thông báo;	Cục Bình Hòa	Đề phù hợp đề nghị bổ sung quy định thành: "<u>Thông báo các QĐ, văn bản về thi hành án kể cả quyết định THA và quyết định cưỡng chế THA mà đương sự có yêu cầu</u>". Quy định như vậy sẽ đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện cho CHV thực hiện nhiệm vụ nhanh hơn. Mặc dù dự thảo quy định việc thông báo bằng phương tiện điện tử được thực hiện khi đương sự có yêu cầu nhưng đến điểm b lại trừ quyết định THA và quyết định cưỡng chế thi hành án sẽ tạo nên sự không thống nhất và khó khăn khi áp dụng vì sẽ dễ bị mặc định quyết định thi hành án và quyết định cưỡng chế thi hành án không được thông báo bằng phương tiện điện tử	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Bộ Công an	Tại điểm b khoản 2: đề nghị chỉnh lý thành “Ứng dụng định danh quốc gia” để phù hợp với quy định của Luật Căn cước và bảo đảm tính ổn định của Luật sau khi được ban hành.	Tiếp thu nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Thông tin và Truyền thông	điểm b khoản 2 dự thảo quy định “ <u>Thông báo bằng phương tiện điện tử được thực hiện thông qua một trong các kênh sau: a. Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh...</u> ”. Tuy nhiên, tại khoản 3, 4 Điều 40 Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về Thông báo văn bản về thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được quy	

b) Văn bản thể hiện kết quả thông báo như bức điện tín, thư điện tử, báo cáo bản fax đã được gửi; c) Hình thức khác theo quy định của Chính phủ.		danh và xác thực điện tử quy định các tài khoản được tạo lập bởi bởi Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cá nhân được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cấp cho cơ quan, tổ chức được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì cân nhắc để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.	định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Bộ Ngoại giao	Đề nghị cân nhắc bổ sung việc thông báo bằng phương tiện điện tử	Tiếp thu	
Điều 55. Xác minh điều kiện thi hành án (Điều 44) 1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh <i>điều kiện thi hành án</i>; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời <i>hoặc cần thiết</i> thì phải tiến hành xác minh ngay. Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình. 2. Cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án. 3. Khi xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có trách nhiệm sau đây: a) Xuất trình thẻ Chấp hành viên <i>hoặc giấy giới thiệu của cơ quan thi hành án dân sự</i>; b) Xác minh cụ thể tài sản, thu nhập, các điều kiện khác để thi hành án; đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng hoặc đăng ký giao dịch bảo				
	Cổng TTĐT Chính phủ	<u>Cần có quy định về quyền được chủ động truy cập khai thác</u>	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về xác minh điều kiện thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
	Cục Bình Hòa	Đề nghị: Thảo luận đưa ra phương án đề nghị sửa đổi quy định này đảm bảo thống nhất. Lý do: Theo quy định, khi tiến hành xác minh, chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án. Theo đó, được hiểu việc tự mình kê khai là trách nhiệm, nghĩa vụ của người phải thi hành án. Tuy nhiên: - Tài khoản 1 điều 9 Nghị định số	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về xác minh điều kiện thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	

đảm thì còn phải xác minh tại cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch đó; c) Trường hợp xác minh bằng văn bản thì văn bản yêu cầu xác minh phải nêu rõ nội dung xác minh và các thông tin cần thiết khác; d) Trường hợp người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức thì Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án; đ) Chấp hành viên tự mình hoặc theo yêu cầu của đương sự yêu cầu <i>giám định thương mại; xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng tài sản</i>; yêu cầu, mời, thuê cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn để làm rõ các nội dung cần xác minh trong trường hợp cần thiết;		62/2015/NĐ-CP quy định: “Khi tiến hành xác minh, chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án kê khai, trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập” <u>Như vậy, quyền yêu cầu của Chấp hành viên trong trường hợp này lại biến thành nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên.</u> Khi xác minh nhất thiết trong mọi trường hợp Chấp hành viên phải gặp được người phải thi hành án mới lập được biên bản kê khai tài sản. Mặt khác, người phải thi hành án đa số thường không hợp tác với Chấp hành viên, trốn tránh trách nhiệm hoặc kê khai không trung thực. Vì vậy, việc kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án từ người phải thi hành án nhiều khi là một quy định gây khó khăn cho chấp hành viên.		
e) Lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh. 4. Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 1: Đề nghị sửa đổi bổ sung: Chậm nhất trong hạn 20 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được Quyết định thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay Lý do: với quy định này thì trong thời hạn 20 ngày Chấp hành viên có thể xác minh bất cứ ngày nào trong 20 ngày thuận tiện cho Chấp hành viên chủ động thực hiện xác minh với từng trường hợp hồ sơ cụ thể, đảm bảo việc thi hành án được tổ chức xác minh kịp thời, rút ngắn thời gian tổ chức thi hành án cụ thể trên thực tế có nhiều trường hợp Chấp		Nghiên cứu cần nhắc, quy định chung về xác minh điều kiện thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của

Viện kiểm sát nhân dân. 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án: a) Cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp; b) Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay; c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. <i>Đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay.</i> Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. 6. Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Thanh tra Bộ Tư pháp	hành viên đã tích cực tiến hành xác minh luôn ngay trong ngày giao quyết định thi hành án cho người phải thi hành án và yêu cầu người phải thi hành án kê khai tài sản thu nhập nhưng lại bị đoàn kiểm tra bắt vì chưa hết thời hạn 10 ngày tự nguyện đã thực hiện xác minh điều này đã hạn chế việc tích cực tổ chức thi hành án của Chấp hành viên và xâm phạm đến quyền và lợi ích của người được thi hành án Điểm b khoản 5 Điều 55 và khoản 4 Điều 96 dự thảo Luật: Đề nghị thay cụm từ “bảo hiểm xã hội” thành “cơ quan bảo hiểm xã hội” để phù hợp với tên gọi của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 16 Luật Bảo hiểm xã hội. Tại khoản 1 Điều 55 Luật THADS quy định “<i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cần thiết thì phải tiến hành xác minh ngay;...</i>” Theo nội dung quy định trên thì trong thời gian tự nguyện thi hành án Chấp hành viên không được xác minh điều kiện thi hành án (<i>trừ trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cần thiết thì phải tiến hành xác minh ngay</i>). Như vậy, nếu quy định chung chung trường hợp hoặc cần thiết có thể sẽ dẫn đến cách hiểu khác	Tiếp thu Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về xác minh điều kiện thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Chính phủ. Tuy nhiên, thời hạn 20 ngày là quá dài, không đảm bảo kịp thời, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên

thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Cục Trị Quảng	nhau khi áp dụng. Do vậy cần phải đổi bổ sung quy định Chấp hành viên được quyền xác minh điều kiện thi hành án ngay sau khi ban hành quyết định Thi hành án.		
		Tại khoản 6 Điều 55: Đề nghị cần bổ sung thêm nội dung: “...Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm cung cấp, cung cấp thông tin không chính xác hoặc không cung cấp thông tin dẫn đến người phải thi hành án tẩu tán tài sản thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm...”	Nghiên cứu tiếp thu, quy định chung về xác minh điều kiện thi hành án tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
Điều 56. Yêu cầu giám định thương mại (điều mới) 1. Trường hợp cần xác định số lượng, chất lượng, bao bì, giá trị hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, tổn thất, độ an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh, phòng dịch, kết quả thực hiện dịch vụ, phương pháp cung ứng dịch vụ và các nội dung khác theo yêu cầu của đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì Chấp hành viên yêu cầu tổ chức kinh doanh dịch vụ giám định thương mại thực hiện giám định theo quy định pháp luật thương mại. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Chấp hành viên ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ giám định thương mại. Kết quả giám định là một trong những cơ sở để Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế hoặc thực hiện xác định giá; tổ chức	Bộ thương Công	Đề nghị quy định chi tiết nội dung quy định tại khoản 3 Điều 56 Dự thảo Luật: “Việc từ chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định phải được lập thành văn bản nêu rõ lý do của việc từ chối hoặc đề nghị thay đổi”, trong đó xác định rõ: chủ thể thực hiện quyền chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định; chủ thể tiếp nhận văn bản từ chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định; hệ quả của việc từ chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định. Lý do: pháp luật hiện hành về giám định thương mại tại Luật Thương mại và các Nghị định hướng dẫn về kinh doanh doanh dịch vụ giám định thương mại (Nghị định số 20/2006/NĐ-CP, Nghị định số 120/2011/NĐ-CP) quy định: “Dịch vụ giám	Tiếp thu, nghiên cứu bỏ quy định này tại dự thảo Luật	

thẩm định giá theo quy định pháp luật. 3. Việc từ chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định phải được lập thành văn bản nêu rõ lý do của việc từ chối hoặc đề nghị thay đổi. 4. Chi phí giám định thương mại do người có yêu cầu chịu.		định là hoạt động thương mại, theo đó một thương nhân thực hiện những công việc cần thiết để xác định tình trạng thực tế của hàng hoá, kết quả cung ứng dịch vụ và những nội dung khác theo yêu cầu của khách hàng” và “Giám định bao gồm một hoặc một số nội dung về số lượng, chất lượng, bao bì, giá trị hàng hoá, xuất xứ hàng hoá, tổn thất, độ an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh, phòng dịch, kết quả thực hiện dịch vụ, phương pháp cung ứng dịch vụ và các nội dung khác theo yêu cầu của khách hàng.”, đồng thời xác định rõ nguyên tắc “Dịch vụ giám định thương mại được thực hiện theo <u>nguyên tắc độc lập, khách quan, khoa học và chính xác</u>.”. Như vậy, dịch vụ giám định thương mại luôn xuất phát từ “yêu cầu giám định” và trên nguyên tắc “độc lập, khách quan” khi thực hiện dịch vụ, không có quy định về việc từ chối giám định thương mại hoặc thay đổi người giám định. Do đó, quy định mới tại khoản 3 Điều 56 Dự thảo Luật: “Việc từ chối giám định thương mại hoặc đề nghị thay đổi người giám định phải được lập thành văn bản nêu rõ lý do của việc từ chối hoặc đề nghị thay đổi” chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung này.		
Điều 57. Xem xét, thẩm định tại chỗ (điều mới) 1. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Chấp hành viên tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ với sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng cần xem xét,	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Việc xem xét thẩm định tại chỗ đã được quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và đã thực hiện tại giai đoạn xử lý tại Toà án, đã được tuyên trong Bản án/Quyết định của Toà án. Do đó, Dự thảo quy định về xem xét thẩm định tại chỗ thuộc giai đoạn	Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi Dự thảo	

thẩm định. Chấp hành viên phải báo trước để đương sự biết và chứng kiến việc xem xét, thẩm định đó.		THA là không cần thiết. Nội dung thực hiện công việc xem xét thẩm định tại chỗ cũng trùng lặp với công việc kiểm tra hiện trạng tài sản quy định tại Điều 107 của Dự thảo. Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét bỏ điều này để rút ngắn thủ tục trong quá trình THA.		
2. Việc xem xét, thẩm định tại chỗ phải được lập thành biên bản. Biên bản phải ghi rõ kết quả xem xét, thẩm định, mô tả rõ hiện trường, có chữ ký của người xem xét, thẩm định và chữ ký hoặc điểm chỉ của đương sự nếu họ có mặt, của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng được xem xét, thẩm định và những người khác được mời tham gia việc xem xét, thẩm định.	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đề nghị cân nhắc quy định việc giao Chấp hành viên xem xét thẩm định tại chỗ trong trường hợp theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết là chưa đảm bảo vì Chấp hành viên không có chuyên môn trong việc thẩm định giá. Trường hợp vẫn giao Chấp hành viên thẩm định tại chỗ thì phải giao Chính phủ quy định rõ trong những trường hợp cụ thể nào và nếu kết quả thẩm định là cơ sở để đưa ra đấu giá thì phải có sự đồng ý của các bên đương sự và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba.	Tiếp thu, bỏ nội dung này ra khỏi Dự thảo	
Biên bản xem xét, thẩm định có xác nhận Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng được xem xét, thẩm định.				
3. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Chấp hành viên.				
4. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an xã, phường, thị trấn nơi có đối tượng được xem xét, thẩm định tại chỗ hỗ trợ trong trường hợp có hành vi cản trở việc xem xét, thẩm định tại chỗ.	Cục Nghệ An	- Khoản 1 cần bổ sung thành phần tham gia có thể mở rộng thêm trong các trường hợp Chấp hành viên xét thấy cần thiết, như: đại diện chuyên môn hoặc tổ chức liên quan trực tiếp đến nội dung cần thẩm định - Cần bổ sung chế tài cụ thể đối với hành vi cản trở việc xem xét thẩm định tại chỗ, đồng thời quy định rõ thẩm quyền của Chấp hành viên trong việc xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi này Lý do: Việc quy định bổ sung thêm thành phần tham gia nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan hơn khi thực hiện thẩm định.	Tiếp thu, hoàn thiện xây dựng Nghị định	
Điều 58. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án (Điều 44a)	Cục Băng; Cao Cục	- Khoản 2 Điều 58: Sau khi ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù	

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án <i>trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các căn cứ sau:</i> a) Người phải thi hành án <i>thi hành nghĩa vụ về tài sản</i> không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng; không có <i>thông tin về tài sản để thi hành án hoặc có nhưng giá trị tài sản bằng hoặc thấp hơn</i> chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án; b) Người phải thi hành án <i>phải tự mình thực hiện nghĩa vụ buộc thực hiện công việc theo bản án, quyết định mà không thể giao cho người khác thực hiện thay</i> nhưng chưa xác định được nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của người phải thi hành án; c) Chưa xác định được địa chỉ, nơi cư trú của người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng hoặc người được giao nuôi dưỡng; d) <i>Tài sản thi hành án là động sản nhưng không thể thực hiện được việc tạm giữ mà người phải thi hành án không còn tài sản khác;</i> đ) <i>Hiện trạng tài sản thực tế không phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã cấp mà không đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận cho người mua, người nhận tài sản thi hành án;</i>	Quảng Trị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	02 tháng xác minh một lần. Quy định thời hạn 02 tháng là tương đối ít vì đối với những địa bàn có số việc phải thi hành lớn hoặc đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, giao thông không thuận lợi khoản cách địa lý cự ly xa trung tâm thì Chấp hành viên sẽ không kịp thời xác minh lại. Cục THADS đề xuất xác minh ít nhất 03 tháng/lần.	hợp tại dự thảo theo hướng “<i>Hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và đã xác minh ít nhất 02 lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thông báo kết quả xác minh, gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án và hướng dẫn cho người yêu cầu về việc thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại Điều 24 của Luật này khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i>	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam;	Hiện nay nhiều trường hợp hiện trạng tài sản thực tế khác thông tin trên Giấy chứng nhận nên nếu áp dụng căn cứ này để ra quyết định	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo.	

e) Tài sản kê biên đã giảm bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án không nhận để thi hành án theo quy định tại Điều 130 (về xử lý tài sản đấu giá không thành) của Luật này hoặc tài sản kê biên theo quy định tại Điều 110 Luật này (về kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp) nhưng sau khi giảm giá theo quy định mà giá trị bằng hoặc thấp hơn chi phí và nghĩa vụ được bảo đảm; g) Trường hợp khác theo quy định của Luật này. 2. Sau khi ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 02 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 06 tháng một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh và lập sổ để theo dõi riêng đối với các việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành.	Thanh tra Bộ Tư pháp	về việc chưa có điều kiện để thi hành án thì không đảm bảo được quyền lợi của người được thi hành án. Hơn nữa, nhiều trường hợp loại tài sản này cũng đã được Tòa án xem xét đánh giá khi thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy trường hợp Tòa án đã ghi nhận rõ hiện trạng tài sản trong Bản án, tuyên việc xử lý tài sản này thì CQTHADS phải thực hiện để đảm bảo quyền của người được thi hành án. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét bỏ quy định này. Thanh tra Bộ tư pháp: Đề nghị cân nhắc quy định tại điểm đ về trường hợp hiện trạng tài sản không phù hợp với Giấy CNQSH nhà ở và QSDĐ... thì xác định là chưa có điều kiện thi hành án là không bảo đảm, trường hợp này người phải thi hành án vẫn có tài sản mặc dù giữa giấy tờ với tài sản chưa phù hợp, việc quy định như trên tiềm ẩn nguy cơ đương sự trốn tránh việc thi hành án dẫn tới việc khiếu nại, tố cáo kéo dài	Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
3. Hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành mà không có thông tin hoặc có thông tin nhưng kết quả xác minh người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án.	Học viện Tư pháp; Cục Hòa Bình	Đề nghị nghiên cứu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 58 “d) Tài sản thi hành án là động sản nhưng không thể thực hiện được việc tạm giữ mà người phải thi hành án không còn tài sản khác”. Lý do: Nội dung này dễ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Ban soạn thảo có thể nghiên cứu sửa khoản này theo hướng: “Tài sản thi hành án là động sản nhưng không xác định	Nghiên cứu, tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo, các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	

<i>Người được thi hành án có trách nhiệm theo dõi cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự.</i> <i>Viện kiểm sát nhân dân; cơ quan đại diện chủ sở hữu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thi hành án đối với khoản tiền, tài sản thuộc sở hữu nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án.</i> <i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành toàn bộ hoặc một phần việc thi hành án tương ứng với khoản có điều kiện thi hành.</i> 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		người quản lý, sử dụng hoặc không xác định được nơi có tài sản”. Cục Hòa Bình: Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 58 theo hướng: “d) Tài sản thi hành án là động sản nhưng <u>chưa có cơ sở</u> thực hiện được việc tạm giữ mà người phải thi hành án không còn tài sản khác”. Lý do: Nếu quy định như trên sẽ không đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án. Bởi lẽ tài sản thi hành án là động sản nhưng chưa thực hiện được việc tạm giữ có thể do nguyên nhân chủ quan từ vấn đề thiếu trách nhiệm của Chấp hành viên dẫn đến chưa thực hiện việc tạm giữ mà không phải từ nguyên nhân khách quan khác		
	Học viện Tư pháp	Đề nghị nghiên cứu quy định mới tại khoản 3 Điều 58. Lý do: Việc quy định tạm đình chỉ thi hành án sau thời hạn 03 năm kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án sẽ tạo thêm gánh nặng cho chấp hành viên mà không giải quyết được gốc rễ của việc tổ chức thi hành án.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
	Cục Kiên Giang	Tại khoản 3, Điều 58 dự thảo Luật THADS: Đề nghị: “ Hết thời hạn một năm, kể từ ngày ra quyết định chưa có điều kiện ...” <i>Nhằm giảm tải hồ sơ chưa có điều kiện.</i>	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
	Cục Bắc Giang;	Khoản 1: đề nghị bổ sung thêm 02 trường hợp chưa có điều kiện thi hành án cụ thể:	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù	

	Hải Dương	- Trường hợp người phải thi hành án có tài sản thế chấp giá trị nhỏ hơn hoặc bằng số tiền vay và chi phí cưỡng chế - Trường hợp người phải thi hành án có nhà ở xây trên đất của người khác nhưng người có đất không đồng ý cho kê biên và nhà xây kiên cố không thể di dời được, nếu di dời sẽ làm giảm giá trị. (đề nghị giữ nguyên khoản 2 Điều 95 theo Luật THADS hiện hành) Lý do: Trên thực tế những trường hợp này cơ quan thi hành án không thể xử lý tài sản để thi hành án được mặc dù người phải thi hành án có tài sản	hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.thu	
	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung chưa điều kiện đối với trường hợp: “ <i>Người phải thi hành án là người nước ngoài không có tài sản, không có nơi cư trú tại Việt Nam</i> ”.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại điểm g khoản 1 Điều 58, Dự thảo Luật quy định: “1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các căn cứ sau: ... g) Trường hợp khác theo quy định của Luật này”. Tương tự tại điểm m khoản 1 Điều 64 Dự thảo Luật quy định: “1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp sau đây:...m) Trường hợp khác theo quy định của Luật này”.	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	

		<i>Đề nghị theo hướng:</i> Quy định hoặc dẫn chiếu cụ thể “Trường hợp khác” là những trường hợp nào để cơ quan THADS áp dụng thực hiện, nhằm tránh trường hợp áp dụng một cách tùy tiện mỗi đơn vị mỗi khác, không có sự thống nhất chung. Trường hợp, nếu không quy định cụ thể thì bãi bỏ điểm g khoản 1 Điều 58 và điểm m khoản 1 Điều 64 Dự thảo Luật.		
Cục Bình	Hòa	Đề nghị: Khoản 1 Điều 58 của Dự thảo cần bổ sung thêm trường hợp: có thông tin về tài sản trong bản án nhưng thực tế xác minh không biết ở đâu. Cụ thể: Người phải thi hành án thi hành nghĩa vụ về tài sản không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng; không có thông tin về tài sản để thi hành án <u>hoặc có thông tin về tài sản trong bản án nhưng thực tế xác minh không biết ở đâu</u> hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án". Lý do: Trên thực tế tổ chức THADS có rất nhiều động sản là tài sản đã thế chấp ngân hàng được xác định cụ thể trong bản án nhưng quá trình tổ chức thi hành án Chấp hành viên khi xác minh không biết ở đâu nên không có cơ sở kê biên, xử lý dẫn đến hồ sơ vẫn xác định việc có điều kiện làm ảnh hưởng kết quả chung.		Đã có quy định riêng về tài sản là động sản

	Cục Biên	Điện	Tại điểm e khoản 1 Điều 58. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án quy định: <i>nhưng sau khi giảm giá theo quy định mà giá trị bằng hoặc thấp hơn chi phí và nghĩa vụ được bảo đảm</i> ” đề nghị bổ sung từ “cưỡng chế” sau từ “chi phí”, sửa thành: “... <i>nhưng sau khi giảm giá theo quy định mà giá trị bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế và nghĩa vụ được bảo đảm.</i> ”	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo. Các nội dung cụ thể sẽ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
	Cục Bình, Trăng	Hòa Sóc	<u>Tại khoản 2 đề nghị sửa thành:</u> <i>Sau khi ra quyết định về việc</i> chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 03 tháng <u>một lần</u> , Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 6 tháng <u>một lần</u> . -Bỏ từ “một lần” *Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh và <i>lập sổ theo dõi riêng đối với các việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Chấp hành viên chỉ xác minh lại khi nhận được thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án do đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp</i> Lý do:	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo theo hướng <i>Hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và đã xác minh ít nhất 02 lần theo quy định tại của Luật này mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thông báo kết quả xác minh, gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án và hướng dẫn cho người yêu cầu về việc thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo quy định khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi</i>	

		-Với lượng việc, lượng tiền thụ lý năm sau luôn cao hơn năm trước trong khi biên chế thường xuyên bị cắt giảm, thậm chí ở nhiều cơ quan THADS cấp huyện còn thiếu các chức danh tư pháp khác nên quy định thời hạn xác minh đối với việc chưa có điều kiện ngăn dẫn đến việc cơ quan THADS không đảm bảo thời gian đi xác minh, có nguy cơ VKS kiến nghị, kháng nghị cao. -Sẽ khắc phục được quy định chưa thực sự rõ ràng trong việc sau khi chuyển sổ theo dõi án chưa có điều kiện thì Chấp hành viên có cần xác minh lại án chưa có điều kiện không ?	<i>hành án.</i>	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 2 Điều 58 quy định: “Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh và lập sổ để theo dõi riêng đối với các việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành” là chưa rõ ràng. Việc lập sổ theo dõi riêng chỉ áp dụng với những việc thi hành án theo đơn hay áp dụng chung với tất cả các việc thi hành án dân sự. Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án như các khoản tịch thu, truy thu sung quỹ Nhà nước tiền, tài sản thì Cơ quan Thi hành án có phải ra thông báo không, nếu có thì thông báo cho ai	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo theo hướng <i>Hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và đã xác minh ít nhất 02 lần theo quy định tại của Luật này mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thông báo kết quả xác minh, gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án và hướng dẫn cho người yêu cầu về việc thực hiện quyền yêu cầu thi</i>	

			<i>hành án theo quy định khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.</i>	
Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương		Khoản 3 Điều 58: Đề nghị nên giảm thời gian xuống <u>02 năm</u> là phù hợp, ngoài ra theo quy định người được thi hành án, Viện kiểm sát có có quyền theo dõi và cung cấp thông tin để cơ quan THA xem xét có cơ sở tiếp tục tổ chức thi hành nên vẫn đảm bảo được quyền lợi cho người thi hành <u>Lý do:</u> Vì nhiều lý do mà thường người phải THA sẽ được xác định có điều kiện trở lại. Do vậy, nếu phải đến 03 năm kể từ ngày ra QĐ chưa có điều kiện mới tạm đình chỉ là hơi lâu.	Tiếp thu. Bỏ quy định này và thay bằng quy định về <i>gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án</i>	
Cục Sóc Trăng, Cục Hà Tĩnh; Cục Bình Phước		- Tại khoản 3 Điều 58, Dự thảo Luật quy định: Hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành mà không có thông tin hoặc có thông tin nhưng kết quả xác minh người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án..... <i>Đề nghị theo hướng:</i> Bỏ quy định: Hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành mà không có thông tin hoặc có thông tin nhưng kết quả xác minh người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành	Tiếp thu. Bỏ quy định này và thay bằng quy định về <i>gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án</i>	

		theo quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án. Lý do: Vì loại việc này đã chuyển sang theo dõi riêng và không đưa vào báo cáo thống kê, nếu chuyển sang tạm đình chỉ thi hành án thì lại đưa vào báo cáo thống kê. Lúc đó rất phức tạp khó tách trong danh sách án chuyển kỳ		
	Cục Điện Biên	Tại khoản 3: Việc quy định Cơ quan thi hành án dân sự “ra quyết định tạm đình chỉ thi hành” như dự thảo trên sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các cơ quan thi hành án dân sự: phải theo dõi xác minh, làm tăng số lượng án có điều kiện tồn đọng mà không có phương án giải quyết. Vì vậy, đối với trường hợp này cần áp dụng cơ chế “Trả lại đơn yêu cầu thi hành án” để giảm lượng án tồn cho các cơ quan thi hành án dân sự, Như vậy, Luật thi hành án dân sự cần bổ sung thêm Quy định cơ quan thi hành án dân sự được trả lại đơn yêu cầu thi hành án khi người phải thi hành án không có điều kiện thi hành.	Tiếp thu. Bỏ quy định này và thay bằng quy định về gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án	
	Cục Nghệ An	- Cần xem xét quy định bổ sung vào khoản 1 đối với trường hợp tài sản thế chấp là động sản mặc dù đã được xác định (có thông tin về tài sản) tại bản án nhưng quá trình tổ chức thi hành án không xác định được hiện tài sản đang ở đâu và do ai quản lý. Trường hợp này về bản chất không đúng với quy định tại điểm d khoản 1 của Dự thảo nên cần xem xét quy định bổ sung thêm - Về quy định bổ sung tại đoạn 1 khoản 3:	Tiếp thu. Bỏ quy định này và thay bằng quy định về gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án	

		<i>“Hết thời hạn 03 năm... chủ động ra quyết định thi hành án” đề nghị: đối với việc thi hành án theo yêu cầu, cần khôi phục lại quy định Trả lại đơn yêu cầu thi hành án như trước đây.</i>		
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Điểm b khoản 1 Điều 58 đề nghị sửa đổi như sau: “Tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc đã được cấp giấy chứng nhận nhưng không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người mua, người nhận tài sản thi hành án”	Tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo và quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 59. Tự nguyện thi hành án (Điều 45) (Giữ nguyên) 1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án. 2. Trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc hành vi khác nhằm trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên <i>áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế</i> theo quy định tại Luật này.	Cục Hòa Bình	Đề xuất: Bỏ quy định áp dụng biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn tự nguyện thi hành án Lý do: Do xuất phát từ việc phải có biện pháp để ngăn chặn người phải thi hành án có thể có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản...Nên trong giai đoạn này Chấp hành viên chỉ cần quy định áp dụng biện pháp bảo đảm là đã ngăn chặn được hành vi tẩu tán, còn nếu quy định cưỡng chế trong giai đoạn tự nguyện thì ngược với nguyên tắc đương sự có quyền tự nguyện.		Áp dụng biện pháp cưỡng chế trong trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết, nhằm bảo đảm thi hành đúng bản án, quyết định, quyền và

				lợi ích của đương
	Cục Nghệ An	Cần xem xét để quy định thêm thời gian tự nguyện thi hành đối với cả trường hợp chuyển giao nghĩa vụ thi hành án Lý do: Theo quy định, trong trường hợp chuyển giao quyền nghĩa vụ thi hành án thi cơ quan thi hành án phải ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án và ban hành quyết định khác thay thế và phải giao quyết định mới. Do đó cần quy định rõ để Chấp hành viên có cơ sở thực hiện		Qua thực tế áp dụng, thời hạn tự nguyện thi hành án 10 ngày là phù hợp
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Quy định tại Điều này dự thảo quá ngắn gọn, có thể gây khó khăn cho người tự nguyện thi hành án. Thực tế, trong quá trình thực hiện thủ tục tự nguyện thi hành án, đương sự gặp nhiều lúng túng không biết làm sao tự thực hiện thủ tục thi hành án tự nguyện mà mọi vấn đề đều phải thực hiện thông qua sự điều phối của cơ quan thi hành án. Trường hợp, các đương sự đã chấp nhận giao tiền, trả nhà nhưng cơ quan thi hành án chậm trễ trong việc ra quyết định hoặc giấy mời tổ chức hội đồng chứng kiến việc bàn giao nhà thì việc thi hành án của các đương sự cũng gặp chậm trễ, đặc biệt là trường hợp có người Việt Nam định cư ở nước ngoài (khó thu xếp về Việt Nam, nếu không được báo trước 1 khoảng thời gian phù hợp). Vì vậy, cần phải có quy định, hướng dẫn cụ thể hơn về việc tự nguyện thi hành án (trường hợp các bên đã thoả thuận tự nguyện thi hành án với nhau và các bên tự tiến hành việc giao		Người phải thi hành án đã có cả quá trình tố tụng và cả thời gian người được thi hành án chưa yêu cầu thi hành án để tự nguyện thi hành. Nghĩa vụ thi hành án đã được xác định bằng bản án, quyết định có hiệu lực

		tiền, trả nhà, tự tiến hành việc thi hành án với nhau và Cơ quan thi hành án là cơ quan trung gian xác nhận việc hoàn thành việc thi hành án theo thoả thuận của các bên sau khi các bên đã tự hoàn tất việc thi hành án). Điều này là cần thiết để giảm áp lực lên hệ thống hành pháp của Việt Nam, khuyến khích người dân tự thoả thuận với nhau để hoàn tất quá trình thi hành án dân sự và gia tăng tỷ lệ hoàn thành thi hành án dân sự trên thực tế của các phán quyết tại Việt Nam.		pháp luật, không cần cơ quan THADS hướng dẫn việc tự nguyện như thế nào. Quá trình tổ chức thi hành án tiếp theo, người phải thi hành án vẫn có quyền tự nguyện thực hiện nghĩa vụ nếu phù hợp với quy định pháp luật và không làm kéo dài việc thi hành án
	Cục Hà Tĩnh	Khoản 1 Điều 59 quy định “ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án” nên sửa cụm từ “có		Đây là thời gian pháp luật cho phép người phải thi

		quyền” thành cụm từ “phải” mặc dù tại điểm a, khoản 1 Điều 8 có quy định về quyền tự nguyện thi hành án..		hành án tự nguyện thu xếp tiền, điều kiện khác để hi hành án. Do đó, đã yđược xác định là quyền của họ. Trường hợp hết thời hạn họ không tự nguyện thi mới bắt buộc phải thi hành, thậm chí bị cưỡng chế theo quy định.
Điều 60. Cưỡng chế thi hành án (Điều 46) (Giữ nguyên) 1. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật này (về tự nguyện thi hành án), người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế. 2. Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Tại khoản 1 Điều 60, đề nghị theo hướng: “1. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật này (về tự nguyện thi hành án), người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này ”.	Tiếp thu	
	Cục Bến Tre	Tại Khoản 1 đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: “ <i>Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật này (về tự nguyện thi hành án),</i>		Quy định cưỡng chế theo quy

		<i>người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế khi Chấp hành viên đã xác minh đầy đủ điều kiện để cưỡng chế”.</i>		định của pháp luật, sẽ bao gồm cả nội dung Chấp hành viên đã xác minh đầy đủ điều kiện để cưỡng chế
Điều 61. Thứ tự thanh toán tiền thi hành án (Điều 47) 1. Số tiền thi hành án, sau khi trừ các chi phí thi hành án; <i>các khoản phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản</i> và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này (điều về cưỡng chế trả nhà, giao nhà) thì được thanh toán theo thứ tự sau đây: a) Tiền cấp dưỡng; tiền lương, tiền công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động; tiền bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần; b) Án phí, lệ phí Tòa án; c) Các khoản phải thi hành án khác theo bản án, quyết định. 2. Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì việc thanh toán tiền thi hành án được thực hiện như sau: a) Việc thanh toán được thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp trong cùng một hàng ưu tiên có nhiều người được thi hành án thì việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ số tiền mà	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Điểm a khoản 1 Điều 61, đề nghị theo hướng: “1. Số tiền thi hành án, sau khi trừ các chi phí thi hành án; các khoản phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này (điều về cưỡng chế trả nhà, giao nhà) thì tất cả các khoản nghĩa vụ đã được xác định bằng bản án, quyết định của Tòa án được thanh toán theo thứ tự sau đây: Lý do: xuất phát từ thực tế các cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội... thường xuyên đề nghị cơ quan thi hành án hỗ trợ thu các khoản nợ thuế, bảo hiểm mà thực tế chưa khởi kiện, chưa có bản án, quyết định của Tòa án nên cơ quan thi hành án không có căn cứ hỗ trợ .		Giải trình Cơ quan THADS không có trách nhiệm hỗ trợ thu các khoản nợ mà chưa có bản án, quyết định của Tòa án; không đúng nội dung bản án, quyết định, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, Nhà nước.

họ được thi hành án; b) Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án được thanh toán cho những người được thi hành án <i>theo các bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án đó tổ chức thi hành</i> tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế hoặc có biên bản về việc tự nguyện giao tài sản. Số tiền còn lại được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán. c) Sau khi thanh toán theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, số tiền còn lại được trả cho người phải thi hành án. 3. Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp, bị kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, <i>các chi phí thi hành án; các khoản phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này (về cưỡng chế trả nhà, giao nhà)</i>. Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là người được thi hành án thì người nhận cầm cố, thế chấp được ưu tiên thanh toán trước khi thanh toán các khoản theo quy định tại Điều này. <i>Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm có phát sinh hiệu lực đối kháng với người</i>	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 1 Điều 61 Dự thảo quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán tiền thi hành án như sau: “1. <i>Số tiền thi hành án, sau khi trừ các chi phí thi hành án; các khoản phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này (điều về cưỡng chế trả nhà, giao nhà) thì được thanh toán theo thứ tự sau đây: ...</i>”. Theo các điểm c, điểm d của Khoản 1 Điều 199 Luật Các TCTD 2024 quy định tại về Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu như sau: “1. <i>Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được phân chia theo thứ tự ưu tiên sau đây: ...c) Án phí của bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm; d) Khoản thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm đó gồm thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ;</i>” Như vậy, thứ tự ưu tiên thanh toán án phí, lệ phí và các khoản thuế giữa Luật THADS và Luật các TCTD không thống nhất. Mặt khác, trên thực tế thi hành án tín dụng ngân hàng, việc bán TSBĐ là bất động sản (BDS) phát sinh một số loại thuế, phí thuộc trách nhiệm của người phải thi hành án (vd: thuế TNCN) mà người phải thi hành án chủ động trả hoặc thỏa thuận với người mua tài sản để người mua tài sản trả, những trường hợp này thì không cần phải trừ vào tiền thi hành án.	Tiếp thu, đã chỉnh lý cho phù hợp, đảm bảo phù hợp với Luật CTCTD và đảm bảo lợi ích của các bên.	

<i>thứ ba thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.</i> 4. Thứ tự thanh toán tiền thi hành án về phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản. 5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thu được tiền thi hành án <i>hoặc kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá</i>, Chấp hành viên phải thực hiện việc thanh toán tiền thi hành án quy định tại Điều này.		Do đó, đề nghị sửa đổi như sau: “<u>Số tiền thi hành án, sau khi trừ phí thi hành án, các khoản án phí, thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc bán tài sản mà đương sự không thanh toán và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này (quy định về cưỡng chế trả nhà, giao nhà) thì được thanh toán theo thứ tự sau đây:...</u>”		
Trường hợp đương sự không đến nhận thì số tiền đó được xử lý theo quy định tại Điều 160 Luật này (về trả lại tiền, tài sản cho đương sự). 6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Điểm a, khoản 1, đề nghị bổ sung: a) Tiền cấp dưỡng; tiền lương, tiền công lao động (<i>bao gồm tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp</i>), trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động; tiền bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần;...” <i>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Điểm a khoản 1 Điều 61 về thứ tự thanh toán tiền thi hành án, đề nghị bổ sung như sau: “a) Tiền cấp dưỡng; tiền lương, tiền công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, tiền bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động; tiền bồi thường bệnh nghề nghiệp; tiền bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần;” để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật.</i> Lý do: Theo Công văn số 40/BTP-TCTHADS ngày 06/01/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thanh toán tiền nợ bảo hiểm xã hội thì các khoản tiền: Bảo hiểm xã hội,	Tiếp thu	

		Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp (gọi tắt là tiền bảo hiểm) thực chất là tiền lương, tiền công của người lao động, khi thanh toán tiền thi hành án các cơ quan thi hành án dân sự cần vận dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Luật THADS để ưu tiên thanh toán cho khoản tiền còn nợ Bảo hiểm nhưng chưa được luật hóa.		
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị xem xét đến thứ tự ưu tiên đối với trường hợp Chấp hành viên không ra quyết định cưỡng chế kê biên mà thực hiện theo Lệnh kê biên của cơ quan điều tra thì thứ tự thanh toán tiền được quy định như thế nào?	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	
	Cục Bến Tre	- Tại điểm b khoản 2 đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: <i>“Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc theo biên bản về việc tự nguyện giao tài sản được thanh toán cho những người được thi hành án theo các bản án, quyết định đang do cơ quan thi hành án đó tổ chức thi hành tính đến thời điểm thanh toán”</i> .	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	
	Cục Bến Tre	- Tại khoản 3 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	

		chấp, bị kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó...”		
	Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị tách trường hợp thanh toán tiền cho bên nhận cầm cố, thế chấp trong trường hợp bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp không đồng thời là người được thi hành án để đảm bảo rõ ràng, dễ áp dụng hơn. Trong đó, đề xuất quy định theo hướng: “1. Số tiền thi hành án, sau khi <i>thanh toán tiền cho bên nhận cầm cố, thế chấp trong trường hợp bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp không đồng thời là người được thi hành án (nếu có)</i>, trừ các chi phí thi hành án; các khoản phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản và khoản tiền quy định tại Điều ...của Luật này (điều về trích tiền thuê nhà cho người được thi hành án) thì được thanh toán theo thứ tự sau đây:...” Ngoài ra, bổ sung tại điều này 1 điểm về việc: Trường hợp có nhiều bên nhận cầm cố, bên nhận thế chấp không đồng thời là người được thi hành án quy định tại khoản 1 Điều này thì thứ tự ưu tiên thanh toán được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	
	Cục Nghệ An	- Đề nghị xem xét bổ sung trường hợp Cục THADS ra quyết định cưỡng chế đối với tài sản của người phải thi hành án ở địa phương cấp huyện và tại đây Chi cục cũng đang tổ	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản	

		chức thi hành đối với cùng người phải thi hành án - Đề nghị Dự thảo Luật hoặc Nghị định hướng dẫn cần có quy định cụ thể đối với trường hợp quy định tại khoản 3 sẽ thực hiện thanh toán án phí sau khi xử lý tài sản Lý do: Thực tế có trường hợp một người phải thi hành án nhiều bản án khác nhau cùng thời điểm nhưng thuộc thẩm quyền thi hành án cả Cục THADS (do có yếu tố nước ngoài) và Chi cục THADS . Vậy, trong trường hợp này nếu Cục THADS tỉnh ban hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản hiện đang có tại trên địa bàn Chi cục THADS thì những quyết định đã phát sinh tại Chi cục nếu không được xem xét để thanh toán từ việc xử lý tài sản cũng là bất cập. Vì vậy, đề nghị xem xét toàn diện đến trường hợp này nhằm đảm bảo quyền lợi cho những người được thi hành án Trong thực tiễn phát sinh trường hợp vụ việc có nhiều tài sản bảo đảm, đặc biệt có cả tài sản của người phải thi hành án và người thứ 3 mà việc xử lý tài sản không thể tiến hành đồng thời thì việc xác định tài sản nào để trừ án phí Chấp hành viên đang còn gặp lúng túng khi áp dụng.	hướng dẫn Luật	
Điều 62. Hoãn thi hành án (Điều 48) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có một trong các căn cứ sau: a) Trường hợp người phải thi hành <i>nghĩa vụ buộc thực hiện công việc phải tự mình thực hiện nghĩa vụ</i>	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	Điểm h khoản 1: quy định các trường hợp hoãn thi hành án khác “theo quy định của luật này”. Đề nghị rà soát, xác định rõ các trường hợp khác được hoãn thi hành án khác quy định tại dự thảo luật để dẫn chiếu cụ thể tại khoản 1	Tiếp thu	

mà bị ốm nặng, có xác nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên; b) Đương sự có <i>thỏa thuận bằng văn bản về việc hoãn</i> thi hành án, trong đó ghi rõ thời hạn hoãn, có chữ ký của đương sự. Trong thời gian hoãn thi hành án thì người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác; c) Tài sản để thi hành án đã được Tòa án thụ lý hoặc có <i>Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại</i> để giải quyết theo quy định tại Điều 93 hoặc Điều 94 Luật này (Điều 74, 75 Luật hiện hành) có <i>liên quan trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, trừ trường hợp người phải thi hành án có tài sản khác để thi hành án hoặc việc xử lý tài sản đó đã được tuyên rõ trong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật</i>; d) Có <i>Thông báo của Tòa án thụ lý hoặc có Thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải, đối thoại để giải quyết để giải quyết tranh chấp về kết quả hoặc hợp đồng bán đấu giá tài sản thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án có tài sản khác để thi hành án</i>; đ) Việc thi hành án đang trong thời hạn cơ quan có thẩm quyền <i>sửa chữa, bổ sung</i>, giải thích, đính chính bản án, quyết định hoặc trả lời kiến nghị của cơ quan thi hành án dân sự về việc <i>xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 215 và Điều 224 Luật này (Điều 170, 179 Luật hiện hành)</i>; e) Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Điều 67 Luật này (về chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án) chưa thực hiện	Thanh tra Bộ Tư pháp	tại điểm c khoản 1: Đề nghị nghiên cứu thêm về trường hợp sau khi tài sản đã được phân chia bằng bản án có hiệu lực, cơ quan thi hành án đã ban hành quyết định thi hành án và đang xử lý đối với tài sản đó, nhưng lại phát sinh thêm vụ kiện mới về tranh chấp đối với tài sản của người phải thi hành án đang được cơ quan thi hành án tổ chức thi hành. Như vậy, việc thi hành đối với tài sản đang được thi hành có thuộc trường hợp hoãn hay không? (hiện nay thực tế nhiều vụ việc đương sự đang lợi dụng vào nội dung này cố tình kéo dài thi hành án).	Tiếp thu	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	tại điểm đ khoản 1: Đề nghị quy định rõ về trường hợp khi cơ quan Thi hành án có văn bản yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải thích bản án, nếu hết thời hạn 15 ngày, trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu (theo quy định tại Điều 224 Dự thảo Luật THADS) mà Tòa án không có văn bản giải thích thì cơ quan Thi hành án có quyền được ban hành quyết định tiếp tục thi hành án hay không? (<i>nếu tiếp tục thì sẽ thực hiện như thế nào khi nội dung của Bản án không rõ</i>)	Đã quy định theo hướng hoãn đến khi nhận được văn bản sửa chữa, bổ sung, giải thích bản án	
	Bộ Y tế	Điểm a khoản 1 Điều 62: quy định chưa phù hợp với quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 về cấp chuyên môn kỹ thuật nên đề nghị rà soát để quy định theo hướng có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên	Tiếp thu	
	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung hoãn thi hành án đối với trường hợp: “ <i>Việc thi hành án đang trong</i>	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự	

được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;		<i>thời gian chờ kết quả tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của luật này”</i>	thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	
g) Người được nhận tài sản, người được giao nuôi dưỡng đã được thông báo hợp lệ 02 lần về việc nhận tài sản, nhận người được nuôi dưỡng nhưng không đến nhận; <i>h) Trường hợp khác theo quy định của Luật này.</i> 2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra ngay quyết định hoãn thi hành án khi nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít nhất 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế thi hành án đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế. Trường hợp cơ quan thi hành án nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít hơn 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có quyền quyết định hoãn thi hành án khi xét thấy cần thiết. Trường hợp vụ việc đã được thi hành một phần hoặc đã được thi hành xong thì cơ quan thi hành án dân sự phải có văn bản thông báo ngay cho người yêu cầu hoãn thi hành án. Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án chỉ được yêu cầu hoãn thi hành án một lần để xem xét kháng nghị nhằm tránh hậu quả không thể khắc phục được. Thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định không quá 03 tháng, kể từ ngày ra văn bản yêu cầu hoãn thi hành án; trong thời gian hoãn thi hành án thì người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án.	Cục Nghệ An	Đối với điểm g, khoản 1 đề nghị: chỉ hoãn THA trong trường hợp người được THA có lý do chính đáng hoặc có sự kiện bất khả kháng Đối với trường hợp còn lại nếu sau 02 lần thông báo mà không nhận thì đề nghị quy định sẽ ra Quyết định đình chỉ thi hành án Lý do: Rõ ràng trong trường hợp này, sau khi có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS đã thi hành đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án đối với nội dung được xác định tại bản án, quyết định của Tòa án. Vấn đề còn lại là người được thi hành án có thể vì những lý do khác nhau mà cố tình không nhận quyền về nhân thân (được giao nuôi dưỡng) và quyền về tài sản (được nhận tài sản). Như vậy, ngoài trường hợp có lý do chính đáng thì tại thời điểm nhất định tự cá nhân người đó đã tự chối bỏ quyền lợi mà mình được hưởng từ công sức tổ chức thi hành của cơ quan THADS và cá nhân Chấp hành viên	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo và quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật	Liên quan quyền tài sản của công dân

3. Thời hạn ra quyết định hoãn thi hành án là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ hoãn thi hành án quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì phải ra ngay quyết định hoãn thi hành án khi nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền. 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi căn cứ hoãn thi hành án quy định tại khoản 1 Điều này không còn; hết thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này; <i>nhận được văn bản sửa chữa, bổ sung, giải thích, đính chính bản án, quyết định</i> hoặc nhận được văn bản trả lời của người có thẩm quyền kháng nghị về việc không có căn cứ kháng nghị thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định tiếp tục thi hành án.				
Điều 63. Tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án khi nhận được quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm <i>hoặc của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh quốc gia</i>, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án. Trường hợp bản án, quyết định đã được thi hành một phần hoặc toàn bộ thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo ngay bằng văn bản cho người đã kháng nghị. Trong thời gian tạm đình chỉ thi hành án do có kháng nghị thì người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án. 2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án <i>khi thuộc một trong</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại điểm b, khoản 2 Điều 63, đề nghị theo hướng: Bỏ quy định b) Trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật này (về xác định việc chưa có điều kiện thi hành án). Lý do: Theo quan điểm bỏ Khoản 3 Điều 58 quy định Hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành mà không có thông tin hoặc có thông tin nhưng kết quả xác minh người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành...	Tiếp thu, bỏ quy định về tạm đình chỉ thi hành án trong trường hợp chưa có điều kiện thi hành án	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị xem lại Điều 63. Bỏ cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án” Lý do: Bị lặp lại	Tiếp thu	
	Cục Nghệ An	Đề nghị bỏ điểm b, khoản 2	Tiếp thu, chỉnh lý	

<i>các trường hợp sau:</i> a) Nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án, <i>trừ trường hợp xử lý tài sản bảo đảm đã được tuyên trong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.</i>		Lý do: Để phù hợp và thống nhất với đề nghị khôi phục lại quy định trả đơn yêu cầu thi hành án trong trường hợp cụ thể do người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án	dự thảo phù hợp	
Thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án. b) <i>Trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật này (về xác định việc chưa có điều kiện thi hành án).</i> 3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các quyết định sau đây: a) Quyết định rút kháng nghị của người có thẩm quyền;	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung tạm đình chỉ thi hành án đối với trường hợp: “1. <i>Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ban hành quyết định về việc tạm đình chỉ thi hành án khi nhận được quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc của Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh quốc gia, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án</i>”.		Đây là trường hợp đã có quyết định tạm đình chỉ nên cơ quan THADS chỉ thông báo mà không ra quyết định
b) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án giữ nguyên bản án, quyết định bị kháng nghị; c) Quyết định của Tòa án về việc đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản, đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Bổ sung Điểm c khoản 2 Điều 63: “c) Không xác định được địa chỉ của người được thi hành án và không có người đại diện, trong thời gian tạm đình chỉ người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án.” Lý do: Thực tiễn một số trường hợp không thể kết thúc hồ sơ thi hành án như: Sau khi đương sự yêu cầu giao trả phần ranh đất bị lấn chiếm, cơ quan thi hành án đang trong quá trình tổ chức thi hành án thì người được thi hành án đã bán nhà, đất và bỏ địa phương không liên hệ được và khi giao đất cũng không có người nhận dẫn đến không thể kết thúc hồ sơ thi hành án. Cũng có trường hợp sau khi đương sự yêu	Tiếp thu chỉnh lý phù hợp theo hướng quy định chung “Trong thời gian tạm đình chỉ thi hành án do có kháng nghị thì người phải thi hành án không phải chịu lãi suất chậm thi hành án”	

		cầu thi hành nghĩa vụ trả tiền, cơ quan thi hành án đang trong quá trình tổ chức thi hành thì người phải thi hành án cung cấp biên nhận chứng minh người được thi hành án đã ký nhận tiền xong nhưng Chấp hành viên không liên hệ được người được thi hành án để xác thực sự việc nên không thể kết thúc hồ sơ thi hành án.		
Điều 64. Đình chỉ thi hành án (Điều 50) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp sau đây: a) Người phải thi hành án chết không để lại di sản hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; b) Người được thi hành án chết mà theo quy định của pháp luật quyền và lợi ích của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; không có <i>hoặc không xác định được</i> người thừa kế; c) Đương sự có thỏa thuận bằng văn bản hoặc người được thi hành án có văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ quyền, lợi ích được hưởng theo bản án, quyết định, trừ trường hợp việc đình chỉ thi hành án ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. <i>Trường hợp thỏa thuận hoặc yêu cầu đình chỉ thi hành một phần thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ đối với phần đó.</i> <i>Sau khi có quyết định đình chỉ thi hành án, đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án trở lại đối với nội dung đã đình chỉ.</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bắc Giang; Cục Hải Duong	- Tại điểm e khoản 1 Điều 64, Dự thảo Luật quy định. Đình chỉ thi hành án (Điều 50), quy định: “Có quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án” <i>Đề nghị theo hướng:</i> “Có quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án;”. Lý do: Để có cơ sở kết thúc một phần nghĩa vụ của người phải thi hành án.		Về nguyên tắc việc đình chỉ việc thi hành án phải có quyết định miễn toàn bộ nghĩa vụ theo quyết định thi hành án, giảm một phần không phải là căn cứ để đình chỉ việc thi hành án. Tuy nhiên sẽ nghiên cứu quy định cụ thể việc đình chỉ một

d) Bản án, quyết định bị hủy một phần hoặc toàn bộ, trừ trường hợp quy định tại Điều 129 Luật này (khoản 2 Điều 103 hiện hành). <i>Trường hợp bản án, quyết định bị hủy một phần thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ đối với phần bị hủy;</i> đ) Người phải thi hành án là tổ chức đã bị giải thể, không còn tài sản mà theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của họ không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác; <i>người được thi hành án là tổ chức bị giải thể mà theo quy định của pháp luật quyền và lợi ích của tổ chức đó không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác;</i> e) Có quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án; g) Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án, <i>trừ trường hợp xử lý tài sản bảo đảm đã được tuyên trong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật;</i> h) Người chưa thành niên được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định đã chết hoặc đã thành niên; i) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật này (về cưỡng chế giao, trả giấy tờ); k) <i>Người phải thi hành án phải thi hành nghĩa vụ về trả vật nhưng vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không thể sử dụng được; phải trả giấy tờ nhưng giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được mà đương sự không có thỏa thuận khác;</i> l) <i>Người phải thi hành án phải tự mình thực hiện nghĩa vụ buộc thực hiện công việc theo bản án, quyết định mà không thể giao cho người khác thực hiện thay nhưng người đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;</i> m) <i>Trường hợp khác theo quy định của Luật này.</i>				phần giá trị khi Tòa án miễn một phần nghĩa vụ thi hành án.
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điểm c khoản 1 Điều 64 Dự thảo quy định: “c) <i>Đương sự có thỏa thuận bằng văn bản hoặc người được thi hành án có văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ quyền, lợi ích được hưởng theo bản án, quyết định, trừ trường hợp việc đình chỉ thi hành án ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. Trường hợp thỏa thuận hoặc yêu cầu đình chỉ thi hành một phần thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ đối với phần đó. <u>Sau khi có quyết định đình chỉ thi hành án, đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án trở lại đối với nội dung đã đình chỉ.</u></i>” Trong thực tế triển khai, mặc dù CQTHA ra Quyết định đình chỉ thi hành án theo thỏa thuận của các đương sự nhưng sẽ phát sinh trường hợp các đương sự không thực hiện đúng như thỏa thuận. Trong trường hợp này, đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định theo hướng trường hợp các đương sự thực hiện không đúng thỏa thuận thì đương sự bị vi phạm thỏa thuận vẫn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục thi hành.	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết về thỏa thuận thi hành án và thực hiện thỏa thuận thi hành án	
	Cục Nghệ An	Đối với trường hợp đình chỉ theo thỏa thuận (điểm c khoản 1) đề nghị xem xét quy định	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn	

2. Thời hạn ra quyết định đình chỉ thi hành án là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều này.		chia làm 02 loại: - <i>Trường hợp thứ nhất</i>, đương sự thỏa thuận đình chỉ và không yêu cầu thi hành án trở lại. - <i>Trường hợp thứ hai</i>, đương sự thỏa thuận đình chỉ và có yêu cầu thi hành án trở lại khi có căn cứ phát sinh theo thỏa thuận. (ii). Đề nghị xem xét bổ sung đình chỉ đối với trường hợp: <i>Người được nhận tài sản, người được giao nuôi dưỡng đã được thông báo hợp lệ 02 lần về việc nhận tài sản, nhận người được nuôi dưỡng nhưng không đến nhận mà không có lý do chính đáng</i>	bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật về thỏa thuận thi hành án và thực hiện thỏa thuận thi hành án	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị xem lại điểm i, k Điều 64: Lý do: Có sự trùng hợp của 2 khoản này về căn cứ đình chỉ thi hành án. Ban soạn thảo có thể nghiên cứu để bỏ nội dung “phải trả giấy tờ nhưng...” ở điểm k.	Tiếp thu	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 1 Điều 64. Đề nghị theo hướng: Bổ sung thêm: Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp sau đây:... đ) Người được thi hành án từ chối hoặc không đến nhận tài sản sau khi Chấp hành viện thông báo hoặc triệu tập ít nhất 02 lần hợp lệ	Tiếp thu	
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	1. Tại điểm b khoản 1 Điều 64 của “Dự thảo 2” Luật THADS quy định: “<i>b) Người được thi hành án chết mà theo quy định của pháp luật quyền và lợi ích của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; không có hoặc không xác định được người thừa kế;</i>”. Việc chỉ quy định đình chỉ trong trường hợp “Người được	Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật về thỏa thuận thi hành án và thực hiện thỏa thuận thi hành án	

		thi hành án chết” là chưa triệt để, chưa phù hợp với thực tiễn. Bởi lẽ trên thực tế có nhiều trường hợp người được thi hành án sau khi yêu cầu thi hành án bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được địa chỉ, thông tin dẫn đến việc thi hành án không thể tiếp tục thực hiện được các thủ tục theo quy định, vụ việc bị tồn đọng, kéo dài. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 76 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định các điều kiện để Tòa án “tuyên bố chết”. Do đó, tại điểm b khoản 1 Điều 64 của “Dự thảo 2” Luật THADS cần bổ sung quy định như sau: <i>“b) Người được thi hành án chết mà theo quy định của pháp luật quyền và lợi ích của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; không có hoặc không xác định được người thừa kế; hoặc thuộc một trong các trường hợp tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật mà không có hoặc không xác định được người thừa kế”.</i>		
Điều 65. Kết thúc thi hành án (Điều 52) Việc thi hành án kết thúc trong trường hợp sau đây: 1. Đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình <i>theo quyết định thi hành án.</i> 2. Có quyết định đình chỉ thi hành án.				
Điều 66. Xác nhận kết quả thi hành án (Điều 53) (Giữ nguyên) Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án.	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương, Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung những người có quyền yêu cầu xác nhận để phù hợp như hiện nay (người thân của đương sự, đương sự đang thi hành án phạt tù...) tạo thuận lợi cho việc xác		Dự thảo đã bỏ quy định về xác nhận kết

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án.		nhận		quả thi hành án vì đây là thủ tục hành chính, đương nhiên được thực hiện khi đương sự có yêu cầu, đồng thời các giấy tờ tài liệu về việc thi hành án cung cấp cho đương sự như quyết định đình chỉ, quyết định trả lại tài liệu yêu cầu thi hành án đã chứng minh việc thi hành án xong
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Quy định hiện hành như vậy vẫn chưa thể hiện rõ trường hợp các bên có nghĩa vụ thi hành án tự nguyện hoàn tất việc thi hành án với nhau mà không thông qua cơ quan thi	Dự thảo đã bỏ quy định về xác nhận kết quả thi hành án vì đây là thủ tục	

		hành án thì xin xác nhận kết quả thi hành án như thế nào. Rõ ràng, nội hàm của các quy định hiện tại hoàn toàn dựa vào kết quả thi hành án thông qua quá trình làm việc tại cơ quan thi hành án chứ không xác nhận kết quả thi hành án khi các bên đã tự nguyện thi hành xong bản án với nhau. Ngoài ra, còn có một điểm không hợp lý là cần giải quyết là khi các bên đã hoàn thành việc thi hành án tại cơ quan thi hành án nhưng cơ quan thi hành án không tự động ban hành quyết định hoàn thành việc thi hành án cho các bên mà phải thêm một bước là đương sự phải tự nộp đơn xin xác nhận kết quả thi hành án. Rõ ràng, đây là một thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, gây khó khăn thêm cho quá trình làm việc tại cơ quan Nhà nước của người dân và làm gia tăng thêm tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu tại các cơ quan có thẩm quyền.	hành chính, đương nhiên được thực hiện khi đương sự có yêu cầu, đồng thời các giấy tờ tài liệu về việc thi hành án cung cấp cho đương sự như quyết định đình chỉ, quyết định trả lại tài liệu yêu cầu thi hành án đã chứng minh việc thi hành án xong		
Điều 67. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án (Điều 54) 1. <i>Cơ quan thi hành án dân sự căn cứ quyết định, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với tổ chức như sau:</i> a) Trường hợp hợp nhất thì tổ chức mới tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Trường hợp sáp nhập thì tổ chức sáp nhập tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; c) Trường hợp chia, tách, <i>chuyển đổi loại hình</i>	Cục Trăng	Sóc	- Tại khoản 2 Điều 67, đề nghị theo hướng: Bổ sung thêm: Người được thi hành án chết thì quyền, nghĩa vụ của họ được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp người phải thi hành án chết, Chấp hành viên hướng dẫn đương sự yêu cầu Tòa án xác định quan hệ thừa kế, nhưng hết thời hạn đương sự không yêu cầu Tòa án án xác định quan hệ thừa kế, đồng thời các bên đương sự không thỏa thuận được việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên xác minh làm rõ và ấn định đối tượng để ban hành Quyết định	Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	

doanh nghiệp thì cơ quan ra quyết định chia, tách phải xác định rõ cá nhân, tổ chức tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quyết định chia, tách, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.		chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án.		
Nếu quyết định chia, tách, <i>chuyển đổi loại hình</i> không quy định nghĩa vụ của các tổ chức mới thì sau khi chia, tách các tổ chức mới có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thi hành án của tổ chức bị chia, tách;	Cổng TTĐT CP	Trong trường hợp đã ra Thông báo về việc chuyển giao nghĩa vụ cho người nhà của người phải thi hành án (người phải thi hành án đã chết) nhưng không ai nhận chuyển giao thì quy định như thế nào? Ra quyết định mới với ai?	Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	
d) Trường hợp giải thể thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giải thể phải thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự biết trước khi ra quyết định. Trường hợp quyền, nghĩa vụ thi hành án của tổ chức bị giải thể được chuyển giao cho tổ chức khác thì tổ chức mới tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp doanh nghiệp giải thể do bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cơ quan thi hành án dân sự, người được thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại quyết định giải thể theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản để thi hành án không còn do thực hiện quyết định giải thể trái pháp luật thì cơ quan ra quyết định giải thể phải chịu trách nhiệm thi hành phần nghĩa vụ của tổ chức bị giải thể tương ứng với tài sản đó;	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung thêm nội dung như sau: Chuyển giao quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần sang thành viên góp vốn hoặc cổ đông của Công ty. Trên cơ sở đó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự sẽ ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án đối với doanh nghiệp và ra quyết định thi hành án đối với thành viên góp vốn hoặc cổ đông của doanh nghiệp để tổ chức thi hành án. Lý do: Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định các thành viên góp vốn vào công ty Trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ đông của công ty cổ phần phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của công ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp nhưng nếu luật thi hành án không điều chỉnh cụ thể thì sẽ gây bế tắc trong quá trình tổ chức thi hành án trong thực tiễn áp dụng.	Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	
đ) Trường hợp phá sản thì quyền, nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo quyết định về phá sản; e) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần mà trước đó chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của mình thì sau	Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị rà soát để đảm bảo đồng bộ với quy định về chuyển giao quyền yêu cầu và chuyển giao nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ví dụ: Bao quát đề loại trừ trường hợp liên quan đến người được thi hành án khoản cấp dưỡng, yêu cầu bồi	Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật	

khi chuyển đổi, công ty cổ phần tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án. <i>g) Trường hợp mua, bán nợ theo quy định của pháp luật về tín dụng ngân hàng thì quyền và nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao tương ứng với các khoản nợ được mua bán theo hợp đồng.</i> 2. Người được thi hành án chết thì quyền, nghĩa vụ của họ được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế. <i>Trường hợp người phải thi hành án chết cơ quan thi hành án tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của luật này, trừ trường hợp người đó phải tự mình thực hiện nghĩa vụ buộc thực hiện công việc theo bản án, quyết định mà không thể giao cho người khác thực hiện thay.</i> 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ về thi hành án cho người khác. <i>Trường hợp người phải thi hành án chuyển giao nghĩa vụ thi hành án cho người khác thì phải được sự đồng ý của người được thi hành án.</i> 4. Trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều này thì tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án là đương sự và có các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Luật này. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với cá nhân, tổ chức mới tương ứng với quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao và ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án trước đây tương ứng với quyền, nghĩa vụ thi hành án đã chuyển giao. Đối với các quyết định, thông báo về thi hành án		thường thiệt hại do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín; loại trừ trường hợp người phải thi hành án chuyển giao nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của họ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.	

thì tùy từng trường hợp cụ thể mà cơ quan thi hành án dân sự giữ nguyên, thu hồi hoặc ra các quyết định, thông báo khác phù hợp theo quy định của Luật này. <i>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>				
Điều 68. Ủy thác thi hành án và ủy thác xử lý tài sản (Điều 55) 1. Cơ quan thi hành án dân sự phải ủy thác thi hành án trong các trường hợp sau đây: a) Ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở sau khi đã xử lý xong tài sản tạm giữ, thu giữ, tài sản kê biên trên địa bàn có liên quan đến khoản ủy thác, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Trường hợp thi hành nghĩa vụ về tài sản thì ủy thác cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản; trường hợp không xác định được nơi có tài sản thì ủy thác cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án làm việc, cư trú hoặc có trụ sở. Trường hợp thi hành nghĩa vụ liên đới mà người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở ở các địa phương khác nhau thì ủy thác toàn bộ nghĩa vụ thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự thuộc một trong các địa phương nơi người phải thi hành án có điều kiện thi hành án; b) Ủy thác thi hành án đối với khoản phải thi hành án cụ thể có tài sản bảo đảm theo bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản. 2. Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản trên địa bàn, đồng thời có thể ủy thác xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản được bản án, quyết định tuyên kê biên, phong tỏa hoặc xử lý tài	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2 Điều 68 Dự thảo quy định về Ủy thác thi hành án và ủy thác xử lý tài sản bảo đảm như sau: “<i>Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản trên địa bàn, đồng thời có thể ủy thác xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản được bản án, quyết định tuyên kê biên, phong tỏa hoặc xử lý tài sản để bảo đảm thi hành án mà tài sản ở nhiều địa phương khác nhau.</i>” Theo quy định trên, đối với các khoản vay có nhiều tài sản ở nhiều địa phương khác nhau thì CQTHA có thể xử lý tài sản trên địa bàn và đồng thời song song với đó Ủy thác xử lý tài sản cho CQTHA nơi có các tài sản khác để các đơn vị này tiến hành xử lý để <u>cùng cho thi hành nghĩa vụ</u> thi hành án của Người phải thi hành án. Như vậy, việc ủy thác chỉ đặt ra đối với các tài sản bảo đảm, không đặt ra đối với nghĩa vụ phải thi hành. Thực tế, khi ký kết các Hợp đồng thế chấp, văn kiện tín dụng, Chủ tài sản bao gồm Khách hàng/Bên thứ ba cũng cam kết dùng toàn bộ tài sản để bảo đảm cho khoản vay. Thực tế triển khai, các CQTHA có thẩm quyền THA còn có những quan điểm khác nhau, có CQTHA vẫn đề nghị TCTD phải phân tách nghĩa vụ để thực hiện việc ủy thác THA hoặc có những quan điểm cho rằng nếu xử lý tài sản nơi bản án/quyết định đã tuyên		Việc ủy thác xử lý tài sản là xử lý đồng thời tài sản ở nhiều nơi nên để đảm bảo không xử lý quá nhiều tài sản của người phải thi hành án, quy định này chỉ đặt ra trong trường hợp bản án, quyết định tuyên. Tuy nhiên, việc tuyên này, không chỉ đặt ra đối với các tài sản bảo đảm, quá trình tố

sản để bảo đảm thi hành án mà tài sản ở nhiều địa phương khác nhau. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		thu đủ nợ thì việc ủy thác xử lý tài sản sẽ không hợp lý và chỉ ủy thác hoặc nhận ủy thác khi tài sản tại nơi tòa tuyên Bản án/Quyết định đã được xử lý nhưng chưa thi hành hết nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đề nghị sửa Khoản 2 Điều 68 Dự thảo theo hướng các CQTHA tiếp nhận yêu cầu ủy thác xử lý TSBD không yêu cầu các TCTD phân định nghĩa vụ bảo đảm/bảo lãnh để tiến hành ủy thác xử lý tài sản bảo đảm và các Chi cục thi hành án sẽ phối hợp dùng giá trị còn lại của tài sản bán đấu giá thành sau khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản, nghĩa vụ theo bản án để thanh toán các chi phí xử lý tài sản bảo đảm đang thi hành ở các địa phương còn lại.		tụng, các bên có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên, phong tỏa tài sản để đảm bảo thi hành án. Trường hợp này cũng là căn cứ để ủy thác xử lý tài sản
Điều 69. Thẩm quyền ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản (Điều 56) (Giữ nguyên) 1. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản như sau: a) Ủy thác cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh ở địa phương khác đối với các bản án, quyết định về nhận người lao động trở lại làm việc hoặc bồi thường thiệt hại mà người phải thi hành án là cơ quan nhà nước cấp tỉnh trở lên; bản án, quyết định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh	Cục Đồng Nai	Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 1 theo hướng bỏ phần “...quyết định của Trọng tài thương mại...” Lý do: thực tế nhiều vụ việc liên quan đến quyết định của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có số tiền thi hành án rất nhỏ, tính chất vụ việc đơn giản, nếu cơ quan THADS cấp tỉnh ủy thác thi hành những vụ việc này cho cơ quan THADS cấp huyện thi hành sẽ thuận lợi hơn	Tiếp thu, sẽ quy định thẩm quyền ủy thác, ủy thác xử lý tài sản phù hợp với mô hình tổ chức thi hành án mới	
	Cục Bến Tre	Tại điểm c khoản 1 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “Ủy thác cho cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đối với vụ việc khác thuộc thẩm quyền thi hành án nếu thấy	Tiếp thu, sẽ quy định thẩm quyền ủy thác, ủy thác xử lý tài sản phù hợp	

tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh;		cần thiết, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.	với mô hình tổ chức thi hành án mới	
b) Ủy thác cho cơ quan thi hành án cấp quân khu đối với vụ việc mà đương sự hoặc tài sản có liên quan đến quân đội trên địa bàn; c) Ủy thác cho cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đối với vụ việc khác, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. 2. Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản đối với vụ việc thuộc thẩm quyền thi hành án của mình cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh ở địa phương khác, cơ quan thi hành án cấp quân khu, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện khác. 3. Cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản đối với vụ việc thuộc thẩm quyền thi hành án của mình cho cơ quan thi hành án cấp quân khu khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện.	Bộ Quốc phòng	đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: a) Điểm b khoản 1 <i>"b) Ủy thác cho cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng đối với vụ việc quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật này; ủy thác cho cơ quan thi hành án cấp quân khu đối với vụ việc mà đương sự hoặc tài sản có liên quan đến Quân đội trên địa bàn".</i> b) Khoản 3 <i>"3. Cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản đối với vụ việc thuộc thẩm quyền thi hành án của mình cho cơ quan thi hành án cấp quân khu khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện".</i>	Tiếp thu, sẽ quy định thẩm quyền ủy thác, ủy thác xử lý tài sản phù hợp với mô hình tổ chức thi hành án mới (đã bỏ quy định <i>cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng</i>)	
Điều 70. Thủ tục ủy thác thi hành án và ủy thác xử lý tài sản (Điều 57) (Giữ nguyên) 1. Thủ tục ủy thác thi hành án được quy định như sau: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định có căn cứ ủy thác, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác. Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ra quyết định ủy thác trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi có căn cứ ủy thác. Trường hợp đã ra quyết định thi hành án nhưng xét thấy cần ủy thác thì phải ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ quyết	Bộ Giao thông vận tải	Điểm c khoản 2: đối với nội dung "...sau khi trừ các chi phí thi hành án", đề nghị làm rõ có trừ các khoản "phí, lệ phí, thuế và chi phí phát sinh từ việc bán tài sản và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 142 Luật này" như quy định tại khoản 1 Điều 61 dự thảo không để đảm bảo tính thống nhất và tính phù hợp của quy định	Tiếp thu. Nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	

định thi hành án.

Hồ sơ ủy thác thi hành án bao gồm quyết định ủy thác thi hành án; bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định trong trường hợp ủy thác cho nhiều nơi, ủy thác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 của Luật này (Điều 55 hiện hành); bản sao biên bản kê biên, tạm giữ tài sản và các tài liệu khác có liên quan, nếu có;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định thi hành án và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác. Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải ra ngay quyết định thi hành án.

2. Thủ tục ủy thác xử lý tài sản được quy định như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác xử lý tài sản.

Hồ sơ ủy thác xử lý tài sản bao gồm quyết định ủy thác xử lý tài sản; bản sao bản án, quyết định; quyết định thi hành án và các tài liệu khác có liên quan, nếu có;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác xử lý tài sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định xử lý tài sản ủy thác, phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác.

Chấp hành viên căn cứ quyết định thi hành án, kết quả tổ chức thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác và quyết định xử lý tài sản ủy thác để tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục xử lý tài sản

theo quy định của Luật này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá hoặc người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác xử lý tài sản chuyển số tiền thu được cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác để thanh toán theo quy định tại Điều 61 của Luật này (Điều 47 hiện hành), sau khi trừ chi phí thi hành án, đồng thời, thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác;

d) Cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác xử lý tài sản chịu trách nhiệm toàn bộ về quá trình tổ chức thi hành vụ việc, trừ việc xử lý tài sản của cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác.

Trường hợp xác định kết quả thẩm định giá, bán đấu giá tài sản đủ để thanh toán nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí liên quan hoặc có quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành án thì thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác để tạm dừng việc xử lý các tài sản còn lại. Việc tiếp tục xử lý tài sản ủy thác được thực hiện theo thông báo của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác.

Trường hợp đã thu đủ số tiền thi hành án và các chi phí liên quan hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án thì thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác để chấm dứt việc xử lý các tài sản còn lại, giải tỏa kê biên tài sản theo quy định của Luật này. Cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác phải thanh toán các chi phí thi hành án phát sinh trước thời điểm chấm dứt việc xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác theo

quy định tại Điều 75 Luật này (khoản 1 và khoản 2 Điều 73 luật hiện hành); đ) Cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác xử lý tài sản chịu trách nhiệm thực hiện các quy định liên quan đến việc xử lý tài sản ủy thác; thông báo ngay bằng văn bản kết quả thẩm định giá, thời điểm bán đấu giá, kết quả xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác; tạm dừng hoặc chấm dứt xử lý tài sản theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác. 3. Cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác không được từ chối thực hiện quyết định ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản, trừ trường hợp quyết định ủy thác có sự nhầm lẫn, sai sót về nội dung hoặc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác.				
Điều 71. Bảo quản tài sản thi hành án (Điều 58) 1. Việc bảo quản tài sản thi hành án được thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây: a) Giao cho người phải thi hành án, người thân thích của người phải thi hành án hoặc người đang sử dụng, bảo quản; b) Cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản; c) Bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự; d) <i>Người được thi hành án.</i> 2. Tài sản là kim khí quý, đá quý, tiền hoặc giấy tờ có giá được bảo quản tại Kho bạc nhà nước. 3. Việc giao bảo quản tài sản phải được lập biên bản ghi rõ loại tài sản, tình trạng tài sản, giờ, ngày, tháng, năm giao; họ, tên Chấp hành viên, đương sự, người được giao bảo quản, người làm chứng, nếu có; quyền, nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	- Tại khoản 5 Điều 71 cần bổ sung thêm đoạn: “... theo quy định của pháp luật. <i>Chấp hành viên có thể tổ chức chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện bảo quản tài sản</i>” Khoản 6 Điều 71 dự thảo Luật quy định “<i>trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản tài sản thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ bảo quản</i>”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các biện pháp, hình thức hỗ trợ bảo quản của Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời, đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu bảo	Tiếp thu. Nghiên cứu không quy định cụ thể trách nhiệm của UBND cấp xã, chỉ quy định chung cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện, nội dung cụ thể đưa vào văn bản quy	Nội dung này đã quy định tại Dự thảo

sản và có chữ ký của các bên. Trường hợp có người từ chối ký thì phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do. <i>Trường hợp người phải thi hành án, người thân thích của họ được giao bảo quản tài sản thì phải ký cam kết về việc sẽ hợp tác, thực hiện đúng theo yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án.</i> Người được giao bảo quản tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được trả thù lao và được thanh toán chi phí bảo quản tài sản. Thù lao và chi phí bảo quản tài sản do người phải thi hành án chịu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 4. Biên bản giao bảo quản tài sản được giao cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người được giao bảo quản tài sản hoặc người đang sử dụng, bảo quản tài sản và lưu hồ sơ thi hành án. 5. Người được giao bảo quản tài sản vi phạm quy định của pháp luật trong việc bảo quản tài sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 6. <i>Trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản tài sản theo quy định tại Luật này thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ bảo quản trong thời gian chưa xử lý được tài sản.</i> 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		quản tài sản của Ủy ban nhân dân cấp xã bởi thực tiễn các Ủy ban nhân dân cấp xã không có kho riêng phục vụ việc bảo quản tài sản, đồng thời, cũng không có lực lượng để thực hiện việc quản lý, bảo vệ tài sản.	định chi tiết.	
	Cục Nghệ An	Đề nghị xem xét lại quy định tại khoản 6 để phù hợp với thực tiễn. Cụ thể: - Thứ nhất: Chỉ quy định UBND xã bảo quản đối với tài sản là Quyền sử dụng đất, hoặc có cả nhà ở gắn liền trên đất nhưng thuộc trường hợp nhà trồng - Thứ hai: cần nên quy định thành trách nhiệm của UBND xã Lý do: - Xuất phát từ vấn đề thực tiễn là UBND cấp xã sẽ không thể có đủ điều kiện để có thể thực hiện bảo quản tất cả các loại tài sản do Chấp hành viên kê biên - Việc bảo quản tài sản sẽ mất thời gian, công sức thậm chí sẽ phát sinh trách nhiệm. Nên nếu quy định đây là nội dung phối hợp, hỗ trợ thì UBND cấp xã sẽ tìm mọi lý do để từ chối không nhận và sẽ rất khó khăn cho cơ quan THADS và Chấp hành viên	Nghiên cứu, tiếp thu	
	Cục Bến Tre	Đề xuất quy định thêm nội dung: “Trong trường hợp không có người nhận bảo quản tài sản thì bắt buộc người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phải bảo quản tài sản”.		Việc quy định bắt buộc người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phải bảo quản

				<i>tài sản không khả thi</i>
Điều 72. Việc thi hành án khi có thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án (Điều 59) Phương án 1: Đề xuất bãi bỏ Điều này. Lý do: Nội dung bản án tuyên, cơ quan THADS có trách nhiệm thi hành đúng nội dung bản án, do đó Luật không thể quy định theo hướng “làm lại” nội dung bản án để làm mất hiệu lực của Bản án, quyết định của Tòa. Mặt khác, cơ quan THADS không có cơ sở để xác định giá chênh lệch bao nhiêu 20% thì định giá lại; thực tế đương sự khiếu nại rất nhiều.	Cục: Cao Bằng, Hòa Bình, Đồng Tháp; Cục An Giang; Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre; Cục Hà Tĩnh; Cục Hải Dương; Cục Quảng Trị; Cục Điện Biên; Cục Nghệ An Bộ Quốc phòng Bộ Thông tin và Truyền thông	Phương án 01: - Lý do: vì theo nguyên tắc cơ quan THADS chỉ thi hành đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền; mặt khác, theo quy định hiện hành thì cơ sở xác định giá tài sản thay đổi tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với giá trị tài sản khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là chưa rõ ràng, việc xác định lại giá trị có thể dẫn tới khiếu nại, tố cáo từ đương sự. bãi bỏ điều này để bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án được thực thi đúng nội dung đã tuyên. Đồng thời, việc bãi bỏ cũng phù hợp với quy định tại Điều 106 Hiến pháp 2013 “<i>Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.</i>”		Tiếp thu, chỉnh lý quy định nội dung định giá lại trong trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản và thanh toán cho người khác giá trị tài sản họ được nhận nhưng tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi và một trong các bên đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản đó thì

				tài sản được định giá theo quy định của Điều này để thi hành án
Phương án 2: Giữ nguyên quy định hiện hành Trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản và phải thanh toán cho người khác giá trị tài sản họ được nhận, nhưng tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi và một trong các bên đương sự có yêu cầu định giá tài sản đó thì tài sản được định giá theo quy định tại Điều 120 Luật này (về định giá tài sản kê biên) để thi hành án. Người yêu cầu phải chịu chi phí định giá theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Cục Sóc Trăng; Cục Kiên Giang; Văn phòng Bộ Tư pháp; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; Liên đoàn Luật sư Việt Nam Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Học viện Tư pháp Viện kiểm sát nhân dân tối cao UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Phương án 02: Lý do: Thực tế có nhiều bản án được thi hành trong thời gian rất dài (nhất là những việc thi hành án liên quan đến nhà đất), nếu không có quy định này thì người phải thi hành án sẽ cố tình kéo dài không thi hành nghĩa vụ nhằm hưởng lợi từ việ chênh lệch giá trị do trượt giá về tài sản theo thời gian. - tại thời điểm xét xử, Toà án cần tuyên rõ về tỉ lệ % tài sản mà các bên đương sự được nhận, đồng thời, cần có giá trị của tài sản để thuận lợi cho việc thi hành án (A hoặc B được nhận số tiền bao nhiêu hoặc phải trả chênh lệch tài sản với số tiền bao nhiêu) - giá trị tài sản là bất động sản thường xuyên có sự biến động nên khi giá trị tài sản thay đổi tại thời điểm thi hành án thì giao cho cơ quan thi hành án thực hiện thủ tục thi hành án khi có giá thay đổi là phù hợp vì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong việc tổ chức hoạt động thẩm định giá.	Tiếp thu, chỉnh lý quy định nội dung định giá lại trong trường hợp theo bản án, quyết định mà một bên được nhận tài sản và thanh toán cho người khác giá trị tài sản họ được nhận nhưng tại thời điểm thi hành án, giá tài sản thay đổi và một trong các bên đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản đó thì tài sản được định giá theo quy định của Điều này để thi hành án	
Điều 73. Phí thi hành án dân sự (điều 60)	Bộ Tài chính	- Đề nghị Bộ Tư pháp quy định để đảm bảo	Tiếp thu theo	

Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự. <i>Tổ chức thu phí thi hành án dân sự, tổ chức nhận ủy thác xử lý tài sản thi hành án được để lại số phí thi hành án dân sự theo quy định của Luật Phí và lệ phí để phục vụ công tác thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự trích chuyển một phần số phí thi hành án dân sự được để lại về cơ quan quản lý thi hành án dân sự để thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo cơ sở vật chất, các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý thi hành án dân sự.</i> Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm phí thi hành án dân sự; thủ tục thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.		việc bán đấu giá tài sản để thi hành án, tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản: “8. <u>Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều này thuộc về người có tài sản đấu giá. Trong trường hợp người có tài sản đấu giá là cơ quan nhà nước thì tiền đặt trước được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản</u>” và khoản 1 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: “<i>Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện</i>”. - Tuy nhiên, tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định phí THADS thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Theo đó, ngày 10/11/2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 216/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí THADS. Như vậy, các nội dung về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí THADS thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí. Đồng thời, tại điểm 1b mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm	hướng bỏ quy định tại Điều này và quy định rõ tại Điều bảo đảm hoạt động THADS (Điều 8) về việc trích một phần đó thực hiện “sau khi nộp ngân sách nhà nước” để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước	

		2030 quy định: “ <i>Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan</i> ”. Vì vậy, đề nghị không quy định nội dung về chính sách thuế, phí tại dự thảo Luật.		
	Bộ Thông tin và Truyền thông	đoạn thứ 2 đề nghị điều chỉnh như sau: “ <i>Tổ chức thu phí thi hành án dân sự, tổ chức nhận ủy thác xử lý tài sản thi hành án được để lại số phí thi hành án dân sự theo quy định của Luật Phí và lệ phí để phục vụ công tác thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự trích chuyển một phần số phí thi hành án dân sự được để lại về cơ quan quản lý thi hành án dân sự để thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, đảm bảo cơ sở vật chất, các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý thi hành án dân sự.</i> ”	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định tại Điều này và quy định rõ tại Điều bảo đảm hoạt động THADS (Điều 8)	
Điều 74. Chi phí tổ chức thi hành án (điều mới) <i>Chi phí tổ chức thi hành án gồm:</i> 1. Chi phí thông báo thi hành án. 2. Xác minh thi hành án. 3. Chi phí tiêu hủy vật chứng, tài sản. 4. Chi phí trông giữ vật chứng, tài sản; giao vật chứng, tài sản sung công. 5. Chi phí giao tài sản trong trường hợp người phải thi hành án tự nguyện giao. 6. Chi phí trưng cầu giám định, yêu cầu giám định thương mại; thẩm định tại chỗ. 7. Chi phí xác định giá tài sản làm căn cứ để kê	Bộ Quốc phòng	đề nghị bổ sung 02 khoản, như sau: “21. Chi phí tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thi hành án dân sự. 22. Chi phí giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự”. Lý do: Phù hợp với thẩm quyền quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực tiễn tổ chức thi hành án dân sự.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định tại Điều này và quy định rõ tại các điều Luật cụ thể, văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	dự thảo Luật THADS đang quy định “4. Chi phí trông giữ vật chứng...”, “19. Chi phí cho	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định	

<i>biên; xử lý tài sản.</i> 8. <i>Chi phí tố tụng.</i> 9. <i>Chi phí ủy thác tư pháp; tương trợ tư pháp.</i> 10. <i>Chi phí thuê phiên dịch, dịch thuật.</i> 11. <i>Chi phí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.</i> 12. <i>Chi phí hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thi hành án.</i> 13. <i>Chi phí thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật này.</i> 14. <i>Chi phí định giá tài sản kê biên.</i> 15. <i>Chi phí định giá lại tài sản kê biên.</i> 16. <i>Chi phí bán tài sản kê biên.</i> 17. <i>Chi phí giao tài sản.</i> 18. <i>Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án.</i> 19. <i>Chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi phí thuê nhân công và khoản chi phục vụ cho việc xây ngăn, phá dỡ; chi thuê đo đạc, xác định mốc giới để thực hiện việc cưỡng chế thi hành án.</i> 20. <i>Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ.</i> 21. <i>Tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án.</i> 22. <i>Chi phí xây ngăn, phá dỡ.</i> 23. <i>Các chi phí khác liên quan đến việc tổ chức thi hành án dân sự.</i> <i>Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i>		việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản...”, “20. Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ”. Ban soạn thảo nên nghiên cứu, quy định lại cho hợp lý, tránh trùng lặp các nội dung này.	chi tiết	
13. <i>Chi phí thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật này.</i> 14. <i>Chi phí định giá tài sản kê biên.</i> 15. <i>Chi phí định giá lại tài sản kê biên.</i> 16. <i>Chi phí bán tài sản kê biên.</i> 17. <i>Chi phí giao tài sản.</i> 18. <i>Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án.</i> 19. <i>Chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi phí thuê nhân công và khoản chi phục vụ cho việc xây ngăn, phá dỡ; chi thuê đo đạc, xác định mốc giới để thực hiện việc cưỡng chế thi hành án.</i> 20. <i>Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ.</i> 21. <i>Tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án.</i> 22. <i>Chi phí xây ngăn, phá dỡ.</i> 23. <i>Các chi phí khác liên quan đến việc tổ chức thi hành án dân sự.</i> <i>Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i>	Bộ Thông tin và Truyền thông	nhiều khoản chi phí tổ chức thi hành án tại Điều này còn trùng lặp, ví dụ: Chi phí trông giữ vật chứng, tài sản tại khoản 4 và khoản 19; chi phí giao tài sản tại khoản 5 và khoản 17; chi phí xây ngăn phá dỡ tại khoản 22 và khoản 19; chi phí tố tụng, v.v. đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung điều này để tránh trùng lặp và bảo đảm các chi phí được tính toán hợp lý.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
19. <i>Chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi phí thuê nhân công và khoản chi phục vụ cho việc xây ngăn, phá dỡ; chi thuê đo đạc, xác định mốc giới để thực hiện việc cưỡng chế thi hành án.</i> 20. <i>Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ.</i> 21. <i>Tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án.</i> 22. <i>Chi phí xây ngăn, phá dỡ.</i> 23. <i>Các chi phí khác liên quan đến việc tổ chức thi hành án dân sự.</i> <i>Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i>	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Điều 74 quy định về “Chi phí tổ chức thi hành án”, trong đó bao gồm “<i>Chi phí ủy thác tư pháp; tương trợ tư pháp</i>” (khoản 9). Về quy định này, đề nghị cơ quan soạn thảo tham khảo dự thảo Luật Tương trợ tư pháp dân sự để xác định chi phí ủy thác tư pháp với chi phí tương trợ tư pháp về dân sự để tránh chồng chéo, đảm bảo tương thích giữa 2 luật.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Điều 75. Trách nhiệm chịu chi phí tổ chức thi hành án (điều 73)	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 5: đề nghị xem xét lại việc quy định nội dung “<i>Nguồn tạm ứng chi phí cưỡng chế</i>”	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định	

1. Người phải thi hành án chịu các khoản chi phí tại Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) kể từ khi có Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Trường hợp bản án tuyên kê biên, phong tỏa tài sản thì người phải thi hành án chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản đã kê biên, phong tỏa.		<i>của cơ quan thi hành án dân sự gồm: Nguồn tạm ứng từ Ngân sách và nguồn tạm ứng chi phí cưỡng chế từ người được thi hành án.”</i> vì theo khoản 4 và khoản 5 Điều này, chi phí cưỡng chế được thu từ người phải thi hành án. Mặt khác, điểm o khoản 1 Điều 7 dự thảo quy định người được thi hành án “Được quyền tạm ứng chi phí cưỡng chế cho cơ quan thi hành án”	chi tiết	
2. Người được thi hành án phải chịu các chi phí khi yêu cầu thực hiện các nội dung quy định tại khoản 11, khoản 15, khoản 22 Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) trong trường hợp bản án, quyết định xác định người được thi hành án phải chịu chi phí xây ngăn, phá dỡ. 3. Ngân sách nhà nước chịu các chi phí sau: a) Các chi phí tại khoản 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) khi chưa có Quyết định cưỡng chế thi hành án dân sự; chi phí thẩm định giá lại tại Khoản 15 Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) khi Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng.	Cục Hà Tĩnh	Khoản 1 Điều 75 Luật THADS Đề nghị sửa đổi thành: <i>Người phải thi hành án chịu các khoản chi phí tại Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) kể từ khi có Quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc biên bản tự nguyện giao tài sản”.</i> Lý do: đối với các vụ việc người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản thì không ban hành quyết định cưỡng chế. Do vậy, cần có quy định cụ thể để có căn cứ thanh toán các khoản chi phí.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
b) Trường hợp đương sự được miễn, giảm chi phí tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật. c) Các chi phí cần thiết khác theo quy định của Chính phủ 4. Chấp hành viên dự trừ chi phí cưỡng chế và thông báo cho người phải thi hành án biết ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày cưỡng chế đã được ấn định, trừ trường hợp cần thiết phải cưỡng chế ngay. 5. <i>Nguồn tạm ứng chi phí cưỡng chế của cơ quan thi hành án dân sự gồm: Nguồn tạm ứng từ Ngân sách và nguồn tạm ứng chi phí cưỡng chế từ người được thi hành án.</i>	Cục Hà Tĩnh	Khoản 3 Điều 75 Luật THADS sửa đổi quy định: “<i>Ngân sách nhà nước chịu các chi phí sau: Các chi phí tại khoản 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) khi chưa có Quyết định cưỡng chế thi hành án dân sự”.</i> Đề nghị sửa đổi thành: “<i>Ngân sách nhà nước chịu các chi phí sau: Các chi phí tại khoản 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 12 Điều 74 Luật này (chi phí tổ chức thi hành án) khi chưa có Quyết định cưỡng chế thi hành án dân sự hoặc biên bản tự nguyện giao tài sản.”</i> Lý do: hiện tại chi phí hợp liên ngành trong	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	

<i>Trong khi chưa thu được chi phí cưỡng chế thi hành án của người phải thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện ứng trước kinh phí cho các Chấp hành viên.</i> <i>Chấp hành viên phải thực hiện hoàn tạm ứng ngay sau khi có chứng từ thanh toán.</i> <i>Sau khi thu được tiền bán tài sản và tiền thu được của đương sự, Chấp hành viên phải làm thủ tục hoàn trả các khoản tiền đã tạm ứng.</i> <i>6. Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i>		quá trình tổ chức thi hành án đang do NSNN chi trả. Trong Điều 75 cũng chưa quy định cụ thể nên cần có quy định.		
Điều 76. Tạm ứng chi phí cưỡng chế (điều mới) <i>1. Người được thi hành án tạm ứng chi phí cưỡng chế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</i> <i>Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm hoàn trả tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế cho người được thi hành án ngay khi thu được tiền thi hành án.</i> <i>2. Nhà nước tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án trong trường hợp:</i> <i>a) Thi hành án chủ động, thu cho ngân sách nhà nước</i> <i>b) Người được thi hành án là người có công; hộ nghèo hoặc có khó khăn, không thể tạm ứng chi phí cưỡng chế có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã</i> <i>3. Chính phủ quy định việc tạm ứng, quyết toán tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án.</i>	Cục Bình Hòa	Đề xuất: Đề nghị có hướng dẫn cụ thể việc thu tạm ứng chi phí cưỡng chế do người được THA nộp. Lý do: Việc quy định như vậy là phù hợp tuy nhiên việc thu tạm ứng chi phí cưỡng chế được thu theo biên lai nào, thu theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện của đương sự hay giấy biên nhận.v	Tiếp thu Tuy nhiên, không quy định trong Luật mà quy định trong Nghị định hoặc Thông tư	
	Cục Phú Thọ	Đề xuất bổ sung quy định theo hướng trong trường hợp người được thi hành án đã được thông báo về số tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế nhưng không tạm ứng thì Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định tạm đình chỉ. Khi người được thi hành án tạm ứng đủ chi phí cưỡng chế thì cơ quan THADS ra quyết định tiếp tục và tổ chức cưỡng chế theo quy định.		Đây là quyền của người được thi hành án, không phải trách nhiệm nên không có căn cứ tạm đình chỉ
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất bổ sung đối tượng được Nhà nước tạm ứng chi phí cưỡng	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	

		chế thi hành án mà chưa được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 76 (trang 40) là: “thân nhân liệt sĩ”.		
	Cục Nghệ An	Đề nghị bổ sung cụm từ “nộp tiền” vào khoản 1 thành: “ <i>Người được thi hành án nộp tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này</i> ”	Nghiên cứu, tiếp thu quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành	
Điều 77. Điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (điều 61) 1. Người phải thi hành án được xét miễn nghĩa vụ thi hành án khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Không có tài sản hoặc có tài sản nhưng tài sản đó theo quy định của pháp luật không được xử lý để thi hành án hoặc không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng; b) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với <i>nghĩa vụ thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành còn lại có giá trị dưới 2.000.000 đồng</i>; hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với <i>nghĩa vụ thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành còn lại có giá trị dưới 5.000.000 đồng</i>. 2. Người phải thi hành án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được xét giảm một phần nghĩa vụ thi hành án khi có một trong các điều kiện sau đây: a) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ phải thi hành có giá trị từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần tư số tiền phải thi hành án; b) Hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định	Cục Hà Tĩnh	Điểm b khoản 1 Điều 77: Đề nghị sửa đổi thành: “ <i>Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với nghĩa vụ thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành còn lại có giá trị dưới 5.000.000 đồng; hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với nghĩa vụ thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành còn lại có giá trị dưới 10.000.000 đồng.</i> ” Lý do: Hiện tại các mức sống và các khoản chi phí đều đã lên. Nghĩa vụ dưới 2 triệu đồng đều được các cơ quan thi hành án vận động thi hành dứt điểm. Đề nghị nâng điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án cho phù hợp với tình hình hiện nay.	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo	
	Cục Điện Biên	Đề nghị nêu rõ nghĩa vụ thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành án còn lại được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 77 bao gồm những khoản tiền nào? Vì nghĩa vụ thi hành án còn có cả khoản tiền gốc và tiền lãi chậm thi hành án. Điều kiện để được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước căn cứ vào khoản tiền gốc hay bao gồm cả tiền lãi? (trên thực tế đang vướng mắc về nội dung này)	Nghiên cứu, tiếp thu, quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật	

thi hành án mà phần nghĩa vụ phải thi hành có giá trị từ trên 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần năm số tiền phải thi hành án nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng. 3. Người phải thi hành án đã tích cực thi hành được ít nhất một phần tư nghĩa vụ thi hành án nhưng lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục thi hành được nghĩa vụ thi hành án còn lại hoặc lập công lớn thì được xét miễn thi hành nghĩa vụ thi hành án còn lại. 4. Người phải thi hành án quy định tại các khoản 1, 2 Điều này chỉ được xét miễn hoặc giảm một lần trong 01 năm đối với mỗi bản án, quyết định. Quyết định thi hành án lần đầu là căn cứ để xác định thời hạn xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án. 5. Nghĩa vụ thi hành án còn lại quy định tại Điều này là phần nghĩa vụ của người phải thi hành án sau khi trừ đi phần nghĩa vụ thi hành án đã thực hiện và phần nghĩa vụ thi hành án được Tòa án giảm theo quy định. 6. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Điều này.	Cục Biên Điện	- Đề nghị quy định rõ hơn đối với nội dung tại khoản 4: <i>“chỉ được xét miễn, giảm 01 lần trong 1 năm đối với mỗi Bản án, quyết định”</i> Lý do: Để đảm bảo cách hiểu và thực hiện thống nhất, đặc biệt liên quan đến các cơ quan phối hợp như Viện kiểm sát, Tòa án. Cần quy định cụ thể 1 lần trong một năm là đủ 12 tháng kể từ ngày xét miễn, giảm lần trước hay cứ trong phạm vi 01 năm thực hiện miễn, giảm là được	Nghiên cứu, tiếp thu	
Điều 78. Hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 62) (Giữ nguyên) Cơ quan thi hành án dân sự lập hồ sơ đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau đây: 1. Văn bản đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc của Viện trưởng Viện kiểm sát trong trường	Cục Bến Tre	Khoản 1 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: <i>“1. Văn bản đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc của Viện trưởng Viện kiểm sát trong trường hợp đề nghị xét miễn, giảm khoản tiền thu nộp ngân sách”</i>.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định tại văn bản quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách	

hợp đề nghị xét miễn, giảm khoản tiền phạt. 2. Bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự. 3. Biên bản xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án được thực hiện trong thời hạn không quá 03 tháng trước khi đề nghị xét miễn, giảm; 4. Tài liệu khác chứng minh điều kiện được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án, nếu có. 5. Ý kiến bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.	Cục Nghệ An	Đề nghị bổ sung cụm từ bản sao trước nội dung Bản án, quyết định của Tòa án; quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự, tại khoản 2. Cụ thể: " 2. Bản sao bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự Lý do: Quy định cụ thể như vậy là phù hợp với thực tiễn và thống nhất giữa các cơ quan liên quan khi thực hiện	nhà nước	Nghiên cứu, tiếp thu quy định tại văn bản quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước
Điều 79. Thẩm quyền, thủ tục xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 63) (Giữ nguyên) 1. Việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Tòa án quân sự khu vực (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương) nơi cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức việc thi hành án có trụ sở. 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, Tòa án phải thụ lý hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phải mở phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án. 3. Phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án do một Thẩm phán chủ trì, có sự tham dự của đại				

diện Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm. Khi tiến hành xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, đại diện cơ quan thi hành án dân sự trình bày tóm tắt hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm; đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm. Trên cơ sở xem xét hồ sơ và ý kiến của đại diện của Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, Thẩm phán ra quyết định chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án. 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được xét miễn, giảm thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, trại giam, trại tạm giam nơi người được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước đang chấp hành hình phạt tù.				
Điều 80. Kháng nghị quyết định của Tòa án về miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 64) (Giữ nguyên) 1. Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án có thể bị Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định. Hết thời hạn kháng nghị, Viện kiểm sát không kháng nghị thì quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.				

2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, Tòa án đã ra quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án phải chuyển hồ sơ và văn bản kháng nghị lên Tòa án cấp trên trực tiếp. 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng nghị, Tòa án cấp trên trực tiếp phải mở phiên họp để xét kháng nghị. Phiên họp xét kháng nghị do một Thẩm phán chủ trì, có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu đại diện cơ quan thi hành án dân sự đã lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm tham dự. Thẩm phán chủ trì phiên họp ra quyết định giải quyết kháng nghị. Quyết định của Tòa án về giải quyết kháng nghị việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án có hiệu lực thi hành. 4. Trường hợp Viện kiểm sát rút quyết định kháng nghị trước hoặc trong phiên họp xét kháng nghị thì Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xét kháng nghị. Quyết định của Tòa án về việc miễn, giảm thi hành án bị kháng nghị có hiệu lực thi hành. 5. Trường hợp sau khi quyết định cho miễn, giảm thi hành án có hiệu lực mà phát hiện người phải thi hành án có hành vi cất giấu, tẩu tán tài sản để xin miễn, giảm, trốn tránh việc thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát đã đề nghị xét miễn, giảm có trách nhiệm đề nghị Chánh án Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và tố tụng dân sự xem xét việc kháng nghị quyết định miễn, giảm thi hành án theo thủ tục tái thẩm.				
Điều 81. Thi hành án từ nguồn ngân sách nhà	Bộ Quốc	Tại khoản 1 Điều 81, đề nghị sửa đổi, bổ	Tiếp thu, không	

nước (Điều 65) 1. Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động hoàn toàn bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp phải thi hành án thì được ngân sách nhà nước bảo đảm. Việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với người gây ra thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật. 2. Chính phủ quy định thẩm quyền, điều kiện, đối tượng, thủ tục thi hành án từ nguồn ngân sách nhà nước.	phòng	sung và viết lại như sau: <i>“1. Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động hoàn toàn bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp phải thi hành án thì được ngân sách nhà nước bảo đảm nghĩa vụ thi hành án. Việc xử lý trách nhiệm vật chất đối với người gây ra thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật”.</i>	quy định thành điều luật riêng nhưng sẽ quy định tại các điều Luật và văn bản hướng dẫn thi hành	
Chương IV BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN				
Mục 1 BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THI HÀNH ÁN				
Điều 82. Biện pháp bảo đảm thi hành án (Điều 66) 1. Chấp hành viên có quyền tự mình hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Khi áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên không phải thông báo trước cho đương sự. 2. Người yêu cầu Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình. Trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường. 3. Các biện pháp bảo đảm thi hành án bao gồm: a) Phong tỏa tài khoản; tài sản ở nơi gửi giữ; b) Tạm giữ tài sản, giấy tờ; c) Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản; d) Tạm hoãn xuất cảnh;	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 2 Điều 82, đề nghị theo hướng: Bổ sung thêm: Người yêu cầu Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình. Trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường. Người yêu cầu Chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm phải nộp cho cơ quan thi hành án chứng từ bảo lãnh được bảo đảm bằng tài sản của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do cơ quan thi hành án ấn định nhưng phải tương đương với tổn thất hoặc thiệt hại có thể phát sinh do hậu quả của việc áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng để bảo vệ lợi ích của người bị áp	Tiếp thu, quy định theo hướng Người yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu của mình. Trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng, gây thiệt hại thì phải bồi thường.	

đ) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn;</i> e) <i>Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i>		dụng biện pháp bảo đảm và ngăn ngừa sự lạm dụng quyền yêu từ phía người có quyền yêu cầu.		
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Khoản 1 Điều 83 Dự thảo quy định: “1. <i>Chấp hành viên có quyền tự mình hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của đương sự áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Khi áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên không phải thông báo trước cho đương sự.</i> ” Việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án trong nhiều trường hợp rất cần được Chấp hành viên thực hiện ngay để ngăn chặn tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Do đó, cần có quy định thể hiện trách nhiệm của Chấp hành viên trong trường hợp chậm trễ hoặc không thực hiện theo yêu cầu đúng của đương sự. Đề nghị bổ sung nội dung: “ <i>Chấp hành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ yêu cầu đúng của đương sự.</i> ”.		Tất cả các quy định trong Luật, nếu Chấp hành viên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì đều phải chịu trách nhiệm
	Cục Bến Tre	điểm e khoản 2 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “ <i>Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i> ”.		Bổ quy định trên khỏi Dự thảo do biện pháp này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất,

				kinh doanh của doanh nghiệp, đến nền kinh tế nói chung.
	Bộ Quốc phòng	Tại điểm e khoản 3 Điều 82, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“e) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề”.</i> Lý do: Thống nhất với quy định điểm g khoản 1 Điều 125 Luật Quản lý thuế.		Bổ quy định trên khỏi Dự thảo do biện pháp này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đến nền kinh tế nói chung.
	Cục Nghệ An	Theo khoản 1,2 đều thể hiện Chấp hành viên là người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo đảm trên cơ sở xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của đương sự Tuy nhiên theo khoản 3 dự thảo bổ sung biện pháp bảo đảm “Tạm hoãn xuất cảnh” mà thẩm quyền lại thuộc Thủ trưởng cơ quan THADS mà không thuộc thẩm quyền của Chấp hành viên Vì vậy, đề nghị xem xét quy định lại cho phù hợp.	Tiếp thu, sửa theo hướng Thủ trưởng cơ quan THADS là người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh	
	Viện kiểm sát	Tại điểm e khoản 2 Điều 82 dự thảo có nêu		Bổ quy

	nhân dân tối cao	các biện pháp bảo đảm thi hành án bao gồm việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chưa đầy đủ; bởi vì Điều 88 dự thảo Luật có nêu nhiều loại giấy chứng nhận (<i>giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động...</i>); do đó, đề nghị chỉnh sửa lại điểm e khoản 2 Điều 82 để bảo đảm đầy đủ, phù hợp với Điều 88 dự thảo Luật.		định trên khỏi Dự thảo do biện pháp này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đến nền kinh tế nói chung.
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điểm e khoản 3 Điều 82 Dự thảo quy định về Các biện pháp bảo đảm thi hành án bao gồm: “ <i>e) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</i> ” Đề nghị loại bỏ biện pháp này, bởi Chấp hành viên chỉ thực hiện nhiệm vụ nhằm thi hành Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, không phải cơ quan tài phán vì vậy việc giao thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là không hợp lý. Đồng thời biện pháp này sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không phù hợp với tính chất của biện pháp bảo đảm thi hành án.	Tiếp thu, bỏ quy định trên khỏi Dự thảo do biện pháp này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đến nền kinh tế nói chung.	
Điều 83. Phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ (điều 67) 1. Việc phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ được thực hiện trong trường hợp người phải thi hành án có tài khoản, tài sản gửi giữ.	Cục Sóc Trăng	- Tại khoản 2 Điều 83 cần bổ sung.... Trong thời hạn 24 giờ (<i>trừ ngày nghỉ, ngày lễ</i>) kể từ khi lập biên bản, Chấp hành viên phải ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản. Lý do: thực tế có rất nhiều trường hợp phát	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định chung về phong tỏa tài khoản, tài sản ở	

2. Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ phải xác định rõ số tiền, tài sản bị phong tỏa. Chấp hành viên phải giao quyết định phong tỏa cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản của người phải thi hành án. Trường hợp cần phong tỏa ngay tài khoản, tài sản của người phải thi hành án ở nơi gửi giữ mà chưa ban hành quyết định phong tỏa thì Chấp hành viên lập biên bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản của người phải thi hành án phong tỏa tài khoản, tài sản đó. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, Chấp hành viên phải ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản phải thực hiện ngay yêu cầu của Chấp hành viên về phong tỏa tài khoản, tài sản. Biên bản, quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản trong trường hợp này phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		sinh vào cuối giờ ngày Thứ 6, chấp hành viên không thể tác nghiệp đáp ứng yêu cầu trong 24 giờ theo quy định hiện hành.	nơi gửi giữ tại dự thảo (điểm a, khoản 1, Điều 41) và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
	Cục Bến Tre	Khoản 2, Điều 83 đề xuất bổ sung quy định: <i>“ Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ phải xác định rõ số tiền, tài sản bị phong tỏa. Chấp hành viên phải giao quyết định phong tỏa ngay trong ngày làm việc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý tài khoản, tài sản của người phải thi hành án”.</i> Lý do: Bởi vì nếu chấp hành viên ra Quyết định phong tỏa mà không giao ngay nên nơi quản lý tài khoản vẫn cho người phải thi hành án rút tiền tẩu tán hết tài sản. Vì vậy việc quy định giao ngay trong ngày làm việc sẽ phòng ngừa rủi ro người phải thi hành án tẩu tán hết tài sản.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định chung về phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ tại dự thảo (khoản 2, Điều 43) và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-Khoản 2: Tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt quy định: <i>“b) Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;”</i> Do đó, đề nghị rà soát lại nội dung quy định <i>“biên bản”</i> để phù hợp với quy định chuyên ngành về lĩnh vực thanh toán.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định chung về phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ tại dự thảo (khoản 2, Điều 43) và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	

	Cục Bến Tre	Đề xuất bỏ quy định tại khoản 3, Điều 83: <i>“Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ, Chấp hành viên phải áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt việc phong tỏa theo quy định của Luật này”</i> vì xét thấy không hợp lý”. Lý do: Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc ra quyết định chấm dứt phong tỏa chỉ đạt hiệu quả khi số tiền trong tài khoản của người phải thi hành án lớn hơn hoặc tương ứng nghĩa vụ trả tiền; còn trong trường hợp số tiền trong tài khoản của người phải thi hành án nhỏ hơn nghĩa vụ trả tiền, thậm chí còn rất ít hoặc chỉ đủ duy trì tài khoản thì quy định nêu trên lại không hợp lý, gây khó khăn, lúng túng cho chấp hành viên trong quá trình áp dụng pháp luật.	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy định chung về phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ tại dự thảo và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
Điều 84. Tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự (điều 68) 1. Chấp hành viên đang thực hiện nhiệm vụ thi hành án có quyền tạm giữ tài sản, giấy tờ liên quan đến việc thi hành án mà đương sự, tổ chức, cá nhân khác đang quản lý, sử dụng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên trong việc tạm giữ tài sản, giấy tờ. 2. Quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ phải xác định rõ loại tài sản, giấy tờ bị tạm giữ. Chấp hành viên phải giao quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ cho đương sự hoặc tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng. Trường hợp cần tạm giữ ngay tài sản, giấy tờ mà	Cục Bình Hòa	Đề xuất: Trong trường hợp này chỉ cần có người chứng kiến là đảm bảo Lý do: dự thảo quy định trường hợp người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ không có mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền là chưa phù hợp, bởi: việc tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự có thể được thực hiện ở những nơi khác nhau, trong đó có thể ở tại trụ sở cơ quan THADS nên khi lập biên bản mà họ không ký nhưng nếu buộc phải mời sự tham gia có mặt của chính quyền địa phương là rất khó khăn cho các cơ quan THADS	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp	
	Cục Sóc Trăng;	- Tại khoản 2 Điều 84 cần bổ sung: ...Trong thời hạn 24 giờ (<i>trừ ngày nghỉ,</i>	Tiếp thu, chỉnh lý theo hướng quy	Giải trình: việc loại

chưa ban hành quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ thì Chấp hành viên yêu cầu giao tài sản, giấy tờ và lập biên bản về việc tạm giữ. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, Chấp hành viên phải ban hành quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ. Biên bản, quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.	Bình Phước	<i>ngày lễ</i>), kể từ khi lập biên bản, ...	định chung về phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ tại dự thảo và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	trừ ngày nghỉ, ngày lễ sẽ làm mất tính kịp thời của biện pháp bảo đảm
3. Khi tạm giữ tài sản, giấy tờ phải lập biên bản có chữ ký của Chấp hành viên và người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ; trường hợp người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ <i>không có mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền và ít nhất một người chứng kiến</i>. Biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ phải được giao cho người quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ. 4. Chấp hành viên yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh quyền sở hữu, sử dụng; thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên phải xác minh, làm rõ hoặc yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xác định người có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ. 5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Chương IV của Luật này; <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có</i>	Cục Hà Tĩnh	Khoản 3 Điều 84 Luật THADS: Đề nghị sửa đổi thành: <i>Khi tạm giữ tài sản, giấy tờ phải lập biên bản có chữ ký của Chấp hành viên và người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ; trường hợp người đang quản lý, sử dụng tài sản, giấy tờ không có mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chữ ký của ít nhất một người chứng kiến</i>”. Lý do: đối với các vụ việc tạm giữ phương tiện giao thông, khi được sự phối hợp của cơ quan chức năng trong việc tạm dừng phương tiện thì việc tạm giữ cần thiết phải được thực hiện ngay nên việc mời chính quyền địa phương tham gia chứng kiến có thể không thực hiện được.	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp	

căn cứ xác định tài sản, giấy tờ không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án thì Chấp hành viên phải ra quyết định trả lại tài sản, giấy tờ cho người có quyền sở hữu, sử dụng.				
Điều 85. Tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản (điều 69) 1. Trường hợp cần ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, trốn tránh việc thi hành án, Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án, tài sản chung của người phải thi hành án với người khác. 2. Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản phải được gửi ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đó. 3. Chấp hành viên yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh quyền sở hữu, sử dụng; thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên phải xác minh, làm rõ hoặc yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án, giải quyết tranh chấp tài sản; yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản theo quy định của pháp luật. 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có căn cứ	Cục Trăng	Sóc	Tại khoản 4 Điều 85 cần bổ sung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày <i>người phải thi hành án đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ hoặc</i> có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án thì Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản.	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp
	Thanh tra Bộ Tu pháp		Tại khoản 3 Điều 85 quy định “ <i>Chấp hành viên yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh quyền sở hữu, sử dụng; thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản.</i> <i>Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên phải xác minh, làm rõ hoặc yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án, giải quyết tranh chấp tài sản; yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản theo quy định của pháp luật</i> ”. Tuy nhiên, thời hạn để thực hiện việc khởi kiện chưa quy định, dẫn đến nhiều vụ việc kéo dài không được giải quyết dứt điểm. Do vậy, cần phải quy định rõ về thời gian thực	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp

xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Chương IV của Luật này; <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án thì Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản.</i>		hiện quy định nêu trên.		
	Cục Bến Tre	Tại khoản 1 đề xuất bổ sung nội dung: “.... <i>Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng hoặc Văn bản tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản quyết định tạm dừng hoặc văn bản đề nghị tạm dừng</i> ”.	Tiếp thu, quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
	Cục Bến Tre	Khoản 2 đề xuất bổ sung nội dung: “ <i>Quyết định tạm dừng hoặc Văn bản tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản</i> ”	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị sửa đổi khoản 4 như sau: “Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt tạm dừng hoặc dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản và gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong các trường hợp: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thi hành án.”	Tiếp thu, quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
	Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị chỉnh lý khoản 1 thành: 1. Trường hợp cản ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, <i>đưa tài sản tham gia vào giao dịch khác hoặc tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, trốn tránh việc thi hành án, Chấp hành viên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng, đăng ký biện pháp bảo đảm, thay đổi hiện trạng tài</i>	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	

		sản của người phải thi hành án, tài sản chung của người phải thi hành án với người khác.		
Điều 86. Tạm hoãn xuất cảnh (điều mới) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với người phải thi hành án, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức phải thi hành án nếu có căn cứ cho thấy việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án. 2. Thủ tục tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn, giải tỏa, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh. 3. Chấp hành viên phải gửi ngay quyết định tạm hoãn xuất cảnh cho người có yêu cầu; người bị áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý xuất nhập cảnh; Viện kiểm sát cùng cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Cục Sóc Trăng, Bắc Giang, Hải Dương; Cục Bình Phước	- Tại khoản 1 Điều 86 cần bổ sung: “1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với người phải thi hành án, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu có căn cứ cho thấy việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án.”		Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu là người phải thi hành án theo Điều 3 thì vẫn bị tạm hoãn xuất cảnh. Nếu không thì quy định sẽ trái với Luật Xuất, nhập cảnh. Những người liên quan khác không thể bị tạm hoãn xuất cảnh vì không phù hợp với quy định của Luật Xuất, nhập cảnh.

	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	Khoản 2: Cần rà soát, chỉnh sửa cụm từ “tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn, giải tỏa, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh” thành “tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh” để thống nhất với Điều 37 và Điều 39 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh lý theo hướng quy định chung về tạm hoãn xuất cảnh và sẽ được quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật.	
	Cục Bến Tre	Tại khoản 1 đề xuất sửa nội dung: “... <i>lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan tổ chức, cá nhân....</i> ” thành “... <i>ảnh hưởng đến lợi ích của người được thi hành án....</i> ”.		Nội dung này cần quy định phù hợp với Luật Xuất, nhập cảnh; đồng thời “tổ chức, cá nhân” trong Dự thảo đã bao gồm cả người được thi hành án
	Cục Điện Biên	Tại các Điều: 86, 107, 108, 124, 159: cần bổ sung thêm từ “Nhân dân” đằng sau từ “Viện Kiểm sát” cho đảm bảo đúng tên cơ quan Nhà nước là “Viện kiểm sát nhân dân”.	Tiếp thu	
	Bộ Ngoại giao	Thời gian qua, một số người nước ngoài sau khi chấp hành án phạt tù bị tạm hoãn xuất cảnh do còn nghĩa vụ dân sự phải thực hiện đối với nhà nước, tổ chức, cá nhân Việt Nam. Có những trường hợp không có tài sản tại Việt Nam, không xác định được có tài sản ở	Tiếp thu, nghiên cứu quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật, đảm bảo đầy đủ, khả thi trên thực tế.	

		nước ngoài hay không, không có thân nhân, việc làm, thu nhập ở Việt Nam, sức khỏe kém hay nhiều bệnh lý, nên không có khả năng thi hành nghĩa vụ dân sự. Việc những cá nhân này bị tạm hoãn xuất cảnh vô thời hạn không chỉ gây khó khăn trong công tác quản lý cư trú mà còn tạo phản ứng tiêu cực từ cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định giải quyết trường hợp người nước ngoài không có khả năng thi hành bản án/nghĩa vụ dân sự tại Việt Nam		
	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Điều 86 quy định về “Tạm hoãn xuất cảnh”, trong đó tại khoản 1 Điều này quy định “ <i>Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với người phải thi hành án, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức phải thi hành án nếu có căn cứ cho thấy việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án</i> ”. Đề nghị nghiên cứu thẩm quyền của cơ quan ra quyết định tạm hoãn xuất cảnh đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh, đồng thời làm rõ nội hàm quy định “ <i>căn cứ cho thấy việc xuất cảnh của họ ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để bảo đảm việc thi hành án</i> ” được xác định như thế nào.	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp.	
Điều 87. Ngừng sử dụng hóa đơn (điều mới) <i>1. Biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn được áp</i>	Bộ Văn hóa, thể thao và	Khoản 4: Quy định “ <i>Trong thời gian áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn thì Chấp</i>		Trên cơ sở nghiên

dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; b) Cơ quan thi hành án dân sự đã áp dụng các biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án nhưng vẫn không thu đủ tiền thi hành án; 2. Chấp hành viên gửi ngay văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ngừng sử dụng hóa đơn đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh. Nội dung yêu cầu phải ghi rõ: a) Khoản nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thực hiện để thi hành án; b) Các biện pháp cưỡng chế đã áp dụng (nếu có); c) Các tài liệu khác có liên quan. 3. Cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có trách nhiệm thực hiện thủ tục ngừng sử dụng hóa đơn đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh. Thẩm quyền, trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và doanh nghiệp. Trường hợp không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định. 4. Trong thời gian áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo yêu cầu thi hành vụ việc.	Du lịch	<i>hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo yêu cầu thi hành vụ việc.</i>” mang tính tùy nghi, dễ dẫn đến việc tùy tiện và áp dụng thiếu thống nhất trong thực tiễn. Do đó, cần quy định cụ thể các trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời gian áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn		cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế.
Điều 88. Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận (điều mới) 1. Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch; Bộ Giao thông	Điểm e khoản 1: nên bỏ do nội dung này đã được quy định tại đoạn mở đầu của khoản 1 nên bỏ vì đây không phải là biện pháp		Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh

chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh khi thuộc trường hợp theo quy định của pháp luật có liên quan và người phải thi hành án đã bị áp dụng các biện pháp sau đây mà không có hiệu quả: a) Khấu trừ tiền trong tài khoản; b) Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; c) Ngừng sử dụng hóa đơn; d) Kê biên, xử lý tài sản; đ) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ; e) Đã áp dụng các biện pháp nêu trên nhưng vẫn không thu đủ tiền thi hành án. 2. Chấp hành viên gửi ngay văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận tại khoản 1 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện thủ tục thu hồi các giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định. 4. Trường hợp doanh nghiệp giải thể, cơ quan đăng ký phải thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự trước khi quyết định việc giải thể. Thứ tự thanh toán tiền giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật này. 5. Trong thời gian áp dụng biện pháp thu hồi	vận tải			giá các nội dung liên quan, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân nghiệp và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế.
	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu để diễn đạt lại khoản 2 Điều 88 theo hướng sau để tránh lặp từ: “2. Chấp hành viên gửi ngay văn bản yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận tại khoản 1 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền.		Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, Ban

giấy chứng nhận tại Điều này thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo yêu cầu thi hành vụ việc.				soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân nghiệp và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế.
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đây là điều mới quy định về Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận. Tuy nhiên, đề nghị Tổ soạn thảo cân nhắc quy định này, vì khi thu hồi Giấy chứng nhận thì đồng nghĩa với việc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động. Vậy, đối với các khoản còn phải thi hành án thi hành như thế nào?		Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, Ban soạn thảo đã đưa quy định này

				khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân nghiệp và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế.
Điều 89. Thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án (Điều 77) <i>1. Chấp hành viên ra quyết định thay đổi biện pháp hoặc bổ sung biện pháp bảo đảm khác khi có một trong các căn cứ sau đây:</i> <i>a) Theo yêu cầu của người đã yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm.</i> <i>b) Chấp hành viên xét thấy biện pháp bảo đảm thi hành án đang áp dụng không còn phù hợp cần phải thay đổi hoặc cần áp dụng bổ sung biện pháp khác.</i> <i>Thủ tục thay đổi, áp dụng bổ sung biện pháp khác được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83 của</i>	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	Theo Điều 86 dự thảo thì thủ trưởng cơ quan THADS là người có thẩm quyền ra quyết định tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 89 thì, Chấp hành viên là người có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt, hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh là chưa phù hợp. Do đó, cần chỉnh sửa khoản 2 Điều 89 theo hướng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án cũng là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chấm dứt, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án	Tiếp thu, nội dung về trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đã được quy định phù hợp tại Dự thảo theo hướng người có thẩm quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp	

<i>Luật này (về yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm và Chấp hành viên áp dụng).</i> <i>2. Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt, hủy bỏ áp dụng biện pháp bảo đảm trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có một trong các căn cứ sau đây:</i> <i>a) Người yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm đề nghị chấm dứt, hủy bỏ;</i> <i>b) Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng quy định của luật này;</i> <i>c) Căn cứ áp dụng biện pháp bảo đảm không còn;</i> <i>d) Có quyết định cưỡng chế thi hành án đối với đối tượng đã bị áp dụng biện pháp bảo đảm;</i> <i>đ) Việc thi hành án kết thúc theo quy định của luật này.</i>			bảo đảm sẽ ra quyết định sẽ ban hành quyết định thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ biện pháp này; đồng thời sẽ được nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.	
<i>e) Cơ quan, tổ chức đã thực hiện xong yêu cầu của Chấp hành viên về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án;</i> <i>g) Có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án.</i> <i>3. Biên bản, Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bảo đảm phải được gửi ngay cho người có yêu cầu, người bị áp dụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</i> <i>Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được quyết định có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, thực hiện theo quyết định của Chấp hành viên, trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu thì bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của Chấp</i>	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đại diện Ngân hàng Nhà nước tỉnh, đề nghị bổ sung: Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của Chấp hành viên do nguyên nhân chủ quan dẫn đến người phải thi hành án tẩu tán tài sản thì có trách nhiệm nộp số tiền tương ứng với số tiền người phải thi hành án đã tẩu tán	Tiếp thu, nội dung về trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ biện pháp bảo đảm thi hành án trên sẽ được nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.	
<i>phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện việc phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của Chấp</i>	UBND Thừa Thiên Huế	Tại điểm d khoản 2 Điều 89 của “Dự thảo 2” Luật THADS quy định điều kiện Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt, hủy bỏ áp dụng biện pháp bảo đảm, trong đó có quy định điều kiện Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt, hủy bỏ áp dụng biện pháp bảo	Tiếp thu, nội dung về trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ biện pháp bảo đảm	

<i>hành viên dẫn đến người phải thi hành án tẩu tán tài sản thì có trách nhiệm nộp số tiền tương ứng với số tiền người phải thi hành án đã tẩu tán</i> <i>Nếu quyết định áp dụng biện pháp không đúng nội dung, đối tượng thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự để giải quyết.</i>		đảm là: “<i>d) Có quyết định cưỡng chế thi hành án đối với đối tượng đã bị áp dụng biện pháp bảo đảm;</i>”. Việc quy định điều kiện này là không cần thiết, bởi lẽ việc áp dụng các biện pháp bảo đảm là một trong những cơ sở để phục vụ cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Do đó, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với đối tượng đã được áp dụng biện pháp bảo đảm là hành vi pháp lý tiếp theo làm phát sinh, thay đổi sự kiện pháp lý mới đồng thời trực tiếp chấm dứt sự kiện pháp lý phát sinh trước đó. Do đó, kiến nghị bãi bỏ nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 89 của “Dự thảo 2” Luật THADS	thi hành án trên sẽ được nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 3: - Đề nghị rà soát căn cứ quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm nộp số tiền tương ứng với số tiền người phải thi hành án đã tẩu tán. - Đề nghị nêu rõ ai là người xác định quyết định áp dụng biện pháp không đúng nội dung, đối tượng và ai là người có trách nhiệm thông báo bằng văn bản.	Tiếp thu, nội dung về trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, chấm dứt, hủy bỏ biện pháp bảo đảm thi hành án trên sẽ được nghiên cứu quy định cụ thể tại văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.	
Mục 2 QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN				

Điều 90. Căn cứ cưỡng chế thi hành án (điều 70) Căn cứ để cưỡng chế thi hành án bao gồm: 1. Bản án, quyết định, <i>trừ trường hợp theo quy định tại khoản...Điều...(khoản 8 Điều 20 Luật hiện hành)</i>. 2. Quyết định thi hành án; 3. Quyết định cưỡng chế thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên <i>đối với tài sản đó</i>.				
Điều 91. Biện pháp cưỡng chế thi hành án (điều 71) Chấp hành viên được áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế sau: 1. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án. 2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. 3. <i>Cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản.</i> 4. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ. 5. Khai thác tài sản của người phải thi hành án. 6. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ. 7. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.	Cục Trăng, Tĩnh Sóc Hà	- Tại khoản 3 Điều 91 cần bổ sung nội dung biện pháp “<i>Cưỡng chế kiểm tra, xem xét hiện trạng tài sản thi hành án</i>” Lý do: xuất phát từ thực tiễn có rất nhiều trường hợp người được giao bảo quản tài sản kê biên không hợp tác cho người xem tài sản trước khi đăng ký tham gia đấu giá. Sau khi được giao bảo quản tài sản khi cưỡng chế, một số người phải thi hành án được giao bảo quản chống đối không cho xem xét tài sản để thẩm định giá, bán đấu giá tài sản dẫn đến việc xử lý tài sản gặp khó khăn. Pháp luật lại chưa quy định cụ thể đối với những trường hợp này.		Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành

				án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.
	Cục Bến Tre	Khoản 3 Điều 91 đề nghị bổ sung như sau: <i>“3. Cường chế kiểm tra hiện trạng tài sản, thực hiện hoạt động xác minh, giải quyết thi hành án”.</i>		Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được

				thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đối với khoản 7 Điều 91 dự thảo “7. <i>Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định</i> ” đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện công việc nhất định vì thời gian qua, nhiều cơ quan THADS địa phương còn nhiều lúng túng trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Điều 92. Kế hoạch cưỡng chế thi hành án (Điều 72) 1. Chấp hành viên lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án trong trường hợp cần huy động lực lượng. 2. Kế hoạch cưỡng chế thi hành án có các nội dung chính sau đây:	Bộ Công an	Đề nghị chỉnh lý khoản 4 về Kế hoạch cưỡng chế thi hành án để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an, cụ thể như sau: Căn cứ vào kế hoạch cưỡng chế của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, cơ quan Công an có trách	Ban soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý theo hướng đưa quy định về cưỡng chế khỏi Dự thảo Luật, các nội dung về	

a) Tên người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; b) Biện pháp cưỡng chế cần áp dụng; c) Thời gian, địa điểm cưỡng chế; d) Phương án tiến hành cưỡng chế; đ) Yêu cầu về lực lượng tham gia bảo vệ cưỡng chế; e) Dự trù chi phí cưỡng chế.		nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự khi cơ quan thi hành án dân sự thực hiện cưỡng chế.	trình tự, thủ tục, trong đó có nội dung về kế hoạch cưỡng chế sẽ được quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật.	
3. Kế hoạch cưỡng chế phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo kế hoạch, yêu cầu của Chấp hành viên.	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Khoản 4 : Đề nghị bỏ giữ nguyên như Luật THADS hiện hành Lý do: nếu quy định như trên thì nhiều trường hợp công an không muốn cưỡng chế nên sẽ lấy lý do không bố trí được lực lượng để không cưỡng chế. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến nhiều vụ việc cơ quan thi hành án không tổ chức cưỡng chế thi hành án. Do đó bỏ quy định trên để hiệu cơ quan công an phải bố trí lực lượng để tổ chức cưỡng chế	Tiếp thu, sẽ quy định ở văn bản quy định chi tiết.	
4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch cưỡng chế của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, cơ quan Công an có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lập phương án bảo vệ cưỡng chế. <i>Trường hợp hết thời hạn trên mà cơ quan Công an chưa bố trí được lực lượng bảo vệ cưỡng chế thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự.</i> Cơ quan Công an có trách nhiệm bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để giữ gìn trật tự, bảo vệ hiện trường, kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi tẩu tán tài sản, cản trở, chống đối việc thi hành án, tạm giữ người chống đối, khởi tố vụ án hình sự khi có dấu hiệu phạm tội.	Cục Bến Tre	Tại khoản 4 đề xuất sửa đổi nội dung như sau: “<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch cưỡng chế của cơ quan thi hành án cùng cấp</i>”.		Không rõ lý do đề xuất
Điều 93. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án (điều 74) Phương án 01: 1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải	Cục: Cao Bằng, Bình, Tháp, Trăng, Hòa, Đồng, Sóc, Cục	Phương án 01: - Trong trường hợp thi hành án chủ động: Bỏ quy định cho đương sự thỏa thuận phân chia mà Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh lý theo hướng: Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu	

thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên xử lý như sau: a) Trường hợp ra quyết định thi hành án theo yêu cầu, Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án về kết quả thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết của người phải thi hành án. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc người được thi hành án cho rằng thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này thì người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Trường hợp đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết trong thời hạn quy định thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật này (về hoãn thi hành án) và xử lý tài sản đó theo quyết định của Tòa án. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết mà người phải thi hành án có tài sản khác thì Chấp hành viên xử lý tài sản đó để thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không có tài sản khác thì Chấp hành viên ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án. b) Trường hợp ra quyết định thi hành án chủ động, Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần	Điện Biên; Cục Đồng Nai; Cục Kiên Giang; Văn phòng Bộ Tư pháp; Cục An Giang; Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre; Cục Hà Tĩnh; Cục Hải Dương; Cục Phú Thọ; Cục Quảng Trị; Cục Điện Biên Bộ Quốc phòng Ban Nội chính Trung ương Bộ Tài nguyên và Môi trường Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Liên đoàn Luật sư Việt Nam Học viện Tư	quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án. Lý do: khác với thi hành án theo đơn yêu cầu, việc thỏa thuận của người phải thi hành án và những người sở hữu chung tài sản có sự giám sát của người được thi hành án; còn đối với án chủ động, thi hành cho ngân sách nhà nước, hiện chưa có quy định xác định rõ chủ thể đại diện cho nhà nước, việc quy định cho người phải và những người sở hữu chung tài sản có thể không đảm bảo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến hiệu quả thu hồi cho ngân sách nhà nước, do đó việc quy định Chấp hành viên thực hiện yêu cầu Tòa án phân chia là phù hợp. - Trong trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu: Bộ quy định Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự mà chỉ quy định quyền yêu cầu của người phải, người sở hữu chung tài sản, người được thi hành án thực hiện. Trường hợp không thực hiện thì Chấp hành viên ra quyết định hoãn thi hành án. Bởi vì: đây là việc dân sự của các bên, không phải và không thể quy định là trách nhiệm của Chấp hành viên đồng thời đảm bảo đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong hoạt động THADS. - Hòa Bình: Đề nghị sửa thêm: Trường hợp	tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung với người khác thì Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án, người có quyền sở hữu chung và người được thi hành án thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông báo mà các bên không thỏa thuận hoặc không yêu cầu Tòa án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án xác định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quy định trên vừa đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự, vừa đảm bảo rút ngắn thời gian tổ chức thi

quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án.	pháp Thanh tra Bộ Tu pháp Viện kiểm sát nhân dân tối cao UBND Thừa Thiên Huế	ra quyết định thi hành án chủ động, Chấp hành viên <u>khởi kiện tại tòa để xác định phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự</u> Lý do: Nếu Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất thì rất khó khăn để thực hiện vì Tòa án yêu cầu phải cung cấp cho Tòa án các tài liệu như: Giấy chứng nhận quyền tài sản, công sức đóng góp, nguồn gốc tài sản, số lượng thành viên hộ gia đình... Việc cung cấp này người được thi hành án và Chấp hành viên không thể cung cấp được. Trên cơ sở cung cấp tài liệu liên quan đến đất, tài sản như công sức đóng góp, nguồn gốc tài sản, số lượng thành viên hộ gia đình Tòa án chỉ việc xác định tỷ lệ phân chia. Nếu sửa thành Chấp hành viên khởi kiện tại tòa thì trong trường hợp này Tòa án sẽ thụ lý, tiến hành xác minh và thẩm định để phân chia theo luật dân sự. - Sóc Trăng: thống nhất nhưng cần sửa đổi: + Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ. Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung.	hành án.	

		Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. + Khoản 1: thống nhất phương án 1 nhưng cần sửa đổi cho rõ đoạn cuối của điểm a: “Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết <u>và</u> người phải thi hành án có tài sản khác thì Chấp hành viên xử lý tài sản khác đó để thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không có tài sản khác thì Chấp hành viên ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án. + Khoản 3: cần bổ sung: 3. Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung. Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên Chấp hành viên ra Quyết định bán tài sản kê biên cho chủ sở hữu chung (đề xuất bổ sung biểu mẫu) cho người có đơn đăng ký mua tài sản,</i>		

		<i>trường hợp có nhiều sở hữu chung đăng ký mua tài sản thì chấp hành viên tổ chức bốc thăm có sự chứng kiến của Kiểm sát viên....</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 123 của Luật này (điều 101 hiện hành). -An Giang: Khoản 3, đề nghị cơ quan dự thảo xem xét quy định theo hướng “<i>chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 01 tháng đối với bất động sản, 15 ngày đối với động sản, kể từ ngày được thông báo hợp lệ</i>”. Nhằm đẩy nhanh quá trình tổ chức thi hành án. -Phú Thọ: đề xuất xử lý trong trường hợp một trong số các bên khởi kiện tại Tòa án đề phân chia tài sản/hoặc giải quyết tranh chấp mà sau đó rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ thì Chấp hành viên thông báo cho bên còn lại khởi kiện, nếu bên còn lại không khởi kiện hoặc có khởi kiện nhưng sau đó cũng rút đơn khởi kiện thì cơ quan THADS ra quyết định tạm đình chỉ cho đến khi một trong số các bên khởi kiện lại vụ việc tại Tòa án để giải quyết theo thủ tục tố tụng.		
Ban chính ương	Nội Trung	Phương án 1 tại khổ cuối của điểm a khoản 1 Điều 93 (Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án) của dự thảo Luật quy định: “Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được	Tiếp thu, nghiên cứu chỉnh lý theo hướng . Trường hợp chưa xác định được	

		thông báo hợp lệ mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết <i>mà người phải thi hành án có tài sản khác thì Chấp hành viên xử lý tài sản đó để thi hành án.</i> Trường hợp người phải thi hành án không có tài sản khác thì Chấp hành viên ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án”. Chúng tôi cho rằng, việc Chấp hành viên xử lý tài sản khác của người phải thi hành án để thi hành án thay thế cho phần tài sản chung (chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung) là chưa phù hợp với thẩm quyền của Chấp hành viên. Do vậy, đối với trường hợp này, theo chúng tôi, Chấp hành viên ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án và yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.	phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung với người khác thì Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án, người có quyền sở hữu chung và <i>người được thi hành án</i> thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông báo mà các bên không thỏa thuận hoặc không yêu cầu Tòa án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án xác định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quy định trên vừa đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự, vừa đảm bảo rút ngắn thời	

			gian tổ chức thi hành án.	
<u>Phương án 2.</u> <u>Giữ nguyên như quy định hiện hành.</u> 2. Tài sản thuộc sở hữu chung đã xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung được xử lý như sau: a) Đối với tài sản chung có thể chia được thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế phân tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án; b) Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì Chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ. 3. Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung. Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 123 của Luật này (điều 101 hiện hành).		Phương án 02:		
Điều 94. Giải quyết tranh chấp, yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án (Điều 75) (Giữ nguyên)	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị: giải thích rõ những trường hợp được coi là có người khác có tranh chấp với tài sản kê biên	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi	

1. Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì việc xử lý tài sản được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì Chấp hành viên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của Luật này.		Lý do: Trong quá trình thi hành án nhiều trường hợp 1 phần nhà của người phải thi hành án bị cưỡng chế xây sang đất của hộ giáp danh liền kề hoặc tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế có người khác trình bày người phải thi hành án đã bán thể hiện bằng giấy viết tay không có công chứng hoặc tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế đang do người khác quản lý, sử dụng và trình bày là tài sản của mình. Trong trường hợp này có quan điểm cho rằng đây là tài sản có tranh chấp nhưng có quan điểm cho rằng đây không phải là tài sản có tranh chấp vì họ chỉ trình bày, không có chứng cứ và không có làm đơn	tiết	
2. Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. 3. Chấp hành viên yêu cầu Tòa án giải quyết các việc quy định tại Điều 93, 94 Luật này (Điều 74, 75 hiện hành) để thi hành án thì không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án.	Học viện Tư pháp	Trong trường hợp ban soạn thảo đã xây dựng Điều 93 theo 2 phương án là thi hành án chủ động và thi hành án theo đơn yêu cầu thì cũng cần cân nhắc để đưa ra 2 phương án tương tự cho Điều 94 bởi vì về bản chất, việc khởi kiện theo quy định tại Điều 94 cũng là để bảo đảm quyền, lợi ích của các chủ thể khác nhau là nhà nước và cá nhân, tổ chức.	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Mục 3 CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ĐỐI VỚI TÀI SẢN				

LÀ TIỀN				
Điều 95. Khấu trừ tiền trong tài khoản (điều 76) 1. Chấp hành viên ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế. 2. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án, <i>Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các cơ quan, tổ chức khác</i> đang quản lý tài khoản phải <i>thực hiện ngay việc</i> khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ.	Cục Hà Tĩnh	Khoản 2 Điều 95 Luật THADS: Đề nghị sửa đổi thành: “Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án, <i>Kho bạc Nhà nước, bảo hiểm xã hội tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các cơ quan, tổ chức khác</i> đang quản lý tài khoản phải <i>thực hiện ngay việc</i> khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ”. Lý do: Bảo hiểm xã hội là cơ quan chi trả các khoản lương hưu, các chế độ bảo hiểm nên cần thiết đưa vào quy định của luật.	Tiếp thu, quy định theo hướng. Ngay sau khi nhận được quyết định về khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án, cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản phải khấu trừ tiền để chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự hoặc chuyển cho người được thi hành án theo quyết định khấu trừ.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2: Đề nghị quy định cụ thể thời gian cho cụm từ “<i>thực hiện ngay</i>” để các cơ quan, tổ chức nắm và thực hiện kịp thời, tránh để kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án. (Ví dụ: trong vòng 72 tiếng). Lý do: Trong Điều 95 không có nội dung “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>”	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Điều 96. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án (Điều 78) 1. Thu nhập của người phải thi hành án gồm tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động và thu nhập hợp pháp khác.	Cục Hòa Bình, Học viện tư pháp	Để phù hợp đề nghị nên giữ cơ bản như điểm c Điều 78 Luật cũ và đề phù hợp hơn có thể ghi lại theo hướng “<u><i>Thi hành án cấp dưỡng, thi hành án theo định kỳ các khoản thi hành án về tiền khác nhưng đều có số tiền không</i></u>	Tiếp thu	

2. Việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án được thực hiện <i>khi thuộc một</i> trong các trường hợp sau đây: a) Theo thỏa thuận của đương sự <i>hoặc theo đề nghị của người được thi hành án</i>; b) Bản án, quyết định ấn định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; c) Thi hành án cấp dưỡng, thi hành án theo định kỳ mà <i>số tiền phải thi hành án nhỏ hơn số tiền được khấu trừ theo quy định tại khoản 3 Điều này</i>; d) <i>Người phải thi hành án không còn tài sản khác.</i> 3. Chấp hành viên ra quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải thi hành án, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án nhận tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp và các thu nhập hợp pháp khác có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.		<u><i>lớn hoặc tài sản của người phải thi hành án không đủ để thi hành án</i></u>. Lý do: Biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án có tính đặc thù riêng khi áp dụng. Nếu theo điểm d khoản 2 nêu trên của dự thảo thì rõ ràng bất cứ nghĩa vụ thi hành án về tiền lơ hơn hay nhỏ đều phải cưỡng chế tài sản trước rồi mới xem xét đến khấu trừ thu nhập. Đây là vấn đề chưa hợp lý và sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thi hành án và gây khó khăn cho Chấp hành viên - Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc bổ sung thêm trường hợp “số tiền phải thi hành án nhỏ hơn số tiền được khấu trừ theo quy định tại khoản 3 Điều này” Lý do: có những trường hợp không phải thi hành án cấp dưỡng, cũng không phải thi hành án theo định kỳ nhưng số tiền phải thi hành án không lớn và không có người được thi hành án (ví dụ như án phí, tiền phạt...) thì chấp hành viên vẫn có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế trừ vào thu nhập của người phải thi hành án		
	Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre; Cục Hải Dương	Cần phải có quy định rõ ràng như thế nào là phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng. vì hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào quy định điều kiện sinh hoạt tối thiểu mà chỉ quy định hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	UBND Thừa Thiên Huế	Tại khoản 3 Điều 96 của “Dự thảo 2” Luật THADS quy định: “Mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu,	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi	

		tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thoả thuận khác”. Việc Điều luật quy định chỉ được trừ tối đa 30% tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động của người phải thi hành án là chưa phù hợp với mức trừ đối với các thu nhập khác; có sự mâu thuẫn ngay trong Điều luật, tạo ra sự bất bình đẳng và không đảm bảo được quyền lợi của người được thi hành án, nhất là đối với trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ thanh toán cho nhiều người được thi hành án và có số tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động được nhận với mức hàng chục triệu đồng thậm chí hàng trăm triệu đồng. Do đó, tại khoản 3 Điều 96 của “Dự thảo 2” Luật THADS cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định: <i>“3. Chấp hành viên ra quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động <u>của mỗi Quyết định trừ thu nhập</u> là 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thoả thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải thi hành án.</i> <i><u>Khi quyết định trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động hoặc thu nhập khác phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của</u></i>	tiết	

		<i>pháp luật.”</i>		
	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Khoản 4 Điều 96, đề nghị bổ sung như sau: “4. Cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án nhận tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp <i>mất sức lao động</i> và các thu nhập hợp pháp khác có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.” để quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất cách diễn đạt với khoản 1 và khoản 3 Điều 96.	Nội dung này sẽ được nghiên cứu, quy định tại các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 97. Thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án (điều 79) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp người phải thi hành án có thu nhập từ hoạt động kinh doanh thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người đó để thi hành án. Khi thu tiền, Chấp hành viên phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải thi hành án và gia đình. 2. Chấp hành viên cấp biên lai thu tiền cho người phải thi hành án	Cục Bến Tre	Đề xuất cần quy định rõ thu bao nhiêu phần trăm từ hoạt động kinh doanh.		Việc quy định bao nhiêu % là không khả thi vì tùy mức thu nhập. Nội dung này sẽ được nghiên cứu, quy định tại các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.
Điều 98. Thu tiền của người phải thi hành án đang giữ (điều 80) (Giữ nguyên) Trường hợp phát hiện người phải thi hành án đang giữ tiền mà có căn cứ xác định khoản tiền đó là của				

người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền để thi hành án. Chấp hành viên lập biên bản thu tiền và cấp biên lai cho người phải thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng.				
Điều 99. Thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ (điều 81) Trường hợp phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu khoản tiền đó để thi hành án. Người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án có nghĩa vụ giao nộp tiền cho Chấp hành viên để thi hành án. Chấp hành viên lập biên bản thu tiền, cấp biên lai cho người thứ ba đang giữ tiền và thông báo cho người phải thi hành án. Trường hợp người thứ ba đang giữ tiền không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng. <i>Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i>				
Mục 4 CƯỜNG CHẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN LÀ CHÚNG KHOÁN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ				
Điều 100. Thu giữ giấy tờ có giá (Điều 82) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp phát hiện người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ đó để thi hành án. 2. Người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án phải chuyển giao giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá không giao giấy				

tờ cho cơ quan thi hành án dân sự thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án.				
Điều 101. Bán giấy tờ có giá (điều 83) (Giữ nguyên) Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Cần làm rõ nội hàm quy định “thực hiện theo quy định của pháp luật” là theo quy định pháp luật gì, cụ thể là tại văn bản nào. Hơn nữa, nội dung quy định này quá ngắn gọn, không cụ thể và không giao Chính phủ quy định chi tiết sẽ dẫn đến không có cơ sở pháp lý để áp dụng khi thi hành. Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng tương tự như Điều 104, Điều 105 của dự thảo Luật.	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng đưa quy định này ra khỏi Dự thảo Luật, có quy định chung về bán tài sản thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời sẽ được Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	
Điều 102. Bán chứng khoán (Điều mới) <i>1. Việc xử lý chứng khoán đang niêm yết hoặc đang đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán được thực hiện như sau:</i> <i>a) Chấp hành viên ra quyết định phong tỏa chứng khoán theo quy định tại Điều 83 Luật này (về phong tỏa tài khoản) và gửi tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán và các cơ quan khác. Sau khi nhận được quyết định của Chấp hành viên, tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán thực hiện phong tỏa chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và gửi thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự và thành viên lưu ký.</i> <i>b) Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý chứng khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 91 của Luật này (về kê biên, xử lý tài sản).</i> <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Dẫn chiếu sai điều khoản: Khoản 3 Điều 91 là “Cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản”., còn Khoản 4 Điều 91 là “Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ”.	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng đưa quy định này ra khỏi Dự thảo Luật, có quy định chung về bán tài sản thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời sẽ được Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	

thông báo hợp lệ quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý chứng khoán, đương sự được thỏa thuận về việc bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự về việc thỏa thuận đó.

Hết thời hạn trên, cơ quan thi hành án dân sự ban hành văn bản yêu cầu tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán chuyển chứng khoán đã kê biên sang cơ quan thi hành án dân sự. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán phải thực hiện việc chuyển chứng khoán. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển chứng khoán, Chấp hành viên thực hiện việc bán theo thỏa thuận của đương sự. Trường hợp đương sự không thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì Chấp hành viên thực hiện bán chứng khoán theo phương thức khớp lệnh với mức giá nằm trong biên độ giá giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại ngày thực hiện.

Trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án thì ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế kê biên, cơ quan thi hành án dân sự ban hành văn bản yêu cầu tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán chuyển chứng khoán đã kê biên sang cơ quan thi hành án dân sự và thực hiện việc bán chứng khoán theo phương thức khớp lệnh với mức giá nằm trong biên độ giá giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán tại ngày thực hiện.

6. Việc xử lý chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch và đã đăng ký tập trung tại tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán

hoặc đang niêm yết, đăng ký giao dịch nhưng không được bán theo quy định tại khoản 5 Điều này, Chấp hành viên thực hiện phong tỏa theo quy định tại Điều 83 của Luật này (về phong tỏa tài khoản); ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 91 của Luật này. Trình tự, thủ tục định giá, bán chứng khoán được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan. Sau khi bán chứng khoán, cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản yêu cầu tổ chức có chức năng Lưu ký và Bù trừ chứng khoán thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho người mua theo quy định của pháp luật.				
Mục 5 CƯỜNG CHẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN LÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ				
Điều 103. Kê biên, sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ (điều 84) (Giữ nguyên) 1. Chấp hành viên ra quyết định kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì quyền sở hữu trí tuệ vẫn bị kê biên. 2. Khi kê biên quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án, tùy từng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, Chấp hành viên thu giữ các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án. 3. Trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và lợi ích của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ mà Nhà nước				

quyết định chủ sở hữu trí tuệ phải chuyển giao quyền của mình cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng trong thời gian nhất định thì Chấp hành viên không được kê biên quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án trong thời gian bắt buộc phải chuyển giao. 4. Chấp hành viên quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết cho cơ quan thi hành án dân sự để thi hành án. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp về sở hữu trí tuệ thu và quản lý thu nhập, lợi nhuận từ việc sử dụng, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của người phải thi hành án. 5. Trường hợp người phải thi hành án đã chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa được thanh toán hoặc mới được thanh toán một phần tiền thì Chấp hành viên ra quyết định buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao nộp khoản tiền chưa thanh toán để thi hành án.			
Điều 104. Định giá quyền sở hữu trí tuệ (điều 85) (Giữ nguyên) 1. Quyền sở hữu trí tuệ được định giá theo quy định tại Điều 98 và Điều 99 của Luật này và pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ. 2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, phương pháp định giá và thẩm quyền định giá quyền sở hữu trí tuệ.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Tại khoản 1 Điều 104, đề nghị theo hướng: 1. Quyền sở hữu trí tuệ được định giá theo quy định tại Điều 120 và Điều 121 của Luật này và pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ. Lý do: Dẫn chiếu sai Điều. Điều 98 là “Thu tiền của người phải thi hành án đang giữ”, Điều 99 là “Thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ”. Điều 120 là “Định giá tài sản kê biên”. Điều 121 là “Định giá lại tài sản kê biên”.	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng đưa quy định này ra khỏi Dự thảo Luật, có quy định chung về bán tài sản thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời sẽ được Nghiên cứu quy

			định tại Nghị định của Chính phủ	
	Bộ Công thương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 1 Điều 104 Dự thảo Luật: Đề nghị kiểm tra lại việc tham chiếu “ <i>Quyền sở hữu trí tuệ được định giá</i> ” đến Điều 98 và Điều 99 của dự thảo Luật. Lý do: Điều 98 và Điều 99 không có nội dung liên quan đến khoản 1 Điều 104.	Tiếp thu chỉnh lý theo hướng đưa quy định này ra khỏi Dự thảo Luật, có quy định chung về bán tài sản thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời sẽ được Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	
Điều 105. Bán đấu giá quyền sở hữu trí tuệ (điều 86) (Giữ nguyên) 1. Quyền sở hữu trí tuệ được bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ. 2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục bán đấu giá và thẩm quyền bán đấu giá quyền sở hữu trí tuệ.				
Mục 6 CUỖNG CHẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN LÀ VẬT				
Điều 106. Tài sản không được kê biên (điều 87) 1. Tài sản bị cầm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức. 2. Tài sản sau đây của người phải thi hành án là cá nhân: a) Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải thi hành án và gia đình trong thời gian	Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị cân nhắc chỉnh lý cụm từ “Tài sản bị cầm lưu thông theo quy định của pháp luật” thành “Tài sản không thuộc trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cầm chuyển nhượng hoặc cầm chuyển giao khác về quyền sở hữu”.	Tiếp thu Nghiên cứu hoàn thiện	

chưa có thu nhập, thu hoạch mới; b) Số thuốc cần dùng để phòng, chữa bệnh của người phải thi hành án và gia đình; c) Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm; d) Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương; đ) Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải thi hành án và gia đình; e) Đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho người phải thi hành án và gia đình. 3. Tài sản sau đây của người phải thi hành án là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: a) Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động; b) Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh; c) Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường, <i>trừ trường hợp tài sản đó gắn liền với các tài sản bị kê biên, xử lý của doanh nghiệp.</i>			
Điều 107. Cường chế kiểm tra hiện trạng tài sản (điều mới) <i>1. Trường hợp có căn cứ cho rằng đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản thi hành án không thực hiện theo yêu cầu của Chấp hành viên để tiến hành xác minh, kiểm tra hiện trạng</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang	Đề xuất: Có quy định cụ thể, chi tiết rõ ràng và có cơ chế bảo vệ CHV khi tiến hành cường chế kiểm tra hiện trạng tài sản. Thứ nhất: sau khi kiểm tra hiện trạng tài sản CHV phải tiến hành niêm phong các đồ vật	Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là

<i>tài sản thì Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản.</i> <i>Khi kiểm tra hiện trạng tài sản, tùy từng trường hợp cụ thể Chấp hành viên áp dụng các biện pháp mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất hoặc các biện pháp cần thiết khác để xác minh, kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc giao tài sản cho cá nhân, tổ chức khác bảo quản theo quy định của pháp luật.</i>		khác của đương sự, tránh tình trạng đương sự vu khống mất các tài sản có giá trị được đề trong các hộp, các loại tủ khác nhau. Thứ hai: Sau khi kiểm tra xong hiện trạng tài sản CHV phải tiến hành giao lại tài sản cho người phải THA, tuy nhiên trong trường hợp này đương sự không có mặt, không có người nhận trông nom, bảo quản tài sản thì CHV xử lý như thế nào?	hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.
<i>2. Khi tiến hành cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản phải có mặt của đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản, cơ quan quản lý liên quan đến tài sản, chính quyền địa phương và có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản vắng mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chính quyền địa phương và ít nhất một người chứng kiến.</i> <i>Không được cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản thi hành án vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc kiểm tra hiện trạng đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Điều 107: cần bổ sung nội dung biện pháp. <i>“Điều 107. Cưỡng chế kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án (điều mới)</i> <i>1. Trường hợp có căn cứ cho rằng đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản thi hành án không thực hiện theo yêu cầu của Chấp hành viên để tiến hành xác minh, kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án. Khi kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án, tùy từng trường hợp cụ thể Chấp hành viên áp dụng các biện pháp mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất hoặc các biện pháp cần thiết khác để xác minh, kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài</i>	Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát

		sản hoặc giao tài sản cho cá nhân, tổ chức khác bảo quản theo quy định của pháp luật. 2. Khi tiến hành cưỡng chế kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án phải có mặt của đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản, cơ quan quản lý liên quan đến tài sản, chính quyền địa phương và có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản vắng mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chính quyền địa phương và ít nhất một người chứng kiến. Không được cưỡng chế kiểm tra, xem hiện trạng tài sản thi hành án vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc kiểm tra hiện trạng đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.” Lý do: xuất phát từ thực tiễn có rất nhiều trường hợp người được giao bảo quản tài sản kê biên không hợp tác cho người xem tài sản trước khi đăng ký tham gia đấu giá.	sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.	
	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 2: việc quy định thời gian không được cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản thi hành án vào “ban đêm” có thể gây ra nhiều cách hiểu, vì vậy đề nghị quy định thời gian cụ thể để đảm bảo tính rõ ràng khi áp dụng.	Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành	

			cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.	
	Văn phòng Bộ Tư pháp	Tại khoản 2 đề nghị Quý đơn vị chỉnh lý như sau: “ <i>Khi tiến hành cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản chấp hành viên phải thông báo cho đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản, cơ quan quản lý liên quan đến tài sản, chính quyền địa phương và có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng tài sản vắng mặt hoặc không ký biên bản thì phải có chính quyền địa phương và ít nhất một người chứng kiến. ~~Không được cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản thi hành án vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc kiểm tra hiện trạng đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản~~”.</i>	Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.	
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đây là điều mới quy định về Cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản, tại khoản 2 quy định: “ <i>Không được cưỡng chế kiểm tra hiện</i>	Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, đánh giá các nội dung	

		<i>trạng tài sản thi hành án vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc kiểm tra hiện trạng đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản”.</i> <i>Để thống nhất quy định, đề nghị sửa thành: Không được cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này.</i>	liên quan, nhận thấy kiểm tra hiện trạng tài sản là hoạt động tác nghiệp cụ thể tại giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án, hoặc được thực hiện khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Ban soạn thảo đã đưa quy định này khỏi Dự thảo Luật, nhằm đảm bảo không phát sinh thêm thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án.	
Điều 108. Thực hiện việc kê biên (Điều 88) (Giữ nguyên) 1. Trước khi kê biên tài sản là bất động sản ít nhất là 03 ngày làm việc, Chấp hành viên thông báo cho đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, tài sản kê biên, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Trường hợp đương sự vắng mặt thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trường hợp đã được thông báo hợp lệ mà đương sự hoặc người được ủy quyền vắng mặt thì Chấp hành viên vẫn tiến hành việc kê biên, nhưng phải mời người làm chứng và ghi rõ vào nội dung	Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị Quý đơn vị cân nhắc không đưa cụm từ “hoặc đại diện tổ dân phố” vào dự thảo Luật do đây không phải đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Cán bộ công chức (<i>không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xảy ra các vi phạm trong hoạt động kê biên tài sản</i>), bên cạnh đó, tại một số địa phương hiện nay không còn mô hình tổ dân phố.	Nghiên cứu tiếp thu	
	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung quy định thời hạn thực hiện việc kê biên kể từ ngày Chấp hành viên ban hành quyết định kê biên.	Giải trình Nghiên cứu quy định văn bản dưới luật	

biên bản kê biên. Trường hợp không mời được người làm chứng thì Chấp hành viên vẫn tiến hành việc kê biên nhưng phải ghi rõ vào nội dung biên bản kê biên. Khi kê biên đồ vật, nhà ở, công trình kiến trúc nếu vắng mặt người phải thi hành án hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó mà phải mở khoá, phá khoá, mở gói thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Điều 113 Luật này (về kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói). 2. Việc kê biên tài sản phải lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm kê biên, họ, tên Chấp hành viên, đương sự hoặc người được ủy quyền, người lập biên bản, người làm chứng và người có liên quan đến tài sản; diễn biến của việc kê biên; mô tả tình trạng từng tài sản, yêu cầu của đương sự và ý kiến của người làm chứng. Biên bản kê biên có chữ ký của đương sự hoặc người được ủy quyền, người làm chứng, đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện tổ dân phố nơi tổ chức cưỡng chế, Chấp hành viên và người lập biên bản. 3. <i>Trường hợp người phải thi hành án hoặc người khác chống đối, cản trở việc tổ chức cưỡng chế; gây rối trật tự công cộng; có các hành động làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự của người tiến hành cưỡng chế thì Chấp hành viên phối hợp với cơ quan Công an và Viện kiểm sát cùng cấp lập hồ sơ xử lý vụ việc theo quy định.</i>				
Điều 109. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm (Điều 89) (Giữ nguyên) 1. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất,				

tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký. 2. Sau khi kê biên, Chấp hành viên thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó để xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 223 của Luật này (về trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản).				
Điều 110. Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp (điều 90) 1. Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án. Khi kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp, Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp; khi xử lý tài sản kê biên, người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật này (về thứ tự thanh toán tiền thi hành án). 2. Trường hợp người nhận cầm cố, thế chấp đang tiến hành xử lý tài sản để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm thì Chấp hành viên có văn bản yêu cầu người xử lý tài sản cầm cố, thế chấp thông báo ngay kết quả xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự, chuyển số tiền còn lại (nếu có) sau khi thanh toán xong nghĩa vụ được bảo đảm bảo đảm cho cơ quan thi hành án dân sự để giải quyết theo quy định của pháp luật. 3. Chính phủ quy định chi tiết điều này.	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn việc kê biên, xử lý nhiều tài sản bảo đảm cho một nghĩa vụ dân sự theo hướng: “Đối với nghĩa vụ dân sự được bảo đảm bởi nhiều tài sản, trường hợp các bên không có thỏa thuận về phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của từng tài sản và việc lựa chọn tài sản bảo đảm để xử lý thì bên nhận bảo đảm có quyền lựa chọn tài sản bảo đảm để xử lý hoặc xử lý tất cả các tài sản bảo đảm.”	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo Luật và Nghị định hướng dẫn thi hành	

Điều 111. Kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ (điều 91) Trường hợp có căn cứ xác định người thứ ba đang giữ tài sản của người phải thi hành án, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định khác thì Chấp hành viên ra quyết định kê biên tài sản đó để thi hành án; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.	Văn phòng Bộ Tư pháp Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị Quý đơn vị chỉnh lý như sau: “<i>Trường hợp có căn cứ xác định người thứ ba đang giữ tài sản của người phải thi hành án, kể cả trường hợp tài sản được xác định bằng quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định khác thì Chấp hành viên ra quyết định kê biên tài sản đó để thi hành án; trường hợp người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản và giấy tờ liên quan quyền sở hữu tài sản (nếu có) để thi hành án</i>”. Đề nghị bổ sung nội dung quy định để bao quát trường hợp sau khi có quyết định thi hành án, chủ sở hữu tài sản vẫn thực hiện việc cho người khác thuê tài sản là đối tượng phải thi hành án; trường hợp này đề xuất quy định xác định khi tài sản bị kê biên, hợp đồng thuê chấm dứt, quyền và nghĩa vụ giữa bên thuê và bên cho thuê thực hiện theo hợp đồng thuê, quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.	Tiếp thu, chỉnh lý phù hợp tại dự thảo Luật và văn bản quy định chi tiết. Tiếp thi chỉnh lý phù hợp	
Điều 112. Kê biên, xử lý cổ phần, phần vốn góp (điều 92) 1. Chấp hành viên yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có cổ phần, phần vốn góp cung cấp thông tin về cổ phần, tỷ lệ phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó. Trong trường hợp cần thiết, Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định số cổ phần, tỷ lệ phần vốn góp của người phải thi hành án; trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần vốn	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về quyền pháp lý của Cơ quan Thi hành án dân sự (Chấp hành viên) đã quyết định kê biên cổ phần, phần vốn góp sau khi kê biên cổ phần, phần vốn góp và trong thời gian chờ xử lý tài sản (Ví dụ: Tham dự họp Hội đồng thành viên) để đảm bảo tính ổn định, phù hợp và liên tục trong hoạt động liên quan của doanh nghiệp.	Tiếp thi chỉnh lý theo hướng quy định khung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	

góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án. 2. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần vốn góp của người phải thi hành án. 3. <i>Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp không thuộc trường hợp tại Điều 102 Luật này (về bán chứng khoán), Chấp hành viên thực hiện việc định giá, bán tài sản theo quy định của Luật này, pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan. Khi ra quyết định kê biên, Chấp hành viên đồng thời ban hành văn bản thông báo về việc kê biên tài sản đó cho doanh nghiệp nơi người phải thi hành án góp vốn và các cơ quan, tổ chức có liên quan để ngăn chặn việc chuyển quyền sở hữu, thay đổi hiện trạng tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan thi hành án dân sự.</i> 4. <i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>				
Điều 113. Kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói (điều 93) Khi kê biên đồ vật đang bị khoá hoặc đóng gói thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khoá, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì Chấp hành viên tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khoá, phá khoá hoặc mở gói, trong trường hợp này phải có người làm chứng. Người phải thi hành án phải chịu thiệt hại do việc mở khoá, phá khoá, mở gói. Trường hợp cần thiết, sau khi mở khoá, phá khoá, mở gói, Chấp hành viên niêm phong đồ vật và giao bảo quản theo quy định tại Điều 71 Luật này (về bảo quản tài sản thi hành án). Việc mở khoá, phá khoá, mở gói hoặc niêm	Cục Bến Tre	Đề xuất bổ sung thêm quy định chi tiết hơn về thủ tục kê biên đồ vật, đặc biệt là nhà ở bị khoá. Theo đó cần bổ sung quy định về trách nhiệm chấp hành viên trong việc lập biên bản ghi nhận hiện trạng toàn bộ tài sản có trong nhà ở bị khoá của người phải thi hành án. Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án để người phải thi hành án di dời ra khỏi nhà ở bị kê biên, Trong thời hạn 15 ngày, nếu người phải thi hành án không di dời, chấp hành viên tiến hành kê biên và xử lý tất cả các tài sản đó theo quy định pháp luật. Người phải thi hành án phải chịu mọi thiệt hại phát sinh từ việc hư hỏng, mất giá của các tài sản đó.	Nghiên cứu tiếpc thu hình lý phù hợp tại dự thảo luật và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	

phong phải lập biên bản, có chữ ký của <i>đại diện Viện kiểm sát nhân dân</i> , những người tham gia và người làm chứng. <i>Trường hợp cần thiết thì Chấp hành viên có quyền yêu cầu mời đại diện cơ quan có thẩm quyền tiến hành giám định; xem xét, thẩm định tại chỗ.</i>				
Điều 114. Kê biên tài sản gắn liền với đất (điều 94) (Giữ nguyên) Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.	Bộ Tài nguyên và Môi trường Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	- Đề nghị bỏ quy định này - Đề nghị rà soát để quy định thống nhất cơ chế áp dụng cho nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Dự thảo hiện quy định cho phép kê biên cả quyền sử dụng đất khi kê biên tài sản gắn liền với đất (không loại trừ trường hợp đất của người khác) nhưng không cho phép kê biên quyền sử dụng đất trong trường hợp kê biên nhà ở nếu quyền sử dụng đất là của người khác. Đề xuất tham khảo quy định tại khoản 2 Điều 326 Bộ luật Dân sự 2015 để quy định thống nhất, phù hợp.	Nghiên cứu tiếp tục thu hình lý phù hợp tại dự thảo luật và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 115. Kê biên nhà ở (điều 95) 1. Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình chỉ được thực hiện sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án. 2. Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. <i>Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì Chấp</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị tiếp tục giữ nguyên khoản 2 Điều 95 Luật hiện hành và bổ sung thêm phần nội dung: <u><i>Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá, người mua hoặc người đề nghị nhận nhà ở về tình trạng nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác.</i></u>	Nghiên cứu tiếp tục thu hình lý phù hợp tại dự thảo luật và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Hà Tĩnh	Khoản 2 Điều 115 Luật THADS: Đề nghị bỏ quy định này. Lý do: Việc kê biên xử lý nhà ở mà không gắn liền với quyền sử dụng đất có thể dẫn đến việc không có người mua dẫn đến không thanh toán được chi phí kê biên, thẩm định	Tiếp thu. nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	

<i>hành chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án. Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá, người mua hoặc người đề nghị nhận nhà ở về tình trạng nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác.</i>		giá, bán đấu giá. Trường hợp có người mua đấu giá có thể dẫn đến sự chống đối của người có quyền sử dụng đất, dẫn đến tranh chấp mà pháp luật không có quy định về nội dung này.		
3. Khi kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ thì Chấp hành viên phải thông báo cho người đang thuê, đang ở nhờ biết và yêu cầu người đó tự chuyển toàn bộ tài sản của họ ra khỏi nhà. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà. Người thuê có quyền khởi kiện hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật về dân sự.	UBND Thừa Thiên Huế	1. Tại khoản 2 Điều 115 của “Dự thảo 2” Luật THADS quy định thiếu từ “viên”, kiến nghị bổ sung để hoàn thiện như sau: <i>“Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất <u>không đồng ý thì Chấp hành viên chỉ kê biên</u> nhà ở của người phải thi hành án.”</i>	Tiếp thu	
4. Việc kê biên nhà ở bị khoá được thực hiện theo quy định tại Điều 113 Luật này (về kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói).	Thanh tra Bộ Tư pháp	Tại khoản 2 Điều 115 quy định: “ <i>Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án nếu người có quyền sử dụng đất đồng ý. Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì Chấp hành chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án. Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá, người mua hoặc người đề nghị nhận nhà ở về tình trạng nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác</i>”. Trên thực tế thì điều này rất khó thực hiện vì nếu chỉ kê biên riêng nhà ở trong trường hợp	Tiếp thu. nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	

		người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì việc xử lý tài sản này sẽ thực hiện như thế nào? nếu bán nhà mà không gắn với quyền sử dụng đất (<i>trường hợp không di dời tháo dời được</i>) thì sẽ không khả thi, khó khăn trong việc tổ chức thi hành án. Vì vậy, nội dung này cần phải có hướng giải quyết khi đưa vào Luật		
	Cục Súc Trăng; Cục Bình Phước	Tại khoản 3 Điều 115, đề nghị theo hướng: quy định về thời gian ít nhất 06 tháng hoặc 01 năm. Vì khi thuê nhà có trường hợp tại hợp đồng thuê nhà có điều khoản về thời hạn thuê nhà và tiền thuê đã trả trước là 05 năm hoặc 10 năm, Vì thế, số tiền thuê nhà đã nộp trước có thể rất lớn, như vậy sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến người thuê nhà.	Tiếp thu quy định theo hướng Trường hợp cưỡng chế giao, trả nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà trong thời hạn 01 năm với mức tiền theo quy định của Chính phủ.	

	Cục Bến Tre	- Đề xuất bổ sung thêm quy định: <i>“Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình chỉ được thực hiện sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp tài sản mà Bản án tuyên kê biên để đảm bảo thi hành án hoặc người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án”</i>	Tiếp thu, chỉnh lý	
	Cục Bến Tre	Tại Khoản 2, Điều 115 đề xuất sửa đổi nội dung: <i>“Trường hợp người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án, nếu việc tách rời nhà ở và quyền sử dụng đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà. Trường hợp việc tách rời nhà ở và quyền sử dụng đất làm giảm đáng kể giá trị căn nhà thì không kê biên nhà ở và cơ quan thi hành án ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án”</i> .	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Bến Tre	Đề xuất giữ như khoản 2 Điều 95 Luật THADS hiện hành. Lý do: kê biên nhà đất của người khác sẽ không bán được, phát sinh chi phí kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá,..	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Cục Bến Tre	Đề xuất Dự thảo Luật cần bổ sung thêm điều Luật về việc Kê biên nhà ở của người phải thi hành án gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác, cụ thể như sau: <i>“ Việc kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án trên đất của người khác theo hướng tạo điều kiện cho chủ sở hữu quyền sử</i>	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

		<i>dụng đất được mua lại nhà ở theo giá khởi điểm nếu không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận mua lại, Cơ quan thi hành án hướng dẫn khởi kiện ra Tòa để phân chia trong thời hạn 30 ngày; nếu đương sự không khởi kiện thì cơ quan thi hành án tiến hành kê biên theo quy định tại Điều 114 của Dự thảo.”</i>		
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung khoản 2, khoản 3, khoản 4 trong đó quy định tài sản là nhà ở và công trình xây dựng	Tiếp thu, nghiên cứu quy định ở Nghị định quy định chi tiết	
Điều 116. Kê biên phương tiện giao thông (điều 96) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp kê biên phương tiện giao thông của người phải thi hành án, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện đó phải giao giấy đăng ký phương tiện đó, nếu có. 2. Đối với phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên Chấp hành viên có thể thu giữ hoặc giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp. Trường hợp giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng phương tiện giao thông thì Chấp hành viên cấp cho người đó biên bản thu giữ giấy đăng ký để phương tiện được phép tham gia giao thông. 3. Chấp hành viên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp,				

cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên. 4. Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển.				
Điều 117. Kê biên hoa lợi (điều 97) (giữ nguyên) Trường hợp người phải thi hành án có tài sản mang lại hoa lợi, Chấp hành viên kê biên hoa lợi đó để bảo đảm thi hành án. Đối với hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, Chấp hành viên phải để lại một phần để người phải thi hành án và gia đình họ sinh sống theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 của Luật này.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	<i>Đề nghị theo hướng:</i> theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Luật này. Lý do: Dẫn chiếu sai Điều khoản.	Tiếp thu	
Điều 118. Kê biên, xử lý tài sản hình thành trong tương lai (điều mới) <i>1. Việc kê biên, xử lý tài sản thi hành án là tài sản hình thành trong tương lai thực hiện theo thỏa thuận của các bên.</i> <i>2. Trường hợp các bên không thỏa thuận được hoặc thỏa thuận vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba thì Chấp hành viên chỉ kê biên, xử lý trong trường hợp tài sản đã hình thành và người phải thi hành án đã xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định pháp luật.</i> <i>Trình tự, thủ tục kê biên, xử lý thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.</i>	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	<i>Đề nghị tham khảo quy định tại Điều 55 Nghị định số 21/2021/NĐ- CP. Theo đó, trường hợp tài sản chưa hình thành hoặc đã hình thành nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định của pháp luật thì bên nhận bảo đảm vẫn thực hiện được việc xử lý thông qua việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng khác về xác lập quyền đối với tài sản hình thành trong tương lai, nhận chính tài sản bảo đảm hoặc bán tài sản hình thành trong tương lai.</i>	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Theo quy định tại Điều 87 Luật THADS hiện hành thì tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành nhưng người phải thi hành án chưa xác lập quyền sở hữu (đăng ký cấp giấy chứng nhận) không thuộc trường hợp không được kê biên. Việc này cũng phù hợp với quy định của Luật Nhà ở, theo đó nhà ở hình thành trong tương lai đã hình thành nhưng	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	

		chủ sở hữu chưa được cấp giấy chứng nhận thì vẫn được thực hiện giao dịch mà không cần giấy chứng nhận (ví dụ: nhà chung cư). Vậy nên, việc kê biên, xử lý tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành trên thực tế không cần phải đảm bảo điều kiện “người phải thi hành án đã xác lập quyền sở hữu đối với tài sản”. Đề nghị bỏ nội dung trên,		
Điều 119. Kê biên, xử lý tài sản là quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên (điều mới) <i>Trước khi xử lý tài sản là quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, cơ quan thi hành án dân sự có văn bản trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền cấp phép quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên về việc xử lý quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên và điều kiện để người mua được cấp phép quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên để xử lý theo quy định.</i> <i>Trình tự, thủ tục kê biên, xử lý thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan</i>	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Việc cấp phép quyền khai thác tài nguyên thiên là do các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành quy định (ví dụ như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...), do đó, việc xử lý tài sản và giao cho chủ thể khác tiếp tục thực hiện quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên nên quy định theo hướng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện bởi việc giao cho một chủ thể khác được quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên phải trải qua quá trình xem xét, đánh giá bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện nhất định và phải thực hiện theo các quy trình, thủ tục về cấp phép của các cơ quan chuyên môn.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các nội dung cụ thể về kê biên sẽ được quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 120. Định giá tài sản kê biên (điều 98) Phương án 1: Giữ nguyên nhưng bỏ quy định giới hạn địa bàn tại khoản 2 1. Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thoả thuận được về giá tài sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên lập biên bản về thỏa thuận đó. Giá tài sản do đương sự thoả thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá. Trường hợp đương sự có thoả thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp	Cục Hòa Bình; Cục Kiên Giang; Văn phòng Bộ Tư pháp Bộ Quốc phòng Liên đoàn Luật sư Việt	Phương án 01: đề tạo điều kiện thuận lợi cho các bên đương sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. - Vì cho dù đương sự thoả thuận được về giá tài sản nhưng vẫn cần phải đưa ra bán đấu giá và giá thỏa thuận đó chỉ làm căn cứ xác định giá khởi điểm để bán đấu giá. Khoản 1 Điều 120 quy định: “1. Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thoả thuận được về giá tài	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định theo hướng Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc kê biên tài sản theo quy định của Luật này, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch	

đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong các trường hợp sau đây: a) Đương sự không thoả thuận được về giá và không thoả thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá; b) Tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ; c) Thi hành phần bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật này. 3. Chấp hành viên xác định giá trong các trường hợp sau đây: a) Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tài sản kê biên thuộc <i>hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng</i> hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thoả thuận được với nhau về giá. Chính phủ quy định về tài sản có giá trị nhỏ.	Nam Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính UBND Thừa Thiên Huế	<i>sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên lập biên bản về thoả thuận đó. Giá tài sản do đương sự thoả thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá. Trường hợp đương sự có thoả thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó”.</i> Trên thực tế, có rất nhiều vụ án mà bị đơn đứng trước nhiều nghĩa vụ tài sản (dù chưa bị kiện) nên trong nội bộ tìm cách kiện nhau trước rồi lập thoả thuận về giá để thi hành án ngay lập tức và chuyển giao ngay tài sản cho người thân cận. Như vậy khi những người khác khởi kiện thì đã không còn tài sản để thi hành án.	vụ với tổ chức thẩm định giá, trừ trường hợp đương sự có thoả thuận về giá tài sản.	
b) Tài sản kê biên thuộc <i>hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng</i> hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thoả thuận được với nhau về giá. Chính phủ quy định về tài sản có giá trị nhỏ.	Thanh tra Bộ Tư pháp	Phương án 01, tuy nhiên cần sửa đổi: Về thời gian thực hiện ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá, theo khoản 2 phương án 1 Điều 120 quy định: “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong các trường hợp sau đây</i>” và khoản 1 phương án 2, quy định “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá do đương sự thoả thuận; 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong các trường hợp sau đây</i>”. Tuy nhiên, trong thực tế các tài sản do cơ quan điều tra, tòa án kê biên trong quá trình điều tra, xét xử thì việc xác định thời điểm	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp tại Dự thảo Luật và quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật.	

		<i>“kể từ ngày kê biên tài sản”</i> theo quy định nêu trên được hiểu như thế nào?. Đề nghị xem xét quy định rõ trong Luật THADS. Đồng thời, bổ sung thêm trường hợp quy định tại Điều 57 về việc giao Chấp hành viên thẩm định tại chỗ.		
Phương án 2: Sửa như sau: 1. Ngay khi kê biên tài sản đương sự có quyền thỏa thuận về giá và lựa chọn tổ chức thẩm định giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá do đương sự thỏa thuận. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong các trường hợp sau đây: a) Đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá; b) Tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối ký hợp đồng dịch vụ; c) <i>Cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án.</i> 3. Chấp hành viên xác định giá trong các trường hợp sau đây: a) Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tài sản kê biên thuộc <i>hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng</i> hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá. Chính phủ quy định về tài sản có giá trị nhỏ. 4. <i>Giá khởi điểm để đưa tài sản ra bán đấu giá được xác định như sau:</i> a) <i>Giá do đương sự thỏa thuận theo quy định tại</i>	Cục: Cao Bằng, Hòa Bình, Đồng Tháp, Sóc Trăng; Cục Bắc Giang; Cục Bến Tre; Cục Quảng Trị; Cục Điện Biên	Phương án 02: -Không quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá “trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản kê biên”. - Sửa đổi, quy định về thỏa thuận của đương sự về giá, tổ chức thẩm định giá theo hướng đây là “quyền” là phù hợp, Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, họ phải có trách nhiệm tự thỏa thuận với nhau. - Bổ sung trường hợp thi hành án chủ động, Chấp hành viên thực hiện ký hợp đồng dịch vụ với thẩm định giá là cần thiết, vì án chủ động không có đại diện cho Nhà nước, không thể phát sinh trường hợp thỏa thuận giữa các đương sự. - Sửa đổi, bổ sung thời hạn Chấp hành viên ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá, theo đó: 05 ngày đối với trường hợp tổ chức thẩm định giá do đương sự thỏa thuận và 10 ngày đối với trường hợp Chấp hành viên lựa chọn sẽ đảm bảo thời gian để thực hiện công khai rộng rãi việc lựa chọn, từ đó có thể thu hút nhiều tổ chức thẩm định giá có chất lượng; mặt khác, đảm bảo thời gian để Chấp hành viên đánh giá, kiểm tra điều kiện, từ đó lựa chọn chính xác tổ chức đủ điều kiện. -Sửa đổi cụm từ “loại tươi sống, mau hỏng”	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp tại Dự thảo Luật và quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật.	

<i>khoản 1 Điều này;</i> <i>b) Giá do Chấp hành viên xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này;</i> <i>c) Giá theo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá.</i> <i>d) Giá theo quyết định giảm giá của Chấp hành viên trong trường hợp tài sản bán đấu giá không thành.</i>		thành “thuộc hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng” là phù hợp với thực tế, nhằm bao quát đầy đủ các tài sản có thể bị hư hỏng, cần phải xác định giá trị ngay khi đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá. - Việc bổ sung khoản quy định về xác định giá khởi điểm để đưa tài sản ra bán đấu giá sẽ đảm bảo việc áp dụng, thực hiện, tránh khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi hành; việc xác định giá khởi điểm tại dự thảo được căn cứ trên quy định về Luật giá và quy định của Luật THADS hiện hành. - Bến Tre: đề xuất sửa đổi phương án 2 như sau: - Khoản 1 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kê biên chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá do đương sự thỏa thuận”. - Khoản 2 đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kê biên chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá...”. - Khoản 3 đề xuất thành lập Hội đồng định giá để xác định giá.		
	Cục Hà Tĩnh	Phương án 2, tuy nhiên cần sửa đổi điểm b, khoản 3, quy định: <i>Tài sản kê biên thuộc hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng hoặc có giá trị nhỏ mà đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá.</i> Với quy định này đối với các vụ việc tài sản	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp tại Dự thảo Luật và quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật.	

		tuyên đảm bảo nghĩa vụ về án phí, phạt, sung công thường thuộc trường hợp tài sản có giá trị nhỏ nhưng phải thực hiện việc thỏa thuận là không phù hợp vì cơ quan THADS không phải đối tượng được thỏa thuận. Do đó cần sửa đổi thành “ <i>Tài sản kê biên thuộc hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng</i> ” hoặc có giá trị nhỏ” và bổ sung thêm điểm c “ <i>Trường hợp thi hành án theo yêu cầu mà tài sản có giá trị nhỏ nhưng đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá</i> ”.		
	Bộ Tài chính	Phương án 2: theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Luật Giá 2023 “<i>Chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được sử dụng làm một trong những cơ sở để khách hàng, tổ chức, cá nhân có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản</i>”. Như vậy, giá theo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá chỉ là một trong những căn cứ, cơ sở để khách hàng, tổ chức, cá nhân có liên quan được ghi tại hợp đồng thẩm định giá xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá của tài sản. Do đó, điểm c Khoản 4 Điều 120 (Phương án 02) của Dự thảo Luật THADS cần được cân nhắc quy định theo hướng: Giá theo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá chỉ là một trong những căn cứ để xem xét, quyết định giá.	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp tại Dự thảo Luật và quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật.	
	Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Đề nghị nghiên cứu quy định theo phương án 2 đảm bảo cụ thể, rõ ràng hơn so với phương án 1, tuy nhiên cần xem xét nội dung quy định giao thẩm quyền cho Chấp hành viện tại	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung thuộc thẩm quyền	

		điểm d khoản 4 “ <i>d) Giá theo quyết định giảm giá của Chấp hành viên trong trường hợp tài sản bán đấu giá không thành</i> ” đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật bán đấu giá tài sản.	của Quốc hội. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
	Học viện Tư pháp	Chúng tôi đồng ý với phương án 2 vì các lý do sau: Thứ nhất, việc bỏ quy định giới hạn địa bàn của tổ chức định giá tài sản là phù hợp để đảm bảo chấp hành viên có thể lựa chọn được tổ chức thẩm định giá đủ điều kiện, năng lực để định giá tài sản. Thứ hai, việc nêu rõ về quyền thoả thuận của đương sự cũng như định thời hạn để cơ quan thi hành án dân sự ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn là phù hợp. Thứ ba, việc quy định thời gian 10 ngày để ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp không thoả thuận được... là phù hợp để chấp hành viên thực hiện thủ tục lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức thẩm định giá. Thứ tư, việc quy định rõ về các loại giá khởi điểm để đưa ra bán đấu giá cũng thể hiện sự minh bạch, rõ ràng trong thủ tục thi hành án.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
Điều 121. Định giá lại tài sản kê biên (Điều 99) 1. Việc định giá lại tài sản <i>thi hành án</i> được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản; b) Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	đề nghị bổ sung: “giá tài sản định giá lại là giá để tổ chức bán đấu giá”	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam;	Đề nghị sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 121 Dự thảo với nội dung như sau: “ <i>Việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá lại tài</i>	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung	

thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản. Yêu cầu định giá lại chỉ được thực hiện một lần và chỉ được chấp nhận nếu đương sự có đơn yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về kết quả thẩm định giá lần đầu và phải nộp ngay tạm ứng chi phí định giá lại tài sản khi yêu cầu; <i>c) Trường hợp tài sản chưa đưa ra bán đấu giá nhưng hết thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định định giá, chứng thư thẩm định giá theo quy định pháp luật về giá.</i> 2. Việc định giá lại tài sản kê biên được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 120 Luật này (về định giá tài sản kê biên). 3. <i>Chi phí định giá lại được thực hiện theo quy định Luật này.</i>	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<i>sản sẽ do bên yêu cầu định giá lại lựa chọn trên danh mục các Tổ chức định giá độc lập do Bộ Tư pháp ban hành. Các bên đương sự được yêu cầu định giá lại tối đa 01 lần. Trường hợp có sự chênh lệch về giá trị định giá của các lần định giá thì giá khởi điểm bán đấu giá được xác định bằng trung bình cộng của tất cả các giá trị định giá.”.</i>	thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
Điều 122. Giao tài sản để thi hành án (Điều 100) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp đương sự thoả thuận để người được thi hành án nhận tài sản đã kê biên để trừ vào số tiền được thi hành án thì Chấp hành viên lập biên bản về việc thoả thuận. Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì người nhận tài sản phải được sự đồng ý của những người được thi hành án khác và phải thanh toán lại cho những người được thi hành án khác số tiền tương ứng tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng. 2. Việc giao tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thoả thuận.				
Điều 123. Bán tài sản đã kê biên (điều 101) 1. Tài sản đã kê biên được bán theo các hình thức sau đây:	Cục Bắc Giang	Đề nghị không quy định Chấp hành viên được bán đấu giá vì thủ tục bán đấu giá cần phải được thực hiện ở đơn vị có chức năng		Giải trình việc quy định CHV

a) Bán đấu giá; b) Bán không qua thủ tục đấu giá. 2. Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên trong các trường hợp sau đây: a) <i>Không có tổ chức đấu giá đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;</i> b) Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.		chuyên nghiệp		bán trong một số trường hợp hợp không thực hiện được việc ký hợp đồng
Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá. 3. Chấp hành viên bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng. Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên. <i>Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện thanh toán theo quy định của Luật này.</i> 4. Việc bán chứng khoán thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về chứng khoán.	UBND Thừa Thiên Huế	Việc Điều luật quy định thời hạn “30 ngày” và “45 ngày” là quá dài, chưa phù hợp với chính sách hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả thi hành án trong xây dựng Luật THADS; mâu thuẫn với quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024”). Do đó, kiến nghị sửa đổi lại quy định tại Điều 123 của “Dự thảo 2” Luật THADS như sau: <i>“Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn <u>không quá 15 ngày</u>, đối với bất động sản <u>không quá 30 ngày</u>, kể từ ngày <u>có kết quả</u> định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá”</i>. Đồng thời, để thống nhất quy định về thời gian bán đấu giá trong các Điều luật, kiến nghị điều chỉnh quy định về thời gian bán đấu giá trong Điều 125 của “Dự thảo 2” Luật THADS bảo đảm phù hợp với Điều 123	Tiếp thu Nghiên cứu quy định nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
	Bộ Tài chính	Tại khoản 3 Điều 123 dự thảo Luật THADS quy định việc thu tiền bán tài sản thi hành án	Tiếp thu Nghiên cứu quy	

		do Chấp hành viên bán không qua thủ tục đấu giá như sau: “ <i>Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được gửi vào <u>tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện thanh toán theo quy định của Luật này.</u></i> ”	định nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Các nội dung cụ thể sẽ được quy định tại văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	
	Cục Hà Tĩnh	Tại khoản 3 Điều 123 Luật THADS: Đề nghị nâng giá trị từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng. Lý do: Hiện nay các vụ án về đánh bạc, ma túy, hình sự tuyên tạm giữ để bảo đảm thi hành án các tài sản như điện thoại, máy tính, xe máy cũ rất nhiều nhưng tài sản hầu như trên 2.000.000 đồng phải bán thông qua thủ tục bán đấu giá dẫn đến lượng việc quá tải cho chấp hành viên.	Tiếp thu, nghiên cứu quy định tại Văn bản dưới Luật	
	Cục Phú Thọ	Điểm a khoản 2 quy định "Không có tổ chức đấu giá đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản" thì Chấp hành viên thực hiện việc bán đấu giá. Điều này vừa tăng thêm thủ tục thi hành án vừa tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Chấp hành viên. Thay vì việc phải tự mình tổ chức đấu giá thì trong trường hợp không có tổ chức đấu giá đăng ký tham gia, Chấp hành viên hoàn toàn có thể tham mưu Lãnh đạo đơn vị lựa chọn tổ chức đấu giá có đủ năng lực trên địa bàn để thực hiện. Do đó, đề xuất bỏ quy định này và sửa đổi theo hướng chỉ có 2 hình thức bán tài sản đã kê biên, đó là: tổ chức đấu giá thực hiện hoặc do Chấp hành viên bán trực tiếp không qua	Tiếp thu, nghiên cứu quy định tại Văn bản dưới Luật	

Điều 124. Điều kiện đưa tài sản ra bán (điều mới) <i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định giá, cơ quan thi hành án dân sự phải gửi toàn bộ bản sao hồ sơ thi hành án sang Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát trước khi bán tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn.</i> <i>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá.</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương Thanh tra Bộ tư pháp	đấu giá. Đề nghị bỏ điều 124 Lý do: - Tại điều 24 dự thảo quy định Trách nhiệm của Chấp hành viên Độc lập và tuân theo pháp luật, vô tư, khách quan trong tổ chức thi hành án; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Chấp hành viên, giữ uy tín của cơ quan. Do đó, quy định điều kiện đưa tài sản ra bán phải có kết luận kiểm sát của VKSND cùng cấp không đảm bảo tính độc lập và tuân theo pháp pháp luật của Chấp hành viên. - Chấp hành viên sẽ có trách nhiệm tự nâng cao trình độ của mình để đảm bảo thi hành đúng quy định pháp luật - Để đưa tài sản ra bán cần đảm bảo các điều kiện phù hợp với từng loại tài sản được quy định tại các luật chuyên ngành. VD: Điều 217 Luật đất đai năm 2024 quy định về điều kiện về đấu giá quyền sử dụng đất...; Do đó, dự thảo quy định điều kiện đưa tài sản ra bán không bao hàm hết các điều kiện đưa tài sản ra bán đối với từng loại tài sản mà các luật khác quy định. - Dự thảo quy định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan thi hành án, VKS phải thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát. Tuy nhiên không có điều luật quy định trường hợp VKS không phê chuẩn thì cơ quan THA xử lý theo trình tự nào? không có quy định về trách nhiệm của VKS khi kết luận kiểm sát về điều kiện	Tiếp thu, chỉnh lý, quy định phù hợp tại các văn bản dưới Luật.

		đưa tài sản ra bán; Quy định thế nào là tài sản có giá trị lớn?. Do đó gây khó khăn trong việc tổ chức thi hành án. - Tại điều 125 dự thảo quy định Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá, định giá. Trường hợp tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn thì thời hạn là 10 ngày, kể từ ngày có kết luận của VKS về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá. Như vậy thời hạn để đưa tài sản ra bán đấu giá tối đa không kể thời gian thẩm định giá có thể là 25 ngày. Quy định này sẽ kéo dài quá trình tổ chức thi hành án.		
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Việc quy định trước khi bán đấu giá bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn phải gửi hồ sơ sang cơ quan kiểm sát để thực hiện việc kiểm sát điều này vô tình kéo dài thêm thời gian thi hành án xử lý tài sản vì thời gian kiểm sát hết 15 ngày; thời gian ký hợp đồng bán đấu giá hết thêm 10 ngày kể từ ngày có kết luận của viện. Trong khi chức năng kiểm sát của Viện kiểm sát được thực hiện trong toàn bộ quá trình thi hành án. Vì vậy không nhất thiết phải quy định điều kiện bó buộc này để tránh kéo dài thời gian thi hành án.	Tiếp thu, đã bỏ quy định này ra khỏi Dự thảo	
	Cục Quảng Trị	Kiến nghị giảm thời hạn Viện kiểm sát xem xét hồ sơ do cơ quan thi hành án chuyển qua, từ 15 ngày xuống 10 ngày nhằm rút ngắn thời gian xử lý vụ việc cho cơ quan thi hành án.	Tiếp thu, đã bỏ quy định này ra khỏi Dự thảo	
	Cục Hà Tĩnh	Đề nghị không quy định trong trường hợp này: Lý do: hiện nay số lượng việc, tiền của	Tiếp thu, đã bỏ quy định này ra	

		các cơ quan thi hành án tăng cao dẫn đến số vụ việc cưỡng chế nhiều trong khi Luật không quy định rõ thời hạn phải ban hành kết luận hoặc trường hợp khi có kết luận khác với quan điểm về xử lý tài sản của cơ quan thi hành án Luật cũng chưa cụ thể hóa về biện pháp giải quyết dẫn đến chậm tổ chức thi hành án ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người có tài sản. Mặt khác với quy định này cũng tăng thêm thủ tục hành chính trong chức năng kiểm sát là nhiệm vụ của cơ quan VKS.	khởi Dự thảo	
	Ban Nội chính Trung ương	Tương tự như lập luận tại mục 2 của Công văn này, cụm từ “kết luận kiểm sát” nên thay bằng cụm từ “có ý kiến bằng văn bản” của Viện Kiểm sát. Theo đó, khổ thứ 2 Điều 124 chỉnh sửa như sau “ <i>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát ý kiến bằng văn bản về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá</i> ”.	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị sửa lại Điều 124 để bảo đảm chính xác, cụ thể như sau: “... <i>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải thực hiện việc kiểm sát và có kết luận kiểm sát ý kiến bằng văn bản của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá</i> ”.	Đã tiếp thu nội dung này theo hướng bỏ thẩm quyền của Viện kiểm sát kiểm sát hồ sơ trước khi bán	
	UBND Thừa	Việc Điều luật quy định “ <i>tài sản có giá trị</i> ”	Ban soạn thảo tiếp	

	Thiên Huế	<i>lớn” là chưa rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong khi tại khoản 1 Điều 125 của “Dự thảo 2” Luật THADS có quy định về giá trị tài sản được bán đấu giá là trên 10.000.000 đồng. Mặt khác, để phù hợp với quy định tại Điều 16 của “Dự thảo 2” Luật THADS cần bổ sung thêm cụm từ “đấu giá” và cụm từ “lần đầu” vào Điều luật.</i>	thu, nghiên cứu quy định phù hợp	
	Cục Kiên Giang	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định giá, cơ quan thi hành án dân sự phải gửi toàn bộ bản sao hồ sơ thi hành án sang Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát” đề nghị sửa theo hướng nâng thời gian thành <i>“Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định giá, cơ quan thi hành án dân sự phải gửi toàn bộ bản sao hồ sơ thi hành án ...” lý do: Trường hợp Hồ sơ vụ án có nhiều tài liệu, máy phô tô của đơn vị ít, tốc độ chậm nên thời gian 03 ngày không kịp.</i>	Đã tiếp thu nội dung này theo hướng bỏ thẩm quyền của Viện kiểm sát kiểm sát hồ sơ trước khi bán	
	Cục Điện Biên	Đề nghị sửa nội dung <i>“... hoặc tài sản có giá trị lớn”</i> thành <i>“...hoặc tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên”</i> . Đồng thời, đề nghị quy định rõ ràng hơn trách nhiệm và hậu quả pháp lý của việc chậm, thậm chí không ban hành kết luận kiểm sát đối với loại án này. Tránh tình trạng cơ quan Thi hành án dân sự đã gửi hồ sơ, hết thời hạn nhưng Viện Kiểm sát nhân dân chậm hoặc không ban hành kết luận kiểm sát, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết án, phát sinh khiếu nại của đương sự và tạo cơ chế chủ động cho các cơ quan	Nghiên cứu tiếp thu quy định phù hợp.	

		Nhà nước trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tránh cơ chế “xin - cho” giữa các cơ quan Nhà nước. Đồng thời cần thống nhất quy định thời hạn để Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận (theo dự thảo là 15 ngày) phù hợp với quy định về thời hạn từ khi xác định giá tài sản đến khi phải đưa tài sản ra bán đấu giá (theo dự thảo tại khoản 1 Điều 125 là 10 ngày).		
Điều 125. Bán đấu giá tài sản thi hành án (điều mới) 1. Việc bán đấu giá đối với tài sản kê biên là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản do tổ chức bán đấu giá thực hiện. Đương sự có quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày định giá. Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá do đương sự thoả thuận. Trường hợp đương sự không thoả thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản. Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá. <i>Trường hợp tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn thì thời hạn là 10 ngày, kể từ ngày có kết luận của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá.</i> 2. Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, <i>trừ thời hạn dừng, tạm dừng đấu giá tài sản và thời hạn thực hiện</i>	Cục Hòa Bình; Cục Bắc Giang	Đề nghị sửa thành: Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn <u>15 ngày, kể từ có chứng thư thẩm định giá hoặc có thỏa thuận của đương sự về giá trị tài sản kê biên.</u> Lý do: Việc quy định: “Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá.” Là không phù hợp vì nhiều trường hợp tài sản bị cơ quan THA kê biên có thể rất nhiều nên trong thời hạn 10 ngày có thể chưa có chứng thư thẩm định giá nên việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá là không khả thi. - Khoản 2 Điều 101 Đương sự có quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày định giá (Như vậy thời hạn tối đa là 07 ngày); sau khi các đương sự không thoả thuận được về tổ chức bán đấu giá, Chấp hành viên phải đăng tải lựa chọn tổ chức bán đấu giá trên Cổng thông tin đấu giá quốc gia và cổng thông tin điện tử của mình trong 03 ngày làm	Ban soạn thảo nghiên cứu quy định phù hợp tại Dự thảo và sẽ quy định chi tiết tại văn bản dưới Luật	

<i>quyền ưu tiên mua trong trường hợp bán tài sản thuộc sở hữu chung theo Điều 93 Luật này (về xác định, phân chia, xử lý tài sản chung);</i> 3. Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá. Người phải thi hành án có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản. Mức phí tổn do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. 4. Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. <i>Tổ chức đấu giá, đấu giá viên phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.</i>		việc liên tiếp (Điều 4. Thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản – Thông tư 02 ngày 08/02/2022 Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản); Một tuần có 05 ngày làm việc, nếu tính cả thứ 7 và chủ nhật thì quy định trên không đảm bảo. Mặt khác, không đảm bảo thời gian để Chấp hành viên đánh giá, kiểm tra điều kiện, từ đó lựa chọn chính xác tổ chức đủ điều kiện. -Quy định trên được hiểu là trước khi đưa tài sản ra bán đấu giá Viện kiểm sát phải kiểm sát hồ sơ vụ việc và có kết luận kiểm sát thì mới được đưa ra bán (<i>Luật không nêu rõ là kết luận của Viện trưởng hay của Kiểm sát viên</i>). Trên thực tế người chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án vẫn là Chấp hành viên. Quy định trên không có thêm quy định để ràng buộc trách nhiệm của Viện kiểm sát. Đảm bảo phù hợp với đề nghị bỏ điều 124 quy định về điều kiện đưa tài sản ra bán		
	Cục Bắc Giang	Đề nghị bỏ khoản 1 dự thảo cụ thể bỏ quy định: “Trường hợp tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn thì thời hạn là 10 ngày, kể từ ngày có kết luận của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá”	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp.	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 3 Điều 125, đề nghị theo hướng: Người phải thi hành án có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản. (Có thể nêu hoàn trả phí tổn bằng 02 lần, hoặc 04 lần tiền đặc cộc)	Nghiên cứu tiếp thu, quy định phù hợp.	

	Thanh tra Bộ Tư pháp	Theo khoản 3 Điều 125: Thực tế tại các vụ án kinh tế - thương mại cho thấy, trong quá trình người phải thi hành án ký kết Hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng đã sử dụng tài sản của người thứ ba để thế chấp cho khoản nợ. Do vậy đề nghị bổ sung chủ thể là chủ sở hữu tài sản hoặc có quyền nộp tiền thi hành án để nhận lại tài sản thi hành án trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	
	Cục Hà Tĩnh	Khoản 1 Điều 125 Luật THADS: Đề nghị sửa đổi thành: <i>Đương sự có quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ nhận được thông báo về kết quả thẩm định giá và đề nghị bỏ quy định về thời hạn "...kể từ ngày có kết luận của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá".</i> Lý do: Phù hợp theo Điều 124 luật này (đề xuất bỏ)	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định nội dung này trong dự thảo.	
	Cục Bến Tre	Tại khoản 1 đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: <i>"1... Đương sự có quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn yêu cầu thẩm định giá lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 121 của Luật này...</i> Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn yêu cầu thẩm định giá lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 121 của Luật này. Trường hợp tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn thì thời hạn là 10 ngày, kể từ hết thời hạn yêu cầu thẩm định giá lại theo quy định tại điểm b	Tiếp thu theo hướng bỏ quy định nội dung này trong dự thảo.	

		<i>khoản 1 Điều 121 của Luật này "</i>		
	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Đề nghị cân nhắc có quy định cụ thể hơn về phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản thuộc trách nhiệm của người phải thi hành án theo hướng bên cạnh tôn trọng thỏa thuận của các bên thì quy định mức “tối đa” mà người phải thi hành án phải chi trả để tạo cơ chế minh bạch, giải quyết nhanh chóng khi người phải thi hành án thực hiện được quyền của mình.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị sửa lại khoản 1 Điều 125 để bảo đảm chính xác, cụ thể như sau: Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày định giá. <i>Trường hợp tài sản là bất động sản hoặc tài sản có giá trị lớn thì thời hạn là 10 ngày, kể từ ngày có kết luận</i> nhận được văn bản của Viện kiểm sát về điều kiện để đưa tài sản ra bán đấu giá ".	Đã tiếp thu nội dung này theo hướng bỏ thẩm quyền của Viện kiểm sát kiểm sát hồ sơ trước khi bán	

Điều 126. Ký hợp đồng mua bán, nộp tiền mua tài sản và xử lý tiền đặt trước, tiền mua tài sản thi hành án (điều mới) <i>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho cơ quan thi hành án dân sự để ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.</i> <i>Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chấp hành viên thực hiện việc ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hoàn thiện các thủ tục liên quan, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác</i> <i>2. Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm. Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thì tiền thanh toán mua tài sản đấu giá được xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản.</i> <i>3. Trường hợp sau khi phiên đấu giá kết thúc mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua, không nộp hoặc nộp không đủ tiền mua trúng đấu giá thì sau khi trừ chi phí liên quan đến đấu giá tài sản, khoản tiền đặt trước thuộc về ngân sách nhà nước.</i> <i>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>	Bộ Tài chính	Tại khoản 2 Điều 126 dự thảo Luật THADS quy định việc thu tiền bán tài sản thi hành án theo hình thức bán đấu giá như sau: “<i>Người mua được tài sản bán đấu giá phải nộp tiền vào tài khoản của cơ quan THADS trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm...</i>”. Căn cứ quy định trên, việc thu tiền bán tài sản thi hành án chưa được quy định thống nhất, cụ thể vì vậy để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Luật THADS, đề nghị Bộ Tư pháp hoàn thiện quy định tại Điều 123 và Điều 126 dự thảo Luật THADS trong đó làm rõ các nội dung sau: (1) đối tượng thực hiện nộp tiền; (2) các thông tin về tài khoản nhận tiền như: chủ tài khoản, nơi mở tài khoản (ngân hàng hay Kho bạc nhà nước), mục đích sử dụng tài khoản (tài khoản tạm giữ, tài khoản tiền gửi,...); (3) thời hạn thực hiện nộp số tiền thu được từ bán tài sản thi hành án vào tài khoản.	Tiếp thu Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	
Điều 127. Tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá tài sản thi hành án (điều mới) <i>1. Việc tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá chỉ được thực hiện trước khi đấu giá viên công</i>	Thanh tra Bộ Tư pháp	Đây là điều mới quy định về Tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá tài sản thi hành án, tại khoản 3 quy định: “<i>Việc tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá theo</i>	Tiếp thu Nghiên cứu quy phù hợp tại dự thảo Luật.	

bố người trúng đấu giá. 2. Căn cứ tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì Chấp hành viên yêu cầu tổ chức đấu giá dừng đấu giá tài sản; c) Chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung; d) Người phải thi hành án nhận lại tài sản trong trường hợp đấu giá tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; đ) Có căn cứ cho rằng có vi phạm nghiêm trọng trong tổ chức thi hành án và bán đấu giá. 3. Việc tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều này phải được đưa vào hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá.	Cục Giang Kiên	quy định tại khoản 1,2,3 Điều này phải được đưa vào hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá”. Để cách hiểu được rõ, đề nghị Tổ soạn thảo xem xét sửa thành “Trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá phải quy định những trường hợp tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá theo quy định tại khoản 1,2 Điều này”. Tại khoản 2, Điều 127 dự thảo Luật THADS: đề nghị thêm nội dung căn cứ tạm dừng, dừng cuộc đấu giá, phiên đấu giá khi tài sản bán đấu giá phát sinh tranh chấp”.	Tiếp thu Nghiên cứu quy phù hợp tại dự thảo Luật.	
Điều 128. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản (Điều 102) 1. Việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản; trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy thì việc xử lý tài sản để thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật này.	Thanh tra Bộ Tu pháp	Điều này quy định về Hủy kết quả bán đấu giá tài sản, tại khoản 2 quy định: “Người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả, hợp đồng bán đấu giá tài sản khi có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản hoặc có	Tiếp thu Nghiên cứu quy phù hợp tại dự thảo Luật.	

2. Người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả, <i>hợp đồng</i> bán đấu giá tài sản khi có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản <i>hoặc có vi phạm hợp đồng mua bán tài sản đấu giá</i>. 3. Việc xử lý hậu quả và bồi thường thiệt hại do kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy được giải quyết theo quy định của pháp luật.		<i>vi phạm hợp đồng mua bán tài sản đấu giá</i>". Hiện nay, pháp luật chỉ quy định 02 chủ thể có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá tài sản là <u>Người mua được tài sản bán đấu giá</u> và <u>Chấp hành viên</u>. Tuy nhiên, trường hợp khi Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế kê biên tài sản của người sở hữu tài sản thì hành án là bên thứ ba, người sở hữu tài sản bị hạn chế một số quyền sở hữu tài sản. Do vậy, nếu trong quá trình bán đấu giá tài sản có xảy ra vi phạm do cơ quan thi hành án và tổ chức đấu giá làm ảnh hưởng tới quyền lợi chính đáng của chủ sở hữu tài sản, nhưng người sở hữu tài sản lại không có quyền khởi. Do vậy, đề nghị bổ sung thêm chủ thể là chủ sở hữu tài sản có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá tài sản nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình thi hành án và bán đấu giá tài sản.		
Điều 129. Bảo vệ quyền của người mua tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án (điều 103) 1. Người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án được bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đó. Trường hợp người mua được tài sản bán đấu giá đã nộp đủ tiền mua tài sản bán đấu giá thì cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm giao tài sản cho người mua trúng đấu giá, trừ trường hợp kết quả bán đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật hoặc đương sự có thỏa thuận khác. 2. <i>Trường hợp bản án, quyết định bị kháng nghị,</i>	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Điều 129 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng “<i>Trường hợp bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa hoặc bị hủy thì cơ quan thi hành án dân sự chưa giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản... Trong thời gian chưa giao tài sản, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền thi hành án đã thu được vào Ngân hàng theo hình thức tiền gửi không kỳ hạn. Phần tiền lãi gửi tiết kiệm thuộc về người mua tài sản đấu giá</i>”. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng	Tiếp thu Nghiên cứu quy định tại Nghị định của Chính phủ	

sửa hoặc bị hủy thì cơ quan thi hành án dân sự chưa giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm thông báo ngay cho người có thẩm quyền đã kháng nghị biết về kết quả thi hành án. Khi xét xử lại, Tòa án phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án. Trong thời gian chưa giao tài sản, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền thi hành án đã thu được vào Ngân hàng theo hình thức tiền gửi không kỳ hạn. Phần lãi tiền gửi tiết kiệm thuộc về người mua tài sản đấu giá. 3. Trường hợp theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm hoặc theo bản án, quyết định sau khi xét xử lại, người phải thi hành án không còn nghĩa vụ thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự không giao tài sản. Quyền, lợi ích hợp pháp của người mua, người nhận tài sản thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án. 4. Việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án thực hiện theo quy định tại Luật này.		nghị, sửa, hoặc hủy, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền thu được vào ngân hàng bởi như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người mua tài sản đấu giá. Họ thực hiện việc mua tài sản ngay tình, mà do bản án, quyết định bị kháng nghị, sửa, hủy mà số tiền của họ bị giữ, họ không được quyền sử dụng để kinh doanh, lưu thông... mà phải chờ đến khi các có bản án, quyết định xử lý của Tòa án (trong nhiều trường hợp khoảng thời gian đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có thể lên đến vài năm) là chưa phù hợp.		
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2: Đề nghị quy định cụ thể thời gian cho cụm từ “<i>thông báo ngay</i>” để các cơ quan, tổ chức nắm và thực hiện kịp thời, tránh để kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án. (Ví dụ: trong vòng 24 tiếng). Lý do: Trong Điều 129 không có nội dung “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>”	Nghiên cứu quy định văn bản dưới luật	

	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 2: “<i>Trong thời gian chưa giao tài sản, cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục đứng tên gửi số tiền thi hành án đã thu được vào Ngân hàng theo hình thức <u>tiền gửi không kỳ hạn</u>. Phần lãi <u>tiền gửi tiết kiệm</u> thuộc về người mua tài sản đấu giá.</i>” và khoản 3 Điều 160 quy định: “<i>Hết thời hạn 15 ngày...Chấp hành viên gửi số tiền đó theo hình thức <u>tiết kiệm không kỳ hạn</u> và thông báo cho người đó biết. Trường hợp tiền trả lại là ngoại tệ mà ngân hàng từ chối nhận <u>tiền gửi tiết kiệm</u> thì Thủ trưởng cơ quan quyết định việc chuyển đổi ngoại tệ thành tiền Việt Nam để gửi <u>tiết kiệm</u>.</i>” Theo quy định nêu trên, có thể có khó khăn trong quá trình gửi tiền của cơ quan thi hành án dân sự do tiền gửi tiết kiệm có tính đặc thù. Vì vậy, để thuận lợi cho quá trình gửi tiền, đề nghị cân nhắc quy định theo hướng: “<i>Cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên thực hiện <u>gửi tiền tại ngân hàng thương mại</u></i>”. Theo đó tùy tính chất của khoản tiền gửi, Ngân hàng thương mại có thể tư vấn sản phẩm tiền gửi của ngân hàng phù hợp nhất cho cơ quan thi hành án/chấp hành viên/khách hàng.	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào Nghị định quy định chi tiết	

Điều 130. Xử lý tài sản đấu giá không thành (Điều 104)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Dự thảo quy định về xử lý tài sản đấu giá không thành, trong đó có quy định về việc giảm giá để bán đấu giá. Đề nghị rà soát nội dung này với quy định của Luật Đấu giá tài sản để đảm bảo thống nhất, đồng bộ	Tiếp thu	
1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức bán đấu giá về việc tài sản đưa ra bán đấu giá lần đầu nhưng bán đấu giá không thành thì Chấp hành viên quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. 2. Từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà bán đấu giá không thành thì người được thi hành án có quyền nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án <i>theo giá tài sản trong quyết định giảm giá tại thời điểm nhận</i>. Trường hợp người được thi hành án đồng ý nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc bán đấu giá không thành thì Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án biết. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được thông báo về việc người được thi hành án đồng ý nhận tài sản để thi hành án, nếu người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá thì Chấp hành viên giao tài sản cho người được thi hành án. Đối với tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên ra quyết định giao tài sản cho người được thi hành án để làm thủ tục đăng ký, cấp <i>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</i> đó cho người được thi hành án. Người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tài sản không tự nguyện giao tài sản cho người được thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án. 3. Trường hợp người được thi hành án không	Cục Bến Tre	Khoản 2 đề xuất bổ sung thêm quy định “Từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà bán đấu giá không thành thì người được thi hành án có quyền nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án <i>theo giá tài sản trong quyết định giảm giá tại thời điểm nhận, nếu đủ điều kiện để công nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật có liên quan</i> ”.	Nghiên cứu quy định văn bản dưới luật	
	Cục Bến Tre	Khoản 5 đề xuất quy định: Mức giảm giá cụ thể là 10% và giảm 5 lần không bán được tài sản thì giao cho người được thi hành án nhận khấu trừ tiền để kết thúc việc án.	Nghiên cứu, tiếp thu	

đồng ý nhận tài sản để thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Nếu giá trị tài sản đã giảm bằng hoặc thấp hơn chi phí cưỡng chế mà người được thi hành án vẫn không nhận để trừ vào số tiền được thi hành án thì tài sản được giao lại cho người phải thi hành án quản lý, sử dụng. Người phải thi hành án không được đưa tài sản này tham gia các giao dịch dân sự cho đến khi họ thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. <i>4. Trường hợp thi hành các khoản thu, nộp ngân sách nhà nước mà giá tài sản sau khi giảm bằng hoặc thấp hơn nghĩa vụ phải thi hành và chi phí cưỡng chế thì tài sản được giao cho cơ quan tài chính cùng cấp.</i> 5. Mỗi lần giảm giá theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này không quá 10% giá khởi điểm của lần bán đấu giá liền kề trước đó.				
Điều 131. Giải tỏa việc kê biên (Điều 105)–Giữ nguyên 1. Việc giải tỏa kê biên tài sản được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Đương sự thỏa thuận về việc giải tỏa kê biên tài sản mà không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba; b) Đương sự đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí thi hành án; c) Có quyết định của người có thẩm quyền hủy bỏ quyết định kê biên tài sản; d) Có quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này. 2. Chấp hành viên ra quyết định giải tỏa kê biên và trả lại tài sản cho người phải thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ quy				

định tại Khoản 1 Điều này.				
Điều 132. Đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản (Điều 106) 1. Người mua được tài sản thi hành án, người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đó. 2. <i>Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng</i> , cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho người mua, người nhận tài sản. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm cung cấp đầy đủ những văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này cho người mua, người nhận tài sản. 3. Hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng gồm có: a) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự; b) Bản sao bản án, quyết định; c) Quyết định thi hành án; d) Quyết định kê biên tài sản, nếu có; đ) Văn bản <i>công nhận kết quả đấu giá thành</i> hoặc quyết định giao tài sản, biên bản giao nhận tài sản; e) Giấy tờ khác có liên quan. 4. Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà đủ điều kiện nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận lần đầu thì cơ quan thi hành án có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho người mua được tài sản thi hành án, người nhận tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật. Trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	điểm đ khoản 3 cần bổ sung: đ) Văn bản công nhận kết quả đấu giá thành hoặc quyết định giao tài sản, <i>Quyết định bán tài sản kê biên cho chủ sở hữu chung</i> , biên bản giao nhận tài sản;		Dự thảo đã bỏ quy định Quyết định bán tài sản
	Văn phòng Bộ Tư pháp	Điểm d khoản 3: đề nghị Quý đơn vị chỉnh lý như sau: “ <i>Quyết định kê biên tài sản và hồ sơ xử lý kê biên tài sản</i> ”, do khi có quyết định kê biên, Chấp hành viên phải thực hiện rất nhiều thủ tục liên quan đến tài sản đó như: các thông báo, biên bản;..., đều có liên quan mật thiết với nhau. Do đó, nếu không bổ sung quy định về hồ sơ xử lý kê biên tài sản sẽ tạo hiện tượng tùy nghi, gây khó khăn trong việc cung cấp hồ sơ cho đương sự.		Giải trình hồ sơ kê biên gồm nhiều tài liệu nên không đủ căn cứ cung cấp cho người mua tài sản thi hành án
	Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm	Nội dung này đã được quy định tại Điều 246 Luật Đất đai năm 2024 nên đề nghị không quy định lại mà quy định theo hướng dẫn chiếu đến Luật Đất đai để đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).	Tiếp thu Nghiên cứu quy định khung theo thẩm quyền của Quốc hội	

gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận mà không thu hồi được giấy chứng nhận đã cấp thì cơ quan thi hành án có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người mua được tài sản thi hành án, người nhận tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật. 5. Đối với tài sản không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này mà không có giấy tờ đăng ký hoặc không thu hồi được giấy tờ đăng ký thì cơ quan có thẩm quyền đăng ký có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản. 6. Giấy tờ được cấp mới thay thế cho giấy tờ không thu hồi được. Giấy tờ không thu hồi được không còn giá trị.				
Mục 7 CƯỜNG CHẾ KHAI THÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN				
Điều 133. Cường chế khai thác đối với tài sản để thi hành án (Điều 107) 1. Chấp hành viên cường chế khai thác tài sản của người phải thi hành án trong các trường hợp sau đây: a) Tài sản của người phải thi hành án có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để thi hành án; b) Người được thi hành án đồng ý cường chế khai thác tài sản để thi hành án nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. c) <i>Trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp kê biên, xử lý tài sản hoặc trường hợp bản án, quyết định tuyên giao tài sản cho người được thi hành án thì trong thời gian chưa giao được tài sản, cơ quan</i>				

<i>thi hành án dân sự có thể áp dụng đồng thời biện pháp cưỡng chế khai thác đối với tài sản để thi hành án nếu có các căn cứ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.</i> Trong thời gian chưa giao được tài sản, số tiền thu được thuộc về người được thi hành án. 2. Chấp hành viên phải ra quyết định cưỡng chế khai thác tài sản. Quyết định ghi rõ hình thức khai thác; số tiền, thời hạn, thời điểm, địa điểm, phương thức nộp tiền cho cơ quan thi hành án dân sự để thi hành án. Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản phải được gửi ngay cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, đăng ký đối với tài sản đó và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản. Việc thực hiện giao dịch, chuyển giao quyền sở hữu tài sản đối với tài sản đang khai thác phải được sự đồng ý của Chấp hành viên.			
Điều 134. Hình thức cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án (Điều 108) Tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế khai thác để thi hành án theo các hình thức sau đây: 1. Tài sản mà người phải thi hành án đang trực tiếp khai thác hoặc cho người khác khai thác thì người đang khai thác được tiếp tục khai thác. Trường hợp tài sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất mà chưa khai thác thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài sản. 2. Người khai thác tài sản quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp số tiền thu được từ việc khai thác tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự, sau khi trừ các chi phí cần thiết.			

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác với người khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý tài sản đó để thi hành án.				
Điều 135. Chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản (Điều 109) (Giữ nguyên) 1. Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản trong các trường hợp sau đây: a) Việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở đến việc thi hành án; b) Người phải thi hành án, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của Chấp hành viên về việc khai thác tài sản; c) Người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí về thi hành án; d) Có quyết định đình chỉ thi hành án. 2. Trường hợp việc cưỡng chế khai thác tài sản chấm dứt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này thì Chấp hành viên tiếp tục kê biên và xử lý tài sản đó để thi hành án. Trường hợp việc cưỡng chế khai thác tài sản chấm dứt theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định, Chấp hành viên ra quyết định giải toả việc cưỡng chế khai thác tài sản và trả lại tài sản cho người phải thi hành án.				
Mục 8 CƯỖNG CHẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				
Điều 136. Quyền sử dụng đất được kê biên, bán đấu giá để thi hành án (điều 110) 1. Chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất,	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	<i>Đề nghị theo hướng: Bỏ khoản 2</i> Lý do: Hạn chế tình trạng đương sự yêu cầu kê biên xử lý tài sản trong trường hợp này, vì		giải trình quy định khoản 2

của người phải thi hành án thuộc trường hợp được chuyển <i>nhượng</i> theo quy định của pháp luật về đất đai. 2. Người phải thi hành án chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; thuộc diện quy hoạch phải thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi đất hoặc đã có quyết định thu hồi <i>nhưng sau 03 năm chưa thực hiện việc thu hồi</i> thì vẫn được kê biên, xử lý quyền sử dụng đất đó.		cơ sở pháp lý xác định tài sản của người phải thi hành án chưa rõ ràng.		nhằm bảo đảm xử lý tài sản của người phải thi hành án đúng quy định, tránh trường hợp người phải thi hành án có điều kiện nhưng bản án không được thi hành
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị sửa đổi như sau: “1.Chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất, của người phải thi hành án thuộc trường hợp được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2.Người phải thi hành án chưa cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng thuộc khi vực thực hiện quy hoạch phải thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi đất hoặc đã có quyết định thu hồi đất nhưng sau 03 năm chưa thực hiện quyết định đó thì vẫn	Tiếp thu nghiên cứu quy định nội dung này tại Nghị định của Chính phủ	

		được kê biên, xử lý quyền sử dụng đất đó”		
Điều 137. Kê biên quyền sử dụng đất (điều 111) (Giữ nguyên) 1. Khi kê biên quyền sử dụng đất, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án dân sự. 2. Khi kê biên quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trường hợp đất của người phải thi hành án có tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người khác thì Chấp hành viên chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất. 3. Việc kê biên quyền sử dụng đất phải lập biên bản ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được kê biên, có chữ ký của những người tham gia kê biên.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Tại Khoản 2 Điều 137, đề nghị theo hướng Chấp hành viên được thuê thẩm định giá để định giá bán chung với quyền sử dụng đất (vì tài sản nhà cửa không thể di dời) sau đó số tiền bán được tài sản trên đất sẽ chi trả lại cho chủ sở hữu. Chi phí thuê thẩm định do người phải thi hành án chịu.		Giải trình quy định hiện hành đang muốn hướng đến cơ quan THA chỉ xử lý tài sản của người phải thi hành án, khi xử lý ghi rõ tình trạng tài sản.
Điều 138. Xử lý tài sản gắn liền với đất, quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm (điều mới) <i>Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất theo hình thức được Nhà nước cho thuê đất thu tiền hằng năm để thi hành án khi đáp ứng điều kiện quy định của Luật Đất đai.</i> <i>Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đất đai. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i>				
Điều 139. Tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng diện tích đất đã kê biên (điều 112) 1. Trường hợp diện tích đất đã kê biên đang do	Văn phòng Bộ Tư pháp	Khoản 2, đề nghị Quý đơn vị chính lý như sau: “ <i>Trường hợp người phải thi hành án hoặc tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1</i>	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại	

người phải thi hành án quản lý, khai thác, sử dụng thì Chấp hành viên tạm giao diện tích đất đã kê biên cho người đó. Trường hợp diện tích đất đã kê biên đang do tổ chức hoặc cá nhân khác quản lý, khai thác, sử dụng thì tạm giao cho tổ chức, cá nhân đó. <i>Trường hợp người phải thi hành án, người thân thích của họ được giao bảo quản tài sản thì phải ký cam kết về việc sẽ hợp tác, thực hiện đúng theo yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án.</i>		<i>Điều này không nhận thì Chấp hành viên tạm giao diện tích đất đã kê biên cho người được thi hành án, trong trường hợp người được thi hành án không nhận thì giao cho tổ chức, cá nhân khác quản lý, khai thác, sử dụng. Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào nhận thì cơ quan thi hành án dân sự tiến hành ngay việc định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật”.</i>	dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
2. Trường hợp người phải thi hành án hoặc tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này không nhận thì Chấp hành viên tạm giao diện tích đất đã kê biên cho tổ chức, cá nhân khác quản lý, khai thác, sử dụng. Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào nhận thì cơ quan thi hành án dân sự tiến hành ngay việc định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật.	Cục Bến Tre	Khoản 1 đề xuất bỏ cụm từ “ký cam kết”, sửa thành “<i>Trường hợp người phải thi hành án, người thân thích của họ được giao bảo quản tài sản thì phải hợp tác, thực hiện đúng theo yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án</i>”.	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
3. Việc tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng đất đã kê biên phải được lập biên bản, trong đó ghi rõ: a) Diện tích, loại đất, vị trí, số thửa đất, số bản đồ; b) Hiện trạng sử dụng đất; c) Thời hạn tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng đất; d) Quyền và nghĩa vụ cụ thể của người được tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng đất. 4. Trong thời hạn tạm giao quản lý, khai thác, sử dụng đất đã kê biên, người được tạm giao không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, để thừa kế, thế chấp, hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất; không được làm thay đổi	Cục Bến Tre	Khoản 2 đề xuất bỏ từ “ngay”, sửa thành “<i>...tiến hành việc định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật</i>”.	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	

hiện trạng sử dụng đất; không được sử dụng đất trái mục đích.				
Điều 140. Xử lý tài sản gắn liền với đất đã kê biên (Điều 113) 1. Trường hợp tài sản gắn liền với đất đã kê biên thuộc sở hữu của người khác thì xử lý như sau: a) Đối với tài sản có trước khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án <i>trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo hợp lệ</i>. <i>Hết thời hạn trên mà người có tài sản không tự nguyện di chuyển thì Chấp hành viên chỉ xử lý quyền sử dụng đất của người phải thi hành án và thông báo cho người tham gia đấu giá, người mua hoặc người đề nghị nhận quyền sử dụng đất về tình trạng có tài sản gắn liền với đất chưa được xử lý.</i> Trường hợp người có tài sản là người thuê đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của người phải thi hành án mà không hình thành pháp nhân mới thì người có tài sản được quyền tiếp tục ký hợp đồng thuê đất, hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất với người trúng đấu giá, người nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn còn lại của hợp đồng mà họ đã ký kết với người phải thi hành án. Trường hợp này, trước khi xử lý quyền sử dụng đất, Chấp hành viên có trách nhiệm thông báo cho người tham gia đấu giá, người được đề nghị nhận quyền sử dụng đất về <i>tình trạng tài sản</i>, quyền được tiếp tục ký hợp đồng của người có tài sản gắn liền với đất; b) Đối với tài sản có sau khi người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án thì Chấp hành	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Đề nghị giữ nguyên quy định cũ (Điều 113)	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Quy định tại Khoản 1 Điều 140 Dự thảo có thể dẫn đến bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Người phải thi hành án có thể cố tình tạo ra các tranh chấp để kéo dài thời gian thi hành án (ví dụ: Tài sản là nhà đất đã được chuyển nhượng cho người phải thi hành án và thế chấp tại Ngân hàng. Quá trình khởi kiện, chủ cũ không có ý kiến nhưng trong quá trình thi hành án lại có ý kiến, tranh chấp,... để kéo dài thời gian). Do vậy, đề nghị bổ sung vào quy định: người có tài sản có nghĩa vụ di chuyển tài sản trong thời hạn 15 ngày, nếu hết thời hạn tự nguyện mà các bên không thể thỏa thuận về phương thức xử lý thì Chấp hành viên xử lý cả tài sản gắn liền với đất cùng với quyền sử dụng đất như quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 140 Dự thảo. Đối với các tranh chấp phát sinh, CQTHA không xem xét giải quyết mà các bên tự giải quyết bằng vụ việc, vụ án khác.	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị chỉ quy định một hình thức xử lý chung đó là nếu đã thông báo mà không thực hiện tháo dỡ, di dời tài sản thì sẽ bị xử lý (thảm định giá, bán đấu giá) cùng với tài sản	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị	

viên yêu cầu người có tài sản tự nguyện di chuyển tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án. Sau thời hạn 15 ngày, kể từ ngày yêu cầu, mà người có tài sản không di chuyển tài sản hoặc tài sản không thể di chuyển được thì Chấp hành viên xử lý tài sản đó cùng với quyền sử dụng đất.		quyền sử dụng đất của người phải thi hành án. Quy định như vậy mới giải quyết toàn diện các vấn đề, đảm bảo quyền lợi của người có tài sản cũng như tránh phát sinh tranh chấp cho người mua trúng đấu giá	định của Chính phủ.	
Đối với tài sản có sau khi kê biên, nếu người có tài sản không di chuyển tài sản hoặc tài sản không thể di chuyển được thì tài sản phải bị tháo dỡ. Chấp hành viên tổ chức việc tháo dỡ tài sản, trừ trường hợp người nhận quyền sử dụng đất hoặc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đồng ý mua tài sản; c) Người có tài sản gắn liền với đất của người phải thi hành án được hoàn trả tiền bán tài sản <i>nếu tài sản được xử lý cùng quyền sử dụng đất</i>, nhận lại tài sản, nếu tài sản bị tháo dỡ nhưng phải chịu các chi phí về kê biên, định giá, bán đấu giá, tháo dỡ tài sản. 2. Trường hợp tài sản thuộc sở hữu của người phải thi hành án gắn liền với quyền sử dụng đất đã kê biên thì Chấp hành viên xử lý tài sản cùng với quyền sử dụng đất. 3. Đối với tài sản là cây trồng, vật nuôi ngăn ngày chưa đến mùa thu hoạch hoặc tài sản đang trong quy trình sản xuất khép kín chưa kết thúc thì sau khi kê biên, Chấp hành viên chỉ tiến hành xử lý khi đến mùa thu hoạch hoặc khi kết thúc quy trình sản xuất khép kín.	Cục Bến Tre	Điểm a, Khoản 1 đề xuất sửa đổi như sau: <i>“Hết thời hạn trên mà người có tài sản không tự nguyện di chuyển thì Chấp hành viên được quyền kê biên tài sản đó và trả lại giá trị”.</i>	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
Mục 9 CƯƠNG CHẾ TRẢ VẬT, GIẤY TỜ, QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT				
Điều 141. Thủ tục cưỡng chế trả vật (Điều 114) 1. Trường hợp người phải thi hành án không trả	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu lại quy định của khoản 3 Điều 141	Tiếp thu nghiên cứu quy	

vật cho người được thi hành án theo nội dung bản án, quyết định thì <i>Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế trả vật</i>. 2. Việc cưỡng chế trả vật đặc định được thực hiện như sau: a) Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng trả vật cho người được thi hành án; nếu người đó không thi hành thì Chấp hành viên thu hồi vật để trả cho người được thi hành án; b) Trường hợp vật phải trả giảm giá trị mà người được thi hành án không đồng ý nhận thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thỏa thuận việc thi hành án. Việc thi hành án được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên cưỡng chế trả vật cho người được thi hành án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị; c) Trường hợp vật không còn hoặc bị hư hỏng đến mức không sử dụng được mà đương sự có thỏa thuận khác về việc thi hành án thì Chấp hành viên thi hành theo thỏa thuận. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì <i>Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án</i>. <i>Người được thi hành án có quyền</i> khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không sử dụng được. 3. Đối với vật cùng loại thì Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế theo nội dung bản án, quyết định.		Lý do: Vật đặc định và vật cùng loại vẫn có sự khác nhau về đặc điểm, dẫn đến cách thức tổ chức thi hành án cũng cần có sự phân biệt. Với quy định hiện tại thì không có sự khác biệt về cách thức tổ chức thi hành đối với hai loại tài sản này. Ban soạn thảo có thể nghiên cứu để áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Thi hành án dân sự hiện hành nhưng quy định rõ hơn về quyền được tổ chức cưỡng chế để thanh toán giá trị của vật nếu chấp hành viên xác định được chính xác giá trị của vật cùng loại.	định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.

<i>Trường hợp vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị mà đương sự có thỏa thuận khác về việc thi hành án thì Chấp hành viên thi hành theo thỏa thuận đó.</i> <i>Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án. Người được thi hành án có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị.</i> 4. Trường hợp người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng vật phải trả có thể tẩu tán, hủy hoại vật đó thì Chấp hành viên có quyền áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án quy định tại Điều ... của Luật này.			
Điều 142. Cường chế trả nhà, giao nhà (điều 115) 1. Trường hợp người phải thi hành án có nghĩa vụ trả nhà, <i>giao nhà</i> thì Chấp hành viên <i>ra quyết định cưỡng chế</i>, buộc người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra khỏi nhà; nếu họ không tự nguyện thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà. Trường hợp họ từ chối nhận tài sản, Chấp hành viên phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản. 2. Trường hợp người phải thi hành án cố tình vắng mặt mặc dù đã được thông báo quyết định	Cục Bến Tre	Khoản 5 Điều 142 đề xuất bổ sung thêm quy định: “<i>Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án hay người thứ ba bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án hay người thứ ba bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án hay người thứ ba bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm.</i>” Lý do: Quy định này góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp về chỗ ở của công dân, bảo vệ	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.

cưỡng chế thì Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại khoản 1 Điều này.		quyền lợi chính đáng của Chủ sở hữu nhà ở duy nhất.		
3. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này mà người có tài sản bảo quản không đến nhận thì tài sản đó được xử lý theo quy định tại Điều 160 của Luật này (về trả lại tiền, tài sản cho đương sự), trừ trường hợp có lý do chính đáng. 4. Việc cưỡng chế để trả lại công trình xây dựng, vật kiến trúc theo bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. 5. Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm. Nghĩa vụ thi hành án còn lại được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật này.	Cục Trị Quảng	Kiến nghị: Trích lại một khoản tiền để người phải thi hành án và người thân thích đang ở trong ngôi nhà này tiền thuê nhà. Lý do: Nhiều trường hợp ba, mẹ là người phải thi hành án nhưng còn người thân thích là ông, bà, con, cháu ở cùng.	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
Điều 143. Cưỡng chế giao, trả giấy tờ (điều 116) 1. Trường hợp người phải thi hành án không giao, trả giấy tờ cho người được thi hành án theo nội dung bản án, quyết định thì <i>Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế giao, trả giấy tờ.</i> Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ giấy tờ phải giao, trả thì Chấp hành viên yêu cầu người đó giao, trả giấy tờ đang giữ, nếu người thứ ba không tự nguyện giao, trả thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc người đó giao, trả giấy tờ để thi hành án.	Bộ nguyên và Môi trường Tài	Khoản 3: đề nghị sửa thành: “3.Trường hợp không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp theo quy	Tiếp thu nghiên cứu quy định nội dung này tại Nghị định của Chính phủ	

2. Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được thi hành án, người trúng đấu giá tài sản thi hành án. 3. Trường hợp không thu hồi được <i>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và giấy tờ về tài sản khác</i> thì thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật này (về Đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản). 4. Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi và không thể cấp lại <i>hoặc trường hợp đã thông báo hợp lệ 02 lần mà người được thi hành án không nhận thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án. Trường hợp người được thi hành án không nhận thì chuyển giấy tờ đó cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó để xử lý theo quy định pháp luật.</i>		định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng thì thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật này”		
Điều 144. Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất (điều 117) 1. Trường hợp bản án, quyết định tuyên nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng đất thì Chấp hành viên tổ chức giao diện tích đất cho người được thi hành án. Khi tiến hành giao đất phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất được chuyển giao. 2. Việc xử lý tài sản gắn liền với đất được chuyển giao thực hiện theo quy định sau đây:	Cục Giang Bắc	đề nghị xem xét lại nội dung này. Vì nếu tài sản trên đất chưa xử lý xong thì Chấp hành viên không thể cưỡng chế giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án được. Vì nếu giao sẽ phát sinh rất nhiều hệ quả	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	

a) Trường hợp tài sản gắn liền với đất hình thành sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản đó tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao cho người được thi hành án. Nếu người có tài sản không thực hiện thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để <i>họ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo. Trường hợp Tòa án thụ lý yêu cầu của người được thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án. Việc xử lý tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quyết định của Tòa án.</i> <i>Hết thời hạn trên, người được thi hành án không khởi kiện thì Chấp hành viên cưỡng chế giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án. Trong biên bản giao tài sản ghi rõ tình trạng tài sản trên đất. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.</i> b) Trường hợp tài sản gắn liền với đất có trước khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý đối với tài sản đó thì cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích rõ việc xử lý đối với tài sản hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại nội dung bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. 3. Việc cưỡng chế giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá hoặc cho người nhận quyền sử dụng đất để trừ vào số tiền được thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều này.				
Điều 145. Chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán (điều mới)				

1. Chấp hành viên ra Quyết định cưỡng chế buộc chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán theo bản án, quyết định trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán theo bản án, quyết định. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo hợp lệ quyết định cưỡng chế buộc chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán, cơ quan thi hành án dân sự gửi hồ sơ đề nghị tổ chức có chức năng lưu ký và bù trừ chứng khoán thực hiện việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 3. Hồ sơ đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự gồm: Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự trong đó nêu rõ thông tin của các bên chuyển quyền sở hữu; Bản án, quyết định của Tòa án; Quyết định thi hành án.				
Mục 10 CƯỖNG CHẾ THI HÀNH NGHĨA VỤ BUỘC THỰC HIỆN HOẶC KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC NHẤT ĐỊNH				
Điều 146. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định (điều 118) Hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện công việc theo nội dung bản án, quyết định thì Chấp hành viên xử lý như sau: 1. Ra quyết định cưỡng chế buộc thực hiện công việc. Quyết định cưỡng chế phải gửi cho cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên của người phải thi hành án (nếu có) để chỉ đạo, yêu cầu họ thi hành. 2. Sau 10 ngày kể từ ngày có quyết định mà	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Học viện Tư	Khoản 3: quy định nội dung “Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính...” Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính (số năm 2022), thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Đề nghị xem lại quy định về thời hạn để đảm bảo tính thống nhất giữa hai luật - Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ. Tiếp thu	

người đó không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên ra quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 3. Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người đó không thực hiện thì Chấp hành viên xử lý như sau: a) Có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên của người phải thi hành án xử lý người phải thi hành án theo nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; b) Trường hợp công việc đó có thể giao cho người khác thực hiện thay thì Chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện; chi phí thực hiện do người phải thi hành án chịu, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án, kèm theo bản sao hồ sơ thi hành án. c) Trường hợp công việc đó phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án, kèm theo bản sao hồ sơ thi hành án.	pháp	tại điểm a khoản 3 Điều 146 a) Có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên của người phải thi hành án xử lý người phải thi hành án theo nội quy, quy chế làm việc của cơ quan. Lý do: Không phải mọi trường hợp người phải thi hành án đều có nơi công tác hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên, trong khi quy định nói trên lại quy định chung cho mọi trường hợp nên sẽ không đảm bảo tính logic với các nội dung ở khoản 1 và khoản 2.	nguyên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 146 theo hướng chỉ quy định về việc giao cho người có điều kiện thực hiện thay và người phải thi hành án phải chịu chi phí thực hiện mà không quy định đồng thời cả hai việc là: giao cho người khác thực hiện thay và đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự. Lý do: Người phải thi hành án chỉ có một hành vi là không thi hành án thì nếu đã áp dụng biện pháp cưỡng chế và người phải thi hành án đã chịu chi phí cưỡng chế thì không nên quy định người phải thi hành án lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, nếu người khác đã thực hiện được công việc thì mục đích của hoạt động thi hành án đã hoàn thành nên việc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự là không cần thiết.	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định tại điểm c khoản 3 Điều 146:	Tiếp thu nghiên cứu quy	

		c) Trường hợp công việc đó phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án, kèm theo bản sao hồ sơ thi hành án. Quy định này không hợp lý ở các điểm: Thứ nhất, về cách thức diễn đạt: khi đã hoãn thi hành án thì không thực hiện các công việc khác. Vì vậy, nếu muốn quy định về việc hoãn thi hành án thì cần phải quy định theo hướng: có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án. Sau khi chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án. Thứ hai, điều luật này vẫn chưa giải quyết được kết quả cuối cùng của việc thi hành án là: sau khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì người phải thi hành án có phải tiếp tục thực hiện công việc được tuyên trong bản án không.	định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	
	Cục Bắc Giang; Cục Hải Dương	Đề nghị sửa khoản 2 theo nội dung: sau 10 ngày kể từ ngày có quyết định mà người đó không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Vì theo Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chấp hành viên không có quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buộc thực hiện công	Tiếp thu nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và tại Nghị định của Chính phủ.	

		việc nhất định		
	Cục Kiên Giang	Quy định từ Điều 146 đến 149 dự thảo Luật: đề nghị bỏ việc xử phạt vi phạm hành chính mà chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án.	Tiếp thu	
Điều 147. Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định (điều 119) Người phải thi hành án không tự nguyện chấm dứt việc thực hiện công việc mà theo bản án, quyết định không được thực hiện thì Chấp hành viên <i>xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật này (về cưỡng chế thực hiện công việc).</i>				
Điều 148. Cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định (điều 120) 1. Trường hợp người phải thi hành án hoặc người đang trông giữ người chưa thành niên <i>không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ</i> giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng <i>theo nội dung bản án, quyết định, Chấp hành viên xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật này (thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc).</i> 2. Trước khi cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng, Chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương đó thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án.				
Điều 149. Cưỡng chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc (Điều 121) 1. <i>Trường hợp người sử dụng lao động không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ nhận người lao động trở lại làm việc theo nội dung bản án, quyết định, Chấp hành viên xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật này</i>	Cục Bến Tre	Tại Khoản 3 Điều 149 đề xuất bổ sung nội dung sau: “ <i>Người sử dụng lao động phải thanh toán cho người lao động khoản tiền lương theo hợp đồng lao động trong thời gian chưa bố trí được công việc theo bản án, quyết định, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi</i>		Giải trình Đề xuất của Cục Bến tre không thuộc thẩm

(thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc). 2. Trường hợp không thể bố trí người lao động trở lại làm công việc theo nội dung bản án, quyết định thì người sử dụng lao động phải bố trí công việc khác với mức tiền lương tương đương theo quy định của pháp luật lao động. Trường hợp người lao động không chấp nhận công việc được bố trí và yêu cầu người sử dụng lao động thanh toán các chế độ theo quy định của pháp luật lao động thì người sử dụng lao động phải thực hiện việc thanh toán để chấm dứt nghĩa vụ thi hành án. 3. Người sử dụng lao động phải thanh toán cho người lao động khoản tiền lương trong thời gian chưa bố trí được công việc theo bản án, quyết định, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người lao động được nhận trở lại làm việc hoặc được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.		<i>hành án cho đến khi người lao động được nhận trở lại làm việc hoặc được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả.</i> Lý do: quy định tiền lương trong hợp đồng lao động mới thống nhất với quy định tại điều 41 Bộ Luật lao động năm 2019, đồng thời bổ sung thêm phần tính lãi suất chậm thi hành án để đảm bảo thống nhất quy định tại điều 357 Bộ Luật Dân sự 2015.		quyền tổ chức thi hành án của cơ quan thi hành án, việc tuyên tiền lãi chậm trả phải được tòa án tuyên và cơ quan thi hành án thi hành theo nội dung án tuyên
Mục 11 THI HÀNH ÁN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI				
Điều 150. Việc thi hành án dân sự có yếu tố nước ngoài (điều mới) <i>Việc thi hành án dân sự có yếu tố nước ngoài là việc thi hành án dân sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i> 1. Có ít nhất một trong các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài. 2. Có ít nhất một trong các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài. 3. Tài sản thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành án dân sự được thực hiện ở nước ngoài.	Bộ Ngoại giao Vụ Pháp luật Quốc tế	Khoản 2: Đề nghị làm rõ khái niệm “công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài”; cần nhắc xem xét sử dụng khái niệm “công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài” để bảo đảm bao quát tất cả các trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài (ngắn hạn, dài hạn) Quy định về thi hành án dân sự (THADS) có yếu tố nước ngoài đặt tại Mục 11 Chương IV – Biện pháp bảo đảm và Cưỡng chế thi hành án là không phù hợp về nội dung, tính chất của hoạt động này. Vụ PLQT đề nghị Quý Tổng cục nghiên cứu cần nhắc tách thành	Tiếp thu Tiếp thu	

4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		chương riêng về THADS có yếu tố nước ngoài, trong đó quy định về căn cứ, nguyên tắc THADS có yếu tố nước ngoài, phương thức thực hiện thông báo thi hành án, xử lý các tình huống phát sinh từ kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp (có kết quả thực hiện, không có kết quả thực hiện), đặc biệt cần có quy định riêng về thời hạn giải quyết THA có yếu tố nước ngoài. Trên thực tế các vụ việc THADS có yếu tố nước ngoài thường phải yêu cầu (TTTP) tổng đạt các thông báo thi hành án cho đương sự ở nước ngoài hay xác minh tài sản ở nước ngoài. Việc quy định thời hạn giải quyết các vụ việc THADS có yếu tố nước ngoài sẽ đảm bảo không xảy ra mâu thuẫn, vướng mắc khi phải áp dụng quy định chung về thời hạn như các vụ việc thi hành án thông thường (tương tự như việc Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định riêng về thời hạn giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài).		
	Bộ Ngoại giao	Khoản 3: đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ các nghĩa vụ thi hành án dân sự ở nước ngoài bao gồm những nghĩa vụ nào	Tiếp thu, đã bỏ nội dung này khỏi Dự thảo	
	Vụ Pháp luật Quốc tế	Trường hợp vụ việc THADS có yếu tố nước ngoài có yêu cầu TTTP sẽ phát sinh chi phí chi trả cho phía nước ngoài. Do đó, kinh phí cho thi hành án dân sự chủ động cần có quy định đảm bảo và có cơ chế chi trả đảm bảo không vướng mắc trên thực tiễn.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Vụ Pháp luật Quốc tế	- Về các trường hợp THADS có yếu tố nước ngoài (Điều 150): + đề nghị sử dụng khái niệm “người Việt	Tiếp thu	

		Nam định cư ở nước ngoài” thay cho “công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài” tại khoản 2 để đảm bảo thống nhất quy định tương ứng của Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi bổ sung 2014). + đề nghị làm rõ trường hợp “nghĩa vụ thi hành án dân sự” tại khoản 3 để đảm bảo áp dụng thống nhất.		
Điều 151. Thi hành án trong trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài sản thi hành án, nghĩa vụ thi hành án được thực hiện ở Việt Nam (điều mới) <i>Trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài cư trú ở Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam và tài sản thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành án được thực hiện ở Việt Nam thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật này.</i>	Bộ Ngoại giao	Đề nghị cân nhắc sửa tên Điều 151 thành “Thi hành án có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam” để phù hợp, thống nhất với nội dung của điều này	Tiếp thu.	
Điều 152. Thi hành án trong trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài (Điều 181) <i>1. Trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người Việt Nam đang ở nước ngoài nhưng không xác định được địa chỉ của người đó ở nước ngoài thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thông báo theo quy định tại Điều 52 Luật này (về niêm yết công khai).</i> <i>2. Trường hợp căn cứ bản án, quyết định hoặc kết quả xác minh, xác định được địa chỉ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài thì việc thông báo về thi hành án được thực hiện thông qua các phương thức sau đây:</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	<i>Đề nghị theo hướng:</i> Bổ sung thêm: Cần quy định thêm chỉ nên thông báo về quyết định thi hành án mới áp dụng các khoản nêu trên tại Điều 152, còn các thủ tục còn lại về xử lý tài sản thì nên thực hiện thông báo bằng hình thức niêm yết tại nơi ở cuối cùng tại Việt Nam. Vì nếu mọi thủ tục điều phải làm theo quy trình đã nêu thì không thể thực hiện được do tốn rất nhiều thời gian, chi phí, hiệu quả mang lại không cao.	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp.	
	Vụ Pháp luật Quốc tế	Đề nghị rà soát các quy định tại Điều 152, đảm bảo chỉ quy định về phương thức thực hiện thông báo thi hành án, giao Chính phủ hướng dẫn những quy định cụ thể về các	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp.	

a) Thông qua việc lập hồ sơ tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp trong trường hợp người được thông báo là người nước ngoài; b) Theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài trong trường hợp nước đó đồng ý với phương thức thông báo này; c) Theo đường dịch vụ bưu chính đến cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trong trường hợp người được thông báo là công dân Việt Nam; d) Theo các phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. 3. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày thực hiện việc thông báo về thi hành án theo quy định khoản 2 Điều này mà không có kết quả thì cơ quan thi hành án dân sự tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của đương sự ở Việt Nam và thông báo trên Cổng thông tin điện tử thi hành án dân sự. Đồng thời, có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan đại diện Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện việc niêm yết tại trụ sở cơ quan đại diện và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. 4. Hồ sơ, thủ tục yêu cầu thông báo về thi hành án, chi phí thông báo cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật này (trách nhiệm chịu chi phí tổ chức thi hành án) và quy định pháp luật về tương trợ tư pháp về dân sự.		trường hợp và xử lý kết quả thông báo thi hành án, cụ thể: + Trường hợp không xác định được địa chỉ đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài cũng như hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày việc thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 2 mà không nhận được kết quả đối với đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài được thực hiện như thế nào? + Do chưa phân chia được các kết quả thông báo thi hành án cho đương sự ở nước ngoài (sẽ có thể xảy ra nhiều trường hợp, ví dụ: địa chỉ không chính xác, đương sự đã chuyển đi nơi khác, không có đương sự sống tại địa chỉ được yêu cầu) nên quy định về giải quyết vụ việc khi có kết quả thông báo THADS cho đương sự tại nước ngoài tại khoản 6 chưa rõ ràng.		
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đối với những trường hợp đương sự ở nước ngoài và trong quá trình tố tụng cơ quan tố tụng đã thực hiện các thủ tục ủy thác, tương trợ tư pháp nhưng đương sự vẫn không có mặt/không có phản hồi dẫn đến phải xét xử vắng mặt thì coi như đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Với những trường hợp cố tình trốn tránh như thế này thì để đảm bảo tiến độ THA, nên có quy định về việc cơ quan THADS chỉ cần niêm yết các văn bản về thi hành án chứ không cần thực hiện lại các thủ tục ủy thác, tương trợ tư pháp. Đề nghị bổ sung quy định về việc trong trường hợp đương sự ở nước ngoài và trong quá trình tố	Tiếp thu, đã quy định rõ về việc thông báo có yếu tố nước ngoài.	

5. Sau khi có kết quả xác nhận việc thông báo về thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự tiến hành các trình tự, thủ tục thi hành án theo quy định của Luật này.		tụng cơ quan tổ tụng đã thực hiện các thủ tục ủy thác, tương trợ tư pháp nhưng đương sự vẫn không có mặt/không có phản hồi dẫn đến phải xét xử vắng mặt thì cơ quan THADS chỉ cần thực hiện việc thông báo theo quy định của Điều 52 (về niêm yết công khai).			
	Bộ giao	Ngoại	Cần nhắc sửa tên Điều thành “Thông báo về thi hành án...” để phù hợp, thống nhất với nội dung điều này	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp	
	Bộ giao	Ngoại	Đề nghị bổ sung điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ liên quan đến thủ tục, hồ sơ, ví dụ như thủ tục cụ thể để thực hiện thông báo về thi hành án đến đương sự ở nước ngoài	Tiếp thu	
	Bộ giao	Ngoại	Khoản 2: (i) Đề nghị quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền thực hiện thông báo về thi hành án trong trường hợp xác định được địa chỉ đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài; (ii) đề nghị bổ sung nội dung về thứ tự và mức độ ưu tiên trong việc sử dụng các phương tiện thông báo cho đương sự ở nước ngoài, tránh việc áp dụng thiếu nhất quán và bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của các cơ quan liên quan; (iii) tại điểm c đề nghị điều chỉnh như sau “Theo đường dịch vụ bưu chính đến cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tại nơi công dân Việt Nam liên quan đang cư trú”, bên cạnh đó, cần quy định về việc cơ quan đại diện cần làm gì khi nhận được thông báo (ví dụ niêm yết, gửi thông báo qua đường bưu chính cho công dân...) và có thể giao	Tiếp thu, đã chỉnh lý trong Dự thảo cho phù hợp	

		Chính phủ quy định chi tiết		
	Bộ ngoại giao	Khoản 3: Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự quy định việc chuyển giao các tài liệu tư pháp và không tư pháp, hoặc thực hiện các ủy thác tư pháp hoặc ủy thác lấy lời khai cho các tòa án ở Nước cử phù hợp với các điều ước quốc tế hiện hành, hoặc nếu không có điều ước quốc tế như vậy thì theo bất cứ cách nào khác phù hợp với luật và quy định của nước tiếp nhận. Do vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc điều chỉnh nội dung khoản 3, bảo đảm việc niêm yết thông báo về thi hành án phải phù hợp với điều ước quốc tế mà hai bên là thành viên và pháp luật sở tại. Ngoài ra, ngày 10/10/2023, Bộ Ngoại giao đã có Công văn số 5075/BNG-LS gửi Tòa án nhân dân tối cao phản ánh khó khăn, vướng mắc trong việc niêm yết tại cơ quan đại diện; đồng thời, đề xuất phương án xử lý về việc này	Tiếp thu, đã chỉnh lý Dự thảo cho phù hợp theo hướng tăng cường sử dụng các phương tiện điện tử khi thông báo cho đương sự ở nước ngoài	
		Điều 152 quy định về “Thi hành án trong trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài”, trong đó tại khoản 2 quy định về phương thức thông báo thi hành án. Về nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm quy định tại Luật Tương trợ tư pháp về dân sự đảm bảo các phương thức thông báo được thống nhất giữa 2 luật này.	Tiếp thu	
Điều 153. Thi hành án trong trường hợp tài sản thi hành án hoặc nghĩa vụ thi hành án ở nước ngoài (điều mới) <i>1. Trường hợp xác minh người phải thi hành án</i>	Vụ Pháp luật Quốc tế	Việc thực hiện nhiệm vụ thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng mà Bộ ta được giao theo các chỉ thị của Đảng, quyết định của Chính phủ và thực hiện	Tiếp thu, nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định	

<i>chưa có điều kiện thi hành án ở Việt Nam thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định của Luật này. Đồng thời thông báo cho đương sự biết, hướng dẫn người được thi hành án thực hiện thủ tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án Việt Nam, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài.</i> <i>2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự nhận được khoản tiền do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chuyển giao mà số tiền, tài sản đó do phạm tội mà có và đã được xác định theo bản án, quyết định về hình sự thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tiền, tài sản cơ quan đó có trách nhiệm chuyển giao số tiền đó cho cơ quan thi hành án đang tổ chức thi hành để thi hành án theo quy định.</i>		thi hành án chủ động trong trường hợp tài sản ở nước ngoài khi cơ quan thi hành án là người yêu cầu cần phải có quy trình thực hiện riêng, bởi lẽ, việc thu hồi tài sản trong các vụ việc này không đơn giản thực hiện thông qua TTTP về dân sự mà phải thực hiện qua kênh TTTP về hình sự hoặc hợp tác thu hồi tài sản tham nhũng theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Quy định tại Điều 153 đã mở ra hướng giải quyết đối với trường hợp tài sản thi hành án ở nước ngoài, người phải THA có điều kiện thi hành án ở nước ngoài, theo đó Chấp hành viên hướng dẫn đương sự làm thủ tục công nhận và cho thi hành (CN&CTH) tại nước ngoài bản án, quyết định dân sự của Tòa án Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này chỉ có thể áp dụng đối với trong trường hợp: (i) bản án, quyết định dân sự hoặc phân quyết định dân sự trong bản án hình sự, hành chính của Tòa án Việt Nam và (ii) vụ việc thi hành án theo yêu cầu. Còn đối với trường hợp (i) tài sản thi hành án là tiền do phạm tội mà có, hình phạt tiền trong bản án hình sự của tòa án Việt Nam – trường hợp này phải thực hiện thông qua TTTP hình sự hoặc qua kênh hợp tác thu hồi tài sản tham nhũng hoặc (ii) vụ việc thi hành án chủ động. Do đó, cần có quy định xác định nghĩa vụ thực hiện yêu cầu CN&CTH bản án, quyết định của tòa án Việt Nam ở nước ngoài trong trường hợp này.	chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.	
Điều 154. Tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án (điều 181)	Vụ Pháp luật Quốc tế	Đề nghị rà soát, dùng thuật ngữ TTTP, không dùng thuật ngữ UTTP để thống nhất	Tiếp thu	

1. Việc yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án, việc tiếp nhận và xử lý ủy thác tư pháp về thi hành án của nước ngoài trong quá trình thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp. 2. Cơ quan thi hành án dân sự có yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án phải lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.		với Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (ví dụ khoản 1, Điều 154).		
Chương V THI HÀNH ÁN TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP				
Mục 1 THI HÀNH KHOẢN TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC; TIÊU HUỖ TÀI SẢN; HOÀN TRẢ TIỀN, TÀI SẢN, XỬ LÝ TÀI SẢN, TÀI KHOẢN KẾ BIÊN, PHONG TỎA, TẠM DỪNG DỊCH CHUYỂN TRONG BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ; CÁC KHOẢN THU KHÁC CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
Điều 155. Chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ kèm theo bản án, quyết định (Điều 122) 1. Vật chứng, tài sản tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự do yêu cầu phục vụ việc xét xử mà chưa được chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự tại thời điểm Tòa án chuyển giao bản án, quyết định. 2. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được tiến hành tại kho của cơ quan thi hành án dân sự. Bên giao có trách nhiệm vận chuyển vật chứng, tài sản tạm giữ đến kho của cơ quan thi hành án dân	Cục Bến Tre	Tại Khoản 2 đề xuất bổ sung nội dung: “ <i>Khi giao vật chứng là vũ khí quân dụng thì tiến hành tại kho của cơ quan quân sự cùng cấp</i> ”.	Nghiên cứu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Khoản 4 Điều 155 dự thảo Luật bổ sung quy định “ <i>Kho vật chứng được bố trí lực lượng cảnh sát nhân dân hoặc lực lượng bảo vệ chuyên trách theo quy định</i> ”. Tuy nhiên, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo có thuyết minh, đánh giá cụ thể về việc quy định “lực lượng bảo vệ chuyên trách” có làm phát sinh biên chế, tổ chức bộ máy, ngân sách,... hay	Tiếp thu, đã chỉnh lý lại cho phù hợp	

sự. 3. Việc tiếp nhận tài sản phải có sự tham gia đầy đủ của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, thủ kho, kế toán. 4. <i>Vật chứng trong vụ việc thi hành án dân sự được bảo vệ, quản lý, xử lý theo quy định. Kho vật chứng được bố trí lực lượng canh sát nhân dân hoặc lực lượng bảo vệ chuyên trách theo quy định. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn, chế độ bảo vệ đối với vật chứng thi hành án dân sự.</i>	Bộ Quốc phòng	không. Tại khoản 2 Điều 155, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Thi hành án dân sự hiện hành. Lý do: Phù hợp thực tiễn quản lý vật chứng, tài sản trong thi hành án dân sự.	Nghiên cứu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Điều 156. Thủ tục tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ (Điều 123)-Giữ nguyên Việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được tiến hành theo thủ tục sau đây: 1. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp nhận, kiểm tra hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ và nhập kho thi hành án. Việc giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ phải được lập biên bản ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm giao nhận; số lượng, chủng loại, hiện trạng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ, có so sánh với biên bản thu giữ ban đầu của cơ quan Công an hoặc Tòa án. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận tài sản đủ và đúng với hiện trạng ghi trong biên bản thu giữ ban đầu. Trong trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ giao, nhận đã bị thay đổi so với biên bản thu giữ ban đầu thì Thủ trưởng cơ quan bên giao, bên nhận có trách nhiệm kiểm tra, kết luận và cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận khi đã được các cơ quan có thẩm quyền làm rõ về những thay đổi đó. Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ phải có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, chữ ký của người đại diện và dấu của	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 1: đề nghị xem xét việc quy định “nếu có” ở cuối đoạn thứ 2 để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi. Tương tự xem xét tại khoản 4 Điều 157 dự thảo	Nghiên cứu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 1 Điều 156, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“1. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp nhận, kiểm tra hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ và nhập kho thi hành án. Việc giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ phải được lập biên bản ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm giao nhận; số lượng, chủng loại, hiện trạng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ, có so sánh với biên bản thu giữ ban đầu của cơ quan tiền hành tố tụng. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận ...”.</i>	Nghiên cứu quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản quy định chi tiết	

cơ quan bên giao, nếu có. 2. Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ được bàn giao dưới hình thức gói niêm phong, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận khi có kết quả giám định rõ số lượng, chủng loại, chất lượng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ trong gói niêm phong đó của cơ quan có thẩm quyền. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ là các chất ma túy, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận dưới hình thức gói niêm phong kèm theo kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền. Khi giao, nhận phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của vật chứng, tài sản được niêm phong, có chữ ký của bên giao, bên nhận. Trường hợp niêm phong bị rách hoặc có dấu hiệu khả nghi trên đó thì cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận khi có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền.				
Điều 157. Thi hành biện pháp tịch thu vật, tài sản không phải là tiền (điều 124) 1. Đối với <i>vật, tài sản mà</i> bản án, quyết định tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước thì trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i>, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cơ quan tài chính cùng cấp <i>hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi tài sản tịch thu, sung công đang được bảo quản về quyết định thi hành án và thời gian, địa điểm tiến hành bàn giao tài sản tịch thu, sung công</i>. Đối với tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do cơ quan thi hành án cấp quân khu thi hành thì <i>thông báo</i> cho cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở. 2. Trong thời hạn <i>07 ngày</i>, kể từ ngày <i>thông báo</i>, cơ quan THADS phải tiến hành bàn giao tài sản tịch thu, sung công cho cơ quan tài chính cùng cấp hoặc	Cục Băng Cao	- Khoản 2: Đề xuất bổ sung cụm từ “văn bản niêm phong” vào quy định, thành: “Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ được bàn giao dưới hình thức gói niêm phong, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận khi có văn bản niêm phong, kết quả giám định rõ số lượng, chủng loại, chất lượng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ trong gói niêm phong đó của cơ quan có thẩm quyền. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ là các chất ma túy, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận dưới hình thức gói niêm phong kèm theo kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền...”.	Tiếp thu, xây dựng văn bản quy định chi tiết	
	Cục Giang Bắc	Đề nghị giữ nguyên thời hạn thông báo theo Luật hiện hành, không nên tách thành 3 ngày và 7 ngày như Dự thảo	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
	Văn phòng	Khoản 2, đề nghị chỉnh lý như sau: “Trong	Nghiên cứu, tiếp	

cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi tài sản tịch thu, sung công đang được bảo quản. Đối với tài sản tịch thu, sung công do cơ quan thi hành án cấp quân khu thi hành thì chuyển cho cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở. Trường hợp số lượng tài sản tịch thu, sung công lớn, hoặc do khoảng cách địa lý thì thời hạn bàn giao tài sản tịch thu, sung công không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án. 3. Khi chuyển giao vật, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước phải kèm theo quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự sao y bản chính. 4. Việc chuyển giao vật, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự uỷ quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan tài chính. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được lập biên bản, mô tả cụ thể thực trạng vật chứng, tài sản tạm giữ, có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, nếu có. 5. Trường hợp quyết định tịch thu vật, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai sót và đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tịch thu thì cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan tài chính đã thực hiện sung quỹ nhà nước để làm thủ tục hoàn trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. 6. Chi phí xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tước tịch thu, sung quỹ nhà nước do cơ quan tài	Bộ Tư pháp	thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thông báo, cơ quan thi hành án dân sự phải tiến hành bàn giao tài sản tịch thu, sung công cho cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi tài sản tịch thu, sung công đang được bảo quản phải tiến hành tiếp nhận tài sản tịch thu, sung công do cơ quan thi hành án dân sự bàn giao. Đối với tài sản tịch thu, sung công do cơ quan thi hành án cấp quân khu thi hành thì chuyển cho cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở. Trường hợp số lượng tài sản tịch thu, sung công lớn, hoặc do khoảng cách địa lý thì thời hạn bàn giao tài sản tịch thu, sung công không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án”.	thu xây dựng văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 2 Điều 157, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: “2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thông báo, cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi tài sản tịch thu, sung công đang được bảo quản phải tiếp nhận tài sản tịch thu, sung công do cơ quan thi hành án dân sự bàn giao. Đối với tài sản tịch thu, sung công do cơ quan thi hành án trong Quân đội thi hành thì chuyển cho cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án có trụ sở. Trường hợp số lượng tài sản tịch thu, sung công lớn, hoặc do khoảng cách địa lý thì thời hạn bàn giao tài sản tịch thu, sung công không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án”.	Nghiên cứu, tiếp thu xây dựng văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Tài chính	Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công	Dự thảo Luật	

<i>chính nơi nhận vật chứng, tài sản tạm giữ chi trả theo quy định của pháp luật.</i>		(Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ) đã có quy định cụ thể về quản lý, xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về THADS; theo đó, đã quy định cụ thể về: (i) Trách nhiệm bảo quản tài sản; (ii) Hình thức xử lý tài sản; (iii) Trình tự, thủ tục lập phê duyệt phương án xử lý tài sản; (iv) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản; (v) Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; (vi) Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản. - Luật THADS năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại các năm 2014, 2018, 2020, 2022) có quy định về việc xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án, bị tịch thu (Điều 124). Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, đánh giá các quy định liên quan đến vấn đề này để rà soát các nội dung của dự thảo Luật THADS (sửa đổi) để phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, trong đó có pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; theo đó cơ quan THADS chủ trì xử lý đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu, không cần phải chuyển sang cơ quan Tài chính.	NSNN sửa đổi đã được CP thông qua đã bỏ quy định về trích lại một phần số phí thu được của cơ quan nhà nước, nên Tổ biên tập (Ban soạn thảo) đã đưa nội dung đó ra khỏi dự thảo Luật	
	Cục Hà Tĩnh	Về nội dung này đề nghị sửa đổi theo hai hướng: Một là: Giao cho cơ quan thi hành án phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp xử lý tài	Nghiê cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

		sản và nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Lý do: Cơ quan tài chính không có kho để bảo quản tài sản nên sau khi nhận tài sản phải gửi lại tại kho của cơ quan thi hành án. Việc gửi trong thời gian dài ảnh hưởng đến việc bảo quản vật chứng tại kho. Mặt khác, cơ quan tài chính thường chậm xử lý tài sản sau khi tiếp nhận dẫn đến việc tài sản bị sụt giảm, không còn giá trị. Hai là: Giữ nguyên theo dự thảo nhưng sửa đổi khoản 2 như sau: <i>Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan THADS phải tiến hành bàn giao tài sản tịch thu, sung công cho cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi tài sản tịch thu, sung công đang được bảo quản. Hết thời hạn nêu trên nếu cơ quan tài chính không nhận thì cơ quan thi hành án thực hiện việc sung công theo Điều 120, Điều 122, Điều 123 Luật này.</i>		
Điều 158. Tịch thu tài sản là tiền (điều mới) <i>Trường hợp thi hành khoản tịch thu tài sản là tiền thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được tiền, cơ quan thi hành án dân sự nộp tiền vào ngân sách nhà nước.</i>	Cục Băng	Đề xuất bổ sung cụm từ "...và có quyết định thi hành án", thành: "Trường hợp thi hành khoản tịch thu tài sản là tiền thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được tiền và có quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự nộp tiền vào ngân sách nhà nước". Vì trên thực tế nhiều khoản tiền tịch thu sẽ được cơ quan Điều tra chuyển đến cơ quan thi hành án ngay khi kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ sang cơ quan xét xử.	Nghiên cứu, tiếp thu xây dựng văn bản quy định chi tiết	
	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu rút ngắn thời hạn nộp tiền vào ngân sách nhà nước (có thể từ 3 ngày) nhằm đảm bảo khoản	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

	luật	tiền đó không bị sử dụng sai mục đích.		
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Điều này quy định về Tịch thu tài sản là tiền như sau: <i>Trường hợp thi hành khoản tịch thu tài sản là tiền thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được tiền, cơ quan thi hành án dân sự nộp tiền vào ngân sách nhà nước.</i> Để thống nhất trong quy định đề nghị Tổ soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm trường hợp Quyết định tịch thu tài sản là tiền đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện sai sót tương tự như khoản 5 Điều 157 của Dự thảo.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Điều 159. Tiêu hủy vật chứng, tài sản (Điều 125) <i>1. Việc tiêu hủy vật chứng, tài sản được thực hiện bằng hình thức đốt cháy, đập vỡ, chôn lấp hoặc bằng hình thức phù hợp khác. Trường hợp tiêu hủy các loại hóa chất độc hại hoặc các vật chứng, tài sản khác mà cần thiết phải có trang thiết bị chuyên dùng thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký hợp đồng với cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện tiêu hủy vật chứng, tài sản để thực hiện việc tiêu hủy bảo đảm an toàn không ảnh hưởng đến môi trường nơi tiêu hủy.</i> <i>Đối với vật chứng, tài sản sau khi tiêu hủy nhưng vẫn có giá trị thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản có sự tham gia của hội đồng tiêu hủy và Viện kiểm sát cùng cấp. Tiền thu được phải được nộp vào ngân sách nhà nước.</i> <i>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo bản án, quyết định, trừ trường hợp việc vật chứng, tài sản phải ký</i>	Cục Cao Bằng	-Đề xuất bổ sung nội dung “Chính phủ quy định chi tiết điều này”.	Tiếp thu	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bắc Giang; Cục Bình Phước	đề xuất bỏ đoạn “ <i>Đối với vật chứng, tài sản sau khi tiêu hủy nhưng vẫn có giá trị thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản có sự tham gia của hội đồng tiêu hủy và Viện kiểm sát cùng cấp. Tiền thu được phải được nộp vào ngân sách nhà nước.</i> ” <i>Lý do:</i> Chấp hành viên không có cơ sở để xác định xem vật chứng, tài sản có còn giá trị hay không. Bên cạnh đó, việc tiêu hủy vật chứng, tài sản là thẩm quyền của hội đồng tiêu hủy, nhưng Chấp hành viên lại là người xác định xem vật chứng, tài sản tiêu hủy có còn giá trị hay không là chưa phù hợp.	Tiếp thu	
	Cục Bến Tre	<i>Tại khoản 2 đề xuất sửa đổi nội dung như sau: “Đối với vật chứng, tài sản sau khi tiêu hủy nhưng vẫn có giá trị lớn thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay”.</i>	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

<i>hợp đồng với cơ quan đủ điều kiện tiêu hủy.</i> Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản gồm Chấp hành viên là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp là thành viên, đại diện cơ quan chuyên môn tham gia Hội đồng khi cần thiết. <i>Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thực hiện việc tiêu hủy vật chứng, tài sản trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được thành lập, trừ trường hợp pháp luật quy định phải tiêu hủy ngay.</i> 3. Trường hợp phải ký hợp đồng tiêu hủy với cơ quan, tổ chức có chức năng, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự phải ký hợp đồng với cơ quan, đơn vị có chức năng tiêu hủy. Trường hợp phải đấu thầu thì việc lựa chọn được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. <i>Việc tiêu hủy phải được thực hiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tổ chức giám sát việc tiêu hủy.</i> 4. Viện kiểm sát cùng cấp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tiêu hủy vật chứng, tài sản.	Bộ Quốc phòng	<i>Tại khoản 1 Điều 159, đề nghị bổ sung quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để đảm bảo thuận lợi trong tổ chức thực hiện khi quy định:</i> <i>“Đối với vật chứng, tài sản sau khi tiêu hủy nhưng vẫn có giá trị thì Chấp hành viên phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản có sự tham gia của hội đồng tiêu hủy và Viện kiểm sát cùng cấp. Tiền thu được phải được nộp vào ngân sách nhà nước”.</i>	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Điều 160. Trả lại tiền, tài sản cho đương sự (Điều 126) <i>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự gửi quyết định thi hành án và thông báo bằng văn bản cho đương sự thời gian, địa điểm, phương thức nhận tiền, tài sản.</i> <i>2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự có trách nhiệm nhận tiền, tài sản được trả lại theo quyết định của cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp người được trả tiền, tài sản đồng thời là người</i>	Cục Cao Băng	- Khoản 6: Chưa quy định trường hợp không xác định được địa chỉ của người được trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự nên không thông báo được việc nhận giấy tờ. Đề xuất đối với trường hợp này sẽ giao cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-Khoản 3, Khoản 4: + Đề nghị sửa cụm từ “<i>tiết kiệm không kỳ hạn</i>” thành “<i>tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn</i>”. Lý do: Theo quy định tại khoản 27	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

phải thi hành nghĩa vụ trả tiền không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án. 3. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà <i>người được nhận tiền</i> không đến nhận tiền hoặc không cung cấp số tài khoản nhận tiền thì Chấp hành viên gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho <i>người đó biết</i>. <i>Trường hợp tiền trả lại là ngoại tệ mà ngân hàng từ chối nhận tiền gửi tiết kiệm thì Thủ trưởng cơ quan quyết định việc chuyển đổi ngoại tệ thành tiền Việt Nam để gửi tiết kiệm</i>. 4. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo nhưng đương sự không đến nhận tài sản mà không có lý do chính đáng thì Chấp hành viên xử lý tài sản theo quy định tại các điều 120, 121, 123 Luật này (điều 98, 99 và 101 hiện hành về <i>định giá, bán tài sản</i>) theo quy định của Luật này và gửi số tiền thu được sau khi trừ đi chi phí xử lý tài sản theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn, đồng thời thông báo cho <i>người được nhận tài sản</i>. Đối với tài sản không bán được hoặc bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiêu hủy và tổ chức tiêu hủy tài sản theo quy định tại Điều ... của Luật này. 5. <i>Hết thời hạn 6 tháng kể từ ngày gửi tiết kiệm, Chấp hành viên thông báo bằng văn bản cho đương sự biết về việc nhận tiền thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ và sau hai lần thông báo mà đương sự không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà</i>		Điều 4, Điều 107 Luật Các TCTD năm 2024 và điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm không có hình thức “<i>tiết kiệm không kỳ hạn</i>” mà chỉ có hình thức “<i>tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn</i>”. + Đề nghị quy định rõ “<i>Thủ trưởng cơ quan</i>” là Thủ trưởng cơ quan nào (Thủ trưởng cơ quan Ngân hàng hay Thủ trưởng cơ quan của Chấp hành viên).		
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 7: Đề nghị sửa lại theo hướng sau “7. <i>Trường hợp tài sản trả lại là tiền Việt Nam bị hư hỏng, <u>không đủ tiêu chuẩn lưu thông</u> do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Ngân hàng nhà nước <u>đổi tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông</u> có giá trị tương đương để trả cho đương sự</i>”. Lý do: + Bỏ cụm từ “<i>ngoại tệ</i>”: Vì hiện NHNN không có quy định đổi tiền ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông cho khách	Tiếp thu, quy định tại văn bản quy định chi tiết	

nước và kết thúc việc thi hành án. Trường hợp, sau khi tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước, đương sự chứng minh được lý do chính đáng dẫn đến không thể nhận tiền, tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục thoái thu theo quy định của pháp luật.

6. Đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì Chấp hành viên thông báo bằng văn bản cho đương sự biết về việc nhận giấy tờ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ và sau hai lần thông báo mà đương sự không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì Chấp hành viên làm thủ tục chuyển cho cơ quan đã cấp các loại giấy tờ đó để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho đương sự biết, đồng thời ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này.

7. Trường hợp tài sản trả lại là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được do lỗi của các cơ quan tiền hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Ngân hàng nhà nước đổi tiền mới có giá trị tương đương để trả cho đương sự.

Đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được không do lỗi của các cơ quan tiền hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự mà đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự giao cho Ngân hàng nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp trả lại tiền, tài sản khác, Chấp hành viên thực theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

hàng (là các tổ chức, cá nhân).

+ Sửa cụm từ “không còn sử dụng được” thành “không đủ tiêu chuẩn lưu thông” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 25/2013/TT-NHNN ngày 02/12/2013 quy định về việc thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

+ Sửa cụm từ “đổi tiền mới” thành “đổi tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông”: Vì hiện NHNN không có quy định đổi tiền mới là tiền Việt Nam cho khách hàng đổi với tiền Việt Nam không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 25/2013/TT-NHNN ngày 02/12/2023 quy định về thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, ngoài NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch (là các đơn vị trực thuộc NHNN) còn có các đơn vị thu đổi khác như tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước. Do đó, đối với nội dung “... đề nghị Ngân hàng nhà nước đổi tiền...” đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung thêm đơn vị khác có chức năng thực hiện thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của pháp luật.

		+ Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu nội dung quy định “...do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự...” theo hướng khi cơ quan thi hành án dân sự đề nghị NHNN đổi tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông có giá trị tương đương để trả cho đương sự thì cần quy định ghi rõ tại văn bản đề nghị NHNN trong đó nội dung do lỗi (khách quan hay chủ quan) của tổ chức/cá nhân tại cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự để NHNN có cơ sở xử lý. + Về nội dung: “<u>Đối với tài sản là tiền Việt Nam...cơ quan thi hành án dân sự giao cho Ngân hàng nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.</u>” được hiểu là đối với tài sản là tiền Việt Nam bị hư hỏng không còn sử dụng được không do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự thì đương nhiên trả lại cho đương sự; theo đó, đương sự muốn đổi hay không đổi tài sản là tiền Việt Nam bị hư hỏng không còn sử dụng được là quyền của đương sự. Đây không phải trách nhiệm của NHNN, do đó đề nghị bỏ nội dung này hoặc sửa đổi nội dung này theo hướng không giao cho NHNN xử lý trường hợp này.		

	Cục Kiên Giang	Khoản 1 “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, ...” đề nghị sửa thành “Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, ...” Vì thời gian 03 ngày quá ngắn dễ vi phạm.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp tại văn bản quy định chi tiết.	
	UBND Thừa Thiên Huế	Việc Điều luật quy định thời hạn “ <i>6 tháng</i> ” là quá dài, ảnh hưởng đến tiến độ tổ chức thi hành án, chưa phù hợp với chính sách hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả thi hành án trong xây dựng Luật. Do đó, kiến nghị sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 160 của “Dự thảo 2” Luật THADS theo hướng giảm thời hạn như sau: “ <i>5. Hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày gửi tiết kiệm</i> ”	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
	Cục Hòa Bình	Đề điều chỉnh toàn diện các trường hợp có liên quan đến việc trả lại tiền, tài sản cho đương sự, đề nghị cần quy định cụ thể tại Luật sửa đổi thêm <u>trường hợp đương sự từ chối nhận tài sản hoặc đề nghị CHV thực hiện tiêu hủy tài sản do nhận thấy không còn giá trị.</u> Lý do: Đây là những trường hợp rất phổ biến liên quan đến người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù hoặc cư trú ở xa cơ quan THADS mà dự thảo Luật sửa đổi chưa đề cập đến.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
	Bộ Công thương	Khoản 4 Điều 160 Dự thảo Luật: Đề nghị bổ sung tên điều được tham chiếu tại cụm từ cuối cùng của khoản này.	Tiếp thu	
Điều 161. Xử lý tài sản mà bản án, quyết định	Bộ Quốc	Tại Điều 161, đề nghị sửa đổi, bổ sung và	Nghiên cứu, tiếp	

tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án (Điều 127) 1. Chấp hành viên thực hiện khảo sát hiện trạng tài sản đã bị tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án. 2. Trường hợp hiện trạng tài sản khớp với lệnh kê biên, biên bản kê biên và giấy tờ đăng ký (nếu có) thì thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát xong hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá. Trường hợp Chấp hành viên xác định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 120 Luật này (về định giá tài sản). Việc định giá lại được thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật này (về định giá lại).	phòng	viết lại như sau: a) Khoản 1 “1. Chấp hành viên thực hiện khảo sát hiện trạng tài sản đã bị tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án trong thời hạn 30 ngày, trường hợp khó khăn, phức tạp thì thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án”. Lý do: Phù hợp thực tiễn xử lý tài sản kê biên, đảm bảo tính khả thi. b) Khoản 2 “2. Trường hợp hiện trạng tài sản khớp với lệnh kê biên, biên bản kê biên và giấy tờ đăng ký (nếu có) và có kết luận của Viện kiểm sát theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 16 Luật này thì thực hiện như sau:	thu xây dựng văn bản quy định chi tiết	
b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá. Trường hợp Chấp hành viên bán đấu giá tài sản hoặc bán không qua thủ tục đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 123 Luật này (bán tài sản đã kê biên). 3. Trường hợp hiện trạng tài sản không khớp biên bản kê biên, lệnh kê biên, Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản, thì Chấp hành viên xử lý như sau: a) Đối với trường hợp thay đổi trước khi có lệnh kê biên, cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án giải thích, đình chính hoặc kiến nghị giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định; b) Đối với trường hợp thay đổi sau khi có lệnh kê biên thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo hiện trạng, trừ trường hợp phải xử lý theo pháp luật quản	Thanh tra Bộ Tư pháp	Dự thảo quy định về Xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án. Đề nghị Tổ soạn thảo bổ sung thêm quy định về thỏa thuận tổ chức thẩm định giá của các đương sự.		Dự thảo đã đổi tên điều, xác định tài sản được tuyên kê biên trong bản án hình sự. Đương sự không được thỏa thuận tổ chức thẩm định giá mà cơ quan THADS

lý chuyên ngành; c) Trường hợp tài sản kê biên là quyền sử dụng đất có chênh lệch về diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.				thực hiện ngay theo quyết định xử lý tài sản của Tòa án
4. Trường hợp tài sản đã bị tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án là tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác hoặc có phát sinh tranh chấp, Chấp hành viên thông báo cho người phải thi hành án, người sở hữu chung và người có tranh chấp về quyền yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà người phải thi hành án, người sở hữu chung, người có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án, thì việc xử lý tài sản kê biên được thực hiện theo Quyết định của Tòa án. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà người phải thi hành án, người sở hữu chung, người có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc không khởi kiện tại Tòa án thì Chấp hành viên xử lý toàn bộ tài sản đã được tuyên kê biên để thi hành án. 5. Các thủ tục khác liên quan đến việc xử lý tài sản thực hiện theo quy định của Luật này.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Điểm c khoản 1 đề nghị sửa đổi thành: “Trường hợp tài sản kê biên là quyền sử dụng đất có chênh lệch về diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thực hiện kê biên theo diện tích ghi trên giấy chứng nhận đã cấp”	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Điều 162. Xử lý tài khoản mà bản án, quyết định tuyên phong tỏa để bảo đảm thi hành án (Điều mới) 1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết	Thanh tra Bộ Tư pháp	Dự thảo quy định về Xử lý tài khoản mà bản án, quyết định tuyên phong tỏa để bảo đảm thi hành án. Đề nghị Tổ soạn thảo quy định theo hướng rút ngắn thời gian ra Quyết định	Tiếp thu, nghiên cứu khi xây dựng văn bản quy định chi tiết	

<i>định thi hành án, Chấp hành viên phải ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản đã bị phong tỏa để thi hành án.</i> <i>2. Trường hợp có tranh chấp đối với tiền trong tài khoản, Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Điều 94 Luật này (về giải quyết tranh chấp- Điều 75 hiện hành).</i>		khấu trừ từ 10 ngày xuống còn 3 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án vì quy định 10 ngày là quá dài trong trường hợp này.		
Điều 163. Xử lý tài sản tòa án tuyên tạm dừng dịch chuyển để đảm bảo thi hành án (điều mới) <i>1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định thi hành án, Chấp hành viên tiến hành xác minh đối với tài sản bị Tòa án tuyên tạm dừng dịch chuyển để đảm bảo thi hành án.</i> <i>2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải ra quyết định kê biên để xử lý tài sản theo quy định.</i> <i>3. Việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Luật này. Trường hợp tài sản kê biên ở ngoài địa bàn thì cơ quan thi hành án dân sự ủy thác xử lý tài sản đến cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản.</i> <i>4. Trường hợp có tranh chấp đối với tài sản, Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại 94 Luật này (về giải quyết tranh chấp).</i> <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án thì Chấp hành viên phải ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng dịch chuyển.</i>				
Điều 164. Thu án phí, tiền phạt và các khoản phải thu khác đối với người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù (Điều 128) (Giữ nguyên)				

1. Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thu các khoản tiền, tài sản mà người phải thi hành án, thân nhân của người phải thi hành án nộp để thi hành án và chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự để xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp người phải thi hành án chuyển trại giam, trại tạm giam hoặc được đặc xá, được miễn chấp hành hình phạt tù hoặc chết thì Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người đó chấp hành hình phạt tù phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự.				
Điều 165. Thủ tục trả lại tiền, tài sản, giấy tờ cho người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù (Điều 129) 1. Chấp hành viên gửi thông báo, quyết định về việc nhận lại tiền, tài sản, <i>giấy tờ</i> cho người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thông qua Giám thị trại giam, trại tạm giam. Trường hợp người được thi hành án ủy quyền cho người khác nhận tiền, tài sản, <i>giấy tờ</i> thì văn bản ủy quyền phải có xác nhận của Giám thị trại giam, trại tạm giam. Chấp hành viên trả tiền, tài sản, <i>giấy tờ</i> cho người được ủy quyền. 2. Trường hợp người được thi hành án có yêu cầu và được nhận tiền, tài sản tại nơi đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của pháp luật thì Chấp hành viên gửi tiền, tài sản cho người đó thông qua Giám thị trại giam, trại tạm giam. Chi phí cho việc gửi tiền, tài sản do người được thi hành án chịu. Khi giao tiền, tài sản cho đương sự, Giám thị trại giam, trại tạm giam lập biên bản và gửi cho cơ quan thi hành án dân sự.	Cục Giang Bắc	Điều luật quy định thủ tục trả tiền, tài sản, giấy tờ nên đề nghị khoản 2, khoản 3 phải ghi rõ nhận tiền, tài sản, giấy tờ...	Tiếp thu	

3. Trường hợp người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù từ chối nhận lại tiền, tài sản bằng văn bản có xác nhận của Giám thị trại giam, trại tạm giam thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản để sung quỹ nhà nước hoặc tiêu hủy theo quy định của Luật này.				
Điều 166. Thi hành các khoản thu khác cho ngân sách nhà nước (điều mới) 1. Trường hợp bản án, quyết định tuyên khoản tiền tạm giữ để bảo đảm thi hành án, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án/kể từ ngày nhận được tiền, cơ quan thi hành án dân sự nộp tiền vào ngân sách nhà nước. 2. Trường hợp bản án tuyên phong tỏa tài khoản, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản. 3. Trường hợp bản án tuyên kê biên tài sản để bảo đảm thi hành án, thì Chấp hành viên thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 161 Luật này (Điều 127 hiện hành). 4. Trường hợp bản án tuyên tạm dừng dịch chuyển tài sản để bảo đảm thi hành án, thì Chấp hành viên thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 163 Luật này (về xử lý tài sản tòa án tuyên tạm dừng dịch chuyển). 5. Trường hợp chưa có tiền, tài sản tạm giữ, kê biên, tạm dừng dịch chuyển và tài khoản bị phong tỏa của để bảo đảm thi hành án, Chấp hành viên thực hiện: a) Xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án. Đối với trường hợp người phải thi hành	Cục Băng Cao	- Khoản 1: Đề xuất sửa đổi thành: “... trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án và kể từ ngày nhận được tiền, cơ quan thi hành án dân sự nộp tiền vào ngân sách nhà nước”.		Dự thảo đã bỏ nội dung này

<i>án là phạm nhân, Chấp hành viên xác minh cả điều kiện thi hành án của người phải thi hành án ở trại giam, trại tạm giam nơi người đó đang Chấp hành hình phạt tù.</i> <i>b) Áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này.</i> <i>c) Việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 161 Luật này (Điều 127 hiện hành).</i>				
Điều 167. Thủ tục thi hành nghĩa vụ buộc công khai xin lỗi của pháp nhân thương mại (điều mới) <i>1. Địa điểm và thành phần tham gia buổi xin lỗi được thực hiện theo thứ tự sau đây:</i> <i>a) Theo nội dung bản án tuyên;</i> <i>b) Theo đề nghị của người được thi hành án, trừ trường hợp đề nghị của người được thi hành án không liên quan đến nội dung buộc công khai xin lỗi.</i> <i>c) Tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được thi hành án cư trú hoặc đóng trụ sở. Thành phần tham gia buổi công khai xin lỗi gồm có đại diện các cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan khác</i> <i>2. Việc công khai xin lỗi được thực hiện theo trình tự sau đây:</i> <i>a) Chấp hành viên công bố quyết định thi hành án; thông báo thành phần tham gia buổi buộc công khai xin lỗi và trình tự thực hiện buộc công khai xin lỗi;</i> <i>b) Người phải thi hành án thực hiện công khai xin lỗi;</i> <i>c) Người được thi hành án trình bày ý kiến về lời xin lỗi;</i>				

d) Đại diện các thành phần tham dự buổi công khai xin lỗi phát biểu ý kiến nếu có.				
Mục 2 THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI				
Điều 168. Thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 130) 1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định thi hành án, Chấp hành viên thực hiện như sau: a) <i>Ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại các điều 146, 147, 148, 149 Luật này (điều 118, 119, 120 và 121 hiện hành) để thi hành quyết định về cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định; giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm đình chỉ quyết định sa thải người lao động; cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm hàng hóa khác; yêu cầu bảo tồn, cắt trừ, bán của một hoặc các bên tranh chấp.</i> Chấp hành viên <i>thông báo quyết định thi hành án, quyết định cưỡng chế cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;</i> b) <i>Ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm quy định tại các điều 83, 84, 85, 86 Luật này (điều 67, 68 và 69 hiện hành) để thi hành quyết định về cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.</i> Chấp hành viên <i>thông báo quyết định thi hành</i>	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Điểm d khoản 1 Điều 168 về thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị sửa đổi như sau: “d) Ra quyết định và thực hiện biện pháp cưỡng chế quy định tại các khoản 1, 2 Điều 91 Luật này (Điều 71 hiện hành) nếu người phải thi hành án có tiền hoặc thu nhập để thi hành quyết định về buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng; buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm; buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, <i>tiền bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động, tiền bồi thường bệnh nghề nghiệp cho người lao động</i> ; yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên. Trường hợp người phải thi hành án không có tiền, thu nhập mà có tài sản khác thì áp dụng biện pháp bảo đảm quy định tại các 83, 84, 85, 86 Luật này (điều 67, 68 và 69 hiện hành) và thông báo kết quả cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời;” để phù hợp với quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về đảm bảo chế độ, chính sách đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Chấp hành viên <i>thông báo quyết định thi hành</i>	Học viện Tư pháp	Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 168 đối với quy định	Tiếp thu, nghiên cứu xây dựng văn	

án, quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; c) Ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm quy định tại các Điều 84, 85 Luật này (điều 68, 69 hiện hành) và thực hiện việc kê biên để thi hành quyết định kê biên tài sản đang tranh chấp và thông báo kết quả cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; d) Ra quyết định và thực hiện biện pháp cưỡng chế quy định tại các khoản 1, 2 Điều 91 Luật này (điều 71 hiện hành) nếu người phải thi hành án có tiền hoặc thu nhập để thi hành quyết định về buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng; buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm; buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động; yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên. Trường hợp người phải thi hành án không có tiền, thu nhập mà có tài sản khác thì áp dụng biện pháp bảo đảm quy định tại các 83, 84, 85, 86 Luật này (điều 67, 68 và 69 hiện hành) và thông báo kết quả cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; 2. Trường hợp người phải thi hành án cư trú hoặc có tài sản ở địa phương khác thì tùy từng trường hợp cụ thể, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định uỷ thác cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người đó cư trú hoặc nơi có tài sản tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.		“cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm hàng hóa khác; bán của một hoặc các bên tranh chấp”. Lý do: Nếu áp dụng các điều 146, 147, 148, 149 (Điều 118, 119, 120 và 121 hiện hành) thì sẽ không đảm bảo tính tương thích của việc bán tài sản. Ban soạn thảo nghiên cứu để áp dụng luôn quy định về việc kê biên, bán tài sản thay vì áp dụng quy định tại các điều luật nói trên.	bản quy định chi tiết	

Điều 169. Thi hành quyết định thay đổi, áp dụng bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 131) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp nhận được quyết định thay đổi hoặc áp dụng bổ sung quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra ngay quyết định thi hành án, đồng thời thu hồi quyết định thi hành án đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã bị thay đổi. 2. Trường hợp quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bị thay đổi đã thi hành được một phần hoặc đã thi hành xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho Tòa án và giải thích cho đương sự quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.				
Điều 170. Đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 132) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ngay sau khi nhận được quyết định của Tòa án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi có quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Chấp hành viên làm thủ tục giải tỏa kê biên, trả lại tài sản, giải tỏa việc phong tỏa tài sản hoặc tài khoản của người có nghĩa vụ. 2. Trường hợp quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bị Tòa án hủy bỏ, nhưng cơ quan thi hành án dân sự đã thi hành được một phần hoặc thi hành xong thì việc giải quyết quyền lợi của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2				

Điều 169 Luật này (điều 131 hiện hành).				
Điều 171. Chi phí thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án (Điều 133) (Giữ nguyên) 1. Chi phí thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật này (điều 73 hiện hành). Trường hợp người yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng thì người đó phải thanh toán các chi phí thực tế do việc thi hành quyết định đó. Khoản tiền đặt trước được đối trừ, tài sản bảo đảm bị xử lý để thanh toán nghĩa vụ. 2. Trường hợp Tòa án tự mình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì chi phí thi hành án được thanh toán từ ngân sách nhà nước.				
Mục 3 THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM				
Điều 172. Thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Điều 134) (Giữ nguyên) Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà bản án, quyết định đó chưa thi hành hoặc đã thi hành được một phần thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án. Trường hợp bản án, quyết định đó đã thi hành xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho Tòa án đã ra quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự.				
Điều 173. Thi hành quyết định giám đốc thẩm	Học viện Tư	Căn nhắc quy định tại khoản 3 Điều 173.		Cơ quan

tuyên giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa (điều 135) 1. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm tuyên giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa thì việc thi hành được thực hiện theo quyết định giám đốc thẩm và bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa. 2. Đối với phần bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới không bị hủy, bị sửa mà chưa được thi hành thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án; nếu đã thi hành xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho Tòa án đã ra quyết định giám đốc thẩm, Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự. 3. <i>Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã thi hành được một phần hoặc toàn bộ thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án.</i> <i>Trường hợp Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không giải quyết hậu quả của việc thi hành án thì đương sự có thể thỏa thuận với nhau về việc hoàn trả tài sản, phục hồi lại quyền tài sản.</i> Trường hợp tài sản thi hành án là động sản phải đăng ký quyền sở hữu và bất động sản còn nguyên trạng thì cưỡng chế trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu. Trường hợp tài sản đã được chuyển dịch hợp pháp cho người thứ ba chiếm hữu ngay tình thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết	pháp	Lý do: Hiện nay trong thực tiễn thi hành án các cơ quan thi hành án dân sự đang gặp khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 135 Luật THADS, đặc biệt là không có căn cứ để thực hiện việc bồi hoàn giá trị tài sản (do không có bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản). Do đó, nên quy định theo hướng: Trường hợp Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không giải quyết hậu quả của việc thi hành án thì đương sự có thể thỏa thuận với nhau về việc hoàn trả tài sản, phục hồi lại quyền tài sản. Trường hợp đương sự không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không được thì cơ quan thi hành án dân sự có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại quyết định giám đốc thẩm.	THADS chỉ thi hành nội dung quyết định của Tòa án

định bị hủy, sửa hoặc tài sản thi hành án đã bị thay đổi hiện trạng thì chủ sở hữu tài sản ban đầu không được lấy lại tài sản nhưng được bồi hoàn giá trị của tài sản. Trường hợp có yêu cầu về bồi thường thiệt hại thì cơ quan ra bản án, quyết định bị hủy, sửa giải quyết theo quy định của pháp luật.				
Điều 174. Thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Giữ nguyên) 1. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại thì việc thi hành án được thực hiện theo bản án, quyết định sơ thẩm mới có hiệu lực pháp luật hoặc bản án phúc thẩm mới. 2. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã xét xử vụ án và đình chỉ giải quyết vụ án mà phần tài sản trong bản án, quyết định bị hủy đã thi hành được một phần hoặc đã thi hành xong thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Luật này (điều 135 hiện hành).				
Điều 175. Thi hành quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (điều mới) 1. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì việc thi hành được thực hiện theo quyết định giám đốc thẩm và bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị sửa một phần hoặc toàn bộ. 2. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái	Bộ Giao thông vận tải	Khoản 5: đề nghị rà soát lại dẫn chiếu Điều 135	Nghiên tiếp thu, quy định phù hợp.	

<i>thẩm tuyên sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã xét xử vụ án đã thi hành được một phần hoặc đã thi hành xong thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 135 của Luật này.</i>				
Mục 4 THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH VỀ PHÁ SẢN				
Điều 176. Tạm đình chỉ, đình chỉ và khôi phục thi hành án đối với người phải thi hành án là doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản (Điều 137) 1. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án thông báo về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ đối với các trường hợp thi hành về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án theo quy định tại Điều 63 Luật này (<i>về tạm đình chỉ thi hành án</i>) trừ trường hợp thi hành phần bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, trả lương cho người lao động; tài sản đã bán đấu giá và người mua trúng đấu giá đã nộp đủ tiền; xử lý tài sản bảo đảm đã được tuyên trong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho Tòa án đang giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản về kết quả thi hành án đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản. 2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với các khoản cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều này ngay sau khi				

nhận được quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản. <i>Sau khi ra quyết định đình chỉ thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chỉ đạo Chấp hành viên bàn giao cho Tòa án các tài liệu thi hành án có liên quan đến việc thi hành nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị lâm vào tình trạng phá sản.</i> Việc tiếp tục thi hành nghĩa vụ về tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án trong trường hợp này thực hiện <i>theo quyết định tuyên bố phá sản.</i> 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản hoặc đình chỉ thủ tục phục hồi kinh doanh, Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản phải gửi quyết định đó kèm theo toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ việc thi hành án về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án lâm vào tình trạng phá sản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản hoặc đình chỉ thủ tục phục hồi kinh doanh <i>do doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi kinh doanh</i>, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án và <i>ra quyết định</i> tiếp tục thi hành án đối với phần nghĩa vụ về tài sản còn phải thi hành và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành vụ việc theo quy định của Luật này.				
Điều 177. Trình tự thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản (điều mới)	Cao Bằng, Sóc Trăng;	Phương án 01: Lý do: Vì theo điều khoản cũ: Đối với tài sản	Nghiên cứu quy định phù hợp	

Phương án 1: (Do Chấp hành viên thi hành. Không có sự tham gia của Quản Tài viên) 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Chấp hành viên được phân công mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. 2. Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản phải thông báo cho chủ nợ, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó. 3. <i>Chấp hành viên thực hiện khảo sát hiện trạng tài sản đã tuyên xử lý trong quyết định tuyên bố phá sản để bảo đảm thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án.</i> 4. <i>Trường hợp hiện trạng tài sản đúng với quyết định tuyên bố phá sản và giấy tờ đăng ký (nếu có), thì:</i> a) <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát xong hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá.</i> <i>Trường hợp Chấp hành viên xác định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 120 Luật này (về định giá tài sản). Việc định giá lại được thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật này (về định giá lại).</i> b) <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá.</i> <i>Trường hợp Chấp hành viên bán đấu giá tài sản hoặc bán không qua thủ tục đấu giá thực hiện theo</i>	Cục Bắc Giang Quốc Bộ phòng Bộ Tài chính	bán, phải chuyển cho quản tài viên, sau hai năm nếu quản tài sản bán không được thì cũng giao lại cho cơ quan thi hành án bán. -Bộ Tài chính: Tại điểm a khoản 4 Phương án 01 của Điều 177 Dự thảo Luật THADS quy định: “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát xong hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá.</i>”; điểm c khoản 3 Phương án 02 của Điều 177 Dự thảo Luật THADS quy định: “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát xong hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá.</i>”. Như vậy, dự thảo Luật quy định thẩm định viên phải ký hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp thẩm định giá, tuy nhiên chưa tính đến trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá có quyền từ chối thực hiện dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 53 của Luật Giá 2023. Đề nghị có quy định bổ sung trong trường hợp không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá.		

quy định tại Điều 123 Luật này (điều 101 hiện hành). 5. Trường hợp hiện trạng tài sản không đúng với quyết định tuyên bố phá sản và giấy tờ đăng ký (nếu có), thì Chấp hành viên xử lý như sau: a) Đối với trường hợp thay đổi trước khi có quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án giải thích, đính chính hoặc Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị, kháng nghị (theo quy định tại Điều 112 và 113 Luật Phá sản). b) Đối với trường hợp thay đổi sau khi có quyết định tuyên bố phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo hiện trạng, trừ trường hợp phải xử lý theo pháp luật quản lý chuyên ngành. c) Trường hợp tài sản kê biên là quyền sử dụng đất có chênh lệch về diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai. 6. Đối với trường hợp xử lý tài sản do Chấp hành viên xác minh được để thi hành khoản thu hồi nợ cho doanh nghiệp thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý theo quy định của Luật này (quy định chung về kê biên, thẩm định giá, bán tài sản).				
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Khoản 1: Đề nghị làm rõ loại tài khoản mở này là tài khoản gì để đảm bảo phù hợp với các loại tài khoản quy định tại Luật các TCTD.	Nghiên cứu quy định phù hợp	
Phương án 2. (có sự tham gia của Quản Tài viên) 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày	Đồng Tháp, Văn phòng Bộ Tư pháp;	Phương án 02: Tuy nhiên, đối với phương án này, đề nghị Quý đơn vị tiếp tục phối hợp chặt chẽ với	Nghiên cứu quy định phù hợp	

được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phân công, Chấp hành viên mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của Luật Phá sản. 2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của Luật Phá sản và gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do cơ quan thi hành án dân sự mở để thi hành quyết định tuyên bố phá sản. <i>Việc thanh toán chi phí quản tài viên trong trường hợp này này do Chấp hành viên thực hiện theo quy định.</i> 3. Chấp hành viên thi hành phần tài sản liên quan đến thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, xử lý tài sản bảo đảm của người thứ ba trong quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. <i>Trình tự thủ tục thi hành được thực hiện như sau:</i> a). <i>Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản phải thông báo cho chủ nợ, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó.</i> b). <i>Chấp hành viên thực hiện khảo sát hiện trạng tài sản đã tuyên xử lý trong quyết định tuyên bố phá sản để bảo đảm thi hành án trong thời hạn 10 ngày</i>	Cục Bến Tre; Cục Quảng Trị; Cục Điện Biên; Cục Kiên Giang Ban Nội chính Trung ương UBND Thừa Thiên Huế Tòa án nhân dân tối cao	Cục Bổ trợ tư pháp để tiếp tục hoàn thiện các quy định theo phương án 2. -Ban Nội chính Trung ương: Chúng tôi tán thành phương án 2 là có sự tham gia của Quản Tài viên trong trình tự thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Phá sản 2014, Quản Tài viên là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản. Bởi vậy, Quản Tài viên là những người chuyên nghiệp, có chuyên môn, kinh nghiệm trong việc quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết phá sản sẽ hỗ trợ hiệu quả cho quá trình phá sản nói chung và cho việc thực hiện công việc của Chấp hành viên nói riêng. -Cục Quảng Trị: Tuy nhiên, đề nghị tăng thời gian thực hiện ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá và ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá của Chấp hành viên, bởi theo dự thảo là 05 ngày là quá ngắn, trong lúc Chấp hành viên phải thực hiện thủ tục lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá theo quy định. Đề xuất thời gian thực hiện là 10 ngày (sau khi trừ thời gian thông báo lựa chọn). - Tòa án nhân dân tối cao đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Phá sản (sửa đổi), theo đó, dự án Luật Phá sản (sửa đổi) sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp tháng 5/2025, thông qua tại	Tiếp thu	

kể từ ngày ra quyết định thi hành án.

c). Trường hợp hiện trạng tài sản đúng với quyết định tuyên bố phá sản và giấy tờ đăng ký (nếu có), thì:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát xong hiện trạng tài sản, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá. Trường hợp Chấp hành viên xác định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 120 Luật này (về định giá tài sản). Việc định giá lại được thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật này (về định giá lại).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá, Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá.

Trường hợp Chấp hành viên bán đấu giá tài sản hoặc bán không qua thủ tục đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 123 Luật này (điều 101 hiện hành).

d). Trường hợp hiện trạng tài sản không đúng với quyết định tuyên bố phá sản và giấy tờ đăng ký (nếu có), thì Chấp hành viên xử lý như sau:

Đối với trường hợp thay đổi trước khi có quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án giải thích, đình chính hoặc Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị, kháng nghị (theo quy định tại Điều 112 và 113 Luật Phá sản).

Đối với trường hợp thay đổi sau khi có quyết định tuyên bố phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo hiện trạng, trừ trường hợp phải xử lý theo pháp luật quản lý chuyên ngành.

Trường hợp tài sản kê biên là quyền sử dụng đất có chênh lệch về diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

kỳ họp tháng 10/2025. Tòa án nhân dân tối cao đã đề nghị quy định về thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, xây dựng thủ tục giải quyết vụ việc phá sản trong dự án luật này. Vì vậy, đề nghị quý Cơ quan cân nhắc trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật THADS (sửa đổi) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật

đ. Đối với trường hợp xử lý tài sản do Chấp hành viên xác minh được để thi hành khoản thu hồi nợ cho doanh nghiệp thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý theo quy định của Luật này (quy định chung về kê biên, thẩm định giá, bán tài sản).				
Mục 5. THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH KHÁC				
Điều 178. Thi hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án (điều mới) 1. Khi nhận được yêu cầu thi hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án, cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Tòa án, cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về việc hết thời hạn theo quy định mà không có người đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đó hoặc có nhưng đã có quyết định giữ nguyên quyết định đó. 2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án khi nhận được văn bản về việc Tòa án thụ lý giải quyết đề nghị hoặc văn bản kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. 3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án khi có quyết định hủy quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án. 4. Trình tự, thủ tục thi hành án thực hiện theo quy định tại Luật này.	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	- Tại khoản 1 Điều 178 Dự thảo Luật đề nghị sửa đổi: “1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu khi đã nhận được quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án và văn bản thông tin về việc hết thời hạn theo quy định mà không có người đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đó hoặc có nhưng đã có quyết định giữ nguyên quyết định đó.” Lý do: Việc yêu cầu thi hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án là quyền lợi của đương sự, đương sự có trách nhiệm liên hệ Tòa án để được cung cấp văn bản thông tin về việc hết thời hạn theo quy định mà không có người đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đó hoặc có nhưng đã có quyết định giữ nguyên quyết định đó.		Dự thảo đã bỏ điều này, việc thi hành Quyết định này được thực hiện theo thủ tục chung.
	Cục Bến Tre	Đề xuất bỏ điều luật này	Tiếp thu	
Điều 179. Thi hành phán quyết trọng tài thương mại (điều mới) 1. Khi nhận được yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài thương mại, cơ quan thi hành án dân sự có văn bản đề nghị Tòa án, cơ quan có thẩm quyền	Bộ Thông tin và Truyền thông	đề nghị thay cụm từ “ <i>cơ quan THADS có văn bản</i> ” bằng cụm từ “ <i>cơ quan THADS tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết có văn bản...</i> ” để làm rõ hơn về cơ quan THADS có		Dự thảo đã bỏ điều này, việc thi hành Phán quyết

<i>cung cấp thông tin về điều kiện thi hành phán quyết trọng tài theo quy định của Luật Trọng tài thương mại.</i>		thẩm quyền tổ chức thi hành phán quyết và phù hợp với khoản 1 Điều 8 Luật TTTM.		được thực hiện theo thủ tục chung.
2. Trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung tuyên không thể thi hành, không phù hợp với thực tế thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định chưa có điều kiện thi hành sau khi thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Chấp hành viên thông báo cho các đương sự để thỏa thuận hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. 3. Trình tự, thủ tục thi hành án thực hiện theo quy định tại Luật này.	Hội Luật gia Việt Nam	Kiến nghị sửa vào Dự thảo (phần chữ in nghiêng): Điều 179. Thi hành phán quyết trọng tài thương mại Việt Nam (điều mới) Nhằm nâng cao hiệu quả thi hành phán quyết trọng tài, Hội Luật gia Việt Nam đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi Điều 179 dự thảo như sau: 1. Khi nhận được yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài vụ việc, cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu bên yêu cầu thi hành án cung cấp thông tin về việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc theo quy định của Luật Trọng tài thương mại. (Lý do: đưa điều kiện về đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc về thành một thủ tục trong quá trình yêu cầu thi hành án dân sự). 2. Khi nhận được yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền hoặc yêu cầu bên phải thi hành án hoặc bên yêu cầu thi hành án cung cấp thông tin về việc Tòa án có đang thụ lý, giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không để làm căn cứ ra quyết định thi hành án dân sự. (Lý do: Mở rộng các nguồn để cơ quan THADS có thể có được thông tin về việc liệu phán quyết trọng tài có đang được Tòa án thụ lý xem xét đơn yêu cầu hủy hay không, các		Dự thảo đã bỏ điều này, việc thi hành Phán quyết được thực hiện theo thủ tục chung.

		nguồn bao gồm: Cơ quan THADS chủ động hỏi Tòa án có thẩm quyền; hoặc Cơ quan THADS có thể yêu cầu bên phải thi hành án (nếu đang chống lại việc thi hành án) phải cung cấp bằng chứng rằng họ đang yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án; hoặc Cơ quan THADS cũng có thể yêu cầu bên đang yêu cầu thi hành án cung cấp thông tin về việc phán quyết trọng tài đang không nằm trong thủ tục xem xét Đơn yêu cầu hủy tại Tòa án. Việc mở rộng các nguồn thông tin cho phép Cơ quan THADS chủ động và linh hoạt áp dụng đối với từng vụ việc, tăng tính hiệu quả của thi hành phán quyết trọng tài thương mại). 3. Trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung tuyên chưa rõ hoặc không thể thi hành, không phù hợp với thực tế thì <i>cơ quan thi hành án dân sự có văn bản yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích hoặc cung cấp văn bản sửa chữa, bổ sung sửa chữa, bổ sung quyết định, phán quyết trọng tài.</i> <i>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan thi hành án hoặc đương sự, Hội đồng Trọng tài có ý kiến trả lời bằng văn bản. Nếu hết thời hạn nêu trên mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được trả lời thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định chưa có điều kiện thi hành sau khi thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</i> (Lý do: Tham khảo Khoản 2 Điều 224 nêu ra trách nhiệm của cơ quan đã ra bản án, quyết		

		định phải làm rõ, sửa chữa, bổ sung nội dung bản án, quyết định để hỗ trợ cho quá trình thi hành án dân sự. Đối với phán quyết trọng tài thì các cá nhân (trọng tài viên, hội đồng trọng tài), tổ chức (trung tâm trọng tài) sẽ là người có thể cung cấp các thông tin làm rõ, sửa chữa, bổ sung nội dung quyết định, phán quyết trọng tài để hỗ trợ quá trình thi hành phán quyết trọng tài. Do đó, đề xuất có quy định tương tự Khoản 2 Điều 224 Dự thảo để việc thi hành phán quyết trọng tài được thuận lợi hơn). 4. Chấp hành viên thông báo cho các đương sự để thỏa thuận hoặc <i>đề nghị trọng tài</i> giải quyết theo quy định pháp luật. (Lý do: Do phán quyết trọng tài được lập trên cơ sở một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và có thể thực hiện được, nên thẩm quyền giải quyết các tranh chấp nếu có đối với nội dung này thuộc về trọng tài).		
Điều 180. Thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh (điều mới) 1. Việc yêu cầu thi hành án của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia thực hiện theo quy định của Luật cạnh tranh và Luật này. 2. Khi chuyển giao hoặc yêu cầu thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Ủy ban cạnh tranh quốc gia có trách nhiệm cung cấp tài liệu về thông tin xác nhận quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh không bị khiếu nại hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của Luật Cạnh tranh.	Bộ Công thương	Tại khoản 2 Điều 180 Dự thảo Luật đề nghị bỏ cụm từ “xác nhận” và sửa lại cụ thể như sau: “<i>Ủy ban Cạnh tranh quốc gia có trách nhiệm cung cấp tài liệu về thông tin quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh không bị khiếu nại hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của Luật Cạnh tranh</i>”.		Dự thảo đã bỏ quy định này, đã lồng ghép nội dung vào các điều khoản phù hợp

3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra Thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh giữ nguyên quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. 4. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định đình chỉ thi hành án trong trường hợp: Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hủy quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. 5. Người có thẩm quyền ra quyết định về thi hành án ra quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. 6. Trình tự, thủ tục thi hành thực hiện theo quy định tại Luật này.				
Chương VI KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ KHÁNG NGHỊ VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ				
Mục 1 KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Thanh tra Chính phủ	Trong quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, Thủ trưởng cơ quan THADS, Chấp hành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp đặc thù hoạt động THADS	

		mình có thể ban hành quyết định hành chính hoặc thực hiện nhiều hành vi hành chính liên quan đến cưỡng chế, kê biên, phong tỏa tài khoản, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, xử phạt vi phạm hành chính...Các quyết định hành chính, hành vi hành chính này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của các đương sự nên trong nhiều trường hợp bị khiếu nại. Dự thảo đã có những quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, Thanh tra Chính phủ nhận thấy, Dự thảo chưa quy định quyền được khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình là không phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố tụng hành chính; làm giảm quyền lựa chọn của người khiếu nại khi cần có một cơ chế xem xét, giải quyết độc lập, khách quan, minh bạch đó là thông qua thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị bổ sung quyền khởi kiện vụ án hành chính của người khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích của người khiếu nại, đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật		
Điều 181. Quyền khiếu nại về thi hành án (điều 140) (Giữ nguyên) 1. Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp	Cục Bình	Hòa	Đề nghị bổ sung thành khoản 3 Điều 181 dự thảo Luật: <u>Những trường hợp không áp dụng thời hiệu khiếu nại.</u> Lý do: Do pháp luật hiện hành chưa quy định đối với những hành vi của Chấp hành viên như chậm tổ chức thi hành án, chậm xác minh	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.

pháp của mình. 2. Thời hiệu khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên như sau: a) Đối với quyết định, hành vi về thi hành án trước khi áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc biết được hành vi đó; b) Đối với quyết định về áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định; Đối với quyết định, hành vi về áp dụng biện pháp bảo đảm khác là 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc biết được hành vi đó; c) Đối với quyết định, hành vi về áp dụng biện pháp cưỡng chế là 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc biết được hành vi đó; d) Đối với quyết định, hành vi sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế là 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc biết được hành vi đó. Trường hợp do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hạn khiếu nại. Lần khiếu nại tiếp theo, thời hiệu là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền.		điều kiện thi hành án, chưa xác minh đầy đủ điều kiện thi hành án... thì không xác định được thời hiệu khiếu nại.			
	Cục Giang	Bắc	Đề nghị tách khoản 2 Điều 181 thành một điều riêng quy định về thời hiệu khiếu nại	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Điều 182. Đại diện thực hiện khiếu nại về thi hành án (Điều mới) 1. Người khiếu nại có thể tự mình khiếu nại hoặc ủy quyền cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý hoặc ủy quyền cho người khác là cá nhân có năng lực hành					

vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại. Việc xác định người đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc khiếu nại thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện của cơ quan, tổ chức được ủy quyền cho luật sư hoặc người khác là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại.

3. Việc ủy quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và được công chứng hoặc chứng thực.

4. Người ủy quyền được ủy quyền khiếu nại cho một người hoặc nhiều người về các nội dung ủy quyền khác nhau nhưng không được ủy quyền một nội dung cho nhiều người cùng thực hiện khiếu nại.

5. Người khiếu nại đang thực hiện việc khiếu nại bị chết mà quyền, nghĩa vụ của người đó được thừa kế theo quy định của pháp luật thì người thừa kế có quyền khiếu nại; người thừa kế khi khiếu nại phải xuất trình với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại giấy tờ để chứng minh quyền thừa kế của mình. Người thừa kế có thể tự mình khiếu nại hoặc ủy quyền cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại. Trường hợp có nhiều người thừa kế thì những người đó có quyền ủy quyền cho một trong những người thừa kế hoặc luật sư, trợ giúp viên pháp lý hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại.

6. Trường hợp có từ năm người trở lên cùng

<i>khiếu nại về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại. Người đại diện phải là người khiếu nại và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đại diện của mình.</i>				
Điều 183. Những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết (Điều 141) (Giữ nguyên) 1. Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. 2. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 3. Người đại diện không có giấy tờ chứng minh về việc đại diện hợp pháp của mình. 4. Thời hiệu khiếu nại đã hết. 5. Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 184 của Luật này (Điều 142 hiện hành).				
Điều 184. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại về thi hành án (Điều 142) (Giữ nguyên) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên thuộc quyền quản lý của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện. 2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh giải quyết đối với các khiếu nại sau đây: a) Khiếu nại quyết định, hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên thuộc quyền quản lý của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; b) Khiếu nại quyết định, hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện;	Bộ Quốc phòng	Tại Điều 184, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: a) Khoản 5 “5. <i>Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên cơ quan mình</i>”. b) Khoản 6 “6. <i>Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết các khiếu nại sau đây:</i> a) <i>Khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành</i>	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

c) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có hiệu lực thi hành. 3. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giải quyết đối với các khiếu nại sau đây: a) Khiếu nại quyết định, hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; b) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành. 4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết các khiếu nại sau đây: a) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành; b) Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 5. Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật của Chấp hành viên cơ quan thi hành án cấp quân khu. 6. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết các khiếu nại sau đây: a) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp		<i>án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu;</i> <i>b) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành”.</i> Lý do: Đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại và phù hợp vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng.		

luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu; b) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu. Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành. 7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giải quyết các khiếu nại sau đây: a) Khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành; b) Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có quyền xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng được quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.				
	Thanh tra Bộ Tư pháp	theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 184 Luật THADS, Bộ trưởng chỉ có thẩm quyền xem xét lại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, chưa quy định thẩm quyền của Bộ trưởng trong việc xem xét lại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện đã có hiệu lực thi hành. Đề nghị bổ sung: “b) Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	

		<i>lực thi hành quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này”.</i>		
Điều 185. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại (Điều 143) (Giữ nguyên) 1. Người khiếu nại có các quyền sau đây: a) Tự mình khiếu nại hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại; b) Nhờ luật sư giúp đỡ về pháp luật trong quá trình khiếu nại; c) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại; d) Được biết các bằng chứng để làm căn cứ giải quyết khiếu nại; đưa ra bằng chứng về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về bằng chứng đó; đ) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm và được bồi thường thiệt hại, nếu có; e) Được khiếu nại tiếp nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; g) Rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết khiếu nại. 2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây: a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết; b) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó; c) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành và quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 184 Luật này (điều 142 hiện hành).				

Điều 186. Quyền và nghĩa vụ của người bị khiếu nại (Điều 144) (Giữ nguyên)

1. Người bị khiếu nại có các quyền sau đây:
 - a) Được biết các căn cứ khiếu nại của người khiếu nại; đưa ra bằng chứng về tính hợp pháp của quyết định, hành vi bị khiếu nại;
 - b) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại.
2. Người bị khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Giải trình về quyết định, hành vi bị khiếu nại, cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan khi người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại yêu cầu;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành và quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 7 Điều 184 Luật này (điều 142 hiện hành);
 - c) Bồi thường, bồi hoàn, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 187. Quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại (Điều 145) (Giữ nguyên)

1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại;
 - b) Tạm dừng việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tạm ngừng việc thi hành án trong thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật này, nếu xét thấy việc thi hành án sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc ảnh hưởng đến việc giải

quyết khiếu nại. 2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây: a) Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi bị khiếu nại; b) Thông báo bằng văn bản về việc thụ lý để giải quyết, gửi quyết định giải quyết cho người khiếu nại; c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình.				
Điều 188. Thời hạn giải quyết khiếu nại (Điều 146) (Giữ nguyên) 1. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 181 Luật này (điều 140 hiện hành) thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là 15 ngày, lần hai là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại. 2. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 181 Luật này (điều 140 hiện hành) thì thời hạn giải quyết khiếu nại là 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại. 3. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 181 Luật này (điều 140 hiện hành) thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là 30 ngày, lần hai là 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại. Trường hợp cần thiết, đối với những vụ việc có tính chất phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại. 4. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 181 Luật này (điều 140 hiện hành) thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là 15 ngày, lần hai là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại. 5. Trường hợp ở vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn, vụ việc có tính chất phức tạp thì	Cục Bình Hòa	Đề nghị sửa tăng thời gian giải quyết khiếu nại: Cụ thể <i>“1. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 140 của Luật này thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là 30 ngày, lần hai là 45 ngày, kể từ ngày thụ lý khiếu nại...</i> <i>4. Đối với quyết định, hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Luật này thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là 30 ngày, lần hai là 45 ngày, kể từ ngày thụ lý khiếu nại”.</i> Lý do: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu trong các trường hợp này là 15 ngày, tuy nhiên thời hạn giải quyết như vậy là ngắn, cần tăng lên 30 ngày.		Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật khiếu nại

thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại				
Điều 189. Hình thức khiếu nại (Điều 147) (Giữ nguyên) Người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại bằng một trong các hình thức sau đây: 1. Gửi đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Đơn của người khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; họ, tên, địa chỉ của người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại, lý do khiếu nại và yêu cầu giải quyết. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ. 2. Trình bày trực tiếp nội dung khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Người có trách nhiệm tiếp nhận việc khiếu nại phải hướng dẫn người khiếu nại viết thành đơn hoặc ghi lại nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại. 3. Khiếu nại thông qua người đại diện. Người đại diện phải có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện và việc khiếu nại phải thực hiện theo đúng thủ tục quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.				
Điều 190. Thủ lý khiếu nại (Điều 148) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại <i>đủ điều kiện thụ lý</i> thuộc thẩm quyền giải quyết và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 183 Luật này (điều 141 hiện hành), người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại <i>phải</i> thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết.	Cục Giang	Bắc	Đề nghị xem xét thời gian thụ lý khiếu nại (theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ là trong thời hạn 10 ngày làm việc)	Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật khiếu nại

Trường hợp đơn khiếu nại chưa đủ điều kiện thụ lý thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xác định điều kiện thụ lý. Trường hợp người có thẩm quyền không thụ lý đơn khiếu nại để giải quyết thì phải thông báo và nêu rõ lý do.				
Điều 191. Tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, thu hồi thông báo thụ lý khiếu nại (Điều mới) <i>1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ việc giải quyết khiếu nại trong các trường hợp sau:</i> <i>a) Nội dung khiếu nại có liên quan đến vụ án, việc dân sự trong thi hành án đang được Tòa án thụ lý giải quyết;</i> <i>b) Trong thời gian chờ kết quả giám định, giám định bổ sung, giám định lại hoặc chờ cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu mới có căn cứ tiếp tục giải quyết khiếu nại;</i> <i>c) Trong thời gian chưa xác định được người thừa kế về quyền, nghĩa vụ của cá nhân người khiếu nại hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ khiếu nại của cơ quan tổ chức có khiếu nại đã hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể.</i> <i>Thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.</i> <i>2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đình chỉ việc giải quyết khiếu nại trong các trường hợp sau:</i> <i>a) Người khiếu nại rút một phần hoặc toàn bộ khiếu nại bằng văn bản;</i> <i>b) Người khiếu nại là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế;</i>	Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính	Điều 191 dự thảo Luật quy định người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đình chỉ việc giải quyết khiếu nại trong trường hợp người khiếu nại rút một phần hoặc toàn bộ khiếu nại bằng văn bản. Tuy nhiên, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo chỉnh lý nội dung quy định nêu trên theo hướng đối với trường hợp người khiếu nại rút một phần thì chỉ đình chỉ đối với phần đã rút, còn phần còn lại thì cần được tiếp tục giải quyết.		Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật khiếu nại

c) Cơ quan, tổ chức đã bị giải thể, phá sản mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cơ quan, tổ chức đó; d) Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. e) Người khiếu nại không có quyền khiếu nại hoặc vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan đó mà thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự đã thụ lý giải quyết. 3. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra thông báo thu hồi thông báo thụ lý khiếu nại khi có sai sót không thể khắc phục được hoặc căn cứ giải quyết khiếu nại không còn. 4. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại phải được thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan.				
Điều 192. Hồ sơ giải quyết khiếu nại (Điều 149) (Giữ nguyên) 1. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại gồm có: a) Đơn khiếu nại hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại; b) Văn bản giải trình của người bị khiếu nại; c) Biên bản thẩm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định; d) Quyết định giải quyết khiếu nại; đ) Tài liệu khác có liên quan. 2. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số bút lục và được lưu giữ theo quy định của pháp luật.				

Điều 193. Trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu (điều 150) (Giữ nguyên) Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiến hành xác minh, yêu cầu người bị khiếu nại giải trình, trong trường hợp cần thiết, có thể trưng cầu giám định hoặc tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền.				
Điều 194. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (Điều 151) (Giữ nguyên) 1. Ngày, tháng, năm ra quyết định. 2. Họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại. 3. Nội dung khiếu nại. 4. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại; 5. Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại. 6. Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. 7. Giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ một phần quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại. 8. Việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật gây ra. 9. Hướng dẫn quyền khiếu nại lần hai của đương sự.				
Điều 195. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai (điều 152) (Giữ nguyên) 1. Trường hợp tiếp tục khiếu nại thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo bản sao quyết định giải	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	<i>Đề nghị theo hướng:</i> Quy định việc tổ chức đối thoại của người giải quyết khiếu nại lần hai tại khoản 2 của Dự thảo, cụ thể: “Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người		Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này,

quyết khiếu nại lần đầu và tài liệu liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. 2. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có các quyền được quy định tại Điều 145 của Luật này và có quyền yêu cầu người giải quyết khiếu nại lần đầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và những bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại; triệu tập người bị khiếu nại, người khiếu nại để tổ chức đối thoại khi cần thiết; xác minh; trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nhận được yêu cầu phải thực hiện đúng các yêu cầu đó. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai phải ra quyết định giải quyết khiếu nại.		giải quyết khiếu nại <i>xét thấy cần thiết thì</i> tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại”. Lý do: Quy định người giải quyết khiếu nại lần hai phải tổ chức đối thoại, để đảm bảo tính công khai, khách quan trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại (đảm bảo với tính thống nhất theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011)		dẫn chiếu áp dụng Luật khiếu nại
Điều 196. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai (điều 153) (Giữ nguyên) 1. Ngày, tháng, năm ra quyết định. 2. Họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại. 3. Nội dung khiếu nại. 4. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại. 5. Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại. 6. Kết luận về nội dung khiếu nại và việc giải quyết của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu. 7. Giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ một phần quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại. 8. Việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả				

do quyết định, hành vi trái pháp luật gây ra.				
Mục 2 TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ				
Điều 197. Người có quyền tố cáo (điều 154) <i>Cá nhân</i> có quyền tố cáo với người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.				
Điều 198. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (điều 155)-Giữ nguyên 1. Người tố cáo có các quyền sau đây: a) Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; b) Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình; c) Yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo; d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù. 2. Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây: a) Trình bày trung thực, cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo; b) Nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình; c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.				
Điều 199. Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo (điều 156)-Giữ nguyên 1. Người bị tố cáo có các quyền sau đây: a) Được thông báo về nội dung tố cáo;				

b) Đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật; c) Được khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; được phục hồi danh dự, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo không đúng gây ra; d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo sai sự thật. 2. Người bị tố cáo có các nghĩa vụ sau đây: a) Giải trình về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu; b) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; c) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.				
Điều 200. Thẩm quyền giải quyết tố cáo (Điều 157) 1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật mà người bị tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức nào thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm giải quyết. 2. Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp trên trực tiếp hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giải quyết. Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giải quyết. Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải	Cục Bình Hòa	- Đề nghị bổ sung quy định: Những trường hợp tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo thì không thụ lý giải quyết tố cáo. - Đề nghị bổ sung quy định về xác minh nội dung tố cáo. Lý do: Pháp luật hiện hành không quy định.		Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật tố cáo

quyết tố cáo có thể dài hơn, nhưng không quá 90 ngày. 3. Tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. 4. Thủ tục giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo. <i>Trường hợp đã xác minh thông tin ban đầu, làm việc với người tố cáo, người bị tố cáo, hồ sơ tài liệu có liên quan đã rõ ràng, có đủ căn cứ, cơ sở pháp lý để kết luận thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ban hành ngay kết luận nội dung tố cáo.</i> <i>Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại, tố cáo không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại, tố cáo thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại, tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật.</i>				
	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 2 Điều 200, đề nghị sửa đổi, bổ sung, viết lại như sau: <i>“2. Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp trên trực tiếp hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giải quyết.</i> <i>Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu thì Thủ trưởng cơ</i>	Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật tố cáo. Đối với nội dung thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng sẽ quy định ở văn bản quy định chi tiết	

		<i>quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giải quyết”.</i> Lý do: Đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật về giải quyết tố cáo; phù hợp vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng; về thời hạn giải quyết tố cáo đề nghị nghiên cứu, thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018.		
Điều 201. Rút tố cáo, tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo (Điều mới) <i>1. Người tố cáo có quyền rút một phần hoặc toàn bộ nội dung tố cáo trước khi người giải quyết tố cáo ra kết luận nội dung tố cáo. Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản.</i> <i>Trường hợp người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo thì người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo. Trường hợp người tố cáo rút một phần nội dung tố cáo thì người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo đối với phần đã rút, phần còn lại được tiếp tục giải quyết.</i> <i>Trường hợp nhiều người cùng tố cáo mà có một hoặc một số người rút tố cáo thì tố cáo vẫn tiếp tục được giải quyết.</i> <i>2. Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà người giải quyết tố cáo xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì vụ việc tố cáo vẫn được giải quyết.</i> <i>Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà có căn cứ xác định việc rút tố cáo do bị đe dọa, mua chuộc hoặc có căn cứ xác định người tố cáo lợi dụng việc</i>				Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật tố cáo

<i>tổ cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vụ việc tố cáo vẫn phải được giải quyết và áp dụng biện pháp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo, xử lý người có hành vi đe dọa, mua chuộc, người tố cáo có hành vi vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo theo quy định của pháp luật.</i> <i>3. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết tố cáo trong thi hành án dân sự được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Tố cáo. Khi căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo không còn thì người giải quyết tố cáo ra ngay quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo. Thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn giải quyết tố cáo.</i>				
Điều 202. Trách nhiệm giải quyết tố cáo (Điều 158) (Giữ nguyên) 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết được thi hành nghiêm chỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. 2. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo mà không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết, giải quyết trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.				Dự thảo đã bỏ quy định nội dung này, dẫn chiếu áp dụng Luật tố cáo
Điều 203. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự (điều 159) (Giữ nguyên)				

Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền yêu cầu, kiến nghị đối với cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm để bảo đảm việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có căn cứ, đúng pháp luật.				
Mục 3 <i>KHÁNG NGHỊ, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI QUYẾT KHÁNG NGHỊ, KIẾN NGHỊ VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</i>				
Điều 204. Quyền kháng nghị của Viện kiểm sát (điều 160) (Giữ nguyên) 1. Viện kiểm sát kháng nghị đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. 2. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc phát hiện hành vi vi phạm.				
Điều 205. Trả lời kháng nghị của Viện kiểm sát (Điều 161) (Giữ nguyên) 1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm trả lời kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân đối với quyết định, hành vi về thi hành án của mình hoặc của Chấp hành viên thuộc quyền quản lý trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị. Trường hợp chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản trả lời kháng nghị, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải thực hiện kháng nghị	Bộ phòng	Quốc	Tại điểm c khoản 2 Điều 205, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu có quyết định, hành vi bị kháng nghị phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng phải xem xét và trả lời trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận</i>	Dự thảo đã bỏ quy định <i>cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng</i>

của Viện kiểm sát nhân dân.

2. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự không nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát thì giải quyết như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi có quyết định, hành vi bị kháng nghị phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh phải xem xét, trả lời trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo; văn bản trả lời của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có hiệu lực thi hành;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có quyết định, hành vi bị kháng nghị phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp xem xét và trả lời trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành;

c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu có quyết định, hành vi bị kháng nghị phải báo cáo với Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát quân sự trung ương. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng phải xem xét và trả lời trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp xét thấy văn bản trả lời kháng nghị được quy định tại khoản 2 Điều này không có căn cứ

được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có hiệu lực thi hành”.

thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét lại văn bản trả lời đã có hiệu lực thi hành của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét lại văn bản trả lời đã có hiệu lực thi hành của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xem xét và trả lời bằng văn bản cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.				
Điều 206. Trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát (Điều mới) <i>1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm xem xét, thực hiện kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.</i> <i>2. Trường hợp không nhất trí hoặc không thực hiện được nội dung kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản trả lời người có thẩm quyền kiến nghị.</i> <i>Trường hợp cần thiết thì cơ quan thi hành án dân sự tổ chức họp lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi thực hiện kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân.</i>	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị sửa lại khoản 2 Điều 206 để bảo đảm đầy đủ như sau: “<i>Trường hợp không nhất trí hoặc không thực hiện được nội dung kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có văn bản trả lời người có thẩm quyền kiến nghị, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị.</i> <i>Trường hợp cần thiết thì cơ quan thi hành án dân sự tổ chức họp lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi thực hiện kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân</i>”.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp.	
Chương VII XỬ LÝ VI PHẠM	Bộ Công an	Đề nghị lược bỏ nội dung Chương VII dự thảo Luật về xử lý vi phạm vì nội dung của Chương này đã được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định gắn với	Tiếp thu	

		lĩnh vực thi hành án dân sự.		
Điều 207. Hành vi vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự (Điều 162) (Giữ nguyên) 1. Đã nhận giấy báo, giấy triệu tập lần thứ hai nhưng không có mặt để thực hiện việc thi hành án mà không có lý do chính đáng. 2. Cố tình không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án hoặc bản án, quyết định phải thi hành ngay. 3. Không thực hiện công việc phải làm hoặc không chấm dứt thực hiện công việc không được làm theo bản án, quyết định. 4. Có điều kiện thi hành án nhưng cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án. 5. Tẩu tán hoặc làm hư hỏng tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thi hành án hoặc để trốn tránh việc kê biên tài sản. 6. Không thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên về việc cung cấp thông tin, giao giấy tờ liên quan đến tài sản bị xử lý để thi hành án mà không có lý do chính đáng. 7. Sử dụng trái phép, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc thay đổi tình trạng tài sản đã kê biên nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 8. Chống đối, cản trở hay xúi giục người khác chống đối, cản trở; có lời nói, hành động lăng mạ, xúc phạm người thi hành công vụ trong thi hành án; gây rối trật tự nơi thi hành án hoặc có hành vi vi phạm khác gây trở ngại cho hoạt động thi hành án dân sự nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 9. Phá hủy niêm phong hoặc hủy hoại tài sản đã				

kê biên nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 10. Không chấp hành quyết định của Chấp hành viên về việc khấu trừ tài khoản, trừ vào thu nhập, thu hồi giấy tờ có giá của người phải thi hành án.				
Điều 208. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Điều 163) (Giữ nguyên) 1. Những người sau đây có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự: a) Chấp hành viên đang giải quyết việc thi hành án; b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện; c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu. d) Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng. 2. Mức xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	Bộ Quốc phòng; Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Tại điểm c khoản 1 Điều 208, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu”.</i>		Thực hiện quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, nội dung này đã đưa ra khỏi Dự thảo.
Điều 209. Xử phạt vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự (Điều 164) 1. Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trình tự, thủ tục xử phạt cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử phạt vi phạm hành chính về thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. <i>Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết</i>	Vụ Pháp luật Hình sự - hành chính; Cục QLXLVPHC &TDTHPL	- Điều 209 dự thảo Luật quy định “ <i>Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực được thi hành và không bị khởi kiện tại Tòa án</i> ”. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính thì quyết định hành chính bị kiện là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động	Tiếp thu, bỏ quy định này ra khỏi Dự thảo	

<i>kiếu nại trong xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực được thi hành và không bị khởi kiện tại toà án.</i>		quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể, quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Theo đó, mọi quyết định hành chính đều có thể bị khởi kiện tại Tòa, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở quy định loại trừ như trên, bảo đảm phù hợp, thống nhất trong hệ thống pháp luật. - Thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 209 dự thảo Luật không bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định tại khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 2 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật XLVPHC) Thứ hai, quy định tại khoản 2 Điều 209 dự thảo Luật không bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định khoản 3 Điều 44 của Luật Khiếu nại năm 2011, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Luật Khiếu nại). Thứ ba, quy định tại khoản 2 Điều 209 dự thảo Luật không bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định Khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Luật Tổ tụng hành chính). Căn cứ các quy định nêu trên, có thể thấy, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án		

		dân sự đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một quyết định hành chính bị khởi kiện và không thuộc trường hợp không được phép khởi kiện. Do đó, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự có quyền khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong xử phạt vi phạm hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Từ các phân tích đã nêu tại mục “<i>thứ nhất</i>”, “<i>thứ hai</i>”, “<i>thứ ba</i>”, và “<i>thứ tư</i>” và “<i>thứ năm</i>” nêu trên, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo không quy định nội dung “<i>Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong xử phạt vi phạm hành chính không bị khởi kiện tại toà án</i>” tại khoản 2 Điều 209 dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất, phù hợp với các văn bản trong hệ thống pháp luật, đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong trường hợp cần thiết phải quy định loại trừ trường hợp “<i>quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong xử phạt vi phạm hành chính không bị khởi kiện tại toà án</i>” thì sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tố tụng hành chính và được quy định trong Luật Tố tụng hành chính sẽ phù hợp hơn. Đồng thời, đề nghị làm rõ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự có thuộc trường hợp phải bồi thường nhà nước hay không bồi	

		thường nhà nước tại dự thảo Luật để bảo đảm tính tổng thể trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.		
	Thanh tra Bộ Tư pháp	Tại khoản 1 Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: <i>“1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.</i> <i>Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật”.</i> Như vậy, theo quy định trên thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính có thể bị khởi kiện. Do đó, đề nghị Tổ soạn thảo sửa đổi khoản 2 Điều 209 cho thống nhất với Luật xử lý vi phạm hành chính.		Thực hiện quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, nội dung này đã đưa ra khỏi Dự thảo.
Điều 210. Xử lý vi phạm (Điều 165) 1. Người phải thi hành án cố ý không chấp hành bản án, quyết định; không tự nguyện thi hành các quyết định về thi hành án thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Khoản 5 Điều 210 về xử lý vi phạm, đề nghị sửa đổi như sau: “Trường hợp đương sự, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm quy định của Luật này ngoài bị xử lý theo quy định của pháp luật, thì tùy từng trường hợp có thể bị xem xét trách nhiệm kỷ luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức,		

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện các quyết định về thi hành án thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường; nếu là cá nhân thì còn có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.		viên chức, Đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước <i>theo quy định của pháp luật liên quan</i>” để bảo đảm tính khả thi khi thực hiện.		
3. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án hoặc ép buộc Chấp hành viên thi hành án trái pháp luật; phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng, tài sản tạm giữ, tài sản bị kê biên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. 4. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc ra quyết định về thi hành án trái pháp luật; Chấp hành viên không thi hành đúng bản án, quyết định, trì hoãn việc thi hành án, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án trái pháp luật; vi phạm quy chế đạo đức của Chấp hành viên thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 5. <i>Trường hợp đương sự, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm quy định của Luật này ngoài bị xử lý theo quy định của pháp luật, thì tùy từng trường hợp có thể bị xem xét trách nhiệm kỷ luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, Đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</i>	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Khoản 5 Điều 210 dự thảo Luật quy định “<i>trường hợp đương sự, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm quy định của Luật này ngoài bị xử lý theo quy định của pháp luật, thì tùy từng trường hợp có thể bị xem xét trách nhiệm kỷ luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, Đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước</i>”. Quy định nêu trên có một phần bị trùng lặp với quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này nhưng chưa có sự loại trừ. Bên cạnh đó, việc quy định xem xét trách nhiệm kỷ luật về trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, Đảng viên đối với “đương sự” là không cần thiết, vì các chủ thể “đảng viên, công chức, viên chức” đã bảo đảm tính bao quát. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định trên bảo đảm rõ ràng, minh bạch, tránh trùng lặp với quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 210 dự thảo Luật.	Tiếp thu, bỏ quy định này ra khỏi Dự thảo	
Chương VIII NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp tổ chức thực hiện thi hành án dân	Tiếp thu	

		sự		
Điều 211. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong thi hành án dân sự (Điều 166) 1. Thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước. 2. Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thi hành án dân sự; thực hiện các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong thi hành án dân sự; cơ chế bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong thi hành án dân sự. 3. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự. 4. Định kỳ hàng năm báo cáo Quốc hội về công tác thi hành án dân sự.				
Điều 212. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự (Điều 167) 1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự; các biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong thi hành án dân sự; cơ chế bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong thi hành án dân sự; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch về thi hành án dân sự; c) Phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự; d) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế và hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự; quyết định thành lập, giải thể các cơ quan thi hành án dân sự;	Thanh tra Bộ Tư pháp	Tại điểm g khoản 1 Điều 212 Dự thảo Luật quy định về ~~nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự~~ (Điều 167 cũ), như sau: <i>“Thanh tra việc sử dụng ngân sách, việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong công tác thi hành án dân sự”</i> Việc dự thảo Luật THADS quy định thẩm quyền thanh tra như trên, Thanh tra Bộ nhận thấy cần phải xem xét tổng thể để quy định phù hợp, đúng với nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự: Thứ nhất, quy định như trên chưa bảo đảm nguyên tắc “quản lý nhà nước đến đâu thì		

đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên, Thẩm tra viên;

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự;

e) *Bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong thi hành án dân sự; giải đáp vướng mắc trong thực tiễn thi hành án dân sự.*

g) Thanh tra việc sử dụng ngân sách, việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong công tác thi hành án dân sự;

h) Quyết định kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự;

i) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án dân sự;

k) Tổng kết công tác thi hành án dân sự;

l) Ban hành và thực hiện chế độ thống kê về thi hành án dân sự;

m) Báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án dân sự; *trình Thủ tướng chính phủ thành lập Ban chỉ đạo thi hành án dân sự trong trường hợp cần thiết.*

2. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự và thực hiện quản lý chuyên ngành về thi hành án dân sự; *tổng kết thực tiễn công tác thi hành án dân sự, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong thi hành án dân sự theo quy định của Chính phủ.*

thanh tra đến đó”. Luật Thanh tra và Luật Tổ chức chính phủ đều xây dựng thẩm quyền của Bộ trưởng theo nguyên tắc quản lý nhà nước đến đâu thì giao thẩm quyền thanh tra đến đó. Cụ thể là: Luật tổ chức chính phủ năm 2015 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ tại Điều 34 “10. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc”.

Khoản 1 và khoản 3 Điều 6 Luật Thanh tra 2022 quy định Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, như sau:

(1) “Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước;

(3) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi chung là Bộ trưởng), Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị về nội dung thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp

		<i>luật về quyết định của mình”.</i> Luật THADS năm 2008 cũng quy định Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án dân sự cũng có thẩm quyền thanh tra về công tác thi hành án dân sự, cụ thể Điểm e Khoản 1 Điều 167. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự: “<i>Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm trong công tác thi hành án dân sự; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự</i>”. Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 và dự thảo Luật THADS (sửa đổi lần này) đã <i>bãi bỏ</i> thẩm quyền <i>thanh tra trong công tác thi hành án dân sự</i> của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Việc dự thảo Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi lần này) không quy định thẩm quyền thanh tra của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là trái với các nguyên tắc xây dựng thẩm quyền tương xứng trách nhiệm quản lý nhà nước. Chưa có văn bản pháp luật nào ở cấp độ Luật mà giao cho Chính phủ, Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà không giao thẩm quyền thanh tra đối với ngành, lĩnh vực đó. <i>Thứ hai, về mặt kỹ thuật lập pháp theo kiểu liệt kê (thanh tra việc sử dụng ngân sách, thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách) vừa chi tiết nhưng vừa không đầy đủ (thiếu thẩm quyền về thanh tra việc thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng</i>		

		~~...thuộc thẩm quyền của Bộ).~~ Cụ thể là, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 tại Điều 84 cũng quy định thẩm quyền của Chính phủ, Bộ và cơ quan ngang bộ, theo đó, Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Chính phủ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hiện thẩm quyền “~~thanh tra, kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng theo thẩm quyền~~”. Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cũng đều quy định “~~Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của mình~~” do đó, đều có trách nhiệm chỉ đạo “~~thanh tra việc thực hiện pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo~~”. Trên thực tế, Khoản 9 Điều 65 Luật tổ chức cơ quan điều tra Hình sự cũng quy định trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an: “~~Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về Điều tra theo quy định của pháp luật~~”. Việc quy định như vậy giúp Bộ trưởng Bộ Công an quản lý một cách toàn diện đối với công tác điều tra. Vì vậy, điểm g Khoản 1 Điều 212. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong thi hành án dân sự Cần sửa thành: “~~Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong công tác thi hành án dân~~		

Điều 213. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng trong thi hành án dân sự (Điều 168) (Giữ nguyên) 1. Phối hợp với Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về thi hành án dân sự trong quân đội: a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự trong quân đội; b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành án dân sự cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên và nhân viên làm công tác thi hành án dân sự trong quân đội; c) Tổng kết, báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án dân sự; 2. Thực hiện các nhiệm vụ sau đây: a) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án cho cơ quan thi hành án cấp quân khu; phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự trong quân đội; b) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế; quyết định thành lập, giải thể các cơ quan thi hành án trong quân đội; bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu; khen thưởng, kỷ luật đối với quân nhân làm công tác thi hành án trong quân đội; c) Thanh tra việc sử dụng ngân sách, việc thực hiện chế độ chính sách và bố trí, sử dụng cán bộ thi hành án; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm về thi hành án trong quân đội; d) Quản lý, lập kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động thi hành án trong quân đội. 3. Cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc	Bộ Quốc phòng	sự”. Tại Điều 213, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: <i>“1. Phối hợp với Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự trong Quân đội:</i> <i>a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự trong Quân đội; xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về công tác thi hành án dân sự;</i> <i>b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chấp hành viên; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành án dân sự cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án và cán bộ, nhân viên làm công tác thi hành án dân sự trong Quân đội;</i> <i>c) Tổng kết, báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án dân sự; thực hiện chế độ thống kê về thi hành án dân sự.</i> <i>2. Thực hiện nhiệm vụ sau:</i> <i>a) Quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ thi hành án đối với cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu;</i> <i>b) Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế; quyết định thành lập, giải thể các cơ quan thi hành án; bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án thuộc Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án cấp quân khu; bổ nhiệm, miễn nhiệm Thẩm tra viên thi hành án; khen</i>	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết Luật	

phòng giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này theo quy định của Chính phủ.

*thường, kỷ luật đối với **tập thể, cá nhân** làm công tác thi hành án **dân sự** trong Quân đội;*
*c) Thanh tra, **kiểm tra** việc sử dụng ngân sách, việc thực hiện chế độ chính sách và bố trí, sử dụng cán bộ, **nhân viên** thi hành án; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, **xử lý vi phạm** về công tác thi hành án **dân sự** trong Quân đội;*

d) Kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong lĩnh vực thi hành án dân sự; hướng dẫn, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác thi hành án dân sự trong Quân đội;

đ) Quản lý, lập kế hoạch phân bổ kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện; cải cách hành chính, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số về công tác thi hành án dân sự trong Quân đội;

e) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành án dân sự”.

Lý do: Phù hợp với quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin và đảm bảo thống nhất với các quy định trong dự thảo Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo nội dung đầy đủ, chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về

		công tác thi hành án dân sự trong Quân đội và công tác quân sự quốc phòng trong tình hình mới.		
	~~Thanh tra Bộ Tư pháp~~	~~Điểm c Khoản 2 Điều 213. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng trong THADS (Điều 168) quy định “<i>Thanh tra việc sử dụng ngân sách, việc thực hiện chế độ chính sách và bố trí sử dụng cán bộ thi hành án; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm về thi hành án trong quân đội</i>”~~ Đề nghị sửa thành: “<i>Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm về thi hành án trong quân đội</i>”		
Điều 214. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an trong thi hành án dân sự (Điều 169) (Giữ nguyên) 1. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự. 2. Chỉ đạo cơ quan Công an bảo vệ cưỡng chế thi hành án, phối hợp bảo vệ kho vật chứng của cơ quan thi hành án dân sự trong trường hợp cần thiết. 3. Chỉ đạo trại giam, trại tạm giam nơi người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thu các khoản tiền, tài sản mà người phải thi hành án, thân nhân của người phải thi hành án nộp để thi hành án. 4. Chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án xét, quyết định miễn, giảm hình phạt cho những người phải thi hành án có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. 5. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổng kết công tác thi hành án dân sự.	Bộ Công an	Khoản 2: đề nghị chỉnh lý cho thống nhất với quy định tại khoản 9 Điều 16 Luật Công an nhân dân, cụ thể như sau: Lực lượng Công an có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự trong việc thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	Tiếp thu	

	Cục Bến Tre	“2. Chỉ đạo cơ quan Công an các cấp bảo vệ cường chế thi hành án, phối hợp bảo vệ Chấp hành viên, công chức thi hành án thực hiện nhiệm vụ, bảo vệ kho vật chứng của cơ quan thi hành Công an các cấp án dân sự trong trường hợp cần thiết... 4. Chỉ đạo cơ quan Công an các cấp phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án xét, quyết định miễn, giảm hình phạt cho những người phải thi hành án có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật”.	Nghiên cứu, tiếp thu quy định phù hợp	
	Bộ Công an	Đề nghị rà soát các nội dung dự thảo Luật về chức năng, nhiệm vụ của trại giam, trại tạm giam (tại các điều: 50, 79, 164, 165 và 214 ...) để nghiên cứu, chỉnh lý theo hướng không giao nhiệm vụ thu các khoản tiền, tài sản mà người phải thi hành án, thân nhân của người phải thi hành án nộp để bảo đảm phù hợp với nội dung đang được sửa đổi, bổ sung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự.	Tiếp thu	
Điều 215. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự (khoản 1 Điều 170) (Giữ nguyên) 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao: a) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành văn bản pháp luật về thi hành án dân sự; b) Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự báo cáo kết quả thi hành bản án, quyết định trong trường hợp cần thiết; c) Giải quyết yêu cầu, kiến nghị và chỉ đạo Tòa	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Điều 215 Dự thảo Luật có tên gọi “Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự”, tuy nhiên, trong nội dung Điều 215 ngoài quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao còn quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương. Do đó, theo chúng	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức Tòa án nhân dân theo chủ trương của Đảng.	

án các cấp giải quyết yêu cầu, kiến nghị của cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn theo quy định của pháp luật; <i>thực hiện kịp thời việc sửa chữa, bổ sung, giải thích bản án, quyết định; trả lời kiến nghị, giải quyết kịp thời các yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự và đương sự;</i> d) Chỉ đạo Tòa án các cấp <i>giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành</i> và phối hợp với các cơ quan liên quan trong thi hành án dân sự; đ) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổng kết công tác thi hành án dân sự. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương: a) Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự báo cáo kết quả thi hành bản án, quyết định trong trường hợp cần thiết; b) Trả lời kiến nghị của cơ quan thi hành án dân sự về việc xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong thời hạn <i>03 tháng, kể từ ngày nhận được kiến nghị; trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời không quá 04 tháng, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị;</i> c) Xem xét theo thủ tục tái thẩm quyết định miễn, giảm thi hành án theo quy định của pháp luật. d) <i>Chuyển giao bản án, quyết định, tài liệu và vật chứng có liên quan cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.</i> 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương: a) Chuyển giao bản án, quyết định, tài liệu và vật		tôi, tên gọi “<i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự</i>” chưa bao hàm hết nội dung quy định tại Điều 215, vì vậy đề nghị sửa thành “<i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân các cấp trong thi hành án dân sự</i>”.		

chứng có liên quan cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của <i>pháp luật</i>; b) Xem xét, quyết định việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; giải quyết kháng nghị về quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này; c) Thụ lý và kịp thời giải quyết yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng tài sản; hủy giấy tờ, giao dịch phát sinh trong quá trình thi hành án thuộc thẩm quyền của Tòa án; d) Giải quyết kiến nghị, yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự và theo dõi kết quả xử lý sau khi Tòa án trả lời. 4. Khi xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy.				
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Điểm c khoản 3 Điều 215 quy định chưa đầy đủ về nhiệm vụ thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện... Đề nghị rà soát, bổ sung, cụ thể, đề nghị sửa điểm c khoản 3 Điều 215 như sau: <i>“Thụ lý và kịp thời giải quyết yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng tài sản; giải thích những điểm chưa rõ, đính chính sai sót về số liệu, lỗi chính tả trong bản án, quyết định mà mình</i>	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức Tòa án nhân dân theo chủ trương của Đảng.	

		<i>đã tuyên; hủy giấy tờ, giao dịch phát sinh trong quá trình thi hành án thuộc thẩm quyền của Tòa án”;</i>		
	Cục Biên Điện	Tại điểm d khoản 2 Điều 215: Đề nghị sửa nội dung “ <i>Chuyển giao bản án, quyết định, tài liệu và vật chứng có liên quan cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự</i> ” thành “ <i>Chuyển giao bản án, quyết định, tài liệu và vật chứng có liên quan cho cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.</i> ” vì ngoài theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, thì các tài liệu, vật chứng của vụ án hình sự cũng được chuyển giao cho cơ quan THADS theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	
Điều 216. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự (Điều 171) (Giữ nguyên) 1. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự. 2. Kiểm sát và chỉ đạo Viện kiểm sát các cấp thực hiện việc kiểm sát thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. 3. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổng kết công tác thi hành án dân sự.				
Điều 217. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tư lệnh quân khu và tương đương trong thi hành án dân sự (Điều 172) (Giữ nguyên) 1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quân khu và tương đương	Bộ phòng Quốc	Tại Điều 217, đề nghị sửa đổi, bổ sung và viết lại như sau: “Điều 217. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tư lệnh quân khu và tương đương trong <u>công tác thi hành án dân sự</u> <i>1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thi hành các vụ</i>	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	

theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu. 2. Yêu cầu cơ quan thi hành án cấp quân khu báo cáo công tác, kiểm tra, thanh tra công tác thi hành án trên địa bàn quân khu và tương đương. 3. Có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu. 4. Quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự.		<i>án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quân khu và tương đương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác thi hành án dân sự trên địa bàn.</i> 2. Chỉ đạo thực hiện kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự. <i>3. Yêu cầu cơ quan thi hành án cấp quân khu báo cáo công tác, kiểm tra, thanh tra công tác thi hành án trên địa bàn quân khu và tương đương.</i> <i>4. Có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu, Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án.</i> <i>5. Quyết định khen thưởng, kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân làm công tác thi hành án dân sự.</i> <i>6. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện; cải cách hành chính, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số về thi hành án dân sự”.</i>		
Điều 218. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thi hành án dân sự (Điều 173) 1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; giải	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	đó tại khoản 8 giao “8. Thành lập Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực	Tiếp thu, quy định phù hợp chủ trương của Đảng.	

quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự. *Trường hợp yêu cầu tạm dừng việc cưỡng chế thi phải có văn bản để cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho đương sự biết và giải quyết theo quy định.*

2. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh:

a) Ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn;

b) Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức cưỡng chế; tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự;

c) Quyết định các biện pháp bảo đảm an toàn đối với các vụ việc cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương;

d) Huy động ngay các lực lượng chức năng xử lý, bảo đảm trật tự, an ninh phát sinh các hành vi chống đối, gây rối, cản trở thi hành án dân sự;

đ) Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về chỉ đạo phối hợp, tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

3. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo công tác thi hành án dân sự ở địa phương; cho ý kiến đối với báo cáo của cơ quan thi hành án

hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”. Về nội dung quy định này, đề nghị nghiên cứu đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng sắp xếp tinh gọn bộ máy.

dân sự cấp tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. 4. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh kiểm tra công tác thi hành án ở địa phương; đề nghị cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp kiểm tra công tác thi hành án dân sự ở địa phương. 5. Quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự. 6. <i>Đảm bảo nguồn lực và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật này và các biện pháp khác để nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự trên địa bàn.</i> 7. <i>Chỉ đạo thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, cơ chế bảo vệ cơ quan, tổ chức, người làm công tác thi hành án dân sự thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.</i> 8. <i>Thành lập Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</i>				
Điều 219. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thi hành án dân sự (Điều 174) 1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan	Bộ Giao thông vận tải UBND Thừa Thiên Huế	Khoản 8: đề nghị rà soát lại nội dung thành lập Ban chỉ đạo THADS “cấp tỉnh” hay “cấp huyện” đề phù hợp tên Điều	Tiếp thu, quy định phù hợp	

trong thi hành án dân sự.

Trường hợp yêu cầu tạm dừng việc cưỡng chế thi phải có văn bản đề cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho đương sự biết và giải quyết theo quy định.

2. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh:

a) Ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự trên địa bàn;

b) Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức cưỡng chế; tham mưu, đề xuất các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự;

c) Quyết định các biện pháp bảo đảm an toàn đối với các vụ việc cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương;

d) Huy động ngay các lực lượng chức năng xử lý, bảo đảm trật tự, an ninh phát sinh các hành vi chống đối, gây rối, cản trở thi hành án dân sự;

đ) Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về chỉ đạo phối hợp, tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự.

3. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện tự kiểm tra, đề nghị Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh kiểm tra công tác thi hành án dân sự ở địa phương.

4. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện báo cáo công tác thi hành án dân sự ở địa phương; cho ý kiến đối với báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện trước khi trình Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật. 5. Quyết định khen thưởng hoặc có ý kiến đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự. 6. <i>Đảm bảo nguồn lực và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật này và các biện pháp khác để nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự trên địa bàn.</i> 7. <i>Chỉ đạo thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, cơ chế bảo vệ cơ quan, tổ chức, người làm công tác thi hành án dân sự thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.</i> 8. <i>Thành lập Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</i>				
	Cục Biên Điện	Tại khoản 8 Điều 219: Quy định về nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp huyện nên sửa nội dung “<i>Thành lập Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này</i>” thành “<i>Thành lập Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp huyện theo đề nghị</i>	Tiếp thu, quy định phù hợp.	

		<i>của cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện để giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này ”.</i>		
Điều 220. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thi hành án dân sự (Điều 175) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình <i>có trách nhiệm:</i> 1. Chỉ đạo phối hợp với Chấp hành viên và cơ quan thi hành án dân sự trong việc thông báo thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án và các nhiệm vụ khác về thi hành án dân sự trên địa bàn. 2. <i>Giải quyết kịp thời những kiến nghị; vương mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn.</i> 3. <i>Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành án trên địa bàn theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự.</i> 4. <i>Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.</i> 5. <i>Chỉ đạo hỗ trợ Chấp hành viên trong việc thực hiện việc mở khóa, mở gói, xác minh hiện trạng tài sản trong trường hợp người phải thi hành án chống đối, cản trở việc xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên; xem xét, thẩm định tại chỗ;</i> 6. <i>Công khai, chấm dứt thông tin chưa điều kiện của người phải thi hành án theo quy định của luật này.</i>	Cục Bến Tre	Tại Khoản 1, Điều 220 đề xuất bổ sung nội dung sau: “ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình <i>có trách nhiệm:</i> <i>“1. Chỉ đạo phối hợp với Chấp hành viên và cơ quan thi hành án dân sự trong việc thông báo thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp các thông tin liên quan đến tài sản, quyền sử dụng đất của đương sự trong phạm vi quản lý của địa phương và áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án và các nhiệm vụ khác về thi hành án dân sự trên địa bàn”.</i> Lý do: Thực tiễn một số địa phương, công chức địa chính không cung cấp thông tin về quyền sử dụng đất của đương sự, gây khó khăn cho chấp hành viên trong công tác xác minh điều kiện thi hành án, dẫn đến không ngăn chặn kịp thời tài sản của người phải thi hành án.	Tiếp thu, quy định phù hợp chủ trương của Đảng.	

7. <i>Bảo quản tài sản đối với bất động sản trên địa bàn theo quy định của Luật này.</i>				
Điều 221. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác trong thi hành án dân sự (Điều 176)-Giữ nguyên 1. Cung cấp đúng, đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về tài khoản của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự. 2. Thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời yêu cầu của Chấp hành viên về phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản; khấu trừ tiền trong tài khoản; giải tỏa việc phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản của người phải thi hành án. 3. Thực hiện đầy đủ yêu cầu khác của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật này.	Bộ Tài chính	Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, Kho bạc nhà nước đang gặp vướng mắc khi nhận quyết định phong tỏa tiền, cưỡng chế thu tiền của cơ quan thi hành án đối với khoản chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 221 dự thảo Luật THADS (Điều 176 của Luật THADS), cụ thể: <i>“Điều 221. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác trong THADS (Điều 176) - Giữ nguyên</i> <i>1. Cung cấp đúng, đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về tài khoản của người phải thi hành án theo yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan THADS.</i> <i>2. Thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời yêu cầu của Chấp hành viên về phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản; khấu trừ tiền trong tài khoản; giải tỏa việc phong tỏa tài khoản, phong tỏa tài sản của người phải thi hành án.</i> <i>3. Thực hiện đầy đủ yêu cầu khác của Chấp hành viên, cơ quan THADS theo quy định của Luật này.”</i> Căn cứ với quy định nêu trên, cơ quan thi hành án địa phương cho rằng Kho bạc nhà nước là bên thứ ba nắm giữ tiền của người phải thi hành án nên phải có trách nhiệm thực hiện quyết định phong tỏa, cưỡng chế theo yêu cầu của Chấp hành viên để thực hiện trích từ tài khoản dự toán chi thường	Tiếp thu, quy định phù hợp	

		xuyên, chi đầu tư... để thanh toán cho các hợp đồng vào tài khoản tạm giữ của cơ quan thi hành án dẫn đến vướng mắc với quy định tại Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính và quy định pháp luật đối với việc kiểm soát thanh toán chi ngân sách nhà nước. Ngày 02/06/2020, Kho bạc nhà nước đã có công văn số 2834/KBNN-KSC gửi Tổng cục Thi hành về việc vướng mắc trong thực hiện khi nhận được quyết định phong tỏa tiền, cưỡng chế thu tiền của cơ quan thi hành án đối với khoản chi ngân sách nhà nước, Kho bạc nhà nước đã đề xuất phương án để phối hợp thực hiện vướng mắc trên với cơ quan thi hành án, cụ thể như sau: <i>“Khi nhận được thông tin bằng văn bản của cơ quan thi hành án, đối với các khoản chi đã đủ điều kiện xuất quỹ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, Kho bạc nhà nước có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin cho cơ quan thi hành án trên địa bàn về số tiền thanh toán, số tài khoản, ngân hàng của người phải thi hành án, thời điểm thanh toán để cơ quan thi hành án thực hiện việc phong tỏa, cưỡng chế khoản tiền thi hành án tại ngân hàng nơi người phải thi hành án mở tài khoản theo quy định tại Điều 81 Luật THADS”.</i> Hiện nay, trong quá trình triển khai thực hiện liên quan đến cưỡng chế thu tiền của cơ quan		

		thi hành án đối với các khoản chi ngân sách nhà nước, Kho bạc nhà nước và cơ quan thi hành án vẫn phối hợp thực hiện theo đề xuất nêu trên. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật THADS và các văn bản hướng dẫn Luật THADS cho phù hợp.		
Điều 222. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội trong thi hành án dân sự (Điều 177) (Giữ nguyên) 1. Cung cấp đúng, đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu về các khoản thu nhập của người phải thi hành án đang được chi trả qua Bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự. 2. Thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời yêu cầu của Chấp hành viên về khấu trừ thu nhập của người phải thi hành án để thi hành án. 3. Thực hiện đầy đủ yêu cầu khác của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật này.				
Điều 223. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong thi hành án dân sự (Điều 178) (Giữ nguyên) 1. Tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người phải thi hành án đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự. 2. Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản, người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án. 3. Thu hồi, sửa đổi, hủy các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đất, giấy tờ đăng ký	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khoản 2, Khoản 3: đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “2. Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản, người được thi hành án nhận tài sản mà đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai để trừ vào số tiền được thi hành án. 3. Thu hồi, sửa đổi, hủy các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, giấy tờ đăng ký giao dịch bảo đảm đã cấp cho người phải thi hành án theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; thực hiện việc cấp các giấy tờ theo quy định của pháp luật”	Tiếp thu, quy định phù hợp	

giao dịch bảo đảm đã cấp cho người phải thi hành án; thực hiện việc cấp mới các giấy tờ theo quy định của pháp luật.				
Điều 224. Trách nhiệm của cơ quan ra bản án, quyết định trong thi hành án (Điều 179) 1. Bảo đảm bản án, quyết định đã tuyên chính xác, rõ ràng, cụ thể, phù hợp với thực tế. 2. Có văn bản <i>sửa chữa, bổ sung bản án quyết định</i>; giải thích những nội dung mà bản án, quyết định tuyên chưa rõ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc của cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. <i>Văn bản trả lời của cơ quan ra bản án, quyết định là một trong những căn cứ để cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án hoặc quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án đã ban hành trước đó theo quy định của Luật này.</i>				
Điều 225. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức được giao theo dõi, quản lý người đang chấp hành án hình sự (điều 180) (Giữ nguyên) Cơ quan, tổ chức được giao theo dõi, quản lý người đang chấp hành án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự về các việc sau đây: 1. Giáo dục người đang chấp hành án hình sự thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ dân sự theo bản án, quyết định của Tòa án; 2. Cung cấp cho cơ quan thi hành án dân sự thông tin liên quan về người phải thi hành nghĩa vụ về dân sự đang chấp hành án hình sự; thực hiện việc thông				

báo giấy tờ về thi hành án dân sự cho người phải thi hành án đang chấp hành án hình sự; 3. Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự thu tiền thi hành án theo quy định của Luật này; 4. Kịp thời thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự về nơi cư trú của người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tù, được đặc xá, được miễn chấp hành hình phạt tù.				
Điều 226. Trách nhiệm của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (điều mới) <i>1. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự đến các hội viên.</i> <i>2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án dân sự trong việc cung cấp thông tin liên quan đến việc thi hành án dân sự.</i>				
Điều 227. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác (điều mới) <i>1. Phối hợp với cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án dân sự trong việc:</i> <i>a) Cung cấp thông tin liên quan đến việc thi hành án theo đề nghị của cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án dân sự;</i> <i>b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự;</i> <i>c) Thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thi hành án dân sự.</i> <i>2. Tổ giác hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự đến cơ quan</i>	Bộ Khoa học và Công nghệ	+ Tại khoản 1, cần nhắc bổ sung cụm từ “Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình” trước cụm từ “phối hợp với cơ quan quản lý, cơ quan thi hành án dân sự trong việc...” để phù hợp với Luật Phổ biến giáo dục pháp luật. + Bổ sung từ “nếu có” vào cuối điểm c khoản 1 như sau: “Thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thi hành án dân sự (nếu có)” để đảm bảo tính hợp lý.	Tiếp thu. Nghiên cứu quy định chi tiết ở Nghị định	

quản lý, cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.					
Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH					
Điều 228. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước (Điều mới) 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: Điều 21. Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây: 1. Ra một trong các quyết định sau đây trái pháp luật: a) Thi hành án; b) Hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án; c) Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; d) Cưỡng chế thi hành án; đ) Hoàn thi hành án; e) Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án; g) Tiếp tục thi hành án; 2. Tổ chức thi hành một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này trái pháp luật. 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau: Điều 39. Cơ quan giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự 1. Cơ quan Thi hành án quân khu và tương đương. 2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự.	Cục thường nước	Bồi Nhà	- Việc sửa đổi Điều 21, Điều 39 Luật TNBTCNN như Dự thảo không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013[1] và Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, theo đó “Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động THADS và cơ quan giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự đã được quy định từ Luật TNBTCNN năm 2009 và được kế thừa trong Luật TNBTCNN năm 2017, việc sửa đổi theo hướng thu hẹp phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động THADS và cơ quan giải quyết bồi thường như Dự thảo đồng nghĩa với việc thu hẹp quyền yêu cầu bồi thường của công dân nói riêng và quyền công dân nói chung so với quy định Luật TNBTCNN hiện hành. - Dự thảo quy định việc sửa đổi Luật TNBTCNN năm 2017 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi)[2]. - Việc sửa đổi nội dung lớn liên quan đến quyền của người bị thiệt hại nói riêng, quyền con người, quyền công dân nói chung nhưng trong hồ sơ xây dựng Luật chưa thể hiện nội	Tiếp thu, quy định phù hợp	

		dung về đánh giá tác động chính sách đối với nội dung này. - Việc sửa đổi như Dự thảo sẽ tạo tiền lệ để các lĩnh vực tổ tụng, quản lý hành chính, thi hành án quân sự sử dụng Luật chuyên ngành để sửa đổi quy định của Luật TNBTCNN theo hướng thu hẹp phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước và cơ quan giải quyết bồi thường, phá vỡ nguyên tắc và quy định của Luật TNBTCNN. Theo đó, phá vỡ nguyên tắc nhất quán khi xây dựng Luật TNBTCNN xác định các trường hợp được Nhà nước bồi thường chỉ được quy định trong Luật TNBTCNN, các luật ban hành sau sẽ thống nhất với quy định của Luật TNBTCNN. Hiện nay Bộ luật Dân sự quy định về việc bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra cũng dẫn chiếu đến Luật TNBTCNN để thực hiện. Việc bồi thường nhà nước được thực hiện thống nhất theo Luật TNBTCNN. - Dự thảo sửa đổi Điều 39 Luật TNBTCNN sẽ hạn chế quyền lựa chọn phương thức giải quyết bồi thường của công dân bị thiệt hại được quy định tại khoản 7 Điều 3, khoản 1, 4 Điều 4 Luật TNBTCNN, theo đó công dân không có quyền yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật bồi thường mà phải khởi kiện Tòa án yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc sửa đổi như Dự thảo dẫn tới không đồng bộ giữa cơ quan THADS và cơ quan THADS trong quân đội nói riêng và không thống nhất với các lĩnh vực khác nói chung, đồng thời phá		

		vỡ sự thống nhất trong quy định về cơ quan giải quyết bồi thường trong Luật TNBTCNN hiện nay.		
		[1] “2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. [2] “3. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong các trường hợp sau đây: a) Để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành; c) Để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt”.		
Điều 229. Thừa phát lại trong thi hành án dân sự (điều mới) <i>1. Các hoạt động của Thừa phát lại trong thi hành án dân sự bao gồm:</i> <i>a) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng dịch vụ với cơ quan thi hành án dân sự;</i> <i>b) Xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của đương sự và cung cấp cho cơ quan thi hành án</i>	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Điểm c Khoản 1 Điều 229 đề nghị sửa: c) Tổ chức thi hành án theo yêu cầu của đương sự đối với các bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở hoặc trong phạm vi địa bàn toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.” Lý do: thừa phát lại có thể tại địa bàn cấp	Nghiên cứu, tiếp thu	

dân sự theo quy định. c) Tổ chức thi hành án theo yêu cầu của đương sự đối với các bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở.		huyện không có, mà chỉ có thành phố mới có trụ sở Văn phòng thừa phát lại.		
2. Khi tổ chức thi hành án, Thừa phát lại thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật này, trừ các trường hợp sau: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ, Trưởng Văn phòng Thừa phát lại căn cứ vào nội dung hợp đồng dịch vụ và thẩm quyền thi hành án quy định tại Điều 35 của Luật này có văn bản đề nghị Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hoặc Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở ra quyết định thi hành án theo thẩm quyền. Văn bản đề nghị phải kèm theo đơn yêu cầu thi hành án theo ủy quyền, bản án, quyết định được thi hành theo quy định của này và các tài liệu có liên quan. (Bổ sung quy định về ra quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự: chủ động; theo yêu cầu của đương sự; theo yêu cầu của Văn phòng Thừa phát lại)	Cục An Giang	Đề nghị cơ quan dự thảo xem xét, bổ sung thời gian cụ thể để Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hoặc Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án theo thẩm quyền sau khi nhận được đề nghị của Trưởng Văn phòng Thừa phát lại và thời gian cụ thể để Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự phê duyệt kế hoạch cưỡng chế của Văn phòng Thừa phát lại.	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng	
b) Trong trường hợp cưỡng chế thi hành án cần huy động lực lượng bảo vệ, Văn phòng Thừa phát lại phải báo cáo, xin ý kiến của Trưởng Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp huyện nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại. Trên cơ sở ý kiến của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự, Văn phòng Thừa phát lại lập kế hoạch cưỡng chế, báo cáo Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, kèm theo hồ sơ thi hành án để Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự xem xét, phê duyệt kế hoạch cưỡng	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung các quy định để đẩy mạnh việc xã hội hóa trong lĩnh vực thừa phát lại trong các vụ việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng	
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Điểm a Khoản 2 Điều 229: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ, Trưởng Văn phòng Thừa phát lại căn cứ vào nội dung hợp đồng dịch vụ và thẩm quyền thi hành án quy định tại Điều 35 của Luật này có văn bản đề nghị Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án đăng ký thường trú và có tài sản tại địa bàn; Còn nếu người phải thi hành án ở huyện này mà tài sản ở huyện khác thì thuộc thẩm quyền của Cục trưởng (bỏ từ Văn	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng	

<i>ché và ra quyết định cưỡng chế thi hành án.</i> <i>c) Việc thi hành án kết thúc trong trường hợp theo quy định tại Điều...Luật này (về kết thúc thi hành án) hoặc theo thỏa thuận giữa Thừa phát lại và đương sự.</i> <i>3. Trình tự, thủ tục tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của cơ quan thi hành án dân sự; xác minh điều kiện thi hành án và tổ chức thi hành án thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về Thừa phát lại.</i>		phòng Thừa phát lại đặt tại trụ sở mà thay thế văn phòng thừa phát lại trong phạm vi toàn tỉnh).		
	Cục Sóc Trăng; Cục Bình Phước	Điểm b Khoản 2 Điều 229: Trong trường hợp cưỡng chế thi hành án cần huy động lực lượng bảo vệ, Văn phòng Thừa phát lại phải báo cáo, xin ý kiến Chi cục trưởng hoặc Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, kèm theo hồ sơ thi hành án để Chi cục trưởng hoặc Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự xem xét, phê duyệt kế hoạch cưỡng chế và ra quyết định cưỡng chế thi hành án. Lý do: Chi cục trưởng hoặc Cục trưởng trước khi phê duyệt kế hoạch cưỡng chế thì trực tiếp báo cáo Ban chỉ đạo Thi hành án về công tác phối hợp với các ngành để hỗ trợ cho thừa phát lại.	Tiếp thu, quy định phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng	
	Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý	Về vấn đề xã hội hóa công tác thi hành án dân sự, đề nghị cân nhắc cụ thể hóa mạnh mẽ vấn đề này trong dự thảo Luật, bởi lẽ, vấn đề xã hội hóa công tác thi hành án dân sự trong dự thảo Luật vẫn còn đang tiếp cận theo mô hình thi hành án dân sự hiện nay, chưa có điểm đột phá, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự của Thừa phát lại, cũng như các quy định để các tổ chức tư nhân, nghề nghiệp tham gia hỗ trợ thi hành án, như xác minh tài sản, quản lý tài sản hoặc hỗ trợ cưỡng chế	Tiếp thu, quy định phù hợp tại dự thảo và văn bản hướng dẫn thi hành Luật	
	Bộ Xây dựng	Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 8 Luật Trọng	Tiếp thu, quy định	

		tài thương mại theo hướng: “Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, <i>quyết định công nhận hòa giải thành</i> của Hội đồng trọng tài là Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” Sửa đổi khoản 4 Điều 50 Luật TTTM theo hướng: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, ngay sau khi bên yêu cầu đã thực hiện biện pháp bảo đảm quy định tại khoản 3 Điều này thì Hội đồng trọng tài xem xét ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, <i>quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền</i>. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu, Hội đồng trọng tài thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho bên yêu cầu biết” Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 61 Luật TTTM về việc phán quyết trọng tài của Hội đồng trọng tài <i>phải được gửi cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền</i>	phù hợp tại dự thảo Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	
Điều 230. Hiệu lực thi hành (Điều 182) <i>Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng ...năm 2026.</i> <i>Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Luật sau đây Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật</i>				

<i>Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022; Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</i>				
Điều 231. Quy định chuyển tiếp và hướng dẫn thi hành (điều 183) <i>1. Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày... tháng 11 năm 2025.</i> <i>2. Đối với các việc thi hành án đã được thi hành xong trước thời điểm Luật này có hiệu lực mà sau khi Luật này có hiệu lực đương sự còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung) để giải quyết.</i> <i>Đối với các việc thi hành án đến thời điểm Luật này có hiệu lực mà chưa được thi hành hoặc chưa thi hành xong thì áp dụng các quy định của Luật này để thi hành; các quyết định, hành vi của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên đã được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung) có giá trị thi hành.</i>	Bộ Tài chính	Tại đoạn thứ 2 khoản 2 Điều 231 dự thảo Luật quy định: “<i>Đối với các việc thi hành án đến thời điểm Luật này có hiệu lực mà chưa được thi hành hoặc chưa thi hành xong thì áp dụng các quy định của Luật này để thi hành</i>”: Đề nghị Bộ Tư pháp cân nhắc quy định này để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên liên quan. Ngoài ra, đề nghị làm rõ quy định tại đoạn thứ 2 khoản 2 Điều 231 dự thảo Luật: “<i>...các quyết định, hành vi của cơ quan THADS, Chấp hành viên đã được thực hiện theo quy định của Luật THADS số 26/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung) có giá trị thi hành</i>”.	Tiếp thu	
Ý KIẾN KHÁC				
TỜ TRÌNH	Cục Bồi thường Nhà nước	Tiêu mục 2.9, mục V Tờ trình chưa nêu về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Điều 228), trong khi dự thảo Luật có sửa đổi nội dung này		

TỜ TRÌNH	Bộ Nội vụ Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật	Ngày 29/10/2024, Chủ tịch Quốc hội có văn bản số 15/CTQH về việc đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật, trong đó, yêu cầu cần quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Tổng Bí thư trong công tác xây dựng pháp luật. Một số nội dung quan trọng tại chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội là: - Xây dựng, ban hành luật, nghị quyết ngắn gọn, quy định những nội dung đúng thẩm quyền của Quốc hội...loại ra khỏi dự thảo luật những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các Bộ và các cơ quan khác. - Cơ bản không quy định trong luật những nội dung về thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ mà giao Chính phủ, các Bộ quy định theo thẩm quyền để linh hoạt, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi cần thiết, tạo thuận lợi cho việc phân cấp phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính Thực hiện chỉ đạo nêu trên, đồng thời, căn cứ quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, đề nghị cân nhắc: - Đề nghị bỏ Chương II dự thảo (Điều 212, 213, 214, 218, 219, 220...); những nội dung này thuộc thẩm quyền Chính phủ quy định - Rà soát kỹ các quy định tại Chương III, Chương IV, loại bỏ những quy định về trình tự, thủ tục có thể giao Chính phủ, Bộ Tư pháp quy định. Ví dụ như Điều 40, 42, 44, 45...dự thảo	Tiếp thu, đã chỉnh lý toàn bộ Dự thảo theo chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước	
TỜ TRÌNH	Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Công	Cần thuyết minh rõ nguồn lực, điều kiện để đảm bảo triển khai thi hành Luật	Tiếp thu	

	thương Bộ Thông tin và Truyền thông			
TỜ TRÌNH	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Giao thông vận tải; Văn phòng Bộ Tư pháp	Đề nghị hiệu chỉnh Tờ trình theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý thuyết minh những nội dung chính, quan trọng được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; nội dung phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính (nếu có). Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ các nội dung cơ bản của dự thảo luật ngay trong Tờ trình hoặc tại phụ lục kèm theo tờ trình	Tiếp thu	
TỜ TRÌNH	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Đối với một số vấn đề xin ý kiến Chính phủ, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung một số Điều trong dự thảo Luật xin ý kiến chọn phương án như: Điều 41 về thời hiệu yêu cầu thi hành án; Điều 72 về việc thi hành án khi có thay đổi giá tài sản tại thời điểm thi hành án;...	Tiếp thu	
TỜ TRÌNH	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Để đảm bảo chính xác số liệu làm minh chứng cho các nhận định tại dự thảo Hồ sơ xây dựng Luật Thi hành án dân sự, đề nghị Quý đơn vị thống nhất mốc số liệu, chẳng hạn như: lấy số liệu từ năm 2008 (<i>khi thời điểm Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực</i>) cho tới nay để làm phong phú dự thảo Tờ trình.	Tiếp thu	
TỜ TRÌNH	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Về cơ sở chính trị, pháp lý tại mục I.1, đề nghị Quý đơn vị bổ sung Quy định số 183-	Tiếp thu	

		QĐ/TW ngày 18/9/2024 của Bộ Chính trị về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Bên cạnh đó, theo yêu cầu của Đề án 06, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật đã rà soát, qua đó, yêu cầu sửa đổi Luật Thi hành án dân sự đối với 08 nội dung^[1] (được nêu tại Phụ lục 2 Báo cáo số 334/BC-TCT ngày 19/10/2023 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật phục vụ triển khai Đề án 06). Do đó, đề nghị Quý đơn vị bổ sung yêu cầu sửa đổi Luật theo Đề án 06 vào phân cơ sở chính trị, pháp lý của dự thảo Tờ trình Chính phủ.		
		[1] Gồm: (i) Bổ sung quy định về việc công nhận văn bản, thông tin, dữ liệu điện tử trong thi hành án dân sự làm cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai các dịch vụ công trên môi trường mạng trong thi hành án dân sự; (ii) Sửa Điều 28 Luật Thi hành án dân sự bổ sung phương thức chuyển giao bản án trên môi trường mạng thông qua tích hợp, đồng bộ dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Tòa án nhân dân tối cao; (iii) Sửa đổi, bổ sung Điều 31 theo hướng đương sự được gửi		

		đơn yêu cầu thi hành án trên môi trường mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong thực hiện quyền yêu cầu thi hành án dân sự; (iv) Bổ sung các quy định về thông báo, tổng đạt văn bản về thi hành án trên môi trường mạng vào Điều 38, 39 Luật Thi hành án dân sự; (v) Bổ sung quy định về việc thu, nộp tiền thi hành án dân sự trên môi trường mạng nhằm hạn chế tiếp xúc, giảm thiểu chi phí rút ngắn thời gian thi hành án và phòng chống tham nhũng; (vi) Bổ sung và thừa nhận thông tin điện tử trong xác minh điều kiện thi hành án tại Điều 44, Điều 44a Luật Thi hành án dân sự theo hướng công nhận giá trị pháp lý của các thông tin được khai thác từ cơ sở dữ liệu hoặc công thông tin điện tử chính thức của các Bộ ngành như: Thông tin về doanh nghiệp, thông tin về thuế, thông tin đăng ký quyền sở hữu tài sản, thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở...; (vii) Bổ sung quy định về gửi đơn khiếu nại, tố cáo và các kiến nghị phản ánh trên môi trường mạng; (viii) Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu điện tử thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Ngoài ra, quá trình xây dựng các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, đặc biệt là thủ tục liên quan trực tiếp đến giải quyết công việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính của người dân và doanh nghiệp, cần tái cấu trúc lại các quy định đảm bảo được yêu cầu về tin học hóa và thực hiện trên môi trường mạng.		

	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau: (i) Chỉnh sửa tên dự thảo Tờ trình từ “<i>Dự thảo Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)</i>” thành “<i>Dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)</i>” để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 59 Luật BHVBQPPL. (ii) Rà soát, chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024).	Tiếp thu	
	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Tại mục I/2 dự thảo Tờ trình (trang 3), đơn vị chủ trì soạn thảo xác định một trong những vấn đề cần tiếp tục được hoàn thiện để phù hợp, đáp ứng tốt hơn yêu cầu trong giai đoạn mới là “<i>cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ quá trình thi hành án dân sự liên quan đến các quyền cơ bản của công dân</i>”. Tuy nhiên, việc dự thảo Luật không quy định quyền khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự đang đi ngược lại định hướng nêu trên.	Tiếp thu	

	Bộ Thông tin và Truyền thông	1. Sự cần thiết ban hành Luật Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2008 đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao hiệu quả công tác THADS. Sau 15 năm triển khai thực hiện, Luật đã phát sinh một số vấn đề mới chưa được điều chỉnh; một số quy định của Luật đã không còn phù hợp với thực tế và bộc lộ hạn chế, bất cập. Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự để tiếp tục thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ giao và để khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai Luật. Để làm rõ hơn sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự, đề nghị cơ quan chủ trì tiếp tục làm rõ một số vấn đề sau: - Về cơ sở chính trị: đề nghị tiếp tục rà soát các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, nêu rõ các nội dung, chủ trương, chính sách có tác động, ảnh hưởng trực tiếp tới nội dung của Luật làm tiền đề cho yêu cầu cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định tại Luật nhằm bảo đảm thể chế hoá đầy đủ nội dung, chính sách của Đảng, Nhà nước. - Về cơ sở pháp lý: Dự thảo có nội dung liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Trọng tài thương mại, Bộ luật Dân sự, Luật Cảnh tranh, Luật Xử lý vi phạm	Tiếp thu	

		hành chính,v.v. Do đó, đề nghị tiếp tục rà soát các quy định tại Hiến pháp 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đặc biệt là các nội dung tại các dự án luật đã và đang được sửa đổi, bổ sung có tác động trực tiếp để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.		
TỜ TRÌNH	Văn phòng Bộ Tư pháp	- Tại quan điểm xây dựng Luật tại mục II.2, đối với mục (1) đề nghị Quý đơn vị chỉnh lý như sau: <i>“Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước liên quan đến xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, kiểm soát quyền lực trong hoạt động thi hành án dân sự và các chủ trương khác liên quan đến tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự”</i> . Bên cạnh đó, đề nghị Quý đơn vị cân nhắc bổ sung quan điểm về việc ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng chuyên đổi số trong công tác thi hành án dân sự.	Tiếp thu	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 1 phần IV dự thảo Tờ trình (trang 6), Ban soạn thảo đã thực hiện “Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật THADS hiện hành và nghiên cứu pháp luật về THADS của một số nước trên thế giới”. Tuy nhiên, hồ sơ dự thảo gửi xin ý kiến không có nội dung này. Vì vậy, việc nghiên cứu góp ý gặp khó khăn, không có cơ sở để lựa chọn một số phương án mà dự án Luật đưa ra (Ví dụ: Điều 93 “Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án”; Điều 177 “Trình tự thủ tục thi hành quyết định tuyên	Tiếp thu	

		bổ phá sản” của dự thảo Luật THADS...)		
	Cục Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp	1. Tại Mục V, điểm 2.2 của Dự thảo Tờ trình về hệ thống tổ chức Thi hành án dân sự (THADS), đề nghị cơ quan chủ trì cân nhắc bổ sung nội dung khái quát về mô hình tổ chức của hệ thống cơ quan THADS theo Dự thảo Luật, đồng thời rà soát thêm để bảo đảm sự thống nhất giữa Tờ trình và Dự thảo Luật về một số nội dung. Ví dụ: - Trong Dự thảo Tờ trình có nêu: “... quy định địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự phù hợp với chủ trương xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả (Đ19)”. Tuy nhiên, tại khoản 3, khoản 4 Điều 219 của Dự thảo Luật vẫn đề cập đến cơ quan THADS cấp huyện khi quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Trong Dự thảo Tờ trình không thuyết minh về việc thành lập Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Tuy nhiên, Dự thảo Luật lại bổ sung quy định mới này (khoản 8 Điều 219 Dự thảo Luật).	Tiếp thu	
	Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và văn bản hướng dẫn thi hành Luật này thì nội dung quy định về chính sách bổ nhiệm, nâng ngạch trong đó quy định về xét nâng ngạch đã được sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên tại Tờ trình chưa thấy đánh giá về vấn đề này, trong	Tiếp thu	

		khi đó, việc xem xét nâng ngạch đối với công chức hệ thống Thi hành án dân sự vừa qua cho thấy đang khó khăn, vướng mắc, bất cập. Đồng thời, hiện nay dự thảo Luật Tương trợ tư pháp dân sự đang được sửa đổi, bổ sung, thay thế, trong đó có quy định liên quan đến vấn đề yêu cầu tương trợ tư pháp dân sự trong thi hành án dân sự (ví dụ: chi phí tương trợ tư pháp, phương thức thực hiện, ...), đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu để chỉnh lý bổ sung thông tin tại Tờ trình đối với các nội dung nêu trên.		
	Bộ Tài chính Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật	. Các quy định tại dự thảo cơ bản phù hợp với các chính sách đã được thông qua. Tuy nhiên, để dễ theo dõi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các chính sách đã được thông qua, liệt kê các Điều luật đang thể chế nội dung cụ thể của từng chính sách đó nhằm đảm bảo dự thảo Luật cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện mục tiêu, phạm vi, giải pháp của các chính sách, tạo thuận lợi cho quá trình theo dõi xây dựng Luật và đảm bảo tính công khai, minh bạch. Trường hợp có nội dung nằm ngoài phạm vi các chính sách đã được thông qua, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có báo cáo đánh giá tác động bổ sung theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. - Về đánh giá tác động chính sách: (i) Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 (Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. Cơ quan, tổ	Tiếp thu	

		<i>chức có trách nhiệm tiến hành đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Đại biểu Quốc hội tự mình hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự án luật, pháp lệnh, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan đề xuất chính sách đó có trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách.”</i> Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung nội dung này trong dự thảo Tờ trình Chính phủ trong trường hợp Bộ Tư pháp đã có đánh giá tác động của chính sách.		
	Bộ Tài chính	Đối với quy định về bảo đảm tài chính để thi hành án theo hướng ngân sách nhà nước sẽ bảo đảm việc thi hành án trong trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động hoàn toàn bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (Điều 81 dự thảo Luật) sửa đổi quy định tại Điều 65 Luật THADS. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Tư pháp chưa báo cáo cơ sở thực tiễn và sự cần thiết phải sửa đổi quy định tại Điều 65 Luật THADS hiện hành và chưa đánh giá tác động tăng chi ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung nội dung này trong dự thảo Tờ trình Chính phủ.	Tiếp thu theo hướng giữ nguyên như quy định hiện hành	
	Bộ Tài chính	Dự thảo Luật THADS bổ sung thêm một số quy định về sử dụng dữ liệu điện tử, cơ sở dữ liệu về THADS nhằm tạo cơ sở pháp lý từng	Tiếp thu	

		bước tăng cường, bảo đảm nguồn lực cho hệ thống (<i>Điều 17, Điều 18 dự thảo Luật</i>), quy định về quản lý công chức, cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện hoạt động của cơ quan THADS tại địa phương theo quy định của pháp luật; tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử THADS (<i>Điều 20, Điều 22</i>). Tuy nhiên, hồ sơ đính kèm chưa có đánh giá về hiện trạng đầu tư trang thiết bị, hệ thống cơ sở dữ liệu (nguồn lực đã đầu tư, trang thiết bị, cơ sở vật chất,...), dự kiến nhu cầu đầu tư để triển khai thực hiện sau khi Luật được thông qua, chi tiết theo từng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác, phân kỳ thực hiện... Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung các thông tin trên để các cơ quan liên quan tham gia góp ý; trường hợp Bộ Tư pháp không làm rõ được các thông tin trên, đề nghị bỏ các quy định này trong dự thảo Luật.		
	Bộ Tài chính	- Tại khoản 8 Điều 30 dự thảo Luật quy định: “<i>Chính phủ quy định cụ thể về chế độ bảo vệ Chấp hành viên</i>”. - Tại Điều 36 dự thảo Luật quy định trang phục, phù hiệu, chế độ đối với công chức làm công tác THADS, cụ thể: “<i>Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư lý thi hành án, công chức, viên chức, người lao động của làm công tác THADS được cấp trang phục, phù hiệu để sử dụng trong khi thi hành công vụ; được hưởng tiền lương, bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp, chế độ phụ cấp phù hợp với nghề nghiệp; được xem xét hưởng</i>	Tiếp thu theo hướng không quy định mới mà nội dung này cơ bản giữ nguyên như quy định hiện hành	

		chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật khi bị tổn hại tính mạng, sức khỏe vì lý do công vụ; được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ”.... Việc đề xuất sửa đổi, chính sách phải phù hợp với Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 25/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Theo hồ sơ đính kèm chưa có đầy đủ các báo cáo đánh giá tác động đối với chế độ, chính sách đối với Chấp hành viên và công chức THADS để các cơ quan liên quan tham gia, góp ý. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp có báo cáo đánh giá tác động đầy đủ quy định về chế độ, chính sách đối với Chấp hành viên và công chức THADS tại dự thảo Luật.		
	Bộ Ngoại giao	Cơ quan soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung đánh giá cụ thể về các điều ước quốc tế có liên quan, kinh nghiệm, thông lệ quốc tế về thi hành án dân sự và thể hiện tại hồ sơ dự án Luật, phù hợp với quan điểm xây dựng Luật tại điểm 2 Mục II dự thảo Tờ trình		
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Tại Mục V: Bố cục và nội dung cơ bản của Dự án Luật, khi giới thiệu từng chương ngoài việc ghi rõ gồm bao nhiêu điều, đề nghị thể hiện rõ hơn chương đó từ điều nào đến điều nào, để người đọc dễ theo dõi. Ví dụ,	Tiếp thu	

		Chương I: Những quy định chung gồm 18 điều (từ Điều 01 đến Điều 18).		
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Trong Dự thảo Tờ trình vẫn còn lỗi câu, chữ. Ví dụ, tại trang 11 có câu “ <i>Sửa đổi, bổ sung quy định về việc chưa điều kiện</i> ” và một số đoạn sử dụng cụm từ “ <i>chưa điều kiện</i> ” (phải là “ <i>chưa có điều kiện</i> ”) là không chính xác, đề nghị rà soát, chỉnh lý.	Tiếp thu	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	- Về cơ sở chính trị, pháp lý ban hành luật (Mục 1 Phần I dự thảo Tờ trình): Đề nghị bổ sung nội dung cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung của Luật Thi hành án dân sự cần sửa đổi như Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2024,...để bảo đảm đầy đủ. - Về hệ thống tổ chức thi hành án dân sự (tiểu mục 2.2, Mục 2 Phần V dự thảo Tờ trình): Nội dung của tiểu mục này nêu về hệ thống thi hành án dân sự nhưng đánh giá lại bổ sung về VKSND là không chính xác, cụ thể là: “<i>Việc sửa đổi, bổ sung điều mới nêu trên thì Chương II của dự thảo Luật THADS (sửa đổi) đã thể chế hóa được nội dung Chính sách 3 về hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hệ thống Cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân,...</i>” (trang 10); do đó, đề nghị bỏ nội dung này trong dự thảo Tờ trình. - Một số nội dung điều luật còn để 02 phương án vì có ý kiến khác nhau như: Về thời hiệu thi hành án (Điều 41), Về xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án (Điều 93),...; do đó, những nội dung này cần	Tiếp thu	

		bổ sung vào dự thảo Tờ trình để bảo đảm đầy đủ.		
Dự thảo	Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật	Thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp⁽¹⁾, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính⁽²⁾, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn⁽³⁾, Công văn số 6670/BTP-VĐCXDPL ngày 19/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật trong kỷ nguyên mới, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Luật, đảm bảo các yêu cầu sau: (1) Luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, tuyệt đối không luật hóa nghị định và thông tư, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không đưa các nội dung tại nghị định và thông tư vào dự thảo Luật, cân nhắc lược bỏ một số các quy định thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ như: quy định về hệ thống tổ chức thi hành án dân sự tại Chương II; nhiệm vụ quyền hạn của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp;... (2) Không quy định những nội dung về thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ; những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, địa phương quy định để bảo đảm tính linh hoạt. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật hiện nay còn quy định tương đối chi tiết, cụ thể các trình tự, thủ tục, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn	Tiếp thu	

		thảo tiếp tục rà soát giao Chính phủ quy định chi tiết, không quy định cụ thể thủ tục hành chính, trình tự thực hiện như dự thảo hiện nay. (3) Tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, không để lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp		
		(^[1]) Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp. (^[2]) Văn bản số 868/TTg-TKBT ngày 25/10/2024 về việc đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. (^[3]) Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 về việc đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật.		
	Cục Hòa Bình	Đề nghị khôi phục quy định trả đơn yêu cầu thi hành án Lý do: <u>Thứ nhất:</u> Khi trả đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án trở lại do đó không làm mất đi quyền lợi của họ. <u>Thứ hai:</u> Giảm tải việc cơ quan THADS phải theo dõi loại án chưa có điều kiện này	Tiếp thu	
	Cục Kiểm tra văn bản quy	đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thông tin về tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ	Tiếp thu	

		trong khi Dự thảo Luật THADS (sửa đổi) (gọi chung là Dự thảo) có sửa đổi, bổ sung nội dung này.		
<i>Dự thảo</i>	Vụ pháp luật Quốc tế	hiện nay, Luật Trọng tài thương mại, Luật Tương trợ tư pháp về dân sự cũng đang trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung, do đó, đề nghị Quý Tổng cục lưu ý thêm, đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung của dự thảo Luật.	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Bộ Giao thông vận tải	Một số điều khoản dự thảo đưa ra nhiều phương án, đề nghị làm rõ lý do, phân tích và đề xuất phương án lựa chọn cụ thể	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị rà soát, thể chế hóa các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ban hành theo Quy định số 132	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Bộ Công an	Đề nghị bổ sung một Điều quy định quản lý nhà nước về thi hành án dân sự; trong đó, xác định cụ thể nội dung quản lý nhà nước về thi hành án dân sự và trách nhiệm của Chính phủ và các cơ quan trong quản lý nhà nước về thi hành án dân sự.	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Bộ Công an	Đề nghị rà soát các nội dung dự thảo Luật để chỉnh lý theo hướng Luật chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc; theo đó, các nội dung cụ thể cần giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính ổn định của Luật và tính linh hoạt của các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Bộ Công	a) Một số nhóm quy định hoặc nội dung quy		Bộ Tư

	thương	định mới tại Dự thảo Luật chưa có nội dung đánh giá tác động tại Báo cáo đánh giá tác động, điển hình: + Dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung về chấp hành viên (từ Điều 22 đến Điều 31) về tiêu chuẩn, điều kiện; đồng thời cũng bổ sung thêm nhiều quy định mới về chấp hành viên (Luật cũ có 03 Điều, Dự án Luật hiện nay là 10 Điều), điển hình như quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chấp hành viên; bảo vệ chấp hành viên; thông tin về chấp hành viên vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, nội dung này chưa được đề cập và có đánh giá cụ thể tại Báo cáo đánh giá tác động kèm theo Hồ sơ dự án Luật. + Quy định về các địa bàn cấp huyện không thành lập cơ quan thi hành án dân sự (khoản 3 Điều 19); Xem xét, thẩm định tại chỗ (Điều 57); Ghi nhận và thực hiện thỏa thuận thi hành án (Điều 47); thông báo bằng phương tiện điện tử (Điều 54); Chi phí tổ chức thi hành án (Điều 74); Tạm ứng chi phí cưỡng chế (Điều 76); Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 86); Ngưng sử dụng hóa đơn (Điều 87); Yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận (Điều 88); Bán chứng khoán (Điều 102); Cưỡng chế kiểm tra hiện trạng tài sản (Điều 107); Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định (Điều 146); Thi hành án trong trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài (Điều 152) đây được xem là các nội dung mới, thay	pháp đã lập đề nghị xây dựng Luật, trong đó có đề xuất các chính sách và đánh giá tác động chính sách. Các quy định của Dự thảo đang thể chế hóa các chính sách đã được thông qua và các Nghị quyết, Quy định của Đảng

		đổi cơ bản so với quy định pháp luật hiện hành và có những tác động nhất định đến cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, có báo cáo đánh giá tác động đối với các nội dung này.		
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Về thời gian thi hành án Hiện nay, Luật THADS và các văn bản liên quan đã quy định đầy đủ trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện các bước thi hành án. Tuy nhiên, thời gian thi hành 01 Bản án thường bị kéo dài, chưa bảo đảm thời hạn quy định. Để đẩy nhanh vụ việc thi hành án, đề nghị bổ sung quy định cụ thể: - Trình tự, thủ tục và trách nhiệm của CQTHA và cơ quan có thẩm quyền; cơ chế giám sát, theo dõi trong việc xây dựng kế hoạch, lập phương án bảo vệ cưỡng chế và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kế hoạch cưỡng chế thi hành án của Chấp hành viên. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không đồng ý với kế hoạch cưỡng chế thi hành án của Chấp hành viên thì phải có lý do chính đáng và trả lời bằng văn bản cho CQTHA. - Thời hạn thực hiện của hai giai đoạn trong quá trình thi hành án: 1) Giai đoạn từ lúc Kiểm tra hiện trạng tài sản đến thời điểm ra Quyết định Cưỡng chế kê biên; và 2) Thời hạn Cưỡng chế giao tài sản từ thời điểm Người trúng đấu giá hoàn thành việc nộp đủ tiền trúng đấu giá.	Tiếp thu, nghiên cứu đưa vào văn bản quy định chi tiết	

<i>Dự thảo</i>	Bộ Công thương Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	b) Nhận thấy Dự thảo Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) có nội dung liên quan hoặc đan xen với các Bộ luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Cán bộ công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Phá sản, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, điển hình: một số quy định cụ thể liên quan trực tiếp đến Luật Cán bộ, công chức (như quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của chấp hành viên, những việc chấp hành viên không được làm, việc miễn nhiệm chấp hành viên; Bảo vệ chấp hành viên); Bộ luật Tố tụng hình sự (thông tin về chấp hành viên vi phạm pháp luật); Luật Phòng chống tham nhũng (nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quân khu); Luật Phá sản, Luật Chứng khoán..vv. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ và tính khả thi của Dự thảo Luật, Bộ Công Thương đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát tổng thể Bộ luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan và bổ sung thêm “ <i>Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo</i> ” theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu	
<i>Dự thảo</i>	Bộ Công thương	d) Hiện nay, Việt Nam đã tham gia đàm phán Hiệp định Trụ cột IV về Kinh tế công bằng thuộc Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương vì Sự thịnh vượng (IPEF).	Tiếp thu, nghiên cứu	

		Bộ Công Thương đang chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan tiến hành rà soát pháp luật đối với các nội dung được quy định tại Hiệp định này để phục vụ cho việc tiến hành các thủ tục trình Chính phủ xin ký Hiệp định. Trong quá trình rà soát pháp luật, Bộ Tư pháp có một số rà soát về việc một số nội dung của Hiệp định Trụ cột IV đang chưa hoàn toàn phù hợp với Luật thi hành án dân sự hiện hành, Bộ Công Thương xin tổng hợp tại Phụ lục gửi kèm theo để Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu.		
<i>Dự thảo</i>	Bộ Công thương	c) Một số quy định đang dự thảo theo phương án (Điều 41. Thời hiệu yêu cầu thi hành án; Điều 93. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung tại Tờ trình giải trình cơ sở, lý do dự thảo theo phương án 1, phương án 2 và quan điểm của cơ quan chủ trì soạn thảo.	Tiếp thu	
	Bộ Tài chính	Dự thảo Luật có nhiều quy định giao Chính phủ quy định chi tiết (tại các Điều 23, 26, 30,...126, 156) nhưng chưa chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết kèm theo hồ sơ gửi lấy ý kiến. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng các dự thảo văn bản quy định chi tiết, rà soát hồ sơ dự thảo Luật THADS bảo đảm thực hiện theo đúng quy định về chuẩn bị hồ sơ, dự thảo luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đang xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và sẽ bổ sung trong hồ sơ trình Quốc hội theo quy định tại Điều 64 Luật Ban hành văn bản QPPL	

	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị sửa đổi cụm từ “văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất” thành cụm từ “Tổ chức đăng ký đất đai hoặc chi nhánh của tổ chức đăng ký đất đai”	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Bộ Ngoại giao Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý Vụ Pháp luật hình sự-hành chính	Thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, các cơ quan đang tiến hành tổng kết để điều chỉnh, sắp xếp lại bộ máy và có thể sẽ có điều chỉnh về tên gọi hoặc vị trí các cơ quan trong Chính phủ. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý để đảm bảo quy định trong dự thảo Luật tương thích với tổ chức bộ máy mới của Chính phủ	Tiếp thu	
	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 thì Hội đồng trọng tài lao động có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân và tranh chấp lao động tập thể; Ban trọng tài lao động có quyền ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp lao động (Điều 193, Điều 197). Để nâng cao tính pháp lý, hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp lao động thông qua Hội đồng trọng tài lao động, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị nghiên cứu, rà soát, bổ sung trong dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) nội dung về việc thi hành án đối với quyết định của Ban trọng tài lao động theo quy định của Bộ luật Lao động 2019.		Nội dung này là một đề xuất hoàn toàn mới nên cần có thời gian để nghiên cứu, đánh giá trước khi đưa vào Luật
	Cục Đăng ký	1. Theo quy định tại Điều 301 Bộ luật Dân		Cơ quan

	quốc gia giao dịch bảo đảm	sự năm 2015, “Người đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này. Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Theo đó, bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu người giữ tài sản bảo đảm giao tài sản để thực hiện việc xử lý, bao gồm yêu cầu giao thông qua thủ tục thi hành án dân sự trong trường hợp tự mình yêu cầu nhưng người giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản và bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án quyết định về nội dung liên quan. Tuy nhiên, dự thảo Luật hiện mới chỉ ghi nhận cơ chế thực hiện cưỡng chế giao đối với một số trường hợp cụ thể (Ví dụ: Cưỡng chế giao nhà (Điều 142), cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất (Điều 144)...) mà chưa đảm bảo bao quát được đa dạng về dạng thức tài sản có thể phát sinh trên thực tế. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về thi hành án trong trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án quyết định về việc người đang giữ tài sản bảo đảm phải giao tài sản bảo đảm để bên nhận bảo đảm thực hiện việc xử lý thì Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế, buộc người đang giữ tài sản phải giao tài sản cho người được thi hành án đề người	THADS thi hành theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa

		này xử lý.		
	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện quy định về quy trình, thủ tục nộp, hoàn trả tạm ứng án phí, cải cách, cắt giảm bớt những thủ tục không thực sự cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động thi hành án dân sự trong thời đại kỹ nguyên số để hiệu quả hơn, cần áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt, cụ thể: - Thứ nhất, khi đương sự nộp tiền tạm ứng án phí nên thực hiện bằng giao dịch chuyển khoản, khi đã nộp xong thì hệ thống sẽ tự động thông báo về cho Toà án. Hiện nay đương sự vẫn nộp tiền mặt trực tiếp cho cơ quan thi hành án và nhận biên lai thu tiền rồi đem quay lại toà án nộp, điều này làm tốn nhiều công sức, thời gian của đương sự. - Thứ hai, khi đương sự nhận hoàn tiền tạm ứng án phí thì cơ quan thi hành án chuyển khoản cho đương sự theo số tài khoản đã nộp hoặc thông báo, gọi điện nhắn tin, gửi email... cho đương sự đến nhận tiền tạm ứng án phí trực tiếp.	Tiếp thu, đưa vào văn bản quy định chi tiết	
	Hội Luật gia Việt Nam	việc tách thừa “tương ứng nghĩa vụ...” để kê biên đảm bảo việc thi hành bản án, quyết định của tòa án là không thể thực hiện được, dẫn đến các vụ việc thi hành án vướng quy định trên sẽ không thể thực hiện. Do đó, dự thảo Luật cần tháo gỡ việc tách thừa để thi hành án theo tính chất đặc thù riêng nhằm đảm bảo việc thi hành các bản án, quyết định của tòa án được nghiêm minh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp	Tiếp thu, nghiên cứu xây dựng văn bản quy định chi tiết	

		luật bảo vệ.		
	Cổng TTĐT Chính phủ	Đề nghị Luật THADS quy định rõ các trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án, có văn bản hướng dẫn cụ thể về tình tiết và dấu hiệu để truy cứu, thực tế cơ quan Công an đều thoái thác trả lời không đủ dấu hiệu, mặc dù người phải thi hành án luôn tìm cách chống đối việc thi hành án và đã xử phạt vi phạm hành chính. Cần quy định để đảm bảo tính răn đe mới có hiệu quả thi hành án tốt	Tiếp thu, nghiên cứu xây dựng văn bản quy định chi tiết	
	Cục Kiên Giang	Ngoài ra đề nghị Ban soạn thảo dự án Luật nghiên cứu, bổ sung vào Luật về cưỡng chế tài sản là vật nuôi. Vì trong thực tế đã có tình trạng người phải thi hành án không có tài sản nào khác để thi hành án ngoài vật nuôi như: gà, heo, bò... với số lượng rất lớn. Nhưng chưa có quy trình cụ thể để chấp hành viên kê biên xử lý.		
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tại dự thảo Luật sử dụng cụm từ “ <i>ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác</i> ” (khoản 3 Điều 35), “ <i>ngân hàng, tổ chức tín dụng khác</i> ” (điểm b khoản 5 Điều 55, Điều 221), “ <i>tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> ” (khoản 3 Điều 89), “ <i>tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> ” (khoản 2 Điều 95).... Đề nghị Ban soạn thảo rà soát để sử dụng cho thống nhất và phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	Tiếp thu	

		ngoài).		
<i>Trình tự, kỹ thuật soạn thảo văn bản</i>	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp; Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Đề nghị rà soát toàn bộ Dự thảo Luật theo quy định tại Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước	Tiếp thu	
	Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật	Về hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng dự án Luật - Bổ sung hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đối với các thành phần hồ sơ đề nghị thực hiện theo đúng mẫu đã được quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP). Riêng đối với bản đánh giá thủ tục hành chính, đề nghị xây dựng theo mẫu đã được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. - Về tiến độ, thời gian thực hiện: Theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, dự án Luật trình Chính phủ trong tháng 02/2025,		

		trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tháng 3/2025 để trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 và thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khẩn trương đôn đốc, tổng hợp đầy đủ ý kiến góp ý, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi gửi Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thực hiện thủ tục thẩm định.		
	Cục QLXLVPHC &TDTHPL	Ngày 30/8/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 135/NQ-CP về phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8/2023 (Nghị quyết số 135/NQ-CP), trong đó có nội dung: “ <i>Hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ xem xét, quyết định phải tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục, thể thức, thời hạn trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... <u>Hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải có tài liệu thuyết minh kỹ, rõ về các nội dung, quy định được kế thừa từ pháp luật hiện hành; các quy định không còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và thực tiễn triển khai thi hành, từ đó đề xuất bãi bỏ hoặc bổ sung sửa đổi những nội dung mới cần ban hành quy phạm pháp luật.</u> Nội dung thuyết minh cần phân tích kỹ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc kế thừa, sửa đổi, bổ sung từng quy định cụ thể trong dự thảo luật, văn bản quy phạm pháp luật khác. <u>Phải làm rõ các nội</u></i>		

		<u>dùng sửa đổi, bổ sung so với pháp luật hiện hành và lý do sửa đổi, bổ sung; làm rõ các thủ tục hành chính sẽ được cắt giảm, bổ sung mới so với pháp luật hiện hành và nêu rõ lý do”.</u> Do đó, ngoài các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật BHVBQPPL) và nghiên cứu nội dung của Nghị quyết số 135/NQ-CP, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo yêu cầu của Chính phủ. Ngoài ra, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc việc xây dựng Luật có tính khái quát hơn, tránh trường hợp phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần.		